



Heinrich Böll

NGƯỜI
Ở ĐÂU VỀ



Bookaholic
CLUB



NHÀ VĂN HEINRICH BÖLL
NOBEL 1972

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

GIỚI THIỆU

NHÀ VĂN HEINRICH BÖLL

NOBEL 1972

HEINRICH BÖLL là nhà văn Tây Đức được trao tặng giải thưởng Nobel về văn chương năm 1972. Ông sinh năm 1917 tại vùng Côlônơ trong một gia đình lao động, cha làm thợ chạm và đóng tủ. Bị gọi nhập ngũ dưới thời Quốc xã, ông chiến đấu ở mặt trận miền Đông trong Thế chiến II với cấp bậc hạ sĩ và bị thương bốn lần. Sau 1945 ông về nối lại nghiệp nhà, nhưng rồi chuyển sang việc viết truyện. Tính đến nay ông đã có bốn mươi cuốn sách xuất bản, vừa tuyển tập truyện ngắn vừa tiểu thuyết.

Theo đúng truyền thống của Giáo hội La Mã (Thư của Phao Lô gửi người La Mã – Roma: I3: I-2) là tôn trọng thế quyền vì đó là sự sắp đặt của Chúa và ai chống sẽ bị đọa đày, tác giả ngoan ngoãn gia nhập guồng máy chiến tranh khi vừa hai mươi tuổi. Bộ mặt ghê tởm của chế độ độc tài cuồng tín Hitler nhúm cả thế hệ thanh niên vào lò lửa để thỏa mãn tham vọng đế quốc, và sát hại trên sáu triệu người Do Thái vô tội, là một vết ô nhục lớn của nước Đức. Kinh nghiệm chiến tranh cũng như việc sống gần gũi với đám dân đen nạn nhân đã khiến cho tác giả mở mắt ra và xét lại lập trường của mình. Không thể chấp nhận lời phán dạy phản động của Phao Lô, ông trở thành một nhà trí thức Thiên chúa giáo tả phái trời bật để đứng về phía những người nghèo khó, bị áp bức; ông từ chối đóng thuế cưỡng bách cho Giáo hội và thách thức cha chánh địa phận Côlônơ trục xuất ông khỏi hàng ngũ con chiên.

Văn nghiệp qua trên một phần tư thế kỉ của ông là một lời xưng tội thống thiết của nước Đức. Dù muốn dù không, dân Đức không thể trút hết tội lên một mình Hitler hay đám bộ hạ cuồng tín của hắn. Chính đa số những thanh niên quá ngoan ngoãn, quá kỉ luật như HEINRICH BÖLL năm 1938, đã thi hành những gì con người điên cuồng kia sai bảo, mà không một lời tự vấn lương tâm. HEINRICH BÖLL trở thành lương tâm của cả nước Đức.

Qua hai lần gây chiến với cả Châu Âu và hai lần bại trận nhục nhã, dân Đức như vừa trải qua một cơn ác mộng kinh hoàng. Đa số tìm cách đổ vấy trách nhiệm lên đầu một cá nhân hay một tập thể nhỏ, để lương tâm yên ổn mà sống, mà hùng hục sản xuất tạo ra một “phép lạ kinh tế” thời hậu chiến.

Nhưng những nhà nghệ sĩ không thể làm ngơ và chạy trốn trước một kinh nghiệm đau thương như thế. Tiếng nói trung thực của dân tộc Đức tìm thấy những đại diện chân chính qua ác nhà văn lớn như ERICH MARIA REMARQUE (Erich Maria Ròmác) với các tác phẩm: “Mặt trận miền tây vẫn yên tĩnh”, “Một thời để yêu, một thời để chết”, “Ba người bạn”, “Bừng tia sáng”; như HERMANN HESSE (Hécman Hésơ) với các tác phẩm: “Đường về nội tâm”, “Câu chuyện của dòng sông”, “Tuồng ảo ảnh”; như GUNTER GRASS (Guntơ Grásơ), với các tác phẩm như: “Chiến thùng thiếc” và “Những năm chó má”.

HEINRICH BÖLL là một khuôn mặt lớn nằm trong trào lưu đó. Tiểu thuyết của ông chịu ảnh hưởng kỹ thuật của nhà văn Ái Nhĩ Lan JAMES JOYCE (Giêm Gioisơ) với môi nhân vật là một chủ chỉ đạo đức gọi lên trong đồng loại sự cam kết và tình bác ái trước thử thách lớn lao. Trong các nhà văn xã hội của Đức ông có uy thế hơn cả, các tác phẩm chính của ông là:

- 1950: NGƯỜI Ở ĐÂU VỀ (Wo warst du, Adam) mô tả sự giác ngộ của một kiến trúc sư về bản chất của Quốc xã, nhất là nguồn máy chiến tranh của nó, qua mối tình với một thiếu phụ Hung Gia Lợi gốc Do Thái.

- 1954: TỪ ĐỘ XA NGƯỜI (Haus ohne Huter) mô tả những gia đình thiếu bóng người chồng, người cha sau chiến tranh. Được giải truyện ngoại quốc hay nhất của Pháp năm 1955.

- 1959: BIDA LÚC CHÍN RƯỜI (Billiard um, halb zehn) mô tả một gia đình theo thể ký sự trong đó ông tổ xây một nhà thờ nổi tiếng, để rồi đưa con là một đặc công khi chiến tranh gần kết liễu lại cho nổ tung vì bức bối sao Giáo hội lại khoan dung với bọn Quốc xã, và nhiều người lo bảo vệ một thắng tích hơn là săn sóc cho các nạn nhân chiến tranh.

Kinh nghiệm của VIỆT NAM, sau ba mươi năm làm bãi chiến trường cho các đế quốc đã có biết bao thế hệ thanh niên bị biến thành kiếp thiêu thân, chắc chắn sẽ là một đề tài lớn trong những ngày hoà bình sắp tới. Tác phẩm của HEINRICH BÖLL là sự phản tỉnh của một dân tộc thời hậu chiến có nhiều vấn đề, nhiều trình tự tương ứng với hoàn cảnh nước ta ngày nay.

I

TRƯỚC hết, đó là một khuôn mặt lớn, vàng vọt và bi đát, lướt qua trước mặt họ. Đó là bộ mặt của ông tướng. Ông tướng có vẻ mệt nhọc. Ông ta vội vàng mang ra trước mặt một ngàn người này cái đầu ông với quần mắt thâm, tròng mắt vàng vì sốt rét, cái miệng nhẽo, cặp môi mỏng của những người đang hồi đen đui. Khởi đầu từ góc tay phải của đám quân tập hợp đầy bụi bặm, ông ta lần lượt nhìn họ từng người, thẳng vào mắt họ, một cách buồn rầu; ông ta đôi hướng uể oải, không có vẻ gì hăng hái, và tất cả bọn họ đều ngằm chú ý tới một điểm: trên ngực ông thì đủ cả các huy chương, chẳng thiếu chiếc nào, lấp lánh ánh vàng, ánh bạc, nhưng nơi cổ ông không đeo gì cả, không có huy chương gì cả. Và tuy rằng họ đã biết là một tấm bội tinh ở nơi cổ một ông tướng chẳng có quan trọng mấy nổi, họ cũng thấy hơi khó chịu là ông ta không có. Cái cổ nhà tướng vàng vọt và thiếu huy chương ấy làm họ liên tưởng tới những trận đánh thua, những cuộc rút lui không nổi, những lời nói nặng nề và chua chát mà các sĩ quan cao cấp trao đổi với nhau, những cuộc điện đàm bóng gió, những vụ thay đổi chỉ huy. Cái cổ ấy khiến họ liên tưởng tới một ông già mắt nhìn mệt mỏi và tuyệt vọng, lúc chiều tối, cởi áo khoác ra, ngồi ghé xuống giường với đôi cẳng gầy guộc và thân hình kiệt quệ vì cơn sốt, để uống một chút rượu mạnh. Bọn họ gồm có ba nghìn ba trăm ba mươi ba người để họ tới thanh tra; họ cũng có một cảm giác kì quặc lẫn lộn buồn, thương, lo, giận: giận khi nghĩ đến cuộc chiến tranh này đã kéo dài quá lâu, quá lâu đến nỗi cái cổ một ông tướng mà dám để trần không đeo huy chương thường lệ.

Ông tướng giơ tay lên chào chạm cái mũ bạc màu, nhưng tay cũng khá cứng cáp. Đến góc trái của đám quân tập hợp, ông ta hướng một cách mạnh mẽ hơn, tới giữa cạnh trống của hàng quân ông dừng lại, và đám sĩ quan đông đảo xúm lại quanh ông ta, thành hàng thưa nhưng đều đặn: nom ông thật là tội nghiệp vì cái cổ không bội tinh, trong khi có những người khác, cấp bậc kém ông, mà bội tinh lấp lánh dưới ánh mặt trời.

Thoạt đầu, ông tướng ra vẻ như muốn nói gì, nhưng rồi lại chỉ đột ngột đưa tay lên chạm mũ, và đồng thời quay ngoắt lại, bất ngờ đến nỗi đám sĩ quan sau ông phải hoảng hốt tách ra để lấy lối cho ông đi. Tất cả bọn họ thấy con người mảnh khảnh ấy lên xe, các sĩ quan giơ tay chào một lần nữa, và một đám bụi trắng xóa tung bay cho họ biết là ông tướng đi xe về hướng tây, về phía mặt trời đã lặn xuống khá thấp, gần sát tới các mái nhà trắng phẳng.

Ông tướng đi về một nơi không có mặt trận.

Thế rồi, cứ từng đoàn ba trăm ba mươi ba người một, xếp hàng ba, họ đi về phía kia của thành phố, về phía nam, qua các quán cà phê cửa hàng vừa đom đàng, vừa lem luốc, qua các rạp chiếu bóng, các nhà thờ, qua các khu đông đúc, ở đó gà chó nằm ườn trên ngưỡng cửa, ở đó có những người đàn bà vừa đẹp, vừa bản, đứng tì khuỷu tay nơi cửa sổ phô bày bộ ngực trắng bong, và ở đó từ những quán cơm nhỏ, dờ dáy, đưa ra tiếng hát đều đều của những chàng say, nghe khó chịu lạ. Có những chuyến xe điện chạy nhanh như gió, kêu điếc con ráy. Sau hết họ tới một khu yên tĩnh với những ngôi biệt thự có vườn xanh rờn lá bao quanh; có những chiếc xe nhà binh đỗ trước cổng đá xây. Họ vượt qua một chiếc cổng đổ và họ xếp hàng thành từng đội hình vuông ba cạnh nhỏ hơn mỗi cạnh một trăm mười một người, trong một khu vườn được giữ gìn rất cẩn thận.

Họ xếp đặt quân trang ở cuối khu vườn, chụm súng, và khi họ đã đứng nghiêm người rã rời, bụng đói, miệng khát, giận dữ và chán nản vì cuộc chiến tranh thô tả này khi họ đã đứng nghiêm rồi, thì một bộ mặt nhỏ nhắn và tuấn tú đi qua trước mắt họ: đó là gương mặt của ông đại tá, một người trắng xanh, mắt nghiêm, môi mím và mũi dài. Tất nhiên là cái cổ dưới khuôn mặt ấy có đeo một chiếc bội tinh, nhưng chiếc bội tinh ấy cũng không làm cho họ vui lòng. Ông đại tá ngoắt theo góc thẳng, bước đi vững vàng và từ tốn, không bỏ sót một cặp mắt đội viên nào. Đến lúc để chấm dứt ông ta đổi hướng đến cạnh trông và thấy trước mặt ông một hàng sĩ quan, thì họ đều biết là ông ta sẽ nói vài lời, và họ đều tự nhủ là họ đang thèm uống một chút gì, thèm ăn, thèm uống hoặc thèm ngủ, hoặc thèm một liều thuốc. Bằng một giọng nói to và rõ ràng ông ta nói:

- Các chiến hữu, tôi xin chào các chiến hữu. Tôi cũng không có nhiều điều phải nói, trừ có điều là chúng ta phải đánh đuổi lũ rợ, xua chúng về rừng. Các chiến hữu hiểu chưa?

Tiếng nói ngừng lại một lát, quăng nghỉ thật nặng nề, gần như chết người. Họ đều thấy rằng mặt trời đã đỏ hết, một màu đỏ sậm, và cái ánh thể lương ấy thu cả vào chiếc bội tinh lủng lẳng ở cổ ông đại tá, nó rút lại còn có ánh lấp lánh của bốn cánh. Và chính lúc đó họ mới nhận thấy chiếc có trang trí lá sồi, mà họ gọi là “hoa lá cành”. Ra ông đại tá có “hoa lá cành” ở cổ. Ông ta gằn giọng:

- Các anh đã hiểu chưa?

Vài người lính đáp bằng một giọng ồ ồ, uể oải thiếu cảm tình.

- Dạ hiểu, thưa đại tá.

Tiếng đại tá lại nói, nhưng nó the thé như thể vút lên trời, như một con chim sơn xa nổi giận tìm môi, muốn bay lên hái lấy một vì sao.

- Tôi hỏi các anh có hiểu không?

Một vài người khác trả lời:

- Dạ hiểu, thưa đại tá.

Nhưng họ không có nhiều, và những người lên tiếng trả lời ấy nhọc mệt, khản cổ và thờ ơ, mà giọng nói của ông đại tá này không có cái gì có thể làm họ đỡ khát, đỡ đói và đỡ thèm thuốc lá.

Giận dữ, ông đại tá lấy roi chỉ huy quất vào không khí: họ thoáng nghe có tiếng: “thật là lũ ngợm”, rồi ông đại tá bỏ đi, với bước đi nhanh nhẹn và bực bội, theo sau là viên sĩ quan tùy tùng, một trung úy trẻ, cao mà gầy, cao quá và trẻ quá khiến họ không khỏi mỉm lòng.

Vùng dương vẫn ở đó, ngay trên các nóc nhà, giống như một quả cầu sắt đỏ rực lăn trên các mái bằng nhọt nhọt; nền trời bốc cháy đã ngả sang một màu xám hơi nhạt và hàng cây buông thông đám lá còm cõi. Họ tiếp tục đi, bây giờ thẳng về phía tây, qua các khu ngoại ô, qua các ngôi nhà nhỏ, trên các mặt vỉa hè rộng, qua các sạp trè chai gần một khu nhà bản, giống như những trại lính và hoàn toàn kệt cỡ so với cảnh chung quanh, gần những kho đồ phế thải, lan qua những mảnh vườn dưa chín ửng, và có những trái cà chua chín nâu lắt lẻo nên những thân cây bụi bặm, những thân cây cao một cách kì dị, cũng kì dị như ruộng ngô đầy bắp lớn, ở đó một đàn chim đen sì đến mổ ăn; đàn chim lười lĩnh bay đi khi đoàn người nhọc mệt bước lần tới, bay thành đám, lượn lờ một lát rồi lại đậu xuống mỏ ngô.

Bây giờ, họ chỉ còn có một trăm lẻ năm người, một trung đội nhọc mệt, đầy bụi bặm, chân phỏng, mặt vã mồ hôi, với một viên trung úy dẫn đầu, một trung úy mang nổi chán chường ghi trên mặt. Ngay khi viên trung úy này nhận chức chỉ huy, họ đã biết rằng ông ta thuộc loại nào rồi. Ông ta chỉ nhìn họ một lượt, thế là đủ. Mặc dù đói, mặc dù khát, nhất là khát, họ cũng đọc thấy trong ánh mắt ông ta ý nghĩ này: “Thối! Thối thật! Nhưng chúng ta không thể làm sao được”. Và với một vẻ thờ ơ rõ rệt, bất chấp mọi cách chỉ huy thông thường, ông ta nói: “Đi!”.

Thế rồi họ dừng lại ở gần một ngôi trường học bản thiểu, chung quanh có cây mọc mà lá úa quá nửa rồi. Có những vũng nước đen, hôi thối trên đó

ruồi nặng vo ve bu kín; các vũng nước hình như nằm lẳng đờ hàng bao tháng rồi, giữa một via hè hư nát và cầu tiêu vẽ phấn lẳng nhằng, từ đó bốc lên một mùi khai khùng khiếp.

- Đứng lại!

Viên trung úy nói vậy, rồi đi vào trong một tòa nhà với dáng đi uể oải mà tao nhã của một người tràn đầy chán nản.

Người ta không bắt họ xếp thành đội hình vuông nữa, và viên đại úy thị sát họ cũng không thềm cất tay lên mũ để chào nữa. Ông ta cũng không đeo dây lưng, ông đang nhăm nhăm một cọng rom, và bộ mặt to béo của ông cũng có vẻ hiền lành. Ông ta chỉ gật đầu, “hừ” một tiếng, tự giới thiệu, rồi nói: “Thưa các bạn, chúng ta không còn thì giờ nữa. Tôi sẽ phái thượng sĩ đến đây, anh ta sẽ phân phối các bạn vào các đại đội”. Nhưng gương mặt lạnh mạnh của ông đại úy đã không làm cho họ quên không chú ý tới các chiến xa nằm kia, đã trang bị sẵn sàng, tới các quân cụ để xung phong sẵn sàng trên các thành cửa sổ đầy bùn đất: những gói xanh xanh, gọn ghẽ, với dây lưng, với đủ các thứ cần dùng như túi dết, bao đạn, xẻng đào đất và mặt nạ phòng hơi độc.

Khi họ tiếp tục hành quân, chỉ còn có hai mươi tư người; họ lại băng qua ruộng ngô, đến dãy nhà rẽ tiền, xéo qua về hướng đông và tới một đám nhà xây trong khu rừng thưa, giống như một cư xá nghệ sĩ: những căn nhà vuông vắn, một tầng, có mái bằng và cửa sổ lớn lắp kính.

Có những chiếc ghê mây ở trong vườn, và khi họ dừng bước và quay lại, họ thấy rằng mặt trời đã khuất sau các căn nhà. Ánh đỏ vô biên tràn khắp vòm trời với một màu đỏ tươi quá, khiến người ta phải nghĩ tới màu máu loang lổ, đằng sau họ, về phía đông, đã là bóng âm của hoàng hôn.

Trước mặt các ngôi nhà nhỏ, binh lính ngồi bệt xuống đất trong bóng tối, các chòm súng dựng lên khắp nơi, có chừng một tá. Họ nhận thấy mọi người đã khóa dây nịt đạn, mũ sắt của họ, ngoắc vào các cây súng trường, phản chiếu ánh đỏ nhạt.

Viên trung úy, từ trong một ngôi nhà đó đi ra, cũng không buồn kiểm điểm họ nữa. Ông ta dừng lại ngay trước bọn họ, ngay chỗ giữa. Họ thấy rằng ông ta chỉ có mỗi một huy chương, một chiếc huy chương nhỏ, đen sì, đúng ra cũng chẳng ra một huy chương, một cái mề đay nhỏ xíu, một miếng tôn mỏng đen dát thành, chứng tỏ rằng ông ta đã đổ máu vì tổ quốc. Viên trung úy có một gương mặt nhọc mệt và buồn rầu, và khi ông ta nhìn họ, thì mắt ông ta để vào huy chương của họ trước đã, rồi mới nhìn đến mặt họ.

Ông ta nói: “Được”, và một lát sau, nhìn vào đồng hồ rồi mới nói: “Các anh mệt rồi, tôi biết, nhưng tôi không thể làm sao được. Chúng ta phải khởi hành trong mười lăm phút nữa”.

Rồi, nhìn người trung sĩ ở bên cạnh ông ta, ông nói tiếp: “Không cần phải lấy tên, bảo thu hết số tùy thân, và cho họ hành quân tác chiến. Phân phối mau mau để họ có thì giờ uống nước”. Ông ta lại nói lớn với hăm tu binh sĩ: “Lấy nước đây bi đông vào!”

Viên trung sĩ, đứng bên cạnh ông ta, ra vẻ vừa bực tức vừa vênh váo. Hắn có nhiều huy chương hơn viên trung úy gấp bốn lần. Gật đầu, hắn quát to: “Nào, đưa số ra!”

Hắn đặt chồng số lên trên một cái bàn khập khiễng, bắt đầu lựa và, trong khi đếm và phân chia ra, họ đều cùng có một ý nghĩ: đoạn hành trình vừa qua thật là mệt, chán buồn mửa, nhưng chưa có gì là nghiêm trọng. Tất cả, ông tướng, ông đại tá, đại úy và cả trung úy, họ đều ở xa và không đòi hỏi ở họ được gì cả. Chính những người này, đang ở trước mặt họ đây, mới là chủ họ: viên trung sĩ lêu đêu, hễ chào là giơ tay lên mũ và đập gót giày đúng kiểu động tác cơ bản cách đây bốn năm, hoặc viên thượng sĩ thô bỉ kia, có khi chụp mình từ phía sau, quăng mẩu thuốc và sửa lại dây lưng, đây là những người làm chủ họ cho đến lúc hoặc họ bị bắt làm tù binh, hoặc họ ngã xuống ở đâu đó, bị thương hoặc bị chết.

Trong số một ngàn người, chỉ còn có một người đang đứng trước mặt viên trung sĩ, nhìn quanh, hoang mang vì chẳng còn ai cả, chẳng còn ai ở bên cạnh, ở đằng sau, ở đằng trước. Khi anh ta gặp lại người trung sĩ, anh ta nhớ ra là anh ta khát, khát lắm và với mười lăm phút gia cho, đã mất đứt tám phút.

Viên trung sĩ cầm cuốn sổ tùy thân trên bàn, mở ra xem, và ngừng lên nhìn anh, hỏi:

- Anh tên là Fanhan, hả?
- Vâng, thưa trung sĩ.
- Anh là kiến trúc sư và biết vẽ hả?
- Vâng, thưa trung sĩ.
- Trung đội chỉ huy đại đội có thể được việc cho ta đây, thưa Trung úy.

Viên trung úy đáp: “Được”, vừa nói vừa nhìn về phía thành phố, và Fanhan cũng đưa mắt theo về hướng đó đã thấy một cảnh nó thu hút hết tâm

trí anh: ở phía sau, đằng kia, mặt trời đã xuống cuối đường phố, sát mặt đất, giữa khoảng hai ngôi nhà, nom kì cục như một quả táo, sáng bóng giẹp lép và méo mó; mặt trời đã đậu xuống đó một cách dờ dẫm, giống như một quả táo càng ngày càng đẹp xuống, mất dần hào quang và gần như đắm vào trong bóng tối của nó. Viên trung úy nhắc lại:

- Được!

Và Fanhan không biết ý nghĩ đến mặt trời khi nói thế, hay đó chỉ là một tiếng quen miệng nói ra mà thôi. Fanhan nghĩ bụng rằng anh đã ra đi được bốn năm, đã bốn năm rồi. Tám bưu thiếp mà anh ta nhận được hồi đó nói rằng anh sẽ bị gọi tái ngũ trong vài tuần, thế rồi đột nhiên chiến tranh bùng nổ. Viên trung sĩ bảo Fanhan:

- Anh đi uống nước đi.

Fanhan chạy lại chỗ lúc nãy mọi người đã chạy tới và anh ta tìm ra nước uống ngay: một cái vòi nước sắt rỉ như người ta thường thấy trong các vườn hoa, một thứ vòi dài tòi tàn dựng giữa đám thông gầy. Dòng nước chảy ra vừa bằng nửa ngón tay út, nhưng tệ hại hơn nữa là bọn họ hàng chục người xô đẩy, chửi bới nhau mà thò gà mèn lấy nước.

Nhìn thấy nước Fanhan suýt phát cuồng; trong óc anh ta chỉ còn có một tiếng, một tư tưởng, một ý nghĩa: nước. Anh ta giật cái gà mèn ở trong túi dết của anh ra, giơ khuỷu tay hích để chen vào và bỗng nhiên thấy mình khỏe vô cùng. Anh ấn cái gà mèn vào giữa các gà mèn kia, ở giữa đám miệng gà mèn luôn luôn chuyển động kia, và không còn biết cái nào của anh ta nữa; anh ta nhìn theo cánh tay, thấy rằng cái gà mèn trắng men sẫm là của anh, đẩy nó vào một cái mạnh và có một cảm giác làm anh ta run lên: cái gà mèn nó nặng trĩu dần. Anh ta tự hỏi không hiểu được uống hay cảm thấy nước vào nặng gà mèn, đằng nào hơn. Anh ta vụt rút nó ra vì cánh tay anh đã chòn và đang rung rung, trong khi đằng sau lưng anh có tiếng kêu: “Tập hợp! Tiến lên, tiến!”. Anh ta ngồi xuống, kẹp cái gà mèn giữa hai đầu gối mà anh không còn đủ sức nâng lên nữa, rồi cúi mình như một con chó trước cái âu, anh ta đã dùng những ngón tay run rẩy của anh để đẩy nó nghiêng đi mà uống. Nước chạm vào môi anh, và khi làn môi trên của anh đã thực sự ướt rồi, và anh bắt đầu hớp nước vào, lúc đó anh thấy trước mắt anh một hàng chữ đủ màu nháy múa lung tung: NƯỚC, NƯỚC, NƯỚC, một hàng chữ tưởng tượng, nhưng rõ rệt lạ lùng. NƯỚC! Hai cánh tay anh lại khỏe lại, anh đã có thể nhắc cái gà mèn lên mà uống.

Có người kéo anh đứng dậy, đẩy anh, anh trông thấy cả đại đội với viên

trung úy quát: “Tiến lên, tiến!” và rồi, súng vác lên vai, anh đứng vào hàng phía trước, ở chỗ mà viên trung sĩ đã ra hiệu cho anh đi tới.

Thế rồi họ tiến thẳng vào đêm tối. Fanhan di chuyển một cách miễn cưỡng. Anh ta sẵn sàng ngã lăn ra đó, những cứ phải đi. Chính cái thân xác anh làm đầu gối anh gập xuống, và một khi đầu gối đã gập xuống, đôi chân đau như tự nó lê về phía trước, những đôi chân ấy phải vằn theo một khối đau, một khối đau lớn hơn nó nhiều quá: nó không đủ sức mang nổi, và khi nó lê đôi chân ấy về phía trước, thì chính cái khối ấy gồm cặp hông, đôi vai, hai cánh tay và cái đầu, nó chuyển đi và bắt anh ta phải khụy gối, và một khi đôi đầu gối đã gập xuống rồi, đôi chân đau lại bắt đầu làm việc trở lại.

Ba tiếng đồng hồ sau, mệt rã rời, nằm xoài ra ở chỗ nào đó trong đám cỏ mỏng rừng thưa, anh ta đưa mắt nhìn theo một cái hình người xa dần, bò trong bóng xám. Cái hình đó đã mang lại cho anh hai mẫu giấy, một chút bơ thừa, một mẫu bánh mì, một thỏi kẹo chua chua, sáu điếu thuốc lá và nói với anh:

- Có biết khẩu hiệu không?
- Không.
- Chiến thắng. Khẩu hiệu là: Chiến thắng.

Và anh ta, anh ra đã khẽ nhắc lại: “Chiến thắng. Khẩu hiệu là chiến thắng”, và trên lưỡi anh, câu đó có hiệu lực như một chút nước ấm.

Anh bèn xé giấy bọc kẹo ra, đút một viên vào miệng và chút vị chua hoá học đã làm anh ứa nước miếng. Anh nuốt cho hết đợt nước miếng đầu tiên có vị chua chua giòn ngọt ấy. Rồi đột nhiên, những quả đạn trọng pháo, trong hàng giờ trước đây vẫn nhớn nhơ ở một lần xa hơn về phía trước, nay anh thấy nó đi qua trên đầu anh, dò dẫm, âm ã rung chuyển, như những cái hòm đóng đánh không kĩ, rơi xuống đất uỳnh oàng. Loạt đạn thứ hai rớt xuống phía trước chỗ họ một chút: những đám bụi cát bay tung, in lên trời phía đông mờ nhạt như những cây nấm tan ngay ra nước. Anh ta nhận thấy rằng đằng sau họ trời tối mịt. Loạt đạn thứ ba, anh ta không nghe thấy: nó như thể giữa bọn họ, người ta dùng búa lò rèn đập vỡ gỗ ghép âm âm, gằn gụi một cách nguy hiểm. Bùn và khói đạn là mặt đất; chỉ còn kịp úp xấp xuống, bám chặt lấy đất, chúi đầu vào chỗ trũng bên ụ, và anh ta nghe thấy lệnh truyền tới: “Chuẩn bị tiến, nấp theo từng chặng”. Thế rồi có một tiếng vèo vèo từ bên phải tới, một tiếng rít xuyên qua không khí, như tiếng lửa sủ và đáng sợ của một ngòi lửa, rớt cuộc bùng cháy bên tay trái. Đúng lúc anh sắp sửa nài nịt để xung phong thì một tiếng nổ xé không khí ngay bên cạnh

anh. Anh có cảm giác như có ai đập vào bàn tay anh và lắc mạnh cánh tay anh. Cả cánh tay trái của anh như nhúng vào một chỗ hơi nóng ẩm ướt và, cất mặt lên khỏi vũng bùn, anh ta gọi: “Tôi bị thương rồi!” Tiếng gọi ấy cũng không tới tai anh, chỉ nghe thấy một giọng nói khe khẽ: “Cút chó!”

Giọng nói văng vẳng, như ngăn cách với anh bằng nhiều lớp kính dày, rất gần mà lại xa xa. “Cút chó!” Tiếng ấy yếu ớt, uy nghi, xa vắng, phơn phớt. “Cút chó! Đại úy Baoơ, nghe.” thế rồi, trong phút im lặng hoàn toàn, tiếng ấy lại nói: “Thưa đại tá, tôi nghe đây”. Ngừng một lát; im lặng tuyệt đối, trừ một tiếng súng sục ở đằng xa, một tiếng veo veo, một tiếng ì ầm, như nước sôi tràn. Anh ta nhận thấy là mắt anh ta nhắm và anh ta mở mắt ra: anh ta nghe được tiếng viên đại úy rõ hơn, và thấy đầu ông ta hiện ra trong khung cửa sổ đen, bản, bộ mặt mệt mỏi, buồn thiu, râu ria lởm chởm; nheo cặp mắt, viên đại úy nhắc lại ba lần, cách quãng nhau rất ngắn: “Vâng, thưa đại tá... vâng, thưa đại tá... vâng, thưa đại tá.”

Rồi, ông ta đội mũ sắt vào, và cái đầu to tướng đen trũi và hiền lành của ông có vẻ thật tức cười khi ông nói với một người nào ở bên cạnh ông: “Hông, thùng tuyến cút chó ba, bắn sẻ bốn, tôi lại phải ra mặt trận đây”. Một giọng nói khác cất lên trong ngôi nhà: “Lái xe máy dầu cho đại úy.”

Rồi anh ta nghe thấy tiếng nổ của chiếc xe, vênh tai nghe tiếng nổ ròn lại gần và trông thấy chiếc xe máy dầu từ từ lượn qua góc, đi chậm lại để đứng dừng trước mắt anh, nổ phình phịch và đầy bụi bặm, trong khi đó người lái xe, với khuôn mặt nhọc mệt và thờ ơ, vẫn ngồi trên xe nổ máy mà gọi to: “Xe máy dầu sẵn rồi, thưa đại úy!” Viên đại úy lạch đạch bước ra, thong dong, miệng ngậm xì gà, đội mũ sắt, y như một cục nắm đen khổng lồ, ông ta uể oải trèo vào chiếc xe thùng bên hông, nói: “Đi”, và chiếc máy chồm lên, nổ phình phịch mà đi, vội vàng lật đật, tiến lại phía vùng tiếng ục ịch, mơ hồ, phía trước.

Fanhan tự hỏi không biết đã bao giờ anh ta cảm thấy sung sướng hơn bấy giờ không. Gần như là không đau: chỉ hơi ngứa cánh tay trái kia, nó ở gần anh được băng bó lớn tướng, cứng nhắc và đầy máu, âm âm, như một vật lạ; ngoài cái đó ra, anh ta không thấy gì nữa và cũng lạnh lặn: anh ta có thể giơ từng chân một lên, ngo nguậy ngón chân xoay tròn trong giày ủng, cất đầu cao, nằm dài hút thuốc lá, nhìn mặt trời sáng đằng trước mặt ngón tay ở phía đông, cao độ một tấc trên đám bụi xam xám. Tiếng động nào cũng như xa xăm và êm nhẹ; anh cảm thấy như đầu anh được bọc một lớp bông dày, và chợt nghĩ ra rằng đã hai mươi bốn giờ qua anh ta chưa được ăn uống, trừ một viên kẹo có mùi hóa chất, và một chút nước âm âm, có vị rỉ sắt và

hơi cát.

Khi thấy người ta nhắc anh ta lên và không đi thì anh ta lại nhắm mắt lại, nhưng vẫn còn nhìn thấy. Cảnh đó không mới mẻ gì với anh ta, anh cũng không biết đã sống qua nó lúc nào: người ta mang anh qua những làn hơi thoát từ một cái xe nổ máy ra, đưa anh vào một nơi sặc sụa mùi dầu xăng, cái cáng kê ken két vào rãnh thép, rồi có tiếng máy giần giật, tiếng nổ phía ngoài xa dần, xa dần mãi từng tí một, cũng như tối hôm trước nó lại gần dần dần từng tí một, chỉ còn vài trái đạn trọng pháo rơi vào ngoại ô, đều đặn, êm đềm. Anh ta vừa cảm thấy mình sắp ngủ thiếp đi, vừa tự nhủ: “Tốt, chuyến này nó qua mau, mau lắm.” Chỉ hơi khát, đau chân, và hơi sợ một chút thôi.

Chiếc xe dừng lại đột ngột khiến anh ta sực tỉnh, cửa xe mở bung ra, cái cáng lại ken két trong rãnh thép, và người ta đưa anh ta vào một căn phòng lớn mát mẻ, trắng toát, yên tĩnh hoàn toàn; dải cáng sắp thành hàng làm người ta nghĩ tới những chiếc ghế dài trên một boong tàu chật hẹp. Anh ta trông thấy trước mặt anh một cái đầu tóc rậm và đen, bất động, rồi một cái đầu hỏi thưa quạu mạnh và ngay đằng trước, trên cáng thứ nhất, một cái đầu trắng bủng bó dây cộc, một cái đầu kinh khủng, nhỏ quá. Từ cái đám vải băng đó phát ra một giọng nói gọn gàng oang oang, rõ ràng, trở thẳng lên trần nhà, vừa hoảng hốt, vừa láo xược, đó là tiếng của viên đại tá hét to: “Sâm banh đâu!”

- Nước đáì thì có. Đáì ra mà uống. Cái đầu hỏi thủng thẳng đáp lại.

Ở đằng sau, người ta cố nín cười. Cái giọng kia la hét điên cuồng:

- Sâm banh! Sâm banh ngâm đã nhé!

Cái đầu hỏi lại bình tĩnh nói:

- Im cái mồm. Im cái mồm đi chứ.

Giọng nói lại đòi nữa, nhưng lần này có vẻ van vỉ khóc mếu:

- Sâm banh! Tôi muốn uống sâm banh.

Và cái đầu trắng hạ xuống thẳng ngang; từ đám vải băng dày thò ra một cái mũi nhọn, và giọng nói lại cao bổng hơn:

- Một em... một em bé...

Cái đầu hỏi đáp lại:

- Ngủ một mình thôi.

Cuối cùng, người ta mang cái đầu băng trắng ấy đi, biến mất sang tám

cửa và gian phòng trở nên im lặng.

Trong bầu khí yên lặng này, họ chỉ còn nghe thấy có tiếng đạn trọng pháo rơi từng quả một, nổ trong các khu phố xa xôi bằng những tiếng nổ âm nhẹ, tựa như tiếng phong cầm sờn sờ dạo lên bên lề cuộc chiến. Và khi người ta đã mang trở lại cái đầu trắng của viên đại tá, bây giờ bị bắt nằm im và nghiêng về một bên rồi, và khi đã bỏ lò cái đầu hói rồi, thì có tiếng xe hơi lại gần: một tiếng máy rên nhẹ, nhanh và gần như đe dọa, mỗi lúc một gần lại hơn và sẵn sàng xông vào tòa nhà trắng lạnh lẽo. Thế rồi, đột nhiên tiếng động tắt hẳn, người ta nghe thấy bên ngoài có tiếng ai nói gì đó, và khi họ ngoảnh lại, giật mình mất cả một nhọc và buồn ngủ, thì họ thấy ông tướng đi qua trước dãy cảng, lẳng lẳng đặt lên trên bụng mọi người nằm cảng những bao thuốc lá. Cái im lặng càng lúc càng nặng nề theo bước chân con người nhỏ bé ấy tới gần từ phía sau. Và, đột nhiên, Fanhan trông thấy mặt ông tướng sát tận nơi bộ mặt vàng, lớn, buồn rầu, lông mày bạc, thoáng chút bụi đen ở vành môi mỏng. Trên khuôn mặt ấy, người ta thấy rằng trận đánh vừa qua cũng lại thua.

II

Y NGHE thấy một giọng nói “Brétsen – Brétsen, nhìn tôi đây” và y biết rằng đó là giọng của Klêvíts, ông y sĩ trưởng sư đoàn được phái tới chắc là để hỏi về việc hấn trở về, nhưng y nhất định không ngoảnh lại, không muốn nghe nói gì đến cái trung đoàn đó, và y không nhìn Klêvíts. Y cứ khăng khăng chú mục vào bức tranh treo ở hấn về phía tay phải y, gần như trong bóng tối của góc tường: một đàn cừ, vẽ màu xám và màu lục ở giữa có một người chần chiên quần áo lông xanh đang thổi sáo.

Y đang nghĩ tới những cái mà không ai ngờ được và y vui thích mà nghĩ tới tuy rằng những cái đó xấu lắm. Y không biết y có nghe thấy tiếng Klêvíts không, hiển nhiên là y nghe thấy, nhưng y không chịu nhận và cứ chú mục vào người chần cửa thổi sáo, thay vì ngoảnh đầu lại nói: “Ông Klêvíts đây à, ông đến đây thật là tử tế quá!”

Thế rồi, nghe thấy tiếng lật hồ sơ, y đoán là người ta đang xét trường hợp của y. Y dán mắt vào gáy người chần cừ, và nhớ lại là trước kia y đã từng một thời gian, làm đầu bếp trong một khách sạn thượng hạng. Vào giờ điếm tâm, khi các ông ấy vào, y bước đi trong phòng ăn, thẳng người, nghiêng mình bên phải, nghiêng mình bên trái, và ngạc nhiên là thấy mau lẹ và chính xác làm sao. Y biết giữ đúng các mức độ phải cúi chào, cúi ngắn, cúi dài, khẽ gật đầu thôi, gật đầu cũng biến hóa vô cùng, có khi chỉ là một cái gật đầu nhẹ, nó thực ra không phải là cúi chào mà là một cái nháy mắt. Tất cả cái đó không khó khăn gì với y, cũng như các cấp bậc trong quân đội, cả một chuỗi ngũ vai có dây tét, hoặc trơn, có ngôi sao hoặc không có ngôi sao, đi kèm cầu vai, nhiều hay ít biểu chương. Và lại, cấp bậc các cái chào tương đối cũng giản dị. Vì nó căn cứ vào túi tiền, vào con số tính tiền.

Không phải là y đã tỏ ra đặc biệt đáng yêu: ít khi mỉm cười, bộ mặt y, ngay cả khi cố làm ra hết sức bình thản, vẫn luôn luôn giữ một vẻ cứng cõi và tất cả những người bị y nhìn đều cảm thấy trong lòng tràn ngập không phải một niềm kính nể y mà là một cảm giác có lỗi lầm; tất cả mọi người đều biết là bị y quan sát, đánh giá và chẳng bao lâu y khám phá ra rằng có loại khách ăn, vì bị bối rối trước mặt y, mà cắm đầu vào cắt khoai tây ăn lia lịa, hoặc sợ sệt nấn ví tiền khi đã đi khỏi. Mà y lấy làm lạ là đều trở lại nữa, ngay cả loại sau ấy. Họ trở lại, chịu đựng cái gật đầu và con mắt soi mói, như là ưu điểm của các hiệu ăn sang. Còn về phần y chẳng bao lâu mặt y cũng

mang một vẻ sang trọng, y học được nghệ thuật bận áo dài và, ngoài việc ăn lương cao, còn được hưởng những bữa ăn không mất tiền nữa.

Tuy nhiên, mặc dù cố gắng cách nào để lấy một điệu bộ ngạo mạn, cũng có lúc y thấy rất là bối rối. Có những ngày y cảm thấy mồ hôi y đọng trên làn da và đổ ra từng đám. Hơn nữa, chủ quán lại là một anh chàng quê mùa; cũng tốt đấy, nhưng kiêu ngạo vì đã thành công và, vào lúc đêm khuya, khi quán ăn bắt đầu vui khách và Brétsen toan về, thì thường có tật thò những ngón tay chuối mẫn vào trong hộp xì gà và đút vào túi áo y ba bốn điếu, mặc dù y chối đây đẩy. Ông chủ quán lấp bắp, gượng mím cười mà nói: “Trời ơi! Cứ giữ lấy mà; xì gà ngon đấy!” Y nghiện xì gà, đêm về cùng hút với Venten, là người ở chung nhà với y, và Venten cứ trầm trồ khen là xì gà ngon quá. Venten bảo: “Brétsen, Brétsen, sao mày hút thuốc ngon quá trời vậy mày.” Y lặng yên không trả lời và thẳng thắn để cho Venten mời y một chai rượu ngon. Gã Venten này làm đại lý cho một lò nấu rượu, và dạo nào làm ăn được thì gã thường đem về một chai sâm banh.

- Sâm banh! Sâm banh ngậm đá nhé!

Brétsen lớn tiếng nói vậy. Ông y sĩ trạm cứu thương đứng bên cạnh y, giải thích:

- Đây, ông ta chỉ nói có thể thôi.

Klêvítis vẫn tắt hỏi:

- Ông nói về ông đại tá đây hả?

- Thưa vâng, tôi nói chuyện ông đại tá Brétsen đây, thỉnh thoảng ông ta chỉ nói có mấy tiếng ấy: “Sâm banh! Sâm banh ngậm đá nhé!” Thế rồi, đôi khi, ông đại tá lại đòi gái, đòi em bé.

Y đã ghét lệ phải ăn cơm tại ngay khách sạn ấy, ở trong một căn buồng sau hơi bẩn, trên một tấm khăn bàn vải đã sờn, cơm do một mụ bếp cẩu cọ, mũi, mồm, cổ, đầy hơi bấp, hơi mỡ lộn mửa, và mụ chẳng hề để ý gì tới tính thích ăn bánh bông lan của y, lại còn bị quấy rầy vì ông chủ quán cứ lui tới luôn luôn, đến ngồi bên y, ngồi bệt xuống đó một lúc, mồm ngậm điếu xì gà, rót ly rượu mà lẳng lẳng uống từng hớp.

Sau đó, y mở lớp dạy phép lịch sự. Thành phố đó cũng thuận lợi cho ngành học này lắm. Ở đó có nhiều nhà giàu xụ không hề biết rằng cách ăn cá khác cách ăn thịt, cả đời vẫn ăn bốc, nay có vợ đẹp xe hơi nhà lầu rồi muốn trút lột. Y dạy họ lễ lối xã giao; y đến tận nhà, thảo luận về món ăn, về cách đối xử với đây đó thế nào cho phải phép, và đến tối, y ăn cơm với họ: lúc ấy,

y đi vào chi tiết từng động tác một, tỉ mỉ quan sát họ, bắt bẻ họ, biểu diễn cho họ thấy rằng họ có thể tự mở lấy một chai sâm banh được.

Y nói to:

- Sâm banh! Sâm banh ngậm đá nhé!

Klêvits kêu lên:

- Trời ơi! Nhìn tôi đây, Brétsen!

Nhưng Brétsen không có ý định nhìn Klêvits, y không muốn biết gì nữa về cái trung đoàn ấy, tan rã trong tay hắn như bột; Cút chó, Bẩn sẻ, đường phèn, chỉ huy bởi một bộ tham mưu bí danh là lều tranh, thôi những cái đó, bỏ! Một lát sau, Klêvits đã đi rồi.

Bấy giờ Brétsen có thể rời mắt khỏi đàn cừu với tên chăn cừu ngớ ngẩn; bức tranh, treo hơi quá về phía tay phải một chút, bắt đầu làm y sái cổ. Một bức tranh nữa treo gần ngay thẳng trước mặt y và y đành ngắm nó vậy, mặc dù y cũng chẳng ưa gì nó hơn bức kia: bức tranh vẽ Thái tử Misen đang hỏi chuyện một nông dân Lỗ Ma Ni, bên cạnh có thống chế Antônétqui và hoàng hậu. Thái độ của người nông dân nom bức mình lạ: chân chụm quá, như dính vào nhau, người như xô về phía trước, sẵn sàng quăng món quà hắn cầm trong tay xuống dưới chân Thái tử. Món quà ấy, người ta không nhận rõ ra lắm; chắc là muối và bánh mì hoặc phô mát sữa dê. Dù là gì nữa thì vị thiếu quân cũng mỉm cười với gã nông phu tất cả trong tranh, Brétsen không còn trông thấy từ lâu rồi; nhưng hắn hài lòng là có một điểm để chú mục vào mà không sợ bị sái cổ.

Trong các bài học y dạy, cái điều làm y sừng sốt, cái điều mà từ trước đến giờ y vẫn không biết và không chịu chấp nhận, đó là y nghĩ rằng đây mà có cái phải dạy rằng người ta có thể học làm bộ tịch với con dao và cái nĩa. Nhiều phen y ngăn người ra mà thấy rằng, sau ba tháng, bọn ngợm ấy với vợ họ đối với y có vẻ lễ phép, như người ta thường giữ lễ với một ông thầy giỏi, tuy giỏi trong phạm vi nào đó thôi: họ trao cho y một tấm chi phiếu đồng thời với một nụ cười niềm nở. Cũng phải nói là có những kẻ không bao giờ tập được, tay họ vụng quá, họ không bao giờ gọt nổi lớp ngoài phô mát mà không vụn cả miếng trong tay, cũng không biết cầm chân ly rượu cho đúng kiểu. Còn một hạng thứ ba nữa không thành công nhưng cũng chẳng cần, và sau rốt là còn bọn y có nghe nói tới nhưng không hề giao thiệp, mà họ cũng cho là chẳng cần phải học y.

Hồi ấy, cái thú nhất là y thỉnh thoảng có dịp giảng nhận với vợ bọn học

làm sang ấy; những cuộc tình duyên ngắn ngủi, không có gì làm y thất vọng, nhưng hình như làm cho các bà hơi góm. Hồi ấy y lãng nhãng với đủ mọi hạng đàn bà, nhưng không một người nào sau đó lại tìm y nữa, hoặc ngu với y tuy rằng y vẫn mời họ uống sâm banh luôn.

- Sâm banh! Sâm banh ngâm đá nhé!

Dù có một mình, y cũng nhắc lại mấy tiếng đó như thế tốt hơn. Rồi y nghĩ đến chiến tranh, đến cục diện chiến tranh diễn tiến, nhưng y không có thì giờ nghĩ đến lâu, vì lại có hai người nữa bước vào. Y chú mục nhìn cái khối tròn khó hiểu mà gã nông dân Lỗ dâng lên vua Misen, và một giây sau, y thấy giữa khoảng mặt y và bức tranh xen vào bàn tay hồng hào của ông y sĩ trưởng, nghiêng mình trên chỗ y nằm để gỡ bảng ghi nhiệt độ. Brétsen gọi to:

- Sâm banh! Sâm banh ngâm đá nhé!

Ông y sĩ trưởng ôn tồn nói:

- Ông Brétsen, ông Brétsen này!

Rồi, im lặng một lát, ông ta bảo với ông y sĩ khác ở bên cạnh ông:

- Phải đưa về Viện bằng chuyên xe tản thương; sư đoàn rất tiếc là phải bỏ đại tá Brétsen, nhưng...

Ông y sĩ trưởng trầm trả lời: Dạ, được.

Rồi Brétsen không nghe thấy gì nữa, nhưng chắc hai người vẫn ở cạnh y, vì cửa phòng vẫn mở. Lại thấy tiếng giở hồ sơ, người ta xem lại tướng mạo quân vụ của y. Không ai nói gì cả.

Sau hồi đó, người ta bỗng nảy ra ý kiến là chắc y có thể dạy được những điều mà có dạy cũng không phải là phi lý: quân kỉ mới; y đã biết rõ rồi vì vẫn nhận được đều đều. Y bèn phụ trách các khóa giảng cho đội Mũ thép và Tổ chức thanh niên trong khu và y nhớ lại, việc bổ nhiệm vào một chức vụ vinh hàm ấy phù hợp với lúc y nhận ra trong người y một thói ưa của ngọt vô độ, trong khi tính trăng hoa cũng giảm đi. Suy đi tính lại, đối với y, có được một con ngựa cũng là điều hay - chỉ phải cái tối đi nằm người đau như dầm - bởi vì sáng sớm những ngày tập quân sự, y có thể đi ra ngoài cánh đồng, thảo luận với thuộc cấp, xem xét kỹ chương trình trong ngày ấy, và nhất là có dịp biết rõ mọi người như y chưa từng biết hồi còn hiện dịch: các cựu chiến binh của cuộc chiến trước, hoặc bọn thanh niên vừa thực tế vừa ngây thơ lạ lùng, bọn này có lúc dám cãi lại cả y. Điều phiền cho y là một chút

sớm sỡ khiến y không thể dẫn đầu bộ đội mỗi khi bọn đó cười ngửa về thành. Nhưng trong lúc tập, mọi sự cũng như xưa: chiến thuật ở cấp tiểu đoàn y thuộc kĩ, và không có điều gì phải chê trách những chỉ thị mới vì nó đã biết rút tĩa kinh nghiệm chiến trường mà không tìm cách làm đảo lộn tất cả. Các bài, mà y cho thực tập không biết chán và y cho là quan trọng đặc biệt, là thao diễn hành quân, đứng nghiêm chào, đổi hướng tuyệt đối chính xác. Cái ngày mà y thấy là khá nguy hiểm ngay trong thời bình với các bộ đội đã huấn luyện kĩ: đó là các cuộc thao diễn cấp tiểu đoàn.

Vả lại, ít lâu sau, sự sàm sỡ cũng biến mất, rồi có luyện tập hằng ngày và, một ngày kia, khi y thấy mình chỉ huy thực sự một tiểu đoàn thì y cũng chẳng thấy có gì khác.

Vào giờ này không biết y có trở mình thực không, hay là động tác ấy đã là một trong những động tác mà y không kiểm soát nổi nữa? Ngay lúc đó y cũng không dám quyết, nhưng hiển nhiên là y có trở mình, và y thấy buồn lòng là lại có thể có gì xảy ra cho y mà y không ý thức được: y cảm thấy người ta lật y lại. Họ nâng y lên, cẩn thận xoay người y ra khỏi giường, đặt vào một cái cáng trước mặt. Thoạt tiên, đầu y ngả ra đằng sau và y nhìn chăm chú cái trần nhà trong giây lát, rồi người ta luồn vào dưới đầu y một cái gối và, mắt y đặt đúng ngay vào bức tranh thứ ba treo trong phòng. Bức tranh treo gần cửa ra vào, y chưa hề để ý tới nó trước đây và, lúc đầu, y cũng hài lòng là có thể chú mục vào nó để tránh nhìn hai viên y sĩ ở hai bên. Chắc là ông y sĩ trưởng sư đoàn đã đi khỏi rồi. Ông y sĩ trạm cứu thương đang nói chuyện với một ông y sĩ khác mà y chưa gặp bao giờ; ông y sĩ trưởng trạm, người béo, lùn đọc cho ông kia nghe một đoạn hồ sơ của y và đang giải thích điều gì đó. Brétsen không hiểu họ nói gì, không phải là vì y ngẩn ngẫn y cũng khá bần khoản là chưa đến nỗi thế, nhưng chỉ vì họ đứng xa quá mà lại nói thàm. Trong hành lang, y nghe thấy hét, tiếng gọi nhau, tiếng thương binh kêu la, và tiếng máy nổ ở bên ngoài. Y nhận thấy cái lưng của anh khiêng cáng phía trước và nghe anh khiêng ở đằng sau nói:

- Thế nào, đi chứ?

Anh phu khiêng phía trước nói với ông y sĩ trưởng trạm:

- Còn hành lí, thưa Thiếu tá, còn phải có ai mang hành lú nữa chứ.

- Đi tìm vài người nữa.

Hai anh khiêng cáng biến mất vào hành lang. Brétsen cái đầu bất động, nhìn kĩ bức tranh thứ ba; gạt đầu hai ông y sĩ ra hai bên. Nhưng bức tranh này đến đây làm cái gì? Y không biết tòa nhà này là một ngôi trường học,

hay một nhà tu kín, nhưng có điều mới lạ cho y là ở Lõmani mà lại có người Công giáo. Ở Đức quốc thì có, y đã nghe thầy nói đến, nhưng mà ở Lõmani mới lạ chứ! Vậy mà, hình Đức mẹ Đồng trinh Mari treo ngay kia. Bị bó buộc phải nhìn bức hình ấy, hẳn thấy khó chịu, nhưng không làm sao được. Y bắt buộc phải ngắm bức hình kia người đàn bà bận tấm áo khoác màu thiên thanh kia với một bộ mặt nghiêm trang lạ lùng; lửng lơ trên quả địa cầu, bà ngược mắt nhìn một bầu trời đầy mây trắng toát và bà cầm một chuỗi hạt bằng gỗ nâu, quấn vào tay. Y khẽ lắc đầu, tự nghĩ: “Khả ố”, và bỗng nhận ra rằng các viên y sĩ đã nhìn thấy y. Họ nhìn y trước, rồi theo ánh mắt y mà nhìn bức tranh, rồi từ từ tiến gần y. Thật khó mà len nổi mắt qua hai khuôn mặt ấy, qua bốn con mắt nhìn thẳng vào y ấy, để mà chú mục vào bức tranh khả ố vẽ Thánh nữ Mari. Y tìm cách chuyển hướng ý nghĩ, lôi nó về những năm mà vừa lúc này đây nó còn la cà ngừng lại, những năm tháng dật dờ bằng những sự việc làm nên vũ trụ của y, và trong ý thức suy nhược của y bây giờ, đang dần dần sống lại, nào là giao thiệp với các sĩ quan tham mưu, nào là chuyện sàm si nơi đồn trú, nào là quan hầu, nào là tạp dịch, không, y không tài nào nghĩ được tới những cái ấy; y bị mắc kẹt trong khoảng không gian ở giữa hai cái đầu kia, hai mươi phân mét choán bởi bức hình. Tuy nhiên, y nhẹ nhõm người mà thấy khoảng đó rộng ra vì các ông y sĩ đang tiến lại gần và sau cùng dừng lại bên y.

Y chỉ còn trông thấy áo choàng trắng của họ bên đuôi mắt. Nhưng lời họ nói thì y nghe rõ lắm:

- Thế ông không nghĩ là cái đó liên quan tới vết thương à?

Viên y sĩ trạm vừa giờ lại tập hồ sơ mà y nghe thấy các trang giấy lật, vừa nói:

- Gạt hẳn, gạt hẳn. Vô nghĩa lý, một vết thương tí xíu ở da đầu, năm ngày thì khỏi ấy mà! Không có, tuyệt đối không có một triệu chứng quen thuộc nào của chấn động não. Nhiều lắm tôi chỉ nhận giả thuyết là có một chút va chạm thần kinh thôi, hoặc là... Ông ta chột im bật.

- Ý ông muốn nói gì?

- Thôi, tôi tránh...

- Cứ nói đi!

Cái im lặng giữa hai viên y sĩ thật nặng nề. Hình như họ chỉ ra hiệu cho nhau, rồi đột nhiên ông y sĩ lạ kia cất tiếng cười. Brétsen chẳng nghe thấy gì cả, và kìa cả hai người họ cùng cười. Sau hết hai người khiêng cáng trở lại,

theo sau có một người thứ ba đeo cánh tay bị thương, ông y sĩ trưởng trạm nói với người này:

- Fanhan, mang cái cặp ra xe.

Thế rồi ông ta nói thêm với hai người kia:

- Người ta sẽ mang hành lí nặng đến sau.

Viên y sĩ lạ mặt hỏi:

- Ông nói thật đấy à?

- Thật lắm chứ.

Brétsen cảm thấy người ta nâng y lên và khiêng đi hình ảnh thánh nữ Mari lướt qua bên trái, bức tường sát lại gần, rồi khuôn cửa hành lang, người ta lại khiêng xoay y góc chín mươi độ, y thấy suốt chiều dài của hành lang rồi một khúc ngoặt làm y nhắm mắt lại: ánh nắng bên ngoài khiến y bị chói lòa. Y hài lòng khi thấy cửa xe đóng lại sau y.

III

BỘ đội Đức, thưở đó có vô vàn trung sĩ. Chỉ nguyên phù hiệu của họ cũng đủ kết thành sao cho sáng vằng vặc cả vòm trời của một vương quốc phi lí nào nơi âm phủ. Và trong số vô vàn trung sĩ ấy, một phần quan trọng mang họ Snaido. Rồi trong số Snaido ấy có khá nhiều người mang tên là Êlôi. Nhưng lúc chuyện này đang xảy ra chỉ có độc một trung sĩ mang tên họ Snaido Êlôi trú đóng tại vùng Sdôcáchêli, một vùng quê hẻo lánh của nước Hung Gia Lợi. Đất Sdôcáchêli này là một thị trấn nhỏ bé, bán thừa lương địa, bán lâm tuyền. Lúc đó trời đang mùa hè.

Văn phòng của Snaido là một gian chật chội, tường dán giấy vàng. Ngoài cửa phòng có treo một biển nhỏ bằng bìa màu hồng trên có ghi hàng chữ mực Tàu: Giấy xuất Viện Trung sĩ Snaido. Bàn giấy được kê cố cho Snaido ngồi làm việc, lưng quay ra cửa sổ. Khi chẳng có chuyện gì làm, chàng đứng lên, ngoảnh đầu lại là tha hồ ngắm nghía con đường nhỏ bụi bặm, bên phía trái thì dẫn đến ngôi làng và bên phía phải thì đưa đi ra vùng rừng, qua các cánh ruộng ngô và vườn mơ. Công việc của chàng không có gì là bận bịu. Bệnh viện chỉ còn lưu lại những người thương tích trầm trọng. Các thương binh khác, những người ai cũng thấy còn chịu đựng nỗi sự di chuyển, thì đều đã được di tản rồi, những người còn lết nỗi thì được trang bị lại, dẫn đến một trung tâm lựa bệnh. Nên Snaido có quyền bỏ hàng giờ ra ngó qua khung cửa sổ. Trời bên ngoài thì nặng nề, không khí thì ẩm ướt. Phương thuốc công hiệu nhất giúp chịu đựng khí hậu này là rượu mơ vàng nhạt pha vào nước Sen Rượu mơ hơi cay cay, không đắt đỏ là bao, lại thực hạt nên ngon. Và ngồi lì cạnh cửa sổ, hết nhìn đất lại nhìn trời, để nghe mình dần ngấm hơi men, cũng không phải không thú vị. Mà muốn ngà ngà say chẳng phải là chuyện chốc lát đâu. Snaido thường phải chiến đấu cam go mới đạt tới được tình trạng ấy. Ngay vào buổi sáng, lúc còn thanh tâm, cũng cần tới một số lượng rượu mơ nào đó mới đủ đạt tới trạng thái khiến người ta chịu đựng nỗi sự trì độn. Snaido có một phương sách riêng; trong ly thứ nhất, chàng chỉ đổ một đọt rượu mơ thôi. Sang ly thứ hai, mức rượu đã được gia tăng. Đến ly thứ ba thì mức rượu lên đúng nửa ly. Ly thứ tư gồm rượu nguyên chất. Về ly thứ năm thì lại rượu một nửa, nước Sen một nửa. Ly thứ sáu giống hệt ly thứ nhì về độ rượu, mức nước. Và đến ly thứ bảy, rượu lại chỉ còn ít, y như ở ly đầu. Không bao giờ, Snaido uống quá bảy ly. Cứ lồi mồi rười là chàng đã hoàn tất cuộc độc ẩm theo nghi thức ấy rồi. Và, khi đó

ting thần chàng lâm vào một trạng thái được chàng mệnh danh là sáng suốt khủng khiếp. Một niềm hăng say lạnh lùng xâm chiếm toàn thân và chàng cảm thấy thừa sức chịu đựng áp lực làm trĩ độn của cả một ngày dài. Lối mười một giờ, đúng ra thì là vào mười một giờ mười lăm, thường có vài ba chuyên xuất viện phải ghi chép. Nhưng ngay khi ấy, chàng cũng vẫn còn dư cả gần một giờ để ngắm nghía con đường, con đường mà rất họa hoằn, rất đặc biệt mới có lấy một chiếc xe do những con ngựa gầy gơ xương kéo, phóng như bay về ngôi làng trong bụi bốc thành mây. Hay chàng có thừa thời giờ để bắt ruồi, để theo đuổi những cuộc đàm thoại hóm hỉnh với những thượng cấp vô hình, trong những cuộc đàm thoại này, chàng luôn luôn có những câu đối đáp đã chua cay lại hàm xúc, để sắp xếp lại những hộp mực dẫu vứt lê la trên mặt bàn và sửa vị trí của một tài liệu nào đó cho ngay ngắn lại.

Cũng hôm ấy, lối mười rưỡi, bác sĩ Smítso đang ở trong phòng hai bệnh nhân ông mới vừa giải phẫu xong ngay buổi sáng. Bên trái là trung úy Môn, hai mươi thuộc lòng chữ ấy. Smítso liền ghé tai vào miệng bệnh nhân “Bieliôgocsê”. Bệnh nhân đọc thế. Và tinh thần căng thẳng, Smítso lắng tai nghe. Mặc dầu tuyệt không hiểu ý nghĩa chữ này, ông lắng nghe mà lòng vui vui vì thấy rằng chữ đó đẹp, bằng một vẻ đẹp huyền bí. Bốn bề đều vắng lặng. Vị bác sĩ nghe rõ hơi thở của viên đại úy chăm chú nhìn vào tròng mắt trắng của ông và gần như nín hơi chờ đợi chữ “Bieliôgocsê”. Liếc nhìn đồng hồ đeo tay, ông thấy chiếc kim giây nhỏ xíu trên mặt đồng hồ đang di chuyển với một tốc độ, theo ông, quá chậm chạp. Năm mươi giây rồi. Tiếng “Bieliôgocsê” lại vang lên. Với ông thời gian đã trở thành vô cùng tận trước khi năm mươi giây nữa qua hết đi. Có tiếng nhiều xe vào sân. Ngoài hành lang, có tiếng gọi ai ơi ới. Smítso sức nhớ rằng viên y sĩ trưởng đã có cho người tới yêu cầu mình thay thế ông ta đi khám các bệnh nhân. Lại một chiếc xe nào nữa vào sân. “Bieliôgocsê” viên đại úy lên tiếng. Smítso tự nhủ: “một lần nữa, mình gắng chờ nghe lần nữa”. Nhưng cánh cửa buồng bị một viên thượng sĩ nóng nảy xô toang. Smítso vẫy tay làm hiệu cho hắn im tiếng, mắt vẫn không rời chiếc kim giây. Ông thở phào một hơi dài khi chiếc kim chỉ đúng số ba mươi. Viên đại úy thốt lên: “Bieliôgocsê”.

- Chuyện gì đó? Smítso hỏi.

- Thừa đã tới giờ đi khám bệnh. Viên thượng sĩ đáp.

- Tôi đi liền, Smítso bảo.

Ông buông tay áo xuống cho phủ kín mặt đồng hồ đúng lúc kim nhỏ chỉ

số hai mươi. Viên đại úy lại nằm bất động. Smítơ thì vẫn đứng yên, mắt chăm chăm nhìn miệng viên đại úy. Vừa lúc cặp môi bệnh nhân mấp máy, vị bác sĩ cầm cổ ống tay áo nâng lên rồi, thật nhanh, lật cổ ống tay áo giơ đồng hồ lên xem khi thanh âm “Biêliôgóocsê” vang lên. Chiếc kim giây chỉ vừa ngay đúng số mười.

Hôm đó, chẳng có một vụ xuất viện nào để phải vào sổ cả, Snaidơ chờ tới mức mười một giờ mười lăm rồi bỏ đi kiểm thuốc lá. Chàng dừng bước trước một cửa sổ của hành lang: trong sân có người đang rửa xe của vị y sĩ trưởng. Snaidơ nghĩ thầm: “Thế là thứ năm rồi”. Bao giờ xe của xếp lớn cũng đem rửa vào thứ năm.

Các trại của bệnh viện xây theo một hình vuông trông ở một phía là phía quay ra sau, về hướng đường xe lửa. Cánh Bắc dành cho khu giải phẫu. Trại giữa là khu quản lí và quang tuyến. Cánh Nam gần nhà bếp, cư xá nhân viên và, ở tít đầu mỏm, là gia cư viên hiệu trưởng cũ của trường học gồm sáu gian nối nhau thông thống. Trước đây, toàn cơ sở này là một trường nông học. Ở phía sau. Trong khu vườn khoảng khoát chạy nối dài ra ngoài bằng phía không xây cất, có dăm phòng tắm, vài chuồng ngựa và vài khoảnh vườn kiểu mẫu góc cạnh được kẻ vạch trên đất thật ngang bằng sổ ngay. Khu có giống cây ăn quả chạy dài ra mãi đến sát đường xe lửa. Thỉnh thoảng, người ta thấy bà hiệu trưởng có thằng bé con trai đeo sát tập cưỡi ngựa ở đó. Thằng con trai, nhóc tí lỏi sáu tuổi, luôn mồm kêu the thé từ trên lưng chiếc ngựa con của nó. Bà hiệu trưởng còn trẻ và đẹp. Và mới khi thôi giỡn với con ở cuối vườn, bà lại đến phòng quản lí, kêu ca về chuyện có một viên đạn đại bác thối nằm ì cạnh hố phân. Theo bà, viên đạn đại bác ấy là một hiểm họa chết người. Lần nào thì người ta cũng đoán quyết sẽ tìm phương sách nhưng rồi đâu cũng vẫn hoàn đó.

Đứng ở cửa sổ, Snaidơ nhìn người tài xế của xếp lớn cẩn trọng làm công việc của mình. Dù đã lái và bảo trì chiếc xe từ cả hai năm trường, anh ta vẫn tuân theo từng li từng tí quy tắc bảo trì, theo đó đồ bản chỉ dẫn cách tuần tự tra dầu mỡ phải được trải ra, đặt trên một thùng gỗ trong khi anh tài, mặc quần choàng chéo go, lách tới lách lui giữa các thùng nước và bình dầu mỡ. Xe xếp lớn được bao bên trong bằng da thuộc màu đỏ và thấp lè tè. Snaidơ bụng dạ bảo: Thứ Năm, thế mà đã thứ Năm rồi. Chẳng là trong thời gian biểu những thói quan của chàng, thứ Năm là ngày rửa xe xếp lớn. Snaidơ chào một nữ y tá tóc vàng hời hả xẹt qua gần chàng rồi đứng đĩnh đi qua dăm thước ngăn cách chàng với câu lạc bộ. Nhưng cửa câu lạc bộ khóa chặt cứng. Có hai cam nhôm tiến vào sân, đến đậu cạnh xe xếp lớn. Snaidơ đứng im tại

chỗ. Vừa khi ấy, cô bé bán quả tới. Vắt vẻo ngồi lên một chiếc thùng úp sập, cô nàng đích thân dong chiếc xe độc mã nhỏ thận trọng lách giữa các xe đậu, tìm đường vào bếp. Tên cô ta là Sđacca. Thứ tư nào cô cũng từ một làng lân cận đem hoa quả và rau đậu tới. Vẫn hay ngày nào cũng có nhiều người mang hoa quả rau đậu tới đây (viên quản lý có nhiều nhà cung cấp lắm) nhưng hôm thứ tư thì luôn luôn chỉ có độc Sđacca tới thôi và Snađơ nhớ rõ điều này như chôn vào ruột. Đã nhiều bận, cứ thứ tư là chàng ngưng công việc vào lúc mười một giờ rưỡi ra ngồi khư khư ở cửa sổ; chờ cho kì đến lúc đám bụi mù mà chiếc xe độc mã khơi lên, hiện ra trên đường dẫn tới nhà ga. Chàng chờ thấy cô ta tới gần, ban đầu mờ mờ dáng con ngựa nhỏ với một vầng bụi bao quanh rồi cuối cùng nhìn rõ tường cô thiếu nữ, nét mặt xinh xắn mà sắc sảo với một nụ cười nở ở góc môi. Snađơ châm điếu thuốc lá còn sót, ngồi lên khung cửa sổ. Chàng tự nhủ: Hôm nay thì phải ngỏ lời với em bằng được trong khi chàng vẫn nhớ rằng thứ tư trước nào chàng cũng đều luôn luôn tự nhủ có một điều ấy. Nhưng hôm nay chàng quyết ý ngỏ lời. Sđacca có một vẻ đặc thù, chỉ tại nơi đây chàng mới nhận ra, so với các thiếu nữ khác của cùng rừng, theo các phim ảnh diễn tả, đều chỉ biết nhảy như chơi chơi với một vẻ hăm hở thực ngu xuẩn. Sđacca có vẻ lạnh lùng, vẻ lạnh lùng khiến khó mà đoán ra được niềm triu mến của nàng đối với con ngựa và đối với hoa quả mơ và cà chua, mặn và táo, dưa chuột với hồ tiêu chất đầy trong các thúng. Sau khi dong chiếc xe diêm dúa lách qua đám thùng cáu ghét và các bi đông dầu mỡ, thiếu nữ ngừng lại trước nhà bếp, dùng roi ngựa gõ vào kính cửa.

Thời thường thì đó là lúc yên tĩnh trong bệnh viện. Cuộc đi khám bệnh tiếp tục kèm theo một không khí kinh sợ thiêng liêng: mọi sự được sắp đặt ngăn nắp và một niềm căng thẳng bàn bạc bao trùm các hành lang. Nhưng riêng hôm đó, chỗ nào cũng ồn ồn, nào tiếng cửa sập, nào tiếng gọi, tiếng kêu của những người sốt tiết. Snađơ nhận thấy điều đó một cách thật lơ mờ, như ở bên lề ý thức của chàng. Và chàng vẫn tiếp tục hút điếu thuốc cuối cùng, mắt không rời Sđacca đang tranh biện với viên thượng sĩ hoả thực. Theo thông lệ đúng ra nàng phải tranh biện với phát ngân viên và anh này tìm đủ cách véo mông nàng. Nhưng thượng sĩ hoả thực Prátki, dáng mảnh khảnh, hơi bản gắt lại là người rất trầm mặc, nổi danh là đầu bếp cừ khôi và là người tuyệt nhiên không thèm lưu tâm đến nữ sắc. Sđacca tranh luận thực hăng say, đồng thời làm thật nhiều điệu bộ, nhất là điệu bộ đếm tiền. Nhưng tay đầu bếp chỉ nhún vai, đưa ngón tay chỉ về khu trại chính, đúng về hướng Snađơ. Thiếu nữ ngoảnh đầu lại, nhìn gần như thẳng vào mặt Snađơ. Chàng liền từ trên bờ cửa sổ mình phóng xuống thì lại nghe có tiếng ai gọi tại hành

lang “Snaidơ ơi! Snaidơ!” Rồi sau một giây im lặng, tiếng gọi lại vang lên: “Trung sĩ Snaidơ ơi!”

Một lần nữa, Snaidơ đảo mắt nhìn khắp sân: tay cầm cương dong con ngựa nhỏ. Sdacca đánh xe lên phía trại chính trong khi người tài xế của xếp lớn đứng giữa vũng nước rộng, đang gấp đồ bản tra dầu mỡ lại. Snaidơ chậm chậm đi về phía phòng thư ký, đầu ngổ ngang: hôm nay thế nào chàng cũng phải ngổ lờn với thiếu nữ, thứ tư không phải là ngày rửa xe xếp lớn thế nhưng, nghĩ cho kỹ, thứ năm lại chẳng thể là ngày Sdacca mang rau, trái tới...

Chàng đụng đầu với toán đi khám bệnh. Rồi bỏ căn phòng lớn gần hoàn toàn trống rỗng, vài nữ y tá, những nam y tá, viên thượng sĩ quản lý họp thành một đám áo choàng trắng lặng câm, dẫn đầu không phải bởi xếp lớn mà bởi Smítơ, bác sĩ phụ tá giám đốc Smítơ, một người ít ai có dịp nghe nói tới xưa nay. Dáng người thấp lùn phục phịch, vẻ người tầm thường, Smítơ có đôi mắt xám với cái nhìn thật sâu sắc. Có khi ông hạ rèm mi, trong giây lát, như để định nói điều gì nhưng rồi lại chẳng bao giờ nói gì hết. Snaidơ đến phòng thư ký thì đám khám bệnh rã ra. Lúc ấy, vì Smítơ vừa tới gần, Snaidơ bèn mở cửa cho ông bước vào trước.

Viên chánh quản cầm điện thoại áp vào tai. Khuôn mặt to của hắn biểu lộ vẻ bực bội. Hắn nói: “Không, thưa bác sĩ y sĩ trưởng”. Trong ống điện thoại có tiếng xếp lớn ọ ẹ. Viên thượng sĩ chánh nhìn Snaidơ và viên bác sĩ phụ tá, quơ tay ra hiệu mời Smítơ ngồi trong khi chỉ mỉm cười với Snaidơ. Rồi anh ta lại nói: “Vâng, thưa bác sĩ y sĩ trưởng” và gác điện thoại lên máy.

- Chuyện gì thế? Smítơ hỏi, chúng mình cuốn gói phải không?

Có một tờ nhật báo vút trên bàn. Snaidơ giờ báo rồi gấp mạnh lại bằng một điệu bộ hơi sảng. Rồi sau khi nhìn chòm qua vai họa viên Fanhan ngồi gần đấy, chàng lạnh lùng nhìn thẳng vào mặt viên thượng sĩ chánh. Chàng vừa nhận ra rằng Fanhan đang vẽ một bản đồ vị trí hiện tại. Trên đầu tờ giấy vẽ có ghi: Điểm tựa Sdôcâcchêli.

- Vâng, viên quản chánh đáp. Chúng ta vừa được lệnh di tản vị trí.

Nét mặt anh ta cố làm ra bình tĩnh nhưng đôi mắt lại bộc lộ một niềm bối rối rõ rệt mỗi khi anh nhìn Snaidơ và đôi bàn tay anh run run. Anh ta nhìn suốt lượt các thùng xanh xám kê dọc theo bốn bức tường. Những thùng này được biến chế thành tủ treo quần áo hay bàn giấy tùy theo nắp đóng hay mở. Anh ta vẫn không mời Snaidơ ngồi.

- Cho xin một điều thuốc lá, Fanhan. Snaido bảo.

Fanhan nhồm dậy, mở một bao xanh chuyên cho chàng. Smítso cũng lấy một điều. Snaido, lưng dựa vào tường, bắt đầu châm thuốc.

Tiếng chàng vang lên trong im lặng:

- Chắc chắn tôi sẽ ở đội hậu tập. Lúc tới đây tôi đã ở tiểu đội tiên phong rồi mà.

Anh quản chánh đỏ mặt. Ở phòng bên có tiếng máy chữ lách cách. Chuông điện thoại lại reo. Anh quản nhắc ông lên, xưng danh và nói:

- Vâng thưa bác sĩ y sĩ trưởng, tôi xin đệ ký liền.

Anh ta gác máy.

- Fanhan, anh ta bảo, chạy đi xem nhật lệnh đã xong chưa?

Smítso và Snaido nhìn nhau. Rồi Smítso cúi mình xuống mặt bàn, giở tờ báo. Vừa đọc thấy: Phiên xử các công dân phản quốc đã khai mạc, ông liền gấp tờ báo lại.

Fanhan từ văn phòng chật hẹp trở về, có viên thư ký đi kèm.

Vừa thấy viên hạ sĩ quan, Snaido giống tiếng hỏi ngay:

- Ópten ơi, mở cửa cầu lạc bộ lấy một lần nữa được không?

- Thôi nhờ ông tí, viên thượng sĩ chánh giận dữ nói, tôi còn nhiều chuyện quan trọng hơn phải giải quyết.

Viên thượng sĩ chánh liên miên gõ đầu ngón tay lên mặt bàn trong khi người thư ký sắp xếp tài liệu, lật sắp các tờ đánh máy để gỡ những tờ carbon ra. Có tất cả hai trang đánh máy đánh thành ba và bốn tờ carbon. Thoạt trông, đó có vẻ một danh sách. Snaido nhớ đến thiếu nữ. Lúc này, chắc nàng đang ở chỗ phát ngân viên, tìm cách lấy tiền nợ. Chàng liền bước lại gần cửa sổ để kiểm điểm xe ra.

- Nhớ để lại cho bọn tôi ít thuốc lá nhé. Chàng bảo Ópten thế.

- Im. Viên thượng sĩ quát lên.

Rồi chìa mớ giấy cho Fanhan, anh ta bảo:

- Đệ lên cho xếp lớn kí.

Fanhan ghim mớ giấy lại với nhau rồi bước ra.

Anh quản quay lại nhìn Smítso và Snaido nhưng Snaido vẫn không rời

cửa sổ. Mặt trời gần đứng bóng. Con đường vắng tanh. Bên kia đường là một bãi cỏ lớn chỗ người ta họp chợ mỗi thứ tư. Các quán gỗ dơ dáy vẫn còn đó, chìm trong ánh mặt trời. “Hoá ra hôm nay là thứ tư thật”. Chàng nghĩ thầm rồi ngoảnh lại với viên thượng sĩ chánh đang cầm một bản sao nhật lệnh nơi tay. Fanhan đã trở về rồi và đang đứng ở cửa ra vào:

- Các anh sẽ đóng ở đây, anh quản nói: Fanhan có họa đồ vị trí. Lần này, chiến thuật tác chiến sẽ được áp dụng. Các anh cũng thừa hiểu, làm cho đủ lệ ấy mà. Snaiđơ ạ, tốt nhất là nên lập tức điểm danh và phái vài người đi lấy vũ khí để sẵn tại khu bệnh này. Các đồn khác đều đã được thông báo rồi.

Snaiđơ hỏi:

- Vũ khí cũng là làm cho đủ lệ phải không?

Viên thượng sĩ lại đỏ mặt. Smítơ lấy thêm một điều thuốc lá trong bao của Fanhan.

- Cho xem danh sách các thương binh nào, ông bảo. Phải xếp lớn chỉ huy đoàn khởi hành đầu tiên không?

- Thừa phải, viên thượng sĩ đáp. Và chẳng chính ông thiết lập bản danh sách ấy đó.

- Tôi muốn đọc danh sách ấy một chút, Smítơ nói

Viên thượng sĩ lại đỏ mặt nữa.

Hắn rút trong ngăn kéo ra một bản danh sách, trao cho Smítơ. Vị bác sĩ môi mấp má, cẩn thận đọc từng tên một trong một vùng im lặng hoàn toàn. Ai nấy ngậm miệng, chăm chăm nhìn ông. Chỉ có hành lang mới ồn ào. Và mọi người giật mình khi Smítơ đột nhiên lớn tiếng: “Trung úy Môn và đại úy Baoơ, chà chà!” Ông dẫn mạnh bản danh sách xuống mặt bàn đánh bộp một cái, rồi nhìn anh quản.

- Bất cứ sinh viên y khoa nào cũng phải bảo anh rằng không được di chuyển một bệnh nhân một giờ rưỡi sau khi mổ óc hẳn.

Ông ta lại nhật bản danh sách lên, đập đập ngón tay lên giấy.

- Cho họ một viên đạn vào sọ hoặc nhét họ vào xe cứu thương thì cũng chẳng khác gì. Ông ta lần lượt nhìn Snaiđơ, Fanhan, viên chánh quản và Ópton.

- Rõ ràng người ta biết ngay từ hôm qua rằng hôm nay thì chúng mình phải bán xối. Vậy thì tại sao không hoãn cuộc giải phẫu lại?

- Mãi đến sáng nay mới có thượng lệnh cho rút, vừa cách đây nửa giờ thôi ạ. Viên thượng sĩ đáp.

- Thượng lệnh! Thượng lệnh! Smítơ mai mĩa ném trả bản danh sách xuống bàn.

Rồi ông bảo Snaiđơ.

- Lại đây, chúng mình đi thôi. Sau khi ra khỏi phòng, ông nói tiếp:

- Anh có nghe lời hấn vừa nói không? Chính tôi chỉ huy tiểu đội hậu tập... để rồi mình bàn thêm sau.

Ông hồi hả đi lên văn phòng y sĩ trưởng trong khi Snaiđơ lừng khừng về văn phòng mình.

Đến mỗi cửa sổ, chàng lại liếc nhìn ra ngoài để biết chắc xe của Sđacca vẫn còn đậu trước lối ra vào. Bây giờ thì sân đầy cam nhông và xe tải thương. Xe của xếp lớn ngự chính giữa sân. Mọi người đang bắt đầu chất đồ lên các xe. Snaiđơ để ý thấy rằng, gần nhà bếp, người ta khuân cả những căn xé trái cây và rằng người tài xế của xếp lớn đang kéo qua sân một thùng thực phẩm lớn có đai sắt. Ở các hành lang là tình trạng chen vai thích cánh. Về đến văn phòng, Snaiđơ liền đi lại tủ, rót hết chỗ rượu còn lại vào một chiếc ly, pha vào một chút nước hơi sắp đưa ly lên môi thì nghe chiếc xe đầu tiên nổ máy. Tay vẫn cầm ly, chàng bước ra hành lang, đến đứng tại một cửa sổ.

Vừa nghe, chàng đã đoán ra ngay đó là tiếng xe xếp lớn. Máy xe còn tốt lắm và mặc dầu mù tịt về máy móc, chỉ nghe thôi chàng cũng biết máy xe còn tốt. Rồi vị y sĩ trưởng bước tới, tay không hành lý, chiếc mũ cát kết trên đầu hơi lệch lạc một chút. Thái độ ông không có gì khác lệ thường. Chỉ có khuôn mặt ông mọi khi có vẻ cao sang trắng xanh với một vài khoảng phơn phớt hồng thì lúc này đỏ ửng. Trông ông đúng là một người đường bộ, cao lớn, thon dáng, kỹ sĩ có tài, mỗi sáng cứ mới sáu giờ đã lên yên tay cầm hèo giục ngựa phóng về phía rừng, đều đặn tiến mỗi lúc một xa hơn mãi, vào phía xa xăm đến nhòa vào chân trời. Nhưng lúc này xếp lớn mặt mày đỏ ửng. Và Snaiđơ nhớ chỉ thấy màu đỏ ấy có một lần, vào hôm Smítơ thành công trong một cuộc giải phẫu mà chính xếp lớn cho là liều lĩnh quá. Bây giờ thì Smítơ đi bên cạnh xếp lớn với một dáng bộ vô cùng bình thản trong khi xếp lớn khuynh hai tay bước đi mà như bơi. Nhưng kia Snaiđơ nhắc thấy Sđacca đang đi ngược hành lang. Rõ ràng là thấy sự xáo trộn nơi đây, nàng đang quỳnh lên như muốn kiếm lấy một người còn bình tĩnh. Nàng nói với chàng bằng tiếng Hung Gia Lợi. Chàng chẳng hiểu mô tê gì mà vẫn ra hiệu

cho nàng bước vào văn phòng mình. Cùng lúc ấy, bên ngoài, xe xếp lớn chuyên bánh, các xe khác chậm chậm theo sau...

Cứ bề ngoài mà xét, chắc thiếu nữ yên trí chàng thay thế phát ngân viên thường lệ. Nàng không ngồi xuống ghé chàng chỉ. Và khi chàng đặt đít xuống mép bàn giấy, nàng đến đứng trước mặt chàng vừa nói vừa khoa chân múa tay, cố gắng thuyết phục chàng. Đối với chàng, quả thực là một niềm hoan lạc được ngắm nàng kì no mắt mà không cần bận tâm nghe nàng nói.

Bởi vì dù cho có cố gắng tìm hiểu ngôn ngữ của nàng thì đó cũng chỉ là công cốc. Chàng để mặc nàng ba hoa chích chòe để tận hưởng khoái lạc ngắm nhía nàng. Thân hình hơi mảnh dẻ, nàng có vẻ còn thật trẻ, quá trẻ, trẻ hơn là chàng tưởng tượng nữa. Ngực nàng chỉ mới hơi nhú nhưng chiếc đầu nhỏ của nàng thì thực hoàn toàn xinh đẹp và chỉ nguyên nghĩ chờ cho đến lúc cặp mày dài của nàng kê lên má nâu của mình, khoảnh khắc thật ngắn ngủi trong đó nàng cũng ngậm cái miệng tròn nhỏ hồng hồng và đôi môi mong mỏng, chàng cũng đủ thấy gần như tác thờ. Chăm chú nhìn, chàng đành tự thú hơi thật vọng về tuổi tác của nàng tuy vẫn nhận rằng nàng trông thật xinh xắn. Vừa bằng đầu, vừa bằng bàn tay, chàng cố ra hiệu là chàng không có thâm quyền. Lập tức, nàng ngưng bật ánh mắt thành xa vời, nghi ngại. Chàng hỏi thật nhỏ:

- Ta muốn hôn em, em hiểu không?

Nói cho thật, chàng không còn tin chắc mình vẫn còn niềm ham muốn trước. Và chàng ngỡ ngàng khi thấy nàng đỏ mặt và một vẻ gì sôi nổi dần dần lan trên làn da nâu sẫm ấy. Chàng thấy nàng đã hiểu rồi. Hễ chàng tiến thì nàng lùi. Và thấy niềm kinh hoàng trong cặp mắt nàng và vẻ gầy guộc của cổ nàng ở đó một động mạch đang giật thình thịch chàng thấy lẽ ra phải tỏ tình từ ba tháng trước. Chàng liền dừng lại, lắc đầu và thảm thì:

- Xin lỗi em. Bỏ qua chuyện này đi. Em hiểu chứ? Nhưng niềm kinh hoàng trong ánh mắt nàng cứ gia tăng và chàng đâm lo không chừng nàng sẽ la lên. Nàng không còn theo dõi được ý nghĩ chàng nữa. Chàng thở một hơi dài, tiến lại cầm hai tay nàng. Và khi đưa đôi tay ấy lên môi, chàng ngửi thấy rõ ràng đôi tay là dơ bẩn, rằng chúng toát ra một mùi đất và da thuộc, kiêu và hành. Chàng hôn lướt qua và cố gắng mỉm cười. Nàng nhìn chàng với một vẻ còn bối rối hơn trước cho mãi đến khi chàng vỗ vai nàng:

- Nào thử xem có cách gì đòi tiền dùm em chăng.

Nhưng chỉ có điệu bộ đếm tiền mới bộc lộ được hết ý tứ khiến cho nàng theo ra hành lang, miệng hơi chúm chím.

Hung Gia Lợi là một thứ tiếng thật khó. Ngay chữ thuốc lá cũng còn khó mà đoán cho ra nữa là.

Nàng thiếu nữ lại lắc đầu Nagilavarát, Nagilavarát nàng hăng say nhắc lại vừa khoa tay nắm đấm từ trên ngực xuống dưới. Nàng lắc đầu, cười khanh khách, ngoạm những miếng lớn và hồi hả uống. Nàng bảo: “Ô, Nagilavarát, nha! Nàng chỉ ngón tay về hướng Đông Nam rồi nhại tiếng ù ù của xe thiết giáp đang tiến đến gần Bờ ru, bờ ru , bờ ru...”

Snaido, cuối cùng, gật đầu. Thế là thiếu nữ phá lên cười, nhưng đột nhiên ngừng bật, nét mặt thật nghiêm trọng. Snaido đã hiểu rằng Nagilavarát là tên một thị trấn và điệu bộ đấm không còn cho phép hiểu lầm gì được nữa. Chàng quay về tiểu đội đang khuân đồ trên cam nhông xuống. Smítso đứng cạnh tài xế đang ký một văn thư, Snaido đã kêu lớn:

- Bác sĩ có rồi một chút, xin mời đến đây được chẵng?

Smítso gật đầu.

Ăn uống xong, thiếu nữ gói ghém cẩn thận bánh, mẫu kiệu thừa và đẩy nút chai lại.

Snaido hỏi nàng:

- Em có cần nước cho ngựa không?

Nàng nhún vai nhìn chàng ngỡ ngác.

- Nước, cho ngựa. Chàng vừa nói vừa khom mình bắt chước điệu bộ một con ngựa đang uống.

- Ô, nàng kêu lên, ô, nước!

Bây giờ tia mắt nàng thật dị kì, như hiểu kì lại đồng thời âu yếm.

Từ bên kia sân, chiếc cam nhông bắt đầu nổ máy. Bên ngoài cả đoàn đang chờ đường hết kẹt.

- Gì đó? Smítso hỏi.

- Thiếu nữ này bảo trận tuyến bị chọc thủng một chỗ gần một thành phố. Tên thành phố đó bắt đầu bằng Nagi.

Smítso gật đầu:

- Tôi biết. Ở Grôsovacden.

- Ông biết à?

- Đêm qua tôi nghe thấy ở radio.

- Nơi đó xa đây không?

Smítsov đăm chiêu nhìn đoàn xe dài đang tuôn vào sân.

- Xa. Ông vừa nói vừa thở dài. Chữ này thật không còn ý nghĩa gì trong cuộc chiến tranh chúng ta đang theo đuổi... chắc cách đây lỗi một trăm cây số. Hay chúng ta trả thiếu nữ này bằng thuốc lá, ngay bây giờ?

Snaidơ nhìn Smítsov và cảm thấy mặt mình nóng bừng.

- Để lát nữa. Chàng bảo tôi còn muốn lưu nàng thêm một lát.

- Tùy ý anh. Smítsov đáp rồi chậm chậm đi về cánh Nam.

Vừa lúc ông bước chân vào phòng hai bệnh nhân cong lại, viên đại úy đang thì thầm bằng một giọng nghẹn ngào: Biêliôgóocsê. Smítsov biết ông không cần đem đồng hồ đo lại; nhịp phát âm của viên đại úy còn chính xác hơn bất cứ một chiếc đồng hồ nào. Ngồi trên mép giường với hồ sơ bệnh nhân trong tay, và gần như được ru bằng tiếng luôn luôn lặp lại ấy, vị bác sĩ cố tìm hiểu lấy chút ít sự thể, lòng thì tự hỏi do cơ năng nào đã khiến phát sinh từ khối óc bị mổ xe rồi khâu lại một cách gấp chằng hay chớ ấy cái thứ lời nguyện cầu một điệu này. Chuyện gì xảy ra trong năm mươi giây im lặng hoàn toàn chỉ dành để thở kia? Smítsov gần như không hay biết gì về thân thể bệnh nhân cả: ra đời tháng ba năm 1895 ở Vúppotal cấp bậc đại úy, binh chủng: bộ binh; nghề nghiệp: thương gia; tôn giáo: tin lành; cư sở, đơn vị, thương tích, bệnh trạng, tính chất của vết thương. Không có lấy một chút gì đáng chú ý: học sinh rất trung bình, hơi thất thường, chỉ có một lần phải học lại và chứng chỉ mãn học còn ghi được *Bình* về địa lý, Anh văn, thể dục. Ông chẳng vui thích gì khi bị gọi tòng quân và đã được thăng Trung úy năm 1915 mà lòng chẳng mảy may ham muốn. Ông ta không từ khước rượu nhưng không bao giờ uống một cách vô độ. Sau này, khi đã lập gia đình, không bao giờ ông đành tâm lừa dối vợ dầu sự thể thật dễ sắp xếp và được chúng nhân ưa thích. Ấy chỉ vì ông không sao có can đảm lừa dối vợ, sự thể chỉ giản dị thể thôi.

Điều mà hồ sơ ghi lại gần như hoàn toàn vô bổ đối với Smítsov chừng nào mà ông còn chưa hiểu rằng tại sao bệnh nhân luôn miệng nhắc đi nhắc lại Biêliôgóocsê, rằng tiếng đó có quan hệ gì với bệnh nhân và điều đó có lẽ chẳng bao giờ Smítsov tìm được ra hết. Ấy thế nhưng ông có thể sẵn lòng qua mọi ngày còn lại của kiếp sống trên giường này chỉ để nghe người bệnh lặp năm vắn đó.

Bên ngoài sự yên tĩnh thật hoàn toàn. Đầu óc bối rối và căng thẳng, vị bác sĩ lắng tai nghe sự im lặng ở đó từng lúc từng lúc, âm thanh nặng nề kia rớt xuống. Nhưng rồi im lặng vẫn chiếm phần ưu thắng. Nó trở thành ngọt ngào. Smítso, gần như miễn cưỡng, từ từ đứng dậy bước ra ngoài.

Lúc Smítso vừa rời đôi trai gái, thiếu nữ nhìn Snaido và ra chiều bối rối. Nàng ra hiệu uống, bằng một điệu bộ thật nhanh. À phải nước nha! Snaido nói rồi bước vào trong trại để đi lấy nước. Đến cửa ngăn, chàng bắt buộc nhảy lùi lại sau một bước. Một chiếc xe màu đỏ, khá hợp thời, lặng lẽ chạy vào, theo một tốc độ quá cao so với tốc độ được chỉ định. Chiếc xe chạy theo một đường queo khéo léo và hướng về gia cư của viên hiệu trưởng quá bên kia chỗ đậu của các xe tải thương.

Khi Snaido trở lại với một thùng nước, chàng lại phải né sang bên lần nữa. Người ta bóp còi inh ỏi trong sân, đoàn công voa vừa chuyển bánh. Anh quản ngồi trên xe đầu, các xe khác theo sau. Anh quản chẳng buồn để ý đến Snaido. Snaido chờ cho kỳ đến lúc đoàn xe dài đi khỏi rồi mới trở vào sân lúc này trống rỗng và im lặng đến nghẹt thở. Chàng đặt thùng nước xuống trước con ngựa, ngừng nhìn thiếu nữ đang chỉ chỗ Smítso. Ông bác sĩ từ khu trại Nam ra, đi qua trước mặt họ ra khỏi cổng xe. Hai người chậm chạp theo chân ông và cả ba đứng sững trước bệnh viện nhìn đoàn công voa xa dần về phía nhà ga.

Smítso hạ thấp giọng:

- Hai người tôi phải tới phòng bệnh nay đã trở lại với vũ khí thật.
- À ừ, Snaido đáp, tôi quên phút chuyện ấy rồi,

Smítso lắc đầu:

- Chúng ta sẽ chẳng cần đến vũ khí: trái lại. Lại đây mình vào thôi.

Ông dừng lại trước mặt thiếu nữ.

- Tốt nhất mình nên trả bằng thuốc lá cho cô ta ngay bây giờ, phải không? Làm sao biết được sự gì sẽ xảy ra...

Snaido gật đầu.

- Họ không lưu lại cho mình cam nhông nào à? Họ tính mình sẽ rút lui bằng cách nào?

- Sẽ có một xe quay lại, Smítso đáp. Xếp lớn đã hứa với tôi thế rồi.

Hai người nhìn nhau.

- Nhìn đằng sau kia kìa, dân tị nạn đấy. Smítso vừa nói vừa chỏ ngôi làng ở đó một đoàn xe đang lắc lư đi tới. Dân tị nạn đang lũ lượt kéo qua trước mặt họ, chậm chạp, mắt không buồn ngừng lên. Mệt rã rời, về mặt u sầu, họ chẳng buồn chú ý đến một ai, kể cả binh sĩ, đến người thiếu nữ.

- Họ từ xa đến, Smítso nhận xét. Ngựa mệt lả rồi. Trốn tránh như vậy phi lý quá. Với thể tốc độ hành trình này, họ sẽ không thoát được khỏi vùng chiến trận.

Một tiếng còi xe thúc bách vang lên sau họ, một tiếng còi the thé, nóng nảy, hỗn hào. Họ thủng thỉnh rẽ ra hai bên, Snaido cùng một phía với Sdácca. Đó là xe viên hiệu trưởng xin đường. Xe hẳn phải thắng gấp mới không đụng thẳng vào hông một xe bò của dân tị nạn. Lúc ấy, cả ba mới nhìn được thật gần những người ngồi trong xe hơi, y như đi xem chiếu bóng ngồi hàng đầu và phải chịu đựng nỗi khổ cực vì màn ảnh quá cận. Nơi tay bánh, viên hiệu trưởng có khuôn mặt trông nghiêm thật thản nhiên, xương xẩu và hơi ốm yếu. Trên chỗ ghế cạnh ông có cả một chồng có ngọn những va li và chăn mền chằng bằng dây thừng. Sau lưng ông là bà vợ mà khuôn mặt với những nét thật đều đặn cũng bình thản không kém chồng. Cứ bề ngoài mà xét, cả hai đều đã định bụng không nhìn phải nhìn trái gì hết. Bà ta đặt một đứa bé còn ẵm ngửa trên lòng và cạnh bà là thằng bé sáu tuổi là kẻ độc nhất từ trong xe nhìn ra ngoài, khuôn mặt sáng sủa của nó dán lên kính xe cười với binh sĩ. Đường kẹt mất lối hai phút dài. Ngựa của đoàn xe mệt lử và đoàn người bị chôn chân tại chỗ. Bọn Snaido thấy nơi tay bánh viên hiệu trưởng ra vẻ bồn chồn. Mồ hôi ông đầm đìa, mắt ông chớp dồn và, từ phía sau lưng, bà vợ ông rỉ tai bảo ông gì đó. Gần như không có lấy một tiếng động nào ngoại trừ tiếng gọi mỗi một của một người tị nạn hay tiếng khóc của một đứa trẻ nào. Rồi, đột nhiên một tiếng kêu vang lên từ trong sân, một tiếng gào trầm trầm làm cả ba người quay phắt lại. Đồng thời một viên đá giáng xuống xe hơi nhưng lại trúng vào chiếc lều vải cuốn thành bó. Viên đá thứ nhì đập bẹp một chiếc xoong được buộc ở phía cán bằng một dây da y hết những hôm gia đình này đi nghỉ cuối tuần. Kẻ vừa chạy tới vừa gào là người gác cổng bệnh viện cư ngụ tại hai phòng sát buồng tắm công cộng. Bây giờ thì anh ta đã chạy đến sát cổng nhưng anh ta hết cái ném rồi. Nên mồm vẫn chửi rủa, anh ta phải cúi xuống, và đúng lúc ấy đường hết kẹt, chiếc xe phóng đi giữa những tiếng còi ương ngạnh. Lọ hoa bay rớt đúng chỗ xe vừa đậu một giây trước, trên một khoảng lát diêm dúa bằng đá xanh nho nhỏ. Lọ hoa vỡ tan. Những mảnh vỡ tung ra thành một vòng tròn thật đều đặn chung quanh cái vùng đất lúc đầu còn nguyên hình dáng rồi đột

nhiên rời rã, phơi ra cả cụm rễ của một cây phong lữ thảo: những đoá hoa vẫn còn đứng, đỏ au dựng thẳng một cách thật ngậy thơ ở chính giữa.

Người gác cổng đã tới chỗ mấy binh sĩ. Anh ta không chửi thề nữa, chỉ đang khóc. Nước mắt vẽ thành vệt thật rõ ràng trên khuôn mặt nhem nhuốc của anh ta. Anh khom mình về trước trong một điệu bộ vừa bi thảm vừa ngơ ngáo, hai bàn tay vịn vào nhau, chiếc áo choàng cũ kỹ cẩu ghét phờ bao quanh nửa người trên gầy guộc của anh. Anh giật bản mình khi có tiếng đàn bà léo nhéo gọi ở cuối vườn. Anh quay ngược trở lại trở về nhà vừa đi vừa khóc nức nở. Sđacca đi theo anh tránh né đôi cánh tay Snaido chia ra chực ôm nàng. Rồi nàng nắm dây hàm thiết ngựa, dắt nó chui qua cổng, trèo lên xe cầm lấy dây cương.

“Đề tôi đi lấy thuốc lá” Smítơ gọi lớn, “Giữ cô ta lại, chỉ một giây cũng đủ”

Snaido vỗ lấy dây hàm thiết. Cô gái quật một nhát roi vào tay chàng. Chàng đau mà vẫn không buông. Quay đầu nhìn, chàng ngạc nhiên thấy Smítơ đang co cẳng chạy. Chàng chẳng bao giờ ngờ rằng Smítơ lại có thể chạy được.

Thiếu nữ lại giơ roi nhưng không quật xuống. Rồi nàng xếp roi sát cạnh chỗ ngồi. Và Snaido kinh ngạc thấy nàng mỉm cười, nụ cười chàng đã từng bắt gặp nhiều lần, âu yếm mà lại lạnh lùng. Bước đến gần chỗ ngồi trên xe, chàng dịu dàng kéo nàng lại, bế nàng xuống. Nàng nói gì với ngựa chẳng hiểu, khi chàng vòng tay ôm nàng. Snaido thấy nàng vẫn còn hơi sợ sệt nhưng không biểu lộ một chút phản kháng nào, chỉ lo âu nhìn tứ phía xung quanh. Chỗ cổng có vẻ tối sẫm, Snaido nhẹ nhàng hôn lên má, lên mũi và rẽ mớ tóc đen và mịn màng của nàng, định hôn lên gáy. Chàng giật mình khi nghe tiếng Smítơ trở lại lúc nào đang ném thuốc lá vào bên trong xe ngựa. Sđacca nhảy phắt lên xe, ngắm nghía các bao thuốc đỏ ấy. Vẫn làm lơ như không thấy Snaido, Smítơ lầm lũi bước trở vào sân. Sđacca, má búng búng đỏ, nhìn sững Snaido nhưng vẫn tránh tia mắt chàng rồi đột nhiên, bằng một mệnh lệnh gọi và giật giọng cho con ngựa, nàng giật mạnh dây cương. Snaido tránh sang bên, chờ nàng đi khỏi lối năm mươi thước mới cất tiếng gọi lớn tên nàng trong yên lặng. Nàng dừng xe, không ngoảnh lại chỉ quơ chiếc roi da lên bên trên đầu, thành nhiều vòng tròn ra hiệu giã từ rồi tiếp tục lên đường. Snaido khi đó mới chậm chạp trở vào sân.

Bảy binh sĩ sẽ đi hậu tập đang ngồi ngoài trời, gần nhà bếp cũ và đang ăn uống. Trên một chiếc bàn có súp, có những khúc bánh mì lớn và cả thịt

nữa. Snaidơ bước đến gần và, vì tai nghe có tiếng đập âm âm từ phía trong đưa ra, chàng hát hàm nhìn các bạn đồng hành của mình.

- Đó anh chàng gác cổng đang phá cửa buồng hiệu trưởng đấy, Fanhan giải thích như vậy. Và giây lát sau, hắn nói thêm. “Ít ra lẽ ra ông ta cũng nên để ngõ cửa, không thế thì cửa cũng bị phá kia mà.”

Có bốn người đi theo Smítơ trở vào trại để tập hợp bằng hết các thứ còn lại để mang theo. Snaidơ đứng im tại chỗ với Fanhan và Ópton.

- Tôi có một công tác thật oai. Ópton nói.

Fanhan uống một hớp rượu mạnh màu hồng trong cái ca của mình rồi chuyển cho Snaidơ mấy bao thuốc lá.

- Cảm ơn, chàng bảo.

Ópton tiếp tục:

- Tôi được giao công tác ném khẩu đại liên, các khẩu tiểu liên và cả mớ rẻ lau súng vào hố phân, chỗ viên đạn đại bác thối. Fanhan, anh sẽ giúp tôi một tay nhé.

- Ừ. Fanhan nói trong khi tay tinh nghịch dùng một chiếc muỗng nhỏ vét súp từ một vũng nâu lớn nằm chình ình giữa bàn ra một mép bàn, thành những hình ngoằn ngoèo.

- Nào chúng mình đi thôi. Ópton bảo.

Liên sau đó, Snaidơ ngủ gục trên nắp chiếc gà mèn của anh. Điều thuốc lá anh gác ở mép bàn cứ nghi ngút cháy. Tro xám hiện thành đường, lửa gặm bàn thành một vết đai, đen và hạp trên gỗ. Và bốn phút sau, điều thuốc chỉ còn là một mẩu dôi xám dính vào bàn. Mẩu tro xám ở nguyên vị thật lâu, mãi gần một giờ sau khi Snaidơ tỉnh giấc vô tình quơ tay gạt nó xuống đất. Một tiếng cam nhông chạy đã đánh thức chàng. Gần đồng thời với tiếng cam nhông vào sân, chàng nghe tiếng những xe thiết giáp đầu tiên. Snaidơ chồm lên. Mấy người khác đang đứng bao quanh chàng hút thuốc suýt bật cười nhưng đều nín được: tiếng vo vo xa xôi kia đầy đủ ý nghĩa quá mà.

- Nào, Smítơ bảo, chiếc cam nhông hứa hẹn tới kia. Fanhan, hãy trèo lên mái nhà rồi báo cho hay anh nhìn thấy những gì.

Fanhan tiến về khu phía Nam. Nằm phục vị trên một cửa sổ phòng hiệu trưởng, người gác cổng đang nhìn họ. Bên trong có tiếng vợ hắn ta đang sục sạo. Ly tách chạm nhau nghe lanh canh, chắc mù đang đếm chúng.

- Chúng mình chuyển mớ đồ linh tinh kia lên xe thôi, Smítso bảo.

Người tài xế quơ tay tỏ vẻ phản đối. Anh ta có vẻ mệt đừ.

- Cóc khô, anh nói lên xe đi và vứt mớ của nợ này lại đây cho rảnh.

Anh quơ một gói thuốc trên bàn, xé bao lấy một điếu.

- Thôi, dù sao cũng cứ chuyển đồ lên đi. Smítso nói tiếp đặng nào mình cũng phải chờ Fanhan trở xuống kia mà.

Anh tài xế nhún vai ngồi vào bàn, múc vào gà mèn của Snaido một môi canh đựng trong một chiếc thùng.

Những người khác hì hụi khiêng lên xe bất cứ thứ gì còn tìm được trong các trại: vài chiếc giường, một thùng thực phẩm của sĩ quan trên có kẻ tên người bằng sơn đen *Trung úy Bác sĩ Gréch* một mớ quân dụng: nào túi, nào túi dết, vài khẩu súng; rồi một chồng quần áo: sơ mi, quần đùi, bít tất, gi lê hoặc gói hoặc lên vào với nhau.

Từ trên nóc nhà, Fanhan gọi lớn:

- Chẳng thấy đêch gì cả. Có một rặng bạch dương trong làng che mất tầm mắt. Các anh có nghe thấy xe tăng không? Tôi thì nghe rõ mồn một à.

- Có. Smítso đáp lớn “Có nghe thấy”. Bây giờ thì cậu xuống đi thôi.

- Lẽ ra một người trong toán mình phải chạy ra chỗ gò đất. Smítso bảo: Ở đó chắc chắn có thể thấy được xe tăng đấy.

- Vô ích, người tài xế bảo: chưa làm sao mắt thấy nổi xe tăng đâu.

- Tại sao lại thế nhỉ?

- Tôi nghe thấy tiếng xe. Mà tai tôi cho hay chưa thể thấy chúng được. Và chẳng chúng từ hai phía khác nhau tiến tới đây.

Anh ta chỏ một ngón tay về phía Tây Nam. Và khác nào điệu bộ ấy đủ khiến phát sinh tiếng động, quả nhiên họ nghe thấy một tiếng vo vo khác, từ phía ấy tới thật.

- Rắc rối to, Smítso nói, vậy phải làm sao bây giờ?

- Mở máy chuồn lẹ, người tài xế đáp.

Anh ta bước sang bên, mắt hoài nghi nhìn đồng bạn đang chắt lên cam nhôm cả đến cái bàn và cả đến cái ghế từn dùng làm chỗ ngồi cho anh.

Fanhan từ trong trại bước ra:

- Một trong hai bệnh nhân đang kêu la, anh bảo thế.
- Để đó cho tôi. Smítso đáp, các anh đừng chờ tôi hãy đi đi.

Ban đầu, bọn họ ngập ngừng rồi sau đó cả bọn theo chân bác sĩ, trừ anh tài xế. Smítso quay đầu lại bảo:

- Thôi đi đi. Tôi thì phải ở lại với các bệnh nhân

Họ dừng bước lại ngập ngừng giây lát rồi lại bước theo ông.

- Trời đất ơi! Ông năn nỉ. Tôi đã bảo mấy người đi đi mà. Phải làm sao đi trước được khá xa trên cánh đồng thổ tả chứ.

Họ lại dừng bước lần nữa. Chỉ riêng Snaidơ vẫn tiếp tục bằng bước đi chậm chạp trong khi Smítso đã khuất dạng vào bên trong khu trại. Những người khác cũng chậm chạp không kém, kéo nhau lại chiếc cam nhông. Nhưng Fanhan đổi ý, đứng bất động một khoảng thật ngắn, rồi cũng trở vào gặp Snaidơ.

- Cậu cần gì không? Hấn hỏi. Chẳng là mọi thứ đều đã chất hết lên xe rồi...

- Để lại cho ít bánh mì, bơ... và thuốc lá.

Cửa phòng bệnh mở ra. Fanhan liếc qua một chút, kêu:

- Trời ơi, ông đại úy đây mà.
- Cậu biết ông ta ư?
- Phải, Fanhan đáp, tôi đã ở tiểu đoàn ông nửa ngày.
- Ở đâu?

- Tôi không biết tên vùng ấy.

- Thế hả, nhưng bây giờ thì cuốn gói đi thôi. Smítso cao giọng bảo. Đừng làm chuyện xuẩn ngốc.

- Hẹn tái ngộ vậy. Fanhan vừa nói vừa quay ra.

- Tại sao cậu lại ở đây? Smítso hỏi. Snaidơ không trả lời mà Smítso cũng như không đợi chờ một câu trả lời nào hết.

Cả hai lắng tai nghe chiếc xe cam nhông nổ máy. Tiếng máy càng ồn hơn, khi xe chạy qua dưới chiếc cổng ngăn. Bây giờ thì xe đang chạy trên đường ra ga rồi. Rồi họ nghe tiếng máy xe ở quá khỏi nhà ga nhưng lúc này tiếng máy xe gần như nghe không còn rõ nữa.

Tiếng vo vo của các xe thiết giáp đã ngưng bật. Có tiếng súng nổ.

- Phòng không nặng. Smítso nói: Có lẽ chúng mình phải trèo lên gò đất cao của đường sắt.

- Để tôi tới đó cho. Snaido bảo.

Trong phòng, viên đại úy vẫn lặp lại chữ “Biêliôgócôcsê” bằng một giọng gần như đều đều nhưng không phải không pha ít nhiều thích thú. Ông ta đen sì, râu rậm, đầu quấn băng thật chặt. Snaido nhìn Smítso. Ông này nói:

- Tuyệt vô hy vọng. Cứ giả thiết rằng ông ta qua khỏi, còn sống được... thì khi ấy...

Ông nhún vai.

“Biêliôgócôcsê” viên đại úy nói, rồi bật khóc. Ông khóc thật im lặng, nét mặt không vì thế mà biến đổi nhưng những dòng nước mắt cũng không ngăn được ông lặp lại “Biêliôgócôcsê”.

- Trường hợp ông ta được đưa sang Toà Mặt Trận. Smítso nói tiếp: Ông ta ngã từ mô tô xuống mà đầu không đội mũ sắt. Trước đây ông ta là đại úy.

- Tôi ra trèo lên gò đất đây. Snaido bảo. Nếu thấy còn có quân ta rút lui, tôi sẽ nhập với họ, nhé?

Smítso đồng ý.

Ra đến sân, Snaido thấy người gác cổng đã thương một lá cờ trước nhà ông hiệu trưởng, một mảnh giả đồ bản thiu trên có dính một lưỡi liềm vàng và một chiếc búa trắng đều cắt một cách vụng về từ khổ vải lớn để khâu lên mặt cờ. Chàng để ý thấy tiếng vo vo từ Đông Nam lại trở thành rõ ràng. Không có tiếng súng bắn nữa. Chậm chạp bước, chàng vượt qua các khu giống cây, dừng lại ngay hố phân. Viên đạn đại bác vẫn nằm chỗ này từ mấy tháng trước đó rồi. Cách đây mấy tháng, những đơn vị S.S. đóng trên đường sắt đã tấn công quân phiến loạn Hung Gia Lợi chiếm đóng trường này. Nhưng trận đánh thật ngắn ngủi. Gần như không còn dấu tích các tròng đạn đại liên trên mặt tiền trường. Riêng chỉ còn lại viên đạn trọng pháo, một khúc sắt rỉ, dài bằng cánh tay, đầu vê tròn mà chẳng ai thèm lưu tâm đến nữa. Ai không biết có thể ngỡ đó là một gốc củi mục. Có cỏ mọc cao bao quanh, nó không còn làm bận tâm ai nhưng bà hiệu trưởng chẳng để lỡ dịp để phản kháng bao nhiêu lần vì sự hiện diện của nó. Cũng đã có phúc trình được lập. Chắc hiện vụ đang được chuyên theo đường lối thông thường

nhưng vẫn chưa có lời phúc đáp nào gửi xuống.

Snaiđơ chậm bước chân lại khi phải đi vòng quanh viên đạn. Dưới cổ chàng còn thấy vết chân của Ôpton và Fanhan lúc đi ném khẩu đại liên xuống hố phân. Nhưng bây giờ thì mặt phân lại phẳng phiu như cũ, một nét phẳng phiu xanh và bóng như tráng dầu. Snaiđơ men theo các luống rau, đi qua khu ươm cây, rồi một đồng cỏ và trèo lên dốc gò. Gò cao lồi một thước rưỡi mà chàng tưởng mình đứng trên một đỉnh cao vô tận. Chàng đưa tầm con mắt khỏi quá làng, nhìn bình nguyên tăm tắp trải bên con đường sắt mà chẳng thấy có gì. Nhưng tiếng động thì chàng nghe còn rõ ràng hơn trước nữa. Chàng tự hỏi không rõ súng còn bắn không. Không, súng không bắn nữa. Tiếng vo vo đến từ thẳng hướng đường xe lửa. Snaiđơ ngồi xuống đợi chờ. Ngôi làng đang chìm đắm trong một vùng im lặng hoàn toàn. Mọi thứ ở đây, nào cây, nào cửa nhà thấp lè tè, nào gác chuông nhà thờ hình chữ nhật thây thây đều như đã trở thành bất động. Làng có vẻ nhỏ nhoi vì dừng ngay ở dưới chân đường sắt và vì ở phía trái, chẳng có gì hết. Snaiđơ ngồi xuống, lấy thuốc lá ra hút.

Smítơ ngồi lại cạnh người bệnh nhân cứ đều đặn nhắc lại Biêliôgócscê. Nước mắt người bệnh đã cạn. Ông ta nhìn thẳng trước mắt bằng đôi mắt âm u và chữ ông ta đọc lên tạo thành như một bản ca đơn điệu không dứt nó làm Smítơ thích thú. Ít nữa thì vị bác sĩ cũng có thể nghe nó hoài hoài mà không chán. Bệnh nhân kia thì vẫn đang ngủ.

Con người cứ luôn miệng nhắc mãi một chữ Biêliôgócscê này tên là Baoơ. Đó đại úy Baoơ, xưa từng là người đi bỏ mồi áo dẹt, xưa nữa là sinh viên. Trước khi là sinh viên, ông đã từng là thiếu úy trong gần bốn năm trời. Nhưng sau đó, một khi ông trở thành người bỏ mồi áo dẹt rồi, cuộc sống của ông mới thật là cực nhọc. Mọi công chuyện làm ăn dĩ nhiên tùy thuộc tình hình túi tiền của mọi người nhưng mọi người lúc ấy đều không tiền cả. Hay đúng ra lớp người mà áo dẹt của ông định nhằm vào. Áo dẹt ấy không quá đắt cũng chẳng quá rẻ. Áo dẹt đắt vẫn có người mua, áo rẻ cũng vậy. Nhưng loại áo người ta giao cho ông bỏ mồi, tốt trung bình, thì chẳng ma nào chịu mua cả.

Smítơ nhìn ông ta. Giá mình biết được ý nghĩ của con bệnh. Ông cảm thấy một niềm hiếu kỳ khó cưỡng được biết hết thảy về con người bộ mặt vừa phị vừa quất lại mà râu ria chơm chớm từng chỗ để lộ một mẩu da nhợt nhạt như da người chết trôi này, mà đôi mắt bất động cũng như sắp đến lượt nhắc lại chữ Biêliôgócscê vì đôi môi gần như không còn mấp máy nữa. Rồi con người đó lại khóc. Những dòng lệ im lìm chảy dọc trên má ông ta. Ông

ta chưa từng bao giờ là bậc anh hùng. Ông đã khổ tâm vì nghe viên trung tá quát trong điện thoại rằng ông nên sẵn sóc đến đại đội của ông một chút, rằng sự việc không trôi chảy hoàn hảo ở cú điểm Cút Chó, khổ tâm vì, sau đó, ông phải lên tuyến đầu, đầu đội chiếc mũ sắt nó khiến ông trông lồ bịch. Không ông chưa từng bao giờ là một bậc anh hùng, chưa bao giờ làm le đóng vai anh hùng và biết thân biết phận lắm. Khi lên gần sát tuyến đầu, ông nhấc mũ sắt ra vì sợ dáng dấp mình trông lồ bịch vào lúc ông phải nạo binh sĩ thuộc quyền. Cho nên ông tháo mũ sắt ra cầm tay, lòng tự nhủ lòng rằng: “Thôi thì liều một chút, cứ xông đại lên xem sao” Và niềm kinh hãi càng lúc càng tan dần khi ông càng tới gần nơi xảy ra chuyện lộn xộn ngu ngốc đằng kia. Gớm! Dễ thường tất cả binh sĩ còn có ai không biết rằng ông, đại úy Baoơ, ông tài thánh cũng chẳng sao đối phó nổi, rằng không một ai trên đời này đối phó nổi với tình trạng ấy vì thiếu đại pháo và thiết giáp! Tất cả các sĩ quan đều thừa biết rằng quá nhiều đại pháo, quá nhiều thiết giáp được dùng để bảo vệ các bộ tham mưu mà. “Bọn chúng làm khổ mình”, ông tự nhủ thế, bụng chẳng thèm nghĩ rằng mình can đảm. Và, ông xông lên, bị đạn bẹp sọ. Thế là điều độc nhất còn lại ở đây là chữ Biêliôgócscê. Thế thôi.

Hình như vậy là đủ cho ông giữ được cơ năng nói nguyên vẹn cho đến ngày chết. Đó là vũ trụ của ông mà không một ai biết được hay có thể biết được bao giờ cả.

Dĩ nhiên ông không hay rằng một cuộc thẩm cứu được mở ra chống ông tại Toà án Quán sự Mặt trận, về tội cố ý làm thành phé tật vì ông đã tháo mũ sắt ra trong lúc đang có tác chiến nhất là lại ngồi xe máy dầu. Ông chẳng hay chuyện đó mà có lẽ sẽ mãi mãi chẳng hay điều đó. Có một hồ sơ thiết lập với tên ông, với một số hiệu, với vô số giấy chứng nhận mà có lẽ sẽ chẳng bao giờ, ông biết đến, mà có lẽ cũng sẽ chẳng bao giờ làm ông bận tâm. Cứ mỗi năm mười giây, ông lại nói Biêliôgócscê và thế là hết.

Smítơ bình tĩnh ngắm nghĩa ông. Giá ông loạn trí đi để biết được những gì đang xảy ra trong đầu óc bệnh nhân mình thì ông cũng thích đấy. Ông đâm ra thèm tâm trạng bệnh nhân.

Smítơ giật mình khi Snađơ mở cửa.

- Gì thế? Ông hỏi.

- Chúng đang tới. Snađơ đáp. Chúng ở ngoài kia kia. Cút quá! Không một bộ đội nào của mình lọt thoát cả.

Trước đó, Smítơ không nghe thấy gì hết. Nhưng bây giờ thì ông nghe thấy chúng rồi, chúng đã đang ở đó, ở phía trái trong làng. Nay thì ông hiểu

thấy triệt được ý nghĩa câu nói của người tài xế cam nhông lúc này “Tai tôi cho biết mình chưa thấy được chúng đâu”. Bây giờ tai ông cho biết có thể thấy chúng được rồi. Và thật ra có thể thấy được chúng thật tỏ tường nữa.

- Lẽ ra trước đây mình nên treo cờ Hồng thập tự. Snaider nói. Ít ra cũng nên thử xem sao.

- Thì bây giờ cũng chưa muộn đâu.

Smítso kéo một lá cờ từ bên dưới chiếc va li đặt trên bàn ra. “Cờ đây” ông nói thế. Snaider đón lấy lá cờ.

- Đi, chàng bảo.

Lúc đi ra, Snaider thò đầu qua cửa sổ nhưng lại thụt vào ngay. Chàng tái mặt.

- Chúng kia kia, chàng bảo, trên gò đất của đường xe lửa.

- Để tôi tới đó cho, Smítso nói.

Snaider lắc đầu. Chàng cầm dụng đứng lá cờ bước ra, đi xuyên sang phải và với một vẻ hung tợn bước về đường xe lửa. Không có lấy một tiếng động. Ngay các xe thiết giáp đậu ở ngay lối ra làng cũng im bật. Trường học này là công trình kiến trúc cuối cùng ở trước nhà ga. Cho nên hòng súng các xe thiết giáp đều chĩa vào trường, nhưng Snaider không trông thấy những hòng súng ấy. Chàng cũng chẳng thấy cả đến các xe thiết giáp. Chàng chỉ cảm thấy mình ló bịch với cán cờ trên bụng như một cuộc điều binh và tràn ngập sợ hãi. Máu của chàng chỉ toàn là sợ hãi. Chàng đi thành đường thẳng, mắt chẳng trông thấy gì, một cách chậm chạp, gằn như một người máy, với cán cờ trên bụng. Chàng tiến tới chậm chạp, trượt chân và tỉnh cơn mê hoảng. Một sợi dây thép buộc dính cái gộc nho lại với nhau đã làm chàng trượt chân. Bây giờ thì chàng trông thấy hết thấy. Có hai chiếc xe thiết giáp đậu đằng sau gò đất của đường xe lửa và xe thứ nhất đang quay dần pháo đài vào chàng. Rồi khi vượt khỏi các hàng cây cao, chàng thấy có nhiều xe thiết giáp hơn nữa. Các xe thiết giáp này xếp thành nhiều hàng trước sau trên cánh bình nguyên và những ngôi sao đỏ vẽ trên xe dồn chàng vào một tình trạng ngượng nghịu kỳ lạ. Xưa nay chàng chưa thấy chúng bao giờ, đã tới hồ phân rồi. Chàng chỉ còn phải đi men theo các khuôn đất vuông, bước qua khu ươm cây và cánh đồng cỏ là trèo lên gò đất được rồi. Nhưng chàng dừng lại cạnh hồ phân. Niềm kinh hoàng xâm chiếm chàng, tệ hơn trước nữa. Lúc trước chàng không ý thức được niềm kinh hoàng ấy. Chàng chỉ có cảm giác như máu chàng đông đặc lại chứ chưa nhận được ra rằng đó là niềm kinh hoàng.

Bây giờ thì máy chày như lửa đốt. Chày nhìn thấy toàn màu đỏ, không còn phân biệt gì khác, chỉ nhận thấy những ngôi sao đỏ khổng lồ chúng làm chày hết hồn. Và thế là chày vấp phải quả đạn đại bác làm nó nổ tung.

Ngay lúc đó thì chưa có gì xảy ra cả. Tiếng nổ vang rên trong im lặng hoàn toàn. Bọn Nga chỉ biết được rằng tiếng nổ không do bên phía chúng gây ra và kẻ đang vác cò thì đột nhiên biến mất trong một vùng bụi lớn như đám mây. Một chút sau, một loạt tiếng lách cắc điên cuồng khởi sự. Chúng chĩa tất cả các nòng súng, cải đổi lại hàng lối để bắn. Trước hết chúng bắn vào cánh Bắc là nơi, ở một cửa sổ, có lá cờ nhỏ của người gác cổng đang rũ xuống như một miếng giẻ. Lá cờ rụng theo vôi vữa đang từ mặt tiền trường học rơi xuống từng mảnh nhỏ. Cuối cùng, chúng bắn vào cánh Nam một cách hăng say. Đã lâu rồi chúng không bắn. Chúng bắn cho kì bức tường mỏng bị xẻ ra và chỉ ngưng vào lúc cả cơ sở đổ sụp về đằng trước. Mãi đến lúc ấy, chúng mới nhận ra rằng không có lấy một phát súng nào từ phía trước mặt bắn sang chúng cả.

IV

LÚC đó chỉ còn lại hai đám màu rộng lớn, một do dưa chuột có ngọn cao nghêu hình kim tự tháp tạo thành, và, một màu vàng cam, là đồng trái mơ. Giữa chợ những cây đu của đám người hát dạo vẫn đứng sừng sững. Những cây đu vẫn còn đó, những nước sơn bên ngoài đã ngả màu, hoen ố, bản thiu: màu xanh và đỏ chẳng còn chỗ nào tươi đậm. Nhìn những cây đu người ta bắt buộc phải liên tưởng đến những sườn tàu trợ trụ đang kiên nhẫn nằm trong ụ bến chờ được đem bán ve chai. Vài ba chiếc xuống nhỏ, vẫn còn treo trên sườn tàu, thông xuống bất động gần như cứng nhắc. Một làn khói đen bốc từ những xe lăn dùng làm nhà.

Những đám màu mỗi lúc một nhạt dần: bức họa dưa chuột thu hẹp lại thật mau chóng. Gréch đứng từ xa nhìn thấy hai người đang thu dọn. Còn đồng trái mơ, việc thu dọn quá chậm chạp do một người đàn bà duy nhất, chỉ ta lại quá cẩn thận, nhẹ nhàng nhấc từng trái mơ rồi nhẹ nhàng xếp vào trong thúng. Hẳn là vì mơ dễ dập hơn dưa chuột Gréch chậm bước lại. Phải chối - hẳn nghĩ thầm trong đầu - nhất định phải chối luôn. Chả còn cách nào hơn một khi sự việc vỡ lở. Phải, chả còn cách nào! Vả lại, sánh với cái chết, có chối cũng chẳng quan hệ gì. Mà nào có ai hay biết gì đâu Gréch tin chắc điều đó. Tuy nhiên điều làm anh kinh ngạc không ít là ở đây sao còn quá nhiều người Do Thái đến như vậy.

Lê đường đầy ổ gà nhưng anh không cảm thấy. Hai bên có những hàng cây yếu ớt, gầy guộc và những căn nhà nhỏ thó. Anh đang nôn nóng và linh tính báo cho anh biết nếu anh không mau trốn khỏi nơi này anh khó có hi vọng giữ kín hành tung, và tới lúc đó anh sẽ chẳng còn chối cãi gì được nữa, chỉ cần rảo bước. Anh bước nhanh, còn nhanh hơn trước nữa. Anh đã gần ngay chợ: chiếc xe chở đầy dưa chuột sắp ngang qua mặt anh, nhưng ở đầu kia, người đàn bà vẫn thận trọng xếp mơ. Chồng mơ vẫn chưa vui được quá nửa.

Gréch nhìn những cây đu, suốt đời anh, anh chưa trèo lên loại đu đó, một lối tiêu khiển mà anh chưa bao giờ được biết tới; cha mẹ anh hồi anh còn nhỏ, đã cấm không cho anh chơi trò chơi đó vì nghiệm ra nó đã không thích hợp với sức khỏe của anh mà lại còn kì kì vì giữa đường giữa chợ mà khom khom, rún rẩy trên đu như loài khỉ, trông chả ra làm sao. Một khi ai đã cấm đoán anh điều gì, anh chả bao giờ làm. Thế mà bây giờ lần đầu tiên, anh đã dám làm một việc kinh khủng, xấu xa nhất mà còn nguy hại đến tính mạng anh nữa, sự sợ hãi đã khiến cổ họng anh như muốn thắt lại. Anh lão

đảo, ngất ngư dưới ánh mặt trời, anh cố bước nhanh qua những quãng trống để tiến tới chân cây đu. Khói đen từ cái xe lăn, bốc lên càng thêm dày đặc. Anh nghĩ thầm, sao người ta không cho thêm đồ đốt: than, à không, củi chứ? Anh đâu có biết dân Hung gia lợi dùng thứ gì để đốt lò. Mà điều này đâu có gì quan hệ với anh. Anh gõ cửa lều, dựng trên chiếc xe lăn; có một người đàn ông to lớn ở trên, nước da hung đỏ, râu ria xồm xoàm vừa xuất hiện. Trông gã có dáng dấp đặc biệt của giống người Hà lan với chiếc mũi mỏng dính và đôi mắt đen kịt.

- Cái gì đấy? gã dùng tiếng Đức để hỏi anh.

Anh thấy mồ hôi chảy xuống miệng... anh liếm mồ hôi và lấy lòng bàn tay vuốt mặt mà nói:

- Tôi muốn chơi đu.

Gã đàn ông vẫn thập thò trong khung cửa, neho mắt lại rồi gật đầu đồng ý. Gã đập lưỡi tóp tép trong mồm, đằng sau hẳn còn có một người đàn bà, vận quần yếm mặt nhễ nhại mồ hôi, những dải yếm màu đỏ sẫm cũng ướt sũng. Người đàn bà một tay bồng đứa con nhỏ tay kia cầm chiếc muống bằng cây. Đứa trẻ thật dơ dáy, còn mẹ đàn bà này chỉ cần liếc qua, cũng thừa hiểu họ có vẻ gậy hần. Phải chăng họ có ý nghĩ đang bị theo dõi vì hành vi bất chính nào đó? Gréch cụt hứng không còn thiết gì đặt chân lên cây đu nữa. Gã đàn ông thôi không dạo lưỡi trong mồm, hẳn nói với anh:

- Nếu ông muốn cứ tự nhiên, nhất là đang lúc giữa trưa, với cái nóng như thế này!

Gã bước xuống bậc thang gỗ, Gréch tránh sang một bên nhường hẳn đi trước rồi lăm lũi theo sau. Cuối cùng anh hỏi gã:

- Bao nhiêu tiền?

Rồi anh nghĩ thầm chắc họ cho mình là thằng khùng? Mồ hôi làm anh khó chịu muốn điên lên. Anh lấy tay quạt mồ hôi trên mặt, uể oải trèo lên bậc thang gỗ dẫn tới niềng đu. Gã đàn ông nói tay thẳng, chiếc giỏ ở giữa bắt đầu rung rinh.

- Tôi nghĩ rằng, gã đàn ông nói, ông không nên đánh đu quá cao, vì luật lệ bắt buộc tôi phải ở đây để canh chúng.

Đức ngữ của gã đàn ông làm Gréch phát buồn vì nó quá ư mơ hồ lại còn cứng như que củi. Cái lối nói của gã chỉ có phần nào Đức ngữ về từ vựng mà thôi.

- Không cao lắm phải không? Gréch trả lời, ông có thể tin nơi tôi, tôi phải trả ông bao nhiêu tiền?

Gã đàn ông nhún vai đáp:

- Ông cho tôi một Pengô *

Gréch móc túi lấy đồng pengô cuối cùng, trao cho gã đàn ông.

Chiếc giỏ rộng lớn quá sức tưởng tượng của anh. Anh tin tưởng có thể làm được và bắt đầu áp dụng kỹ thuật đưa đẩy chiếc đu mà anh đã có nhiều dịp quan sát và từ trước chưa có dịp thực hành. Anh nắm chặt vào chiếc thanh sắt; cuối cùng phải bỏ ra vì mồ hôi quá nhiều. Anh dùng ngón tay gạt những giọt mồ hôi đọng trên thanh sắt. Anh nắm thanh sắt trở lại, khum đầu gối xuống rồi đứng thẳng lên, người hơi ngả về phía sau. Anh làm như thế nhiều lần và rất ngạc nhiên khi chiếc giỏ đã bắt đầu chao tới chao lui. Ô, thì ra quá dễ, thay vì cảnh nhip đung đưa của chiếc đu bằng cách khum đầu gối xuống anh ta chỉ cần ngả người về phía sau, khi đu đánh về phía trước và ngả người về phía trước khi đu đánh về phía sau. Thật là dễ dàng và thích thú! Nhận thấy gã đàn ông vẫn còn đứng đó, Gréch nói vọng xuống bên dưới:

- Ông còn chờ gì nữa? Cứ để tôi ở đây được rồi.

Gã đàn ông lắc đầu; Gréch không để ý đến hắn nữa. Anh chợt hiểu trong đời anh đã quên làm một việc thí nghiệm cần thiết: cây đu. Thật là tuyệt vời! Mồ hôi trên trán anh đã bốc hơi, khô đi từ lúc nào. Làn gió mát trong lành cũng làm tan biến những giọt nước lúc này tuôn ra như suối trong mình anh, dưới lớp áo quần. Theo đà đưa đẩy của chiếc đu, làn gió mát như xuyên qua lớp ra ngoài để nhập vào cơ thể anh, làm anh say mê thích thú. Vũ trụ trên cao không còn đồng tình với vũ trụ bên dưới. Lúc đu xuống tầm mắt anh bị hạn chế bởi những tấm ván bản thủ, nứt nẻ từng sọc dài; nhưng lúc đu lên, một khung trời bao la bát ngát, mở rộng trước mắt anh.

- Hãy coi chừng! gã đàn ông từ dưới đất nói vọng lên, hãy nắm cho chắc nghe!

Gréch biết gã đàn ông đang siết tay thẳng, chiếc đu giằng giật và giảm hẳn tốc độ.

- Ông có để tôi chơi hay không? Gréch quát to.

Gã đàn ông lắc đầu. Gréch lấy thêm đà. Anh thấy thích thú tới cùng mỗi lần lui về phía sau ở một tầm mức song song với mặt đất để thấy những tấm

ván tồi tàn tượng trưng cho cái thế giới bên dưới hoặc tiến về phía trước khiến anh có cảm tưởng đang kê chân lên nền trời xanh của bầu trời trên đầu anh, như nằm xấp trên một cánh đồng xanh mỗi lúc mỗi gần hơn; những gì gọi là ngăn cách, lúc đó, đối với Gréch đều không còn ý nghĩa. Bên tay trái anh, mù đàn bà vẫn kiên nhẫn xếp mơ vào trong thúng từ đống mơ bày bên ngoài, tưởng chừng như không thể voi được, bên tay mặt anh, gã đàn ông có màu da hung đỏ, thỉnh thoảng lại kéo cần thắng để giảm bớt tốc lực của cây đu; dưới thị trường của anh vài ba căn nhà đang bị lật úp, xa hơn một chút còn thêm dãy phố. Chiếc nón kết của Gréch bay lộn ra ngoài.

- Phải chối, Gréch vừa suy nghĩ vừa giảm tốc lực của chiếc đu, phải chối ngay và chối phăng. Nếu mình cứ chối, họ đâu còn nghi ngờ gì; mình đâu có thể là con người làm việc đó? chẳng có ai lại chấp nhận như vậy, khi họ nghĩ tới thanh danh tốt đẹp của mình. Chắc chắn họ cũng không thể tin mình đã làm những việc tương tự. Gréch cảm thấy vừa hãnh diện, vừa lo âu, vì đã can đảm trèo lên chiếc đu này. Anh sẽ viết thư kể lại sự việc cho mẹ anh biết. À, mà thôi, bà cụ có thể không hiểu nổi hành động của anh. Phương châm của cụ là luôn luôn phải đứng đắn bất cứ trong trường hợp nào... Bà cụ không thể hiểu nổi hành động của anh, con trai cụ, Trung úy Gréch có bằng tiến sĩ luật, đang giữa trưa, nắng chang chang và ngay giữa một khu chợ bản thủ Hung gia lợi, lại dám ngang nhiên đánh đu cho mọi người xem chơi. Không, không thể thế được. Anh hình dung bà cụ đang lắc đầu; anh biết mẹ anh chẳng bao giờ có ý nghĩ khôi hài, riêng anh, anh không thể thay đổi tính tình của bà cụ được.

Trời đất! Lại còn thêm một chuyện động trời khác vừa lóe lên trong đầu óc anh mà chính anh không muốn nhớ: đó là lúc anh thay đồ ở phía sau một tiệm thợ may Do thái, ngọt ngào mùi vải mới, bừa bộn nào nùi giẻ nào quần áo mới cắt lẫn lộn với chiếc đĩa lớn có chân đựng dưa chuột trộn dầu dấm, ruồi nhặng bu đầy.. Một chất lỏng sền sệt trên môi anh; anh thấy tái người vì miệng anh vừa nuốt trôi lòng trắng trứng nhiễm trùng; hình ảnh đó rõ mồn một. Khi anh vừa lộn xong chiếc quần bên ngoài để lộ chiếc quần thứ hai đang mặc trên người, nhận một món tiền rồi vội vã bước ra khỏi cửa tiệm, trước sự khinh bỉ của lão chủ móm mém, rụng gàn hết răng. Bỗng nhiên tất cả chung quanh anh đều quay tít.

- Hãm lại! Gréch hét lên, hãm lại ngay.

Gã đàn ông thắng gấp khiến cho cây đu bị giật từng hồi đều đặn. Chiếc giò ngừng hẳn không còn nhúc nhích nữa. Lúc đó Gréch mới nhận thấy mình lơ bịch, đáng thương khi anh ta thậm trọng bước xuống đu, anh bước vào chỗ

khuất sau vườn nhà để ối mưa. Anh cảm thấy bụng dạ nhẹ đi nhiều, nhưng anh vẫn lợm giọng. Đầu anh choáng váng. Anh ngồi xuống bậc thang, đôi mắt nhắm nghiền. Động tác đưa qua đưa lại, lúc này, của chiếc đu làm đầu óc anh vang vang, đôi tròng mắt giật lên từng cơn đau đớn, nhức nhối khiến anh muốn ối mưa nữa nhưng chẳng còn gì trong bụng để ối.

Cuối cùng anh thấy dễ chịu dần dần. Anh đứng dậy lượm chiếc nón kết. Gã hát dạo đứng bên Gréch thản nhiên nhìn anh. Vợ gã cũng bước ra ngoài; Gréch ngạc nhiên nhận thấy chị ta quá nhỏ bé: một mẫu người đen như mun, da mặt khô cằn. Chị ta đang cầm chiếc li nhỏ. Gã đàn ông đưa tay nhắc chiếc ly từ tay vợ và gơ cho Gréch; gã lạnh lùng ra lệnh.

- Uống đi, ông sẽ thấy dễ chịu!

Gréch đón lấy chiếc ly, nước đắng quá nhưng uống vào lại thấy khỏe. Hai vợ chồng gã hát dạo cùng mím cười, một nụ cười quá máy móc; họ quá quen với cảnh tượng vừa qua cũng như xem thường cử chỉ của họ, chẳng phải bố thí hoặc thương hại. Gréch đứng lên nói lời cảm ơn.

- Cảm ơn ông bà rất nhiều.

Anh ta thọc tay vào túi quần lục tìm tiền; túi trống rỗng, ngoại trừ tấm giấy lớn quái ác đó. Gréch nhún vai tỏ vẻ bất lực, mặt đỏ lên vì ngượng ngùng.

- Thôi được, gã hát dạo nói, ông khỏi bận tâm!

- Hoan hô Hít le! Gréch nói gã đàn ông gật đầu.

Gréch đi lang thang. Mồ hôi như đang sôi sục trong lỗ chân lông lại tiếp tục vã ra. Trong mặt khu chợ có một quán ăn; Gréch muốn vào đó rửa qua mặt mũi.

Không khí trong quán kể có mát thật, nhưng lại chả trong lành chút nào. Phòng ăn trống trải. Gréch để ý tới người đàn ông ngồi sau quầy; y chỉ để ý tới mớ huy chương của anh.

Y có đôi mắt lạnh lùng, chỉ lạnh lùng thôi và không thù hằn chút nào. Trong góc trái một cặp ngồi trước những đĩa đồ, một bình rượu vang và một chai bia. Gréch bước lại chiếc bàn đối diện, lợi dụng chỗ thuận tiện để nhìn ra ngoài đường phố. Anh cảm thấy được an ủi phần nào. Đồng hồ anh lúc đó chỉ một giờ, anh được nghỉ phép cho tới sáu giờ chiều. Chủ quán từ từ rời quầy, từ từ tiến về phía anh. Gréch đang băn khoăn không biết nên ăn uống thứ gì? Chính anh có muốn ăn uống thứ gì đâu, mà chỉ muốn tắm rửa. Rượu

đôi với anh không ăn nhằm gì và không thể làm cho anh sa ngã được; vậy điều mà mẹ anh ngăn cấm về rượu cùng chơi đu, kể ra cũng có ích đấy chứ. Chủ quán, lúc đứng trước mặt anh, chậm chạp nhìn lên ngực phía trái của anh.

- Chào ông, hă nói, ông dùng gì?

- Một tách cà phê, Gréch đáp, nếu ở đây có bán!

Chủ quán gật đầu. Cái gật đầu đó có nhiều ý nghĩa lắm: nhất là khi ánh mắt hướng về ngực trái và tiếng cà phê cũng đã nói lên một cái gì rồi, Gréch nghĩ nên gọi thêm:

- Và một li rượu mạnh, có lẽ hơi trễ vào giờ này nhỉ!

- Rượu mạnh cốt trái cây nào? Chủ quán điềm tĩnh hỏi lại.

- Cốt trái mơ, Gréch trả lời.

Chủ quán quay gót. Người hă to béo; chiếc quần của hă, phía hai bên hông, cộm lên từng cục; hă lê đôi giày cũ mềm.

- Hă có lỗi cư xử như người Áo, Gréch nghĩ thầm.

Gréch liếc nhìn cặp tình nhân. Ruồi nhặng bu đầy những đĩa thức ăn còn vương vãi vài ba miếng thịt, và những đĩa có chân bằng đất nung đựng từng đống rau.

- Thật là ghê tởm, Gréch nói thầm trong bụng.

Một binh bết bước vào trong quán, liếc mắt len lén nhìn bốn chung quanh, giơ tay chào Gréch khi nhận thấy anh ta ở góc phòng, rồi tiến về phía quầy hàng. Hă chả có qua lấy một chiếc huy chương nào cả. Thế mà lão chủ quán lại tiếp đón hă một cách rất niềm nở khiến Gréch phải chạnh lòng.

- Có thể, anh nghĩ, người ta cho rằng đã là sĩ quan như mình, huy chương, hết bạc đến vàng, có đầy ngực hơn cả binh lính là lẽ đương nhiên. Sao dân Hung gia lợi lại có thể ngây thơ cụ đến mức đó được, hay tại mình có cái thể chất cao, mảnh khảnh, tóc hung, rất xứng đáng mang huy chương?

- Bớ khi! thật là bỉ ổi.

Gréch nhìn ra đường phố.

Mụ đàn bà bán trái mơ vừa hoàn tất việc thu dọn. Tới lúc ấy anh mới thấy thềm trái cây. Tại sao không nhỉ, trái cây tốt lắm đấy chứ? Anh nhớ lại hồi anh còn nhỏ, mẹ anh ưa cho anh ăn trái cây, nhất là lúc vào mùa, vừa rẻ

vừa ngon. Ở đây, trái cây lại rẻ như bèo, anh sẵn tiền muốn mua ăn bao nhiêu mà chẳng được. Anh không thể nghĩ thêm chút nữa vì nhắc tới tiền, anh chẳng còn đồng xu nào dính túi; mồ hôi anh toát ra nhiều, thật nhiều. Không, chả có gì có thể xảy ra được, cứ chối hoài. Có ai tin một tên Do thái nói rằng chính anh, Gréch, đã phải đem bán chiếc quần để tiêu xài. Anh mà đã chối, thì có ai còn dám tin nữa ngay cả khi người ta nhận ra chiếc quần đó chính là của anh; thì có khó gì đâu, cứ nói đại là anh bị mất cắp; ai lại dỗi hơi để tìm hiểu làm gì cơ chứ? Việc riêng của anh cần gì phải làm lớn chuyện? Bất cứ ai cũng phải có lúc kẹt như anh để phải bán chác một vài lần. Phải, ai cũng phải có một vài lần làm như anh vậy. Vì vậy anh đã hiểu tại sao xe tăng không có xăng để chạy, quân phục mùa đông tuôn ra đường phố, còn anh, chỉ bán chiếc quần là của riêng, may tại tiệm Gruncơ, bằng tiền túi của anh, tại tiệm Gruncơ, một người thợ may trứ danh nhất tại thành phố Silsdê.

Không biết thiên hạ đào đâu ra tiền mà tiêu xài hoang phí như vậy; trông vào đồng lương thì chả có ai còn dám can đảm. Ừ, cái thằng thiếu úy quèn ấy cũng vậy, suốt ngày nằm dài trong phòng để nuốt hàng đông bánh kem, nóc rượu huýtski thứ thiệt, vào buổi chiều; hẳn lại còn cua đào một cây, thuốc lá không thèm hút bậy bạ mà một nhãn đặc biệt, trong thời chiến tranh, đắt như vàng.

"Ôi dào! anh tự nghĩ, mình quả là cù lần, quá cù lần. Lúc nào cũng muốn đàng hoàng, trong khi kẻ khác, đời sống đẹp như tranh. Cù lần!"

Chủ quán bung ra cả cà phê lẫn rượu mạnh; hẳn hỏi:

- Ông còn muốn ăn gì nữa không ạ?

- Cảm ơn! Gréch đáp lại.

Mùi cà phê có vẻ khác lạ. Gréch nếm thử, khá ngọt và dịu giọng thì ra không phải là cà phê chính công, mà là một loại hàng thay thế, không đến nỗi quá dở. Rượu mạnh hơi nặng và cay xè, nhưng Gréch lại ưa thích hơn. Anh nhâm nhi từng giọt rượu. Theo anh lúc này người ta bắt buộc phải uống cồn như uống thuốc; chỉ có vậy thôi.

Đốm màu từ những trái mơ ánh lên ngoài chợ, lúc này, đã tan biến. Gréch bỗng đứng lên biến ra ngoài, hẳn nói vọng lên cho chủ quán.

- Tôi trở lại ngay bây giờ!

Mụ đàn bà bắt đầu dẫn chiếc xe bò rất từ từ; chiếc xe vừa tới ngang cây đu thì con ngựa vọt chạy nước kiệu. Chiếc xe sắp sửa queo vào đường phố để về nhà, Gréch vội kêu người đàn bà, lúc đó, đã nhanh tay kéo cương

ngựa, anh nhận rõ mặt mẹ ta, khá trọng tuổi, vai rộng, nước da sạm nắng, tuy cương quyết nhưng cũng có vài nét tạm gọi là đẹp. Gréché tiến về phía chiếc xe. Anh nói:

- Bà làm ơn bán cho tôi ít trái cây, những trái mơ đó!

Mẹ đàn bà nhìn Gréché và mỉm cười, nhưng nụ cười vẫn đậm vẻ lạnh nhạt. Liếc mắt vào thùng mơ, mẹ hỏi Gréché:

- Có túi đựng không?

Gréché lắc đầu. Giọng nói của mẹ ta trầm và ảm. Mẹ ta bước xuống ghế băng và quay về phía sau xe. Gréché ngạc nhiên khi thấy bước đi của người đàn bà còn vững vàng. Những trái mơ thơm quá, khiến anh thèm đến rỏ dãi. Anh lại nghĩ tới thời thơ ấu, mỗi lần mẹ anh tìm mua được cho anh những trái mơ như thế này, bà cụ tỏ ra rất sung sướng. Thế mà bây giờ ở đây, bán chả hết lại phải dọn từ chợ về nhà. Những trái dưa chuột cũng cùng chung số phận. Anh lấy tay nhón một trái mơ, bỏ tằm vào mồm: vị chua đơn đót, pha trộn vị ngọt; thịt thơm mềm nhũn và hăm hấp nóng. Anh quên làm sao được vị giác đó: anh thích vô cùng.

- Ngon quá, anh nói.

Mẹ đàn bà lại cười thêm lần nữa, tay đang bận bịu lấy giấy gấp thành chiếc túi rồi thận trọng lượm từng trái mơ, khẽ bỏ vào trong. Nhưng ánh mắt mẹ ta có vẻ kì lạ.

- Như thế này đủ chưa? Mẹ buông giọng. Gréché không trả lời, chỉ gật đầu. Mẹ đàn bà túm đầu túi, xoắn lại vài ba vòng và đưa cho Gréché.

Gréché rút tấm giấy bạc trong túi đưa ra cho người đàn bà và nói:

- Tiền đây bà!

Mẹ đàn bà mở mắt thao láo, vừa lắc đầu vừa than: "Trời! trời ơi!" Tuy nhiên mẹ ta cũng cầm lấy tờ giấy bạc áp nó vào cổ tay; dáng điệu của mẹ ta thật là khó hiểu, chỉ biết giống như thầy lang chuẩn mạch. Khoảng khắc sau mẹ ta đưa tờ giấy bạc lên ngậm vào miệng, để rảnh tay lần dưới xiêm và lôi chiếc bóp đựng tiền.

- Không bà ơi, Gréché la nhỏ nhỏ, giấu tờ giấy bạc đi đừng cho ai thấy!

Anh lo âu đảo mắt tứ phía: thế nào tờ giấy bạc lớn đó cũng làm cho người ta chú ý: phố xá đông đảo như thế kia mà. Một chuyến xe điện vừa chạy qua.

- Cát nó đi, Gréch kêu lớn, đã bảo cát nó đi mà!

Gréch đưa tay ra giật tờ giấy bạc ra khỏi miệng người đàn bà, mụ ta cắn chặt lấy môi, Gréch không hiểu rõ mụ ta giận dữ hay vui thích nữa.

Gréch nhai nát một trái mơ thứ hai và chờ đợi. Mồ hôi lấm tấm trên trán anh, anh lúng túng với những trái mơ đựng trong cái túi tạm bợ thô tả này. Mụ đàn bà có vẻ muốn chần chờ, vì dáng điệu của mụ không có gì là vội vã Gréch đã có ý định chạy luôn, không thêm trả tiền nữa, nhưng anh không dám làm, mụ ta có thể la lên, dân chúng sẽ bu lại. Người Hung gia lợi là bạn, không phải kẻ thù. Một "binh bét" vừa bước ra khỏi quán ăn, tên này khác với tên "binh bét" Gréch gặp lúc nãy. Hắn có huy chương: ba cái; ngoài ra trên tay áo hắn còn mang cấp hiệu. Hắn chào Gréch anh đáp lễ bằng cái gật đầu. Một chiếc xe điện khác, chạy ngược chiều với chiếc ban nãy; nhiều người qua lại trước mắt anh; họ đông quá. Bên kia đường sau chiếc dậu, tiếng đàn ống của những người hát dạo vang lên.

Mụ đàn bà vẫn tiếp tục lôi ra từng tờ giấy bạc, mỗi lần mỗi vuốt lại cho thẳng nếp, cho tới khi túi tiền vơi hết tiền giấy; kế đó tới tiền đồng. Ôi! sao mà nhiều thế, cả đồng; mụ ta rải chúng trên ghế băng xe ngựa. Mụ ta rút tờ giấy bạc Gréch vẫn nắm chắc trong tay, thôi lại cho anh tập giấy bạc với đồng bạc các.

- Chín mươi tám đồng! mụ nói với Gréch.

Gréch sắp sửa bước đi, mụ ta nắm cánh tay anh giữ lại, bàn tay mụ rộng lớn, nóng nóng như khô rang. Mụ kê miệng gần sát mặt Gréch nói nhỏ và điềm thêm nụ cười.

- Muốn gái không? đẹp mà, chịu nhé?

- Không! không! Gréch vội vàng, thực tình tôi không ham.

Mụ già lại luồn tay vào trong bọc lôi ra một tấm phiếu, nhét vào tay Gréch, mụ nói:

- Hãy giữ lấy!

Gréch xếp tấm phiếu cùng với xấp giấy bạc trong khi mụ già leo lên băng xe, giật cương ngựa. Anh bước qua lề đường, tay ôm chặt túi mơ, sợ nó bung ra bắt tử.

Đôi tình nhân vẫn còn ngồi trong quán, vẫn ở chiếc bàn đó, Gréch không biết họ là ai, bày ruồi nhặng vẫn bám đen kín trên đĩa, trên li. Gã đàn ông đang hoa chân múa tay, nhưng nói nhỏ nhỏ với người con gái. Chủ quán

bước tới gần Gréch trong khi anh đặt túi mơ trên bàn. Anh hỏi chủ quán:

- Tôi có thể rửa tay nhờ được không?

Chủ quán giương to đôi mắt.

- Tôi muốn rửa mặt mũi, chân tay, Gréch nhắc lại vẻ bực mình, rửa tay thôi. Trời ơi!

Vừa nói anh vừa xoa mạnh hai tay vào nhau. Chủ quán suy nghĩ, rồi bỗng nhiên lắc đầu. Hắn ngoảnh đầu lại ra dấu cho Gréch theo hắn. Anh đứng lên bước theo chủ quán chui qua tấm màn cửa xanh đậm chủ quán vừa vén lên. Lúc đó anh thấy ánh mắt của hắn thay đổi, dường như muốn hỏi anh điều gì? Hai người một trước một sau, theo dãy hành lang nhỏ hẹp dẫn tới một cánh cửa. Chủ quán thò tay mở, hắn nói:

- Xin mời ông vô đây!

Gréch làm theo lời hắn, sự sạch sẽ bên trong khiến anh kinh ngạc không ít; bồn rửa xi măng láng bóng, cửa sơn trắng, một tấm khăn treo lủng lẳng bên bồn. Chủ quán đưa cho anh một cục xà bông màu xanh dùng riêng cho quân đội và không quên nói: "Ông cứ việc xài!" Gréch tỏ vẻ cảm động. Chủ quán bước ra ngoài để anh được tự do. Anh đưa chiếc khăn lên mũi hít hít, nó có vẻ sạch. Gréch vội vã cởi bỏ lớp áo ngoài, vục tay thật sâu xuống nước, bóc lên rửa mặt mũi và cổ thật tinh tươm. Luỡng lự một chút rồi anh mặc áo vào, và bắt đầu rửa tay. Tên "binh bét" không huy chương, anh trông thấy lúc nãy cũng bước vào phòng vệ sinh. Anh tránh sang một bên để nhường cho hắn bước qua cầu tiêu. Anh cài lại cúc áo, cầm cục xà bông, qua quầy hàng trao lại cho chủ quán, và không quên câu cảm ơn. Anh trở lại bàn, ngồi xuống ghế.

Mắt của chủ quán có vẻ nghiêm nghị. Tên lính vẫn chưa trở lại, không hiểu hắn làm cái trò gì trong đó mà lâu quá vậy. Cặp tình nhân đã rời khỏi quán ăn không biết từ lúc nào; chiếc bàn vẫn còn nguyên li, đĩa dơ bẩn, chưa ai thêm dọn. Gréch uống xong li cà phê nguội ngắt; anh nhấp môi vào li rượu mạnh. Sau đó anh ăn mơ, thịt trái mơ béo và ngọt lịm khiến anh thêm thêm thường nhai một lúc hết sáu trái, anh cảm thấy lợm giọng, trái mơ nóng hôi. Anh chiêu vài ngụm rượu, nó cũng nóng không kém, chủ quán đứng sau quầy hàng thả hồn theo khói thuốc. Một quân nhân khác bước vào trong quán. Chủ và khách có vẻ quen nhau nhiều vì thấy hai người đang thì thầm với nhau. Người lính này có một chiếc huy chương độc nhất: lục quân vinh công bội tinh. Hắn kêu một li rượu bia. Anh "binh bét" từ phòng vệ sinh bước ra, trả tiền rồi đi luôn. Tới cửa hắn chào Gréch, anh chào lại. Anh quân

nhân vừa mới tới cũng đứng dậy qua phòng vệ sinh.

Tiếng đàn trống bên ngoài vọng vào, chậm chạp với âm điệu man rợ khiến Gréch cảm thấy buồn man mác. Cuộc chơi đu ban nãy lại hiện ra trong đầu óc anh, anh chẳng thể nào quên được. Anh chỉ tiếc lúc nãy anh thấy nhức tim gần muốn xỉu. Đường phố mỗi lúc một náo nhiệt thêm. Khách bộ hành chen chúc nhau, đủng mặt trước gian hàng nước đá. Gian bán thuốc lá kê bên lại vắng hoe. Bức màn xanh trong góc phòng vừa được vén lên thì một người đàn bà xuất hiện. Chủ quán đảo mắt về phía Gréch, người đàn bà nhìn theo. Anh không nhìn rõ được mặt người đàn bà; chiếc áo của ả có thể là màu đỏ, nhưng trong khoảng tranh tối tranh sáng, anh không phân biệt được rõ màu nào nữa. Mặt cô ả trát phấn trắng bệch với đôi môi đỏ chót. Gréch không nhận được nét mặt của ả, có thể nàng đang muốn cười tình với anh, nhưng anh không biết có phải vậy không? Thoạt nhìn ai cũng có thể biết chắc ả thuộc hạng người nào rồi. ả cầm trong tay một tấm giấy bạc vuốt thật thẳng như con nít có thói quen nắm tiền; cầm hoa hoặc cầm gậy so với lối cầm tiền của cô ả cũng chẳng khác là bao nhiêu. Chủ quán sau khi thôi tiền cho cô ả, đưa ra một chai rượu và vài điều thuốc; hấn không nói với người đàn bà câu nào, nhưng cặp mắt không rời khỏi Gréch. Anh thọc tay vào túi áo lôi ra xấp giấy bạc, anh lục tìm tấm phiếu mua bán mơ vừa đưa anh lúc nãy. Anh bỏ tiền vào túi sau khi rút tấm phiếu và để nó ở trên bàn. Sự để ý của lão chủ quán làm anh khó chịu, anh ngược nhìn lên hấn thì bắt gặp nụ cười của người đàn bà; lần này thì chắc rồi, y thị cười với anh, chứ còn ai vào đây nữa. Y thị đang đứng trước mặt anh, tay cầm chai rượu tay kẹp những điều thuốc, trắng lớp như bản mặt của cô ả. Trong khoảng tấm tối của căn phòng, Gréch chỉ nhìn thấy rõ khuôn mặt lợt lạt, vành môi đậm của người đàn bà và những điều thuốc có màu trắng ám ảnh. Nàng con gái cười tình với Gréch trước khi vén tấm màn xanh rồi đi ra.

Lão chủ quán càng lúc càng nhìn Gréch kĩ hơn. Mắt hấn trở thành hung dữ, dọa nạt khiến anh cảm thấy sợ hãi. Anh nghĩ: "Chà trông thằng cha có huống quá!". Anh có ý định bước ra khỏi quán, nhanh chùng nào hay chùng đấy. Bên ngoài tiếng đàn ống vẫn vang lên đều đều, xe điện chạy qua nghiêng bánh lên đường rầy nghe chói tai. Gréch cảm thấy một nỗi buồn thấm thía và kì lạ đang xâm chiếm tâm hồn anh; trên bàn những trái mơ tươi, mềm nhũn ban nãy đã làm cho anh thêm rỏ dãi, thế mà bây giờ anh lại ngấy, và tách nước ngàu lên vì bầy ruồi. Anh không thèm xua đuổi chúng, vội vã xô ghế đứng dậy. Anh la to:

- Tính tiền đi ông ơi!

Anh nói gần như hét lên để lấy thêm can đảm. Chủ quán chạy ủa ra. Bầy ruồi bắt đầu xâm chiếm các trái mơ, đậu san sát thành những đốm đen trên màu hồng tươi của vỏ mơ; anh lợm giọng khi nghĩ vừa mới tức thì anh đã nuốt chửng nhiều trái.

- Ba Pengo, chủ quán trả lời Gréch.

Anh trả tiền. Chủ quán liếc nhìn ly rượu, chỉ mới voi phân nửa, ngực áo của anh và tấm phiếu để trên bàn. Hắn định nhặt tấm phiếu lên, Gréch nhanh tay hơn đã phồng trước hắn. Bộ mặt nung núc những thịt và xám ngắt của hắn trông nhăn nhó dễ sợ; nó lại càng thảm thương hơn khi hắn nhìn thấy địa chỉ ghi trên tấm phiếu lại đúng là địa chỉ của hắn. Mồ hôi lại bắt đầu toát ra trong người Gréch.

- Thật tình ông cần tấm phiếu này? Chủ quán hỏi Gréch.

- Đâu có! Anh đáp.

Khi anh định cất tiếng lên chào chủ quán anh mới sực nhớ ra phải nói: Hoan hô Hítle. Ra tới cửa anh còn ngoảnh lại để hoan hô Hítle thêm một lần nữa. Tên chủ quán không thèm trả lời. Lúc anh ngoảnh lại, kịp thấy hắn tạt chỗ rượu mạnh còn lại xuống đất một cách tàn nhẫn. Đổng trái mơ, hâm hấp nóng và hồng tươi, ánh lên như làn da thịt của một thân hình ê chề rã rượi trong bóng tối.

Ra tới đường phố, anh cảm thấy sung sướng và bước thật nhanh. Anh buồn lòng vì phải về quân y viện sớm hơn thời gian được nghỉ phép; cái thằng cha Thiếu úy xác lác nằm kế bên tha hồ mà chế nhạo anh, nhưng đó là tại anh muốn về bệnh viện để nằm duỗi dài trên giường, anh thèm một bữa cơm bồi bổ nhưng khi chạnh nghĩ đến đổng mơ màu hồng anh lại thấy sự khó chịu tăng thêm; người đàn bà hiện ra trong đầu óc anh, người đàn bà, khi anh vừa mới rời khỏi quân y viện anh đã hồi hả tới thăm tại nhà riêng. Những nụ hôn mà cô ả tự động dán lên cổ anh, làm anh cảm thấy đau đớn trong thâm tâm. Anh chợt hiểu tại sao màu hồng của những trái mơ đã làm anh thấy ghê tởm. Áo quần của cô gái cũng một màu hồng; thân xác cô nóng hổi, và ướt át. Anh thiệt quá ngu ngốc, ai bảo đi ngủ với đàn bà giữa trưa, lúc trời còn nóng như thiêu như đốt. Ấy! thì cũng tại anh làm theo lời khuyên của ông già anh, rằng mỗi tháng đi tư ít là một lần. Mà cô gái cũng được cái chắc nịch. Phải chi buổi chiều, cô ta còn quyến rũ hơn. Cô ta đã vét hết tiền của Gréch và biết lí do tại sao anh phải bận một lúc đến hai chiếc quần, lớp trong và lớp ngoài. Cô ả rũ ra cười khi biết rõ ý định của anh, lại còn làm ơn làm phúc chỉ cho anh địa chỉ lão thợ may Do Thái để anh có thể bán đi một

chiếc.

Gréch chậm bước; anh cảm thấy, người yếu hẳn đi và biết rõ tình trạng anh lúc đó. Anh đâu có ăn ra tằm ra món nào đâu? Bây giờ thì quá trễ rồi, nuốt đâu vô nổi. Anh chán chường tất cả: người con gái, tên Do thái bản thiu, ngay cả cây đu mặc dù chính nó đã cho anh vài thích thú; những trái mơ, tên chủ quán và anh binh bét. Chỉ cô ả anh gặp trong quán ban nãy đã lấy được tình cảm của anh, rất nhiều tình cảm. Nhưng khôn nổi, anh không thể ngủ với hơn một người đàn bà vào cùng một ngày. Trông cô ả cũng được lắm, với khuôn mặt trắng, lấp ló trong ánh sáng xanh lơ mờ; nhưng nếu anh có gần ả, anh cũng có cảm giác ươn ướt và mùi mồ hôi tiết ra từ thân xác ả. Có thể hạng gái làng chơi không có đủ phương tiện để không xuất thần và được thơm tho ngay cả lúc giữa trưa, dưới sức nóng oi ả.

Anh vừa bước qua một tiệm ăn. Những chiếc ghé dựa được bày ngay trên hè phố, bao quanh bằng những thùng gỗ lớn bên trong trồng cây xanh mướt. Anh kiếm một góc khuất và kêu nước ngọt.

- Cho thêm đá vào, nghe! Anh dặn thêm thằng nhỏ bồi bàn; nó vừa đi vừa lắc đầu.

Một đôi nhân tình ngồi gần Gréch; họ nói với nhau bằng tiếng Lỗ ma ni.

Gréch, năm ấy đúng ba mươi tuổi, năm mươi sáu tuổi anh đã mắc chứng đau ruột, cha anh, một bác sĩ, thuộc loại lang vườn, nhờ là bác sĩ duy nhất trong thị trấn, nên chữa chẳng mát tay mà bạc cắc vẫn vô đông vô số kẻ; mẹ anh tha hồ mà lượm rồi để dành. Mùa hè, gia đình anh kéo nhau đi nghỉ mát, tắm suối nước nóng, có khi ở trên núi An-pơ, còn ở bãi biển thì là chuyện rất thường: mùa đông họ đóng kín cửa ở trong nhà. Hồi này, họ ăn uống cực khổ một chút vì ít người bệnh; khi người bệnh đông họ lại ăn uống ngon hơn. Trong thị trấn gia đình anh ở, những cuộc họp mặt đều diễn ra tại khách sạn. Anh thì chẳng được dất đi bao giờ. Khách khứa đãi đằng bằng rượu vang; kịp cho đến khi anh đủ tuổi để uống rượu, anh đã bị bệnh ruột rồi, món ăn của anh chỉ thấy khoai tây với rau xà lách. Anh chẳng nhớ rõ bao nhiêu lần trong tuần lễ dường như ba hay bốn gì đó. Anh có cảm tưởng suốt thời thơ ấu, anh chỉ biết có món ăn độc nhất khoai và xà lách, xà lách và khoai. Ít lâu sau, một bác sĩ đã cho anh biết các triệu chứng bệnh lý của anh gần giống như triệu chứng của bệnh thiên cơ quá lâu ngày: khoai và xà lách mang nhiều độc tính với trường hợp của anh. Mọi người nơi quê anh đều biết anh bệnh hoạn, vì chỉ nhìn thoáng qua anh, ai cũng thấy rõ; còn các cô gái thì kể như

chê anh rồi đó; họ không thèm ngó mắt tới anh và chỉ ngó lơ; tiền của cha anh để lại không thể lấy lại thể quân bình so với căn bệnh bao tử.

Ở trường học, Gréch chẳng xuất sắc chút nào. Năm 1931 khi anh đậu xong bằng tú tài, có người hỏi anh thích điều gì, anh trả lời muốn đi du lịch. Chuyến tàu hỏa đưa anh tới Lahay; anh vừa bước chân xuống đất đã vội mướn phòng; tới đến anh bước ra phố, trong người bứt rứt khó chịu, hi vọng có thể kiếm được vài ả giang hồ, ở Lahay tuyệt nhiên không có loại gái đó. Hôm sau anh xếp hành lý đi Phờ Răng Pho liền và ở đó tám ngày. Khi tiền gần cạn, anh đành phải trở về nhà; khi thấy anh về sớm người nhà ngạc nhiên không ít và còn thương hại nữa. Số tiền cha anh cho đã được dự trù rộng rãi cho một cuộc du hành trong ba tuần lễ. Ông cụ nhìn anh từ đầu tới chân, còn bà cụ nước mắt giọt vắn giọt dài, rồi hai ông bà cãi nhau kịch liệt. Ông cụ bực mình bắt anh cởi hết quần áo để ông khám bệnh. Hôm đó đứng vào chiều ngày thứ bảy, anh không thể quên giờ khắc đó được. Ngoài đường phố sạch sẽ như chùi và không có quá lấy một tiếng động. Đường phố vẫn mang vẻ cổ kính nên thơ quen thuộc với những tiếng chuông ngân, trầm và âm. Trong khi đó, anh đang trần truồng để cha anh nắn nắn sờ sờ khắp châu thân ngay tại phòng mạch ông thường tiếp khách. Anh ghét bộ mặt nung núc những thịt; hơi thở nồng nặc rượu bia của cha anh; anh muốn ông chết quách cho rồi. Đôi bàn tay của cha anh vẫn lướt trên mình anh; bộ tóc muối tiêu dày cộm của ông lắc la lắc lư trên ngực anh. Mày khùng thật, cha anh ngừng đầu lên, rửa anh như vậy sau nụ cười mỉa mai. Mày khùng quá rồi con ơi! Sức mày chỉ gần đàn bà một tháng đôi lần thôi. Gréch công nhận cha anh nói đúng.

Chiều tối, anh ngồi gần bên bà cụ và uống một thang thuốc. Bà cụ không nói đến nửa câu, bỗng nhiên bật khóc thành tiếng. Anh buông vội tờ báo bước lên phòng riêng, trên lầu.

Hai tuần lễ sau, anh đi Mabuốc để tiếp tục việc học; anh theo lời cha anh dặn mặc dù anh thấy sợ. Trong ba năm anh giật được mảnh bằng quốc gia, trong năm năm anh được bổ nhậm chức vị bồi thẩm, năm kế tiếp anh trình luận án. Anh tập sự xử án lần thứ nhất vào năm 1937 và lần thứ hai vào năm 1938, rồi được bổ nhiệm vào một chức vụ tại tòa án trong quận. Tới năm 1939 anh nhập ngũ với cấp bậc Chuẩn úy. Bản chất anh không thể thích hợp với việc chinh chiến có nhiều đòi hỏi mới và chẳng cần đến vị bồi thẩm, tiến sĩ luật khoa hoặc chánh án Tòa sơ cấp. Bây giờ khi anh trở về nhà, ai cũng nhìn tấm huy chương sáng chói trên ngực anh. Lèo tèo vài ba cái huy chương, vẫn chưa đáng kể. Vì vậy mẹ anh luôn căn dặn anh tự bảo trọng nơi

trận tuyến, nhưng lại khéo bóng gió khiến anh hơi tung tức.

Thằng Hiugơ Béhcơ nó vừa về phép đấy. Nó có anh dừng bội tinh với ngôi sao đồng. Kể ra nó cũng anh hùng đấy chứ; học hành tới lớp bốn mà cứ đúp lên đúp xuống và thi bằng phụ đề tẻ lại không đậu nổi. Thế mà bây giờ được thăng sĩ quan đấy. Tao thấy thật là khó tin. Còn thằng Vêđendông nghe nói bị thương nặng, phải cưa một giò. Mất một chân là chuyện quan trọng chứ.

Anh gọi thêm một li nước ngọt thứ hai. Anh vẫn ưa dùng loại giải khát đó, vừa mát lạnh lại vừa bổ. Anh muốn ôn lại những cảnh vừa qua, từ việc bán chiếc quần cho tên Do thái biển lận đem giấy bạc một trăm PenGo để mua vài trái mơ giữa chợ đang tấp nập. Thật là ngu si đàn độn! Nhớ lại những cảnh vừa qua, mồ hôi anh lại muốn vã ra, bỗng nhiên bụng anh sôi lên ồm ồm. Anh ngồi nguyên vị, liếc mắt tìm kiếm phòng vệ sinh. Thực khách trong phòng ngồi nói chuyện với nhau. Chẳng có một ai động đậy. Anh lo lắng ngoảnh đầu lại, bắt gặp chiếc màn xanh, bên cạnh quầy hàng. Anh từ từ đứng dậy đi thẳng về phía chiếc màn cửa. Khi bước qua gian phòng anh còn phải chào một vị Đại úy đang ngồi bên bà vợ. Anh chào thật mạnh đúng lễ nghi quân cách. Khi tới được bức màn anh cảm thấy sung sướng vô cùng. Mới bốn giờ chiều, anh đã về tới quân y viện. Tên Thiếu Úy hỗn xược vẫn còn ngồi đó sắp sửa soạn ra đi. Hắn mang bộ quân phục màu đen của binh chủng thiết giáp; trên ngực hắn lấp lánh nhiều huy chương. Gréch biết rõ từng chiếc một. Hắn có năm chiếc cả thảy, hắn uống rượu vang và ăn bánh nguội kẹp thịt. Vừa trông thấy Gréch hắn đã nói oang oang:

- Trung úy ơi! Rương của trung úy đã tới kia.

- Tốt, Gréch nói. Anh tiến về phía chiếc giường của anh, thò tay nắm quai rương và lôi về phía cửa sổ.

- Trung úy! viên Thiếu úy nói, người ta đành bỏ ông Tiểu đoàn trưởng của Trung úy ở lại Sokáchêli, Smítơ phải luôn bên ông ta, không làm cách nào để tản thương Đại úy Tiểu đoàn trưởng được.

- Thật ân hận vô cùng, Gréch vừa nói vừa loay hoay mở nắp rương.

- Nếu tôi là Trung úy, tôi sẽ cứ để nguyên nó đấy; mọi người chúng ta đều bắt buộc phải ra chiến tuyến hết, cả Trung úy cũng vậy.

- Cả tôi nữa à?

- Phải! Viên Thiếu úy vừa cười vừa nói; nét mặt con nít của hắn bỗng trở thành nghiêm nghị, trong tương lai, thế nào người ta cũng lập những toán

xung kích gồm toàn quân nhân mặc chứng đầu bao tử.

Gréch lại thấy ruột nôn nao. Anh cảm thấy như muốn nghẹt thở, anh trông rõ những miếng bánh kẹp thịt nguội, loại thịt hộp lớn nhòn mỡ hột như bọng trứng ruồi. Anh ra phía cửa sổ để dễ thở hơn đôi chút.

Anh mở cánh cửa. Một chiếc xe bò đầy nhóc trái mơ vừa đi ngang qua. Gréch ói đầy sàn. Anh thấy dễ chịu một cách lạ thường.

- Chúc Trung úy ăn ngon, viên Thiếu úy nói thật to.

V

LÚC đó Fanhan đang mặc ra phố để tìm mua nào kim cúc, nào giấy bìa nào mực Tàu. Anh chỉ kiếm được có mỗi khoản giấy bìa, màu hồng, quan Quán nhà ta ưa thích để kẻ bảng. Lướt về, trời mưa, một trận mưa hâm hấp nóng. Fanhan cố giấu cuộn giấy cồng kền dưới nếp áo choàng ngắn, nhưng khôn nổi cuộn giấy vừa dài vừa to, khi anh thấy nước mưa thấm vào mép giấy, và màu hồng bắt đầu hoen ố. Anh rảo bước. Tới ngã tư anh bắt buộc phải ngừng lại: đoàn xe thiết giáp khổng lồ đang quanh cúa một cách khó khăn, người ta phải xoay đầu ngọn đại bác trước, rồi mới tới đuôi, để chạy về phía Tây Nam. Dân chúng điềm tĩnh đứng nhìn.

Fanhan tiếp tục hành trình. Mưa mỗi lúc mỗi thêm mau và nặng hột, cây cối nhỏ giọt. Khi anh tới được khu phố Trung tâm anh đã tạm thiết lập, mặt đất đen xì đã đầy những ao nước.

Ngoài cửa Trung tâm treo một tấm bảng lớn màu trắng, trên kẻ hàng chữ: Trung tâm Tiếp thương Sengiơcgi bằng bút chì màu đỏ nhạt. Rồi đây, một chiếc bảng khác bằng giấy bìa hồng kẻ chữ rộng viết mực Tàu, như thế và ai cũng thấy. Trong im lặng hoang toàn Fanhan bấm chuông. Bên trong có người bám vào nút. Anh hướng về đôn gác giơ tay chào, rồi đi thẳng vào tiền đường. Một khẩu tiểu liên và một khẩu súng trường treo trên mắc áo. Bên cạnh cửa mỗi phòng đều có một hàn thử biểu, lồng trong một hộp kiếng. Tất cả đều sạch sẽ. Im lặng tuyệt đối Fanhan nhón gót đi thật nhẹ nhàng. Anh nghe thấy tiếng quan quản đang nói trong điện thoại ở căn phòng đầu tiên. Trên tường căn phòng lớn ăn thông với các phòng khác treo la liệt hình các giáo sư, toàn là phụ nữ, và một hình màu chụp thành phố Sengiơcgi.

Queo về bên phải, Fanhan bước qua một cánh cửa thì tới sân trường. Bốn chung quanh sân có cây lớn, sau dãy tường những căn nhà cao dựng lên san sát. Fanhan ngược mắt lên khung cửa sổ lầu ba; cánh cửa sổ mở rộng. Anh quay trở lại căn phòng ban nãy, vòng quanh cầu thang. Trên tường chạy dọc theo cầu thang gắn hình bán thân của các cựu nữ sinh tốt nghiệp. Tất cả các hình đều được lồng trong một mẫu khung đồng nhất màu nâu mạ vàng. Hình người ló ra giữa khung bầu dục. Khung ảnh đầu tiên ghi năm 1918. Thì ra năm cô trong hình đều bận áo trắng hồ bột trắng nếp và cũng có nụ cười. Ôi! nụ cười mới buồn làm sao, vì gượng gạo. Fanhan đã nhìn những tấm hình đó nhiều lần, rất nhiều lần, mỗi ngày trong suốt mấy tuần lễ. Giữa đám hình các cô nữ sinh, nổi bật hình một bà, bận đồ đen trông dễ sợ, lại thêm

cặp kính kẹp mũi; chắc đây là hình bà Hiệu trưởng. Từ năm 1918 đến năm 1932 vẫn còn hình của bà ta, khoảng thời gian mười bốn năm không tàn phá nét mặt của bà. Có thể bà vẫn dùng một tấm hình mà bác thợ chụp đã phóng ra nhiều bản để gắn lên tường. Fanhan bước qua năm 1928. À hình cô nữ sinh này ngộ à! Có mái tóc buông rủ trước trán chằm riềm mi, nét mặt đẹp đấy, nhưng phải cái hơi nghiêm nghị. Cô ta mang tên Ilôna Káctóc. Fanhan mỉm cười. Anh đã tới khoảng rộng nghỉ chân của bậc thang, đứng vào chỗ ghi năm 1932 trên tường; chính năm này anh đậu tú tài. Anh để nhiều thì giờ để ngắm nghía hình các cô nữ sinh lứa tuổi mười chín như anh vào năm 1932 và tất cả mọi người, bây giờ, đều đã ba mươi tuổi. Trong đám này cũng có hình một cô gái với mớ tóc rủ xuống trán nhưng ngắn hơn cô kia. Nét mặt cô này cũng nghiêm nghị nhưng bao quyện vẻ hiền từ, đoan trang. Cô mang tên Ilôna Káctóc giống hệt như cô chị: Cô không có nụ cười trong bức hình. Fanhan ưa dáng điệu đó; anh ngưng lại vài giây ngắm nghía chiếc hình, mỉm cười rồi tiếp tục đi lên lầu ba. Anh cảm thấy nóng, mồ hôi xâm xấp lưng áo; hai tay đều mắc, nên anh không thể gỡ chiếc nón chào mào, cứ để nó yên vị trên đầu và bước lên thang. Bên cầu thang, trên một chiếc ngai tượng Đức Mẹ được trưng bày rất trang trọng. Tượng làm bằng thạch cao, dưới chân có đặt chiếc bình, hàng ngày, sáng, chiều, đều được thay bông: sáng thì bông uất kim hương, chiều lại thay bông hường, vàng hoặc đỏ, vừa chớm nở. Fanhan đứng nghỉ một chút, anh liếc mắt theo chiều dốc lòng cầu thang. Dọc cầu hình các cô nữ sinh cứ tiếp nhau bắt tận, nhìn mãi cũng phát ngán; người ta có cảm tưởng đang ngắm nghía loài bướm trắng với chiếc đầu xám đã được phân loại và xếp vào trong hộp, hình nào cũng giống nhau về đại cương thỉnh thoảng xen kẽ một hình lớn hơn và màu đậm; sự khác biệt đó xảy ra vào những năm ghi 1932 1940 và 1944. Năm 1944 vẫn còn đó, ở cuối cùng cầu thang, bên trái, vẫn những hình các cô nữ sinh, bận áo trắng hồ cứng, với nụ cười thiếu nảo, bao quanh một tấm hình bận áo đen với nụ cười chẳng tươi hơn chút nào. Anh liếc nhìn năm 1942, lại có hình của cô nữ sinh mang tên Soócna Káctóc không phơi bày nét đặc biệt nào ngoại trừ khuôn mặt tròn dễ mến. Tới trạm ngừng chân thứ ba trên cầu thang, Fanhan nghe thấy tiếng xe cam nhông từ dưới đất vọng lên, phá tan bầu tĩnh mịch của căn lầu chót. Tạm đặt những món đồ trên tay vào thành cầu thang, anh mở cánh cửa sổ kế bên nhìn xuống dưới. Quan Quán nhà ta đang đứng trước đoàn xe cam nhông, tuy ngừng nhưng động cơ vẫn nổ rầm rầm. Nhiều người đàn ông tay băng bó từ trên xe cam nhông nhảy xuống. Một chiếc xe chở hàng sơn đỏ dẫn đầu đoàn xe, từ đó tuôn ra nhiều binh lính với đồ trang bị kèn cồng. Đường phố bỗng đầy ắp người. Quan Quán hét với mọi người:

- Mấy anh theo tôi, vào căn phòng lớn rồi chờ ở đó!

Một dãy dài màu xám không hình thù nhất định thu dần dưới hàng hiên dẫn vào trong các căn nhà. Các cánh cửa sổ của những căn nhà đối diện bên kia hè phố, được mở rộng dưới đường dân chúng bu nghẹt.

Có nhiều bà đang thút thít khóc.

Fanhan đóng kín cánh cửa sổ lại như cũ. Căn nhà bên trong, trở lại yên tĩnh, mặc dù tiếng vang từ lâu dưới đưa lên, yếu ớt, không gây chút ảnh hưởng nào. Fanhan chậm rãi bước giữa những hành lang và tiến tới phía cửa căn phòng cuối cùng. Anh nhắc chân thúc nhẹ vào cánh cửa. Một giọng nói đàn bà từ bên trong vọng ra: Xin mời vào! Đầu Fanhan nóng ran khi anh đặt tay lên núm cửa. Anh không kịp nhận ra người đàn bà ngồi ở chỗ nào; căn phòng đầy ắp nào loài thú nhồi rơm, nào bản đồ cuộn tròn ngổ ngang trong các hàng kệ, nào những hòm kính khóa kĩ, trong đựng các loại khoáng chất. Trên tường treo một bảng gỗ sơn màu có gắn nhiều mẫu hàng len đan, ngoài ra còn nhiều biểu đồ đánh số thứ tự chỉ dẫn cách thức dưỡng nhi.

Fanhan từ ngoài nói vọng vào.

- Có ai trong này không?

Tiếng đàn bà lại vọng lên.

- Có tôi đây!

Fanhan tiến về phía cửa sổ bằng một lối đi chật hẹp giữa dãy tủ cây và tủ kính. Cô gái ngồi trước một chiếc bàn nhỏ hẹp. Mắt cô gái bên ngoài tròn hơn trong hình; sự nghiêm nghị cũng bớt đi và sự dịu dàng, trái lại, rõ rệt hơn. Cô gái lộ hẳn sự vui mừng khi nhận ra Fanhan; tuy nhiên nàng không giấu vẻ e thẹn; nàng không lên tiếng chào lại anh mà chỉ gật đầu. Fanhan dặt cuộn giấy công kênh lên thành cửa sổ, tay trái anh được rảnh rang, giơ lên đầu hạ chiếc mũ chào mào xuống thăm mồ hôi đang lấm tẩm trên mặt.

Fanhan nói:

- Cô Ilôna, tôi mong cô giúp cho một ít mực tàu.

Ilôna đứng dậy, tay đóng cuốn sách trước mặt lại.

- Mực tàu? Ilôna đáp, tôi không hiểu danh từ đó!

- Tôi nghĩ rằng trong chương trình giáo khoa các cô có dạy Đức ngữ mà?

Ilôna cười.

- Thì đó là danh từ dùng để chỉ loại mực Tàu đen, Fanhan trả lời cô gái, có lẽ cô cũng không biết loại bút lông nữa đấy nhỉ?

- Có chứ, tôi chỉ nghi ngờ thôi, Ilôna vừa tủm tỉm cười vừa trả lời người bạn mới.

- Thế thì phiền cô cho mượn một quả bút có ngòi lông?

- Được chứ.

Ilôna chỉ vào chiếc tủ đằng sau Fanhan. Anh nhận thấy cô gái phải mất nhiều khó khăn mới bước ra khỏi chiếc bàn nàng đang ngồi: khoảng cách quá chật hẹp.

Fanhan mới chỉ quen biết cô gái có ba ngày nay, cũng tại căn phòng này; sau đó ngày nào anh cũng chui vào đây để nói chuyện với cô hàng giờ. Cô gái luôn luôn đề phòng, chẳng khi nào đứng gần anh: Ilôna rất đạo hạnh, rất chất phác và rất tinh đời. Nàng cảm thấy Fanhan dễ mến, tuy vậy không bao giờ nàng đứng gần tâm tay Fanhan, nàng chỉ e anh ta nổi hứng bất tử ôm đại lấy nàng vào lòng để hôn càn. Cả hai người thường nói chuyện với nhau rất lâu trong mấy ngày nay về nhiều vấn đề, kể cả vấn đề tôn giáo. Họ cũng đọc kinh chung với nhau nữa. Ilôna đề phòng như thế cũng phải; Fanhan đồng ý về cách xử sự của nàng, vì ý tưởng làm càn đã nhen nhúm trong thâm tâm anh ngay từ buổi đầu, may mà cô gái vẫn giữ khoảng cách. Fanhan lắc đầu nhăn nhó.

- Nếu cô chỉ cần nói một câu, anh nói bóng gió, chỉ một câu thôi, tôi sẽ không bao giờ đặt chân đến đây nữa.

Ilôna đổi ngay nét mặt nghiêm nghị, riềm mi khép nhẹ, đôi môi cắn chặt. Khoảng khắc sau, nàng hướng mắt về phía Fanhan, nói thật nhỏ:

- Nếu ông làm thế, không biết tôi nên vui hay buồn! Tôi nghĩ rằng điều đó chẳng lợi ích gì; có phải thế không?

- Cố nhiên là không! Fanhan đáp.

Ilôna cúi đầu.

Fanhan lui về phía lối đi chật hẹp trông ra cửa phòng. Anh nói:

- Tôi không thể nào hiểu nổi một giáo sư có thể dạy học mười chín năm tại cái trường mà trước đây vị đó đã sống đời học sinh.

- Tại sao không nhỉ? nàng đáp, tôi luôn luôn yêu nghề dạy học, ngay cả đến bây giờ cũng vẫn thế.

- Hiện giờ trường bị đóng cửa?

- Không, chúng tôi được chuyển sang đây ở một trường khác.

- Còn cô, theo như tôi biết, cô được chỉ định ở lại gác trường? Bà Hiệu trưởng, kể cũng khôn ngoan đấy chứ, để một cô giáo đẹp nhất ở lại gác, (Anh thấy Ilôna đỏ mặt) ngoài ra cô giáo cũng giỏi nhất. À! Cô giáo có bản đồ Âu châu không nhỉ? (anh vừa nói vừa liếc mắt, tìm kiếm chung quanh)

- Có chứ!

- Còn kim cúc?

Ilôna liếc mắt nhìn anh, tỏ vẻ ngạc nhiên, nàng không trả lời, chỉ gật đầu.

- Vậy thì phiền cô cho mượn một tấm bản đồ Âu châu và một số kim cúc.

Anh mở cúc túi áo, lôi ra một bọc giấy cuộn hình sâu kèn, anh thận trọng đổ những gì đựng bên trong vào lòng bàn tay: những ngọn cờ tí hon bằng giấy bồi màu đỏ; anh giơ một ngọn cờ cho cô giáo Ilôna coi.

- Lại đây cô giáo! Anh nói, chúng ta chơi trò chơi Tham mưu. Vui lắm cô ạ!

Anh nhận thấy vẻ ngập ngừng của cô giáo.

- Thì cứ lại đây mà, anh khẩn khoản, tôi hứa không hề đụng chạm đến người cô.

Ilôna rời chiếc bàn, tiến về phía chỗ để bản đồ. Khi nàng qua mặt Fanhan, anh làm bộ đang nhìn xuống cảnh sân trường. Anh ngoảnh lại khi nàng qua khỏi, chạy tới giúp nàng lôi chiếc giá từ trong kệ ra, rồi dựng nó lên. Tấm bản đồ, được kẹp vào giá. Ilôna gỡ chiếc băng cột bản đồ, nàng quay tay quay để trải rộng nó ra. Fanhan đứng cạnh, tay nắm khư khư những ngọn cờ nhỏ xíu.

- Trời ơi! chúng tôi đâu có phải loài thú mà sao cô sợ sệt tới mức đó? Fanhan nói lầm bầm.

- Đúng vậy! Ilôna đáp thật nhỏ, mặt hướng về phía anh.

Anh nhận thấy sự sợ hãi vẫn đeo đẳng theo nàng hoài.

- Chẳng khác nào bầy lang sói, Ilôna nói tiếp, hơi thở gần như đứt đoạn. Bầy lang sói sẵn sàng để, bất cứ lúc nào cũng có thể nói đến tình thương.

Mẫu người như thế không thể không đáng lo ngại. Tôi xin ông, nàng hạ thấp giọng, đừng làm như vậy!

- Làm gì cô chứ?
- Nhắc tới chuyện yêu đương!
- Ngay bây giờ, tôi có thể hứa với cô điều đó...

Fanhan chăm chú nhìn vào tấm bản đồ và không biết Ilôna đang nhếch mép cười.

- Cô làm ơn cho tôi vài cây kim cúc, anh nói, đầu không cần ngoảnh lại.

Mắt anh không rời tấm bản đồ có nhiều màu sắc gọi cảm đến nỗi anh ta quên được phần nào sự bồn chồn đang ngọt ngào trong anh. Anh đưa cả hai tay lên vuốt mặt tấm bản đồ. Đường chỉ vẽ trên tấm bản đồ tượng trưng ranh giới miền Á Phô không rộng lớn bao nhiêu. Nếu kéo dọc xuống dưới, ta nhìn thấy từ trung tâm điểm Rôtoaden gần phía Iembe, một đường cong queo mà không ai quyết đoán đúng hay sai.

Fanhan dần lòng, nhìn về phía Ilôna; cô đang lục lọi trong ngăn kéo lớn của chiếc tủ cỡ đại đóng bằng gỗ cây hạt dẻ. Trong ô ngăn kéo bừa bãi nào áo quần tả lốt lại còn cả con búp bê quần áo đã lột hết. Ilôna vội vã trở lại chỗ ngồi Fanhan đang đứng với một chiếc hộp lớn bằng sắt đầy ắp kim cúc có đầu đỏ đầu xanh. Ilôna im lặng quan sát anh, khi anh lấy kim xuyên qua những ngọn cờ tí hon rồi cắm lên bản đồ.

Ilôna và Fanhan, nhìn nhau; tiếng ồn ào từ căn phòng chung dưới nhà vọng lên; cánh cửa đập rầm rầm để giày ủng nghiêng trên sàn gạch quan Quán la hét luôn miệng, còn đám binh sĩ vẫn tiếp tục chuyển động.

- Cái gì thế ông? Ilôna hỏi anh với vẻ sợ sệt.
- Có gì đâu, Fanhan đáp, những quân nhân đầu tiên bị thương đang được chuyển về.

Anh ghim một ngọn cờ vào giữa chấm tròn có chua tên Nagivarát. Bàn tay anh quét nhẹ trên địa phận Nam tư ghim một ngọn cờ khác trên chấm tròn Bengrát, rồi tới lượt Rôma. Chà! Pari, sao lại quá gần biên cương Đức quốc, điều đó làm anh ngạc nhiên không ít. Anh đặt bàn tay trái sát bên Pari, bàn tay mặt anh quét một đường dài từ đó sang tới Sralingrát. Khoảng cách từ Stling rất tới Grôsovácđen lại xa hơn khoảng cách giữa Pari và Grôsovácđen. Fanhan nhún vai tỏ vẻ hoài nghi, từ các điểm chuẩn trên bản đồ anh cắm thêm nhiều mốc bằng những ngọn cờ đỏ.

- Ô! Ilôna buột miệng kêu.

Fanhan nhìn Ilôna lúc đó, đang dao động, thần kinh căng thẳng khiến bộ mặt nàng có vẻ mỏng đi, làm lộ hết lông măng trên đôi má mơn mớn. Người ta có cảm tưởng những sợi lông đó chạy ngược lên tới gần đôi mắt đen láy của nàng. Nàng vẫn chải tóc rũ xuống trán nhưng ngắn hơn, khi nàng chụp hình, tấm hình vẫn còn được treo ở dưới nhà. Nàng thờ có vẻ khó khăn.

- Trò chơi có ngộ không cô giáo? Fanhan hỏi lại, giọng nói thật khê.

- Vâng, nàng đáp, một trò chơi phi thường chả khác gì...phải nói thế nào đây, ông giúp tôi đi, chả khác gì hình dung nổi.

- Cô muốn nói nó gợi cảm phải không?

- Vâng, đúng rồi! Ilôna đáp nhanh, rất gợi cảm. Ta có cảm tưởng đang sống trong khung cảnh.

Ngoài cửa tiếng động bót dần. Các cửa phòng có lẽ được đóng kín. Bỗng Fanhan nghe có tiếng gọi tên anh, rõ mồn một. Thì ra là tiếng quan Quán.

- Fanhan! Anh chui ở đâu?

Ilôna liếc mắt nhìn anh, dò hỏi:

- Người ta kêu ông kia!

- Tôi biết rồi!

- Vậy thì ông xuống đi, nàng nói rất nhẹ nhàng, tôi không muốn người ta thấy ông ở trong này.

- Cô còn ở đây tới mấy giờ?

- Tới bảy giờ tối.

- Vậy cô ở đây chờ tôi, tôi sẽ lên lần nữa!

Ilôna gật đầu đồng ý, đôi má hồng lên. Trước khi trở về ghế ngồi, nàng đứng thẳng không nhúc nhích chờ cho Fanhan ra khỏi lối đi hẹp.

- Tôi có mua bánh ngọt cho cô; trong túi đặt trên bậu cửa sổ đó, bánh dành riêng cho cô đấy nhé!

Fanhan mở cửa, đưa mắt kiểm soát lối đi ngoài hành lang, rồi mới tiến ra phía cầu thang. Anh xuống thang một cách chậm chạp. Tới nửa cầu thang anh lại nghe thấy quan Quán gọi nữa “Fanhan”. Qua tấm hình của DốcNa,

năm 1942, anh ngược lên để tặng nàng một nụ cười. Trời lúc đó đã tối nên anh không nhìn thấy nét mặt của Ilôna trong hình. Chiếc khung ảnh vẫn còn đó, treo giữa tường, bao quanh bên trong một đốm đen dày đặc. Quan Quân đang nóng lòng sốt ruột. ở từng lầu dưới.

- Trời ơi! Chú mày rúc vào đâu mà lâu dữ vậy. Tao kiếm chú mày cả tiếng đồng hồ rồi!

- Thượng sĩ quên rằng tôi ta phó mua giấy bồi về kê bảng?

- Tao biết rồi, nhưng chú mày về đây được nửa tiếng đồng hồ rồi cơ mà? Thôi! Lại đây!

Quan Quân nắm tay Fanhan rồi cả hai người cùng xuống dưới nhà. Trong phòng có tiếng người hát, ngoài hành lang, nữ y tá người Nga, tay bung khay chạy đi chạy lại rầm rập.

Viên thượng sĩ nhất đối xử rất tử tế với Fanhan khi anh từ Sôkáchêli chuyển về đây. Ông ta tử tế với tất cả mọi người, nhưng từ khi ông ta được giao trọng trách tổ chức Trung tâm Tiếp thương này, ông ta đã đổi tâm đổi tính: dễ nổi nóng và cộc cằn. Tình hình quân sự mấy tuần qua biến chuyển quá mau, khiến ông lo lắng nhiều; Fanhan lại không biết điều đó, anh cũng chẳng cần kiểm điểm lại hoặc ước lượng tầm quan trọng quan Quan, ông ta lại khác, ông sống nhờ những chuyện đó, chỉ những mà thôi, nếu có gì trục trặc, bắt buộc ông ta lo âu là phải. Trước kia việc thuyên chuyển hoặc bỏ nhiệm thất lợi ít khi xảy ra. Lệnh thuyên chuyển trước khi tới tay binh sĩ đã được tránh né từ bao giờ. Giới chức có thẩm quyền ban hành lệnh, là người đầu tiên tránh né, một câu chuyện tâm phúc báo cho đơn vị để tìm cách thi hành lệch lạc thế này hoặc thế khác. Các chỉ thị cùng nguyên tắc thường vẫn được diễn tả một cách tối nghĩa và chỉ chú trọng vài biện pháp chế tài càng giúp cho sự tránh né được dễ dàng hơn. Tóm lại, lệnh thuyên chuyển được mọi người coi như là dịp tốt để tổng cổ những phần tử bị ghét bỏ. Luôn luôn vấn đề khẩn cấp vẫn xảy ra với lí do nằm bệnh viện, hoặc một cú điện thoại lạ; đâu lại vào đó. Những sự kiện đó, nay không còn nữa: có dùng điện thoại cũng vô ích vì những người luôn luôn được gọi có thể không còn, hoặc có còn cũng kêu tới; người có thể lo lót cho người khác bây giờ cũng dừng dung vì chính ngay họ, họ cũng chẳng có ai lo cho họ. Đường dây điện thoại rồi beng. Mỗi người đều mắc chiến đấu và chỉ lo cho mạng sống cá nhân. Chiến tranh, lúc đó không cần đến điện thoại, mặc dù từ hồi nào điện thoại vẫn được dùng để phục vụ chiến tranh. Giới thẩm quyền, tên ghi ngoài bì, các vị Chỉ huy, tất cả đều thay đổi liên liên và hàng ngày; một quân nhân

hôm nay được thuyền chuyển tới một Sư đoàn thì ngày mai quân số Sư đoàn đó có thể chỉ vòn vẹn còn một ông Tướng, ba sĩ quan Tham mưu và vài anh thư kí...

Quan Quản nhà ta buông tay Fanhan khi họ bước xuống bực thang chót và đứng trước một cánh cửa. Quan Quản thò tay mở cửa Ópton ngồi ở bàn, đang hút thuốc và đọc nhật báo, trên mặt bàn, vết tàn thuốc cháy đen còn rành rành.

- À đây rồi! Ópton buông tờ báo xuống và nói.

Quan Quản nhìn Fanhan; Fanhan nhìn Ópton.

- Chả còn làm cách nào hơn được, quan Quản nhún vai, nói như thể phân trần, tôi bắt buộc phải cho những người dưới bốn mươi tuổi, còn khỏe mạnh, không thuộc quân số cơ hữu, ở đây thuyền chuyển đi. Thực tình chả còn cách nào hơn, vậy anh phải đi rồi đó!

- Đi đâu? Fanhan hỏi lại.

- Trạm phân loại ngay tại tuyến đầu; anh phải đi ngay lập tức, Ópton trả lời.

Y trao Sự vụ lệnh cho Fanhan, anh đọc từ đầu tới cuối.

- Ngay bây giờ? Fanhan hỏi lại. Tôi chưa thấy, ngay đến cả chuyện hợp lý nhất cũng chẳng bao giờ được thi hành ngay tức khắc.

Chỉ tám giấy Sự vụ lệnh, anh nói:

- Có cần thiết chúng tôi ghi tên hai đứa vào đây không?

Quan Quản nhìn Fanhan, chậm chạp.

- Sao vậy? ...anh giỡn chơi hả, viên Thượng nghị sĩ nói vừa đủ nghe.

- Bây giờ mấy giờ rồi? Fanhan hỏi.

- Gần bảy giờ tối. Ópton trả lời.

Fanhan đứng dậy, nịt dây lưng; túi đeo lưng của anh để sẵn trên bàn.

Quan Quản ngồi xuống ghế, mở ô kéo, liếc nhìn Ópton và nói:

- Thế là tôi xong phận sự. Miễn sao anh lên đường là đủ rồi; chuyện gì xảy ra sau đó tôi cóc cần.

Ópton nhún vai:

- Tôi có ý định làm cho mỗi người một Sự vụ lệnh.

- Tôi lên thu xếp hành trang! Fanhan nói.

Tới cầu thang, anh nhìn thấy Ilôna liền đứng lại. Nàng đang khóa cửa phòng rồi cúi đầu xuống lắc mạnh quả đấm. Nàng đội nón, trên mình khoác thêm chiếc áo choàng. Tay còn ôm gói bánh. Áo choàng màu xanh với chiếc mũ chụp màu nâu tăng thêm vẻ đẹp cho Ilôna hơn cả lúc nàng bận chiếc áo đỏ. Dáng người nhỏ nhưng được cái mũm mĩm từ khuôn mặt tới chiếc cần cổ, Ilôna đã làm cho Fanhan say mê thèm khát hơn bất cứ người con gái đẹp nào khác. Nàng kiểm soát lại nắm đấm cửa lần thứ hai, khi thấy chắc chắn nàng từ từ đi ngược dãy hành lang. Anh nhìn nàng với vẻ triu mến. Khi nàng bất ngờ đứng trước mặt Fanhan, nụ cười với vẻ sợ sệt của nàng đã khiến anh thêm cảm động.

- Kia cô nói với tôi là cô ở lại cơ mà? Fanhan hỏi.

- Tôi quên nói cho ông biết tôi phải về sớm một chút vì có chuyện cần. Tôi tính viết cho ông vài chữ, và nhờ người dưới nhà trao lại, tôi định trở lại đây một giờ sau.

- Quả thật cô có ý định trở lại đây không?

- Thật chứ! Nàng đáp, nhoẻn miệng cười.

- Tôi cùng đi với cô nhé! Xin cô chờ một phút!

- Không! Ông không nên cùng đi với tôi (Fanhan lắc đầu chán ngán).

- Thế nào tôi cũng trở lại mà!

- Cô đi đâu bây giờ?

Nàng không nói, ngoảnh lại phía sau: trên cầu thang vắng hoe, giờ này đang là giờ cơm. Tiếng rào rào lọt ra ngoài các căn phòng rất nhỏ.

Ilôna lại nhìn Fanhan.

- Tới khu dành riêng cho người Do thái, nàng đáp, tôi phải tới đó với mẹ tôi.

Nàng nhìn anh thật lâu, chờ đợi phát hiện nơi anh một vài phản ứng, nhưng anh chỉ thản nhiên hỏi:

- Cô tới đó làm gì?

Nàng giơ cao gói bánh ngọt:

- Chắc ông không phiền khi tôi đem nó cho người khác?

- Nghĩa là gia đình cô... anh đáp, rồi nắm lấy tay cô giáo. Thôi, ta cùng đi!

Cả hai song song bước xuống cầu thang.

- Gia đình cô là người Do thái, còn mẹ cô thì sao?

Ilôna gật đầu công nhận.

- Tôi cũng vậy, nàng đáp, cả nhà đều là người Do thái.

Nàng ngừng bước:

- Xin chờ một chút!

Nàng rút bó hoa từ chiếc bình đặt dưới chân tượng Trinh nữ, gượng nhẹ bứt những chiếc bông úa tàn.

- Xin ông hứa với tôi thay nước trong bình? Ngày mai tôi không còn ở đây nữa! Tôi phải chuyển tới một trường khác. Nhớ nhé! Có thể ông cũng nên thay bông giùm?

- Tôi rất tiếc không thể làm theo lời cô yêu cầu được. Lát nữa, tôi cũng phải ra đi, nếu không...

- Nếu không, ông sẽ làm điều đó.

Fanhan gật đầu.

- Tôi sẽ làm bất cứ điều gì để cô được vui lòng.

- Chỉ để tôi vui lòng thôi à? Ông theo đạo công giáo phải thế không?

Anh mỉm cười.

- Tôi không biết nữa... nếu tôi không là người công giáo tôi cũng làm được điều đó cơ mà; nhưng anh tôi chả bao giờ có ý nghĩ đó. Chờ tôi một chút, anh nói câu đó thật nhanh.

Họ đã bước tới chỗ nghỉ chân của tầng thứ nhì. Fanhan chạy vội qua hành lang, bước vào phòng, anh vội vã tổng đại vài món đồ tạp nhạp vung vãi, vào trong sắc. Anh nịt dây lưng và vội vã chạy ra.

Ilôna không đứng lại chờ anh, vẫn đi từ từ xuống cầu thang. Tới tám hình 1939 thì anh bắt kịp cô giáo. Nàng tỏ vẻ lo lắng.

- Cô làm sao vậy? Anh hỏi.

- Có gì đâu, nàng đáp, tôi muốn đa cảm một chút mà không được, những bức hình này chẳng giúp cho tôi được gì, tôi vẫn thấy dửng dưng. Thôi

chúng ta đi!

Fanhan yêu cầu Ilôna chờ anh ngoài cổng để rẽ vào văn phòng lấy sự vụ lệnh. Ôtôn không còn trong đó nữa. Viên Thượng sĩ nắm tay anh nói:

- Đừng làm bậy nhé! Chúc anh nhiều may mắn!

- Cảm ơn thượng sĩ, Fanhan trả lời rồi vội vã đi ra.

Ilôna chờ anh ở góc phố. Anh nắm lấy tay nàng, cả hai chậm rãi sánh vai hướng về trung tâm thành phố.

Trời đã tạnh mưa, nhưng không khí vẫn còn ẩm thấp và thơm mùi cây cỏ. Con phố nhỏ hai người đang nương theo thật yên tĩnh, hai bên lề đường toàn những căn nhà nhỏ và những cây con. Con lộ chính chạy song song với đường phố nhỏ đó.

- Tại sao cô không sống chung với gia đình, trong khu dành riêng cho người Do thái? Fanhan hỏi Ilôna.

- Vì cha tôi, một thương phế binh cụt cả hai chân. Ông là Sĩ quan hời Thế chiến vừa qua và được ân thưởng rất nhiều bội tinh. Mới ngày hôm qua đây, ông đã trả tất cả huy chương cùng đôi nạng gỗ cho vị Quân trấn trưởng. Tất cả được gói trong một bọc lớn, giấy màu nâu. Xin ông để tôi về một mình, Ilôna nói với anh rất nồng nhiệt.

- Sao vậy cô?

- Tôi muốn về nhà một mình!

- Thì tôi đi với cô mà!

- Có ích gì đâu! Người ta trông thấy ông, nếu người nhà tôi bắt gặp (nàng nhìn Fanhan) tôi sẽ chẳng đi được nữa.

- Cô tính trở lại?

- Vâng, nàng bình tĩnh trả lời, chắc chắn như vậy. Tôi hứa với ông mà!

- Cô cho phép tôi được hôn cô? Fanhan khẩn khoản.

Ilôna đỏ mặt đứng lại. Đường phố vắng hoe và im lặng. Hai người ngừng kể bên chiếc tường che khuất bởi những nhánh cây mặt trời bông trụi.

- Sao phải hôn nhau? Ilôna nói rất yếu ớt mắt đượm vẻ buồn, anh sợ nàng khóc. Tình yêu làm tôi e sợ.

- Sao vậy? Fanhan âu yếm hỏi.

- Vì làm gì có tình yêu, nó quá mỏng manh và phù du.

- Sự kiện chúng ta chỉ còn một thời gian rất ngắn, rất thúc bách, anh thì thâm bên tai nàng, anh gỡ chiếc túi trên vai xuống cùng lúc đặt gói đồ của nàng xuống và ôm nàng hôn. Anh cảm thấy môi nàng chạm trên cổ anh, tai anh rồi tới má.

- Em, đừng đi, anh thì thâm bên tai nàng. Đừng đi! Chiến tranh còn đó, ra đi là điều bất lợi. Ở lại đây đi em.

Nàng lắc đầu.

- Không thể được đâu anh, nàng đáp, mẹ em quá lo sợ nếu em không về đúng giờ.

Nàng hôn lên má anh, nàng ngạc nhiên vì không còn ngượng ngùng mà trái lại thấy thích thú.

- Đi anh! Nàng tiếp.

Ilona ngả đầu trên vai anh. Anh đặt nhẹ nụ hôn trên môi nàng. Anh nhận thấy nàng tỏ vẻ vui thích muốn gặp lại anh.

Nàng nhìn anh thật lâu và hôn anh trên đôi môi. Trước đây nàng mừng rỡ nếu có chồng và con là điều hạnh phúc lớn lao. Nàng muốn có cả hai thứ luôn một lúc, nhưng bây giờ đây, nàng lại không muốn có vấn đề con cái, khi nàng ôm hôn anh. Nàng cứ muốn được mãi mãi hưởng những giây phút đó, và cảm thấy cần gặp anh nữa. Ý nghĩ đó làm nàng buồn nhiều nhưng nàng cảm thấy không ảnh hình nào có thể đẹp hơn.

- Đi anh, nàng nói, bây giờ thì em phải về! Nàng nhìn dãy phố vắng tanh và yên lặng qua bờ vai Fanhan.

Tiếng động của đường phố kể bên vắng lên trong xa xăm. Anh cảm thấy bàn tay nàng đang vuốt ve gáy anh, một bàn tay nhỏ, rắn chắc và thon dài.

- Em cứ ở lại đây, Fanhan khẩn khoản, nếu không cho phép anh được đưa em tới tận cửa nhà. Rồi sau muốn ra sao thì ra. Tương lại thật mù mịt! Em đâu có biết chiến tranh là gì, và ngay cả những người đã gây ra nó. Nếu chúng ta không cần thiết phải xa nhau, dù là trong khoảnh khắc, anh thấy chẳng nên chút nào.

- Chúng mình không thể tránh điều đó được. Xin anh hiểu cho lòng em!

- Vậy để anh đưa em về!

- Không thể thế được đâu, nàng quả quyết hơn. Em không muốn làm cha em buồn lòng, chắc anh hiểu chứ?

- Anh hiểu lắm chứ, anh hôn lên gáy nàng, có lẽ anh hiểu quá nhiều. Nhưng anh yêu em và muốn em ở lại, ở lại đi em.

Nàng rời khỏi tầm tay Fanhan, nhìn anh rồi nói:

- Xin anh đừng hỏi em lí do tại sao nữa! Em van anh!

- Không, anh đáp lại giọng thật nhỏ, vậy em hãy đi đi. Anh chờ em ở đâu?

- Hãy đi với em một quãng nữa, em sẽ chỉ một quán ăn, anh chờ em ở đó!

Fanhan cố ý bước thật chậm nhưng nàng lại lôi anh đi nhanh hơn. Họ tới trước một ngã tư khá tập nập, anh ngạc nhiên không ít. Chỉ một căn nhà nhỏ hẹp, nàng nói:

- Anh chờ em trong đó.

- Thế nào em cũng ra nhé!

- Anh yên tâm, nàng cười và đáp lại, ngay sau khi em rảnh. Em yêu anh.

Nàng vội vã ôm chầm lấy anh, hôn lên cổ, lên môi anh. Nàng bỏ đi như chạy trốn. Anh không muốn trông theo nàng, bước vội vào trong quán nhỏ. Anh có cảm tưởng như một kẻ khốn nạn, trống trải và thiếu may mắn. Chờ đợi đối với anh không có ý nghĩa gì cả, mà anh không thể nào không chờ đợi được. Anh đành trông chờ nơi Thượng đế an bài theo chiều hướng anh mong ước, nhưng khốn nỗi trong đầu óc anh đã ánh lên một sự nghi ngờ cục diện sẽ thay đổi: có thể Ilona không tới chỗ hẹn, định mệnh ngăn cản không cho nàng trở lại. Anh không biết nàng ở chỗ nào, vậy chỉ còn trông vào hi vọng để kiên nhẫn chờ đợi. Sao anh không chạy theo nàng để ép buộc nàng ở lại? Ép buộc? không thể có ai làm như thế được, đối với con người không thể ép buộc mà chỉ có giết để tỏ sự độc đoán. Không ai có quyền bắt con người phải sống hoặc bắt họ phải yêu, đó là một điều phi lý, chỉ có cái chết mà thôi! Vậy bắt buộc anh phải chờ đợi, chờ đợi một cách vô ích.

Thời gian chờ đợi chỉ trong một tiếng đồng hồ, nhưng lại lâu hơn cả đêm thâu, mỗi dây liên lạc giữa hai người chỉ gồm quán cà phê nhỏ bé mà nàng đã chỉ cho anh và sự đoán quyết của nàng không hề dôi trá anh. Nàng sẽ cố gắng tới càng sớm càng tốt với điều kiện chính nàng có thể tự quyết định lấy...

Chiếc đồng hồ để trên quầy hàng chỉ tám giờ thiếu hai mươi phút. Anh không thấy thèm ăn hoặc uống rượu, tuy nhiên anh cũng kêu nước ngọt. Sau đó, quá thất vọng anh đã thay đổi ý định để kêu một bình rượu nhỏ. Gần phía cửa ra vào, một người Hung gia lợi, ngồi với bạn gái, giữa quán một người đàn ông to béo, mặt sấp, đang cắn chặt lấy điều xì gà to lớn màu đen. Fanhan uống một hơi cạn bình rượu nhỏ để trấn an mục chủ quán. Anh gọi bình rượu thứ hai. Chủ quán nở nụ cười thích thú, mục chẳng còn son trẻ gì, nhưng người vẫn còn mảnh khảnh và có bộ tóc hung.

Có lắm lúc Fanhan tưởng chừng như Ilôna đến. Anh mơ tưởng đến nơi hai người có thể đặt chân đến: một căn phòng đầu dãy, và trước khi vào phòng anh sẽ nói nhỏ nàng là vợ anh. Căn phòng tối tăm ấy, có chiếc giường màu nâu cũ kĩ nhưng khá rộng rãi. Trên giường treo một bức ảnh đạo, trong phòng có tủ áo, bồn rửa mặt bằng men xanh đầy ắp nước lạnh; cửa sổ căn phòng trông xuống một mảnh vườn cây ăn trái. Một căn phòng như thế phải có thật. anh biết rõ như vậy, và anh chỉ việc ra phố là tìm thấy ngay, đúng như anh đã hình dung. Nếu không cần lưu tâm đến nỗi có căn phòng, anh có thể tới một khách sạn tồi tàn vắng khách hoặc sang hơn nhưng lại đông người hoặc một nhà trọ gia đình; ở những nơi này, anh mong ước sẽ có ngay một căn phòng đúng mẫu mong ước để tạm trú qua đêm, với công dụng tạm bợ. Nhưng có bao giờ họ bước chân tới chốn ấy, chiếc thảm dưới chân giường quá dơ bẩn, lớp sơn nâu trên lề cánh cửa trông ra vườn cây ăn trái rộp lên thành vẩy; họ ước mơ một căn nhà ấm cúng với chiếc giường màu nâu thật lớn chẳng cần phải để hai người cùng ngủ chung, nhưng bắt buộc chiếc giường phải rộng lớn. Buồn thay căn phòng anh mơ ước lại chưa có người ở.

Tuy vậy, anh vẫn cố gắng tin tưởng chưa có gì quyết định cả. Phải chi cô ta không là người Do thái, đang thời buổi chiến tranh mà yêu một cô gái Do thái, đúng là chuốc họa vào thân. Anh biết điều đó lắm, nhưng anh trót yêu nàng, muốn được nằm bên nàng, rồi nói chuyện thật lâu và chẳng bao giờ chán: hạng đàn bà mà đàn ông sau khi ngủ chung lại muốn nói chuyện dông dài rất hiếm. Với Ilôna, Fanhan có thể làm như vậy được, ngoài ra còn biết bao nhiêu là chuyện khác nữa...

Anh kêu thêm một bình rượu mặc dù chai nước ngọt chưa voi đi chút nào. Người đàn ông to lớn đã ra khỏi quán, trong phòng chỉ còn lại anh, mục chủ quán tóc hung còn quá trẻ với chiếc cổ gầy guộc, người lính Hung gia lợi và người bạn gái của hắn. Fanhan vừa uống rượu vừa nghĩ tới chuyện khác: anh nghĩ tới quê anh mà anh ít khi ở lâu. Kể từ khi rời ghé nhà trường anh chẳng có dịp về thăm nhà. Một nỗi lo sợ tràn ngập trong anh, nơi quê

anh có đường xe lửa và sông bao quanh như chiếc gút thông lọng. Nhiều con đường lớn trải nhựa, không có quá lầy một bóng cây, chạy xuyên qua vùng đó; mùa hè rau cỏ mọc xanh um một màu; nhưng cái nóng bức, ối chà, thật là ngọt ngào, đường xá bốc thành khói. Ngay cả buổi chiều, gió im phăng phắc và áp lực chẳng nhẹ đi thêm chút nào. Anh thường hay về nhà vào mùa thu để phụ giúp công việc đồng áng mà anh ưa thích nhất: Vườn tược đầy cây ăn trái, trái cây chỡ đầy xe đủ thứ, nào lê, bom, nào mận nối đuôi nhau trên đường cái chạy dọc theo triền sông Ranh tiến về phía các đô thị lớn. Mùa thu mà về quê anh thật là vui thích, cha mẹ anh thật là vui vẻ, anh hợp với cả hai người, anh dừng dung khi nghe tin chị anh kết bạn với một bác thợ cày nào đó. Mùa đông quá tiêu điều; khu đất giữa đường xe lửa và con sông trở thành bằng phẳng; trên trời mây thật thấp, bao quyện mùi ngòn ngọt dính óc từ các lò bánh kẹo mút đường. Quả tình anh thấy vui thích được xa nơi này. Anh giúp việc cho hãng thầu lớn chuyên xây cất nhà cửa, trường học, cơ xưởng, trại quân, và nhà ở rẻ tiền...

Anh cố nghĩ đến những chuyện đó để quên điều đang dày vò anh. Nhưng vô ích! Anh bị ám ảnh sao đã quên không hỏi rõ địa chỉ của Ilôna để đề phòng mọi bất trắc. Kể ra muốn tìm địa chỉ của nàng cũng chẳng khó gì, anh chỉ cần hỏi bà Hiệu Trưởng hoặc người gác đàn, hoặc hỏi thăm quanh đây, chỉ mất công tìm kiếm một chút thôi nhưng anh còn cơ hội để nói chuyện với nàng và nhìn nàng cho đỡ nhớ. Anh nghĩ nếu làm như vậy quả là phi lý vì chả khác nào trao sự may mắn của anh để Thượng đế định đoạt. Việc của anh, anh nên tự tay làm lấy; như thế nó còn có ý nghĩa và anh dễ thành công hơn. Tuy vậy chẳng nên nói trước có ý nghĩa hay không, chắc chắn anh đã chuốc lấy thất bại ngay từ đầu. Dù có tuyệt vọng đến mức nào anh luôn luôn phải hành động, và nếu cần sẽ làm lại từ đầu. Tìm kiếm và chờ đợi; hi vọng của anh không thể đi xa hơn nữa. Thật là kinh khủng! người ta sẽ xử trí cách nào đối với người Hung gia lợi gốc Do thái? Anh không biết rõ, anh chỉ nghe nói các chính phủ Đức và Hung gia lợi đã tranh chấp với nhau về vấn đề này. Không ai có thể biết rõ người Đức sẽ xử trí ra sao? Vậy mà anh không hỏi địa chỉ của Ilôna. Trong thời buổi chiến tranh điều cốt yếu phải cho nhau biết địa chỉ, thế mà cả hai người đều quên mất điều đó, Ilôna mà cũng quên còn đáng trách hơn anh nhiều; nàng chả có cách gì kiếm ra anh.

Mà thôi, gộp nhặt tất cả các điều đó chẳng có ích gì, nàng đâu có tới chỗ hẹn. Tốt hơn anh nên thả hồn để ước mơ căn phòng anh có thể chung sống với nàng.

Còn vài phút nữa thì tới chín giờ tối: giờ hẹn đã quá lâu rồi; chiếc kim đồng hồ chạy sao quá chậm khi người ta nôn nóng nhìn nó; đến khi vừa để mắt vào chỗ khác là nó chạy nhanh như ngựa. Đúng chín giờ tối! Fanhan đã ngồi chờ Ilona gần một tiếng rưỡi nếu anh không có cánh để phi về trường học; nhờ người gác đàn cho biết địa chỉ của Ilona rồi ba chân bốn cẳng chạy về đây. Anh lại kêu một bình rượu chát khiến mặt chủ quán mặt tươi như hoa.

Toán tuần tiễu đi qua quán rượu lúc chín giờ năm phút gồm một sĩ quan và một hạ sĩ. Họ đứng ngoài cửa ngó vào quán và sắp sửa quay đi, Fanhan nhìn thấy họ rất rõ từ này giờ anh luôn luôn canh chừng phía trước cửa. Canh chừng cửa ra vào đối với Fanhan, phải là công việc đầy thích thú; cánh cửa đem lại niềm hi vọng cho anh, niềm hi vọng của anh không phải là viên sĩ quan đội kết và tên lính đứng phía sau đang ngó dòm dòm và sắp sửa quay ra. Khốn nạn cho anh thật! viên sĩ quan đã trông thấy anh và từ từ tiến về chỗ anh ngồi. Fanhan cảm thấy đời anh tàn rồi; bọn người này chỉ biết áp dụng có mỗi một biện pháp hữu hiệu: chi phối ngay cả sự chết chóc. Tử thần vang lệnh họ bằng một cử chỉ, bằng một khước mắt. Anh lập luận, nếu có chết cũng chả khác gì chấp nhận không hành động nơi trần thế; riêng anh, anh còn muốn hành động nơi trần thế để chờ cho bằng được Ilona, và tiếp tục yêu nàng. Anh thừa hiểu là vô ích nhưng anh vẫn cố bám vào sự hi vọng thành công quá mỏng manh. Bốn người đội kết này có quyền hành rộng lớn đang tiềm tàng trong khẩu tiêu liên trông nét mặt đờ đờ sát khí của họ; cho rằng những người này không muốn thi hành phận sự của họ, thì đằng sau họ còn có hàng ngàn người khác sẵn sàng đem cơ hội đó cho tử thần: một vài viên đạn hoặc cột xử giáo. Những người đó, tất cả đều chi phối được tử thần. Viên sĩ quan nhìn Fanhan không nói qua lấy một câu mà chỉ xóc tay. Trông ông ta có vẻ thản nhiên mệt mỏi; dáng điệu quá máy móc không tỏ vẻ gì hứng khởi, bắt buộc viên sĩ quan phải có bộ mặt nghiêm nghị xứng hợp với nhiệm vụ. Fanhan đưa cho ông ta coi sổ tùy thân và tờ Sự vụ lệnh. Viên hạ sĩ quan ra lệnh cho anh đứng lên. Anh nhún vai và đứng dậy. Mặt chủ quán đang run lên vì sợ, anh lính Hung gia lợi cũng chả bình tĩnh hơn chút nào.

- Anh hãy theo tôi, viên sĩ quan nói nhỏ với anh.
- Tôi chưa trả tiền nhà hàng, Fanhan trả lời.
- Qua quầy hàng anh sẽ trả được rồi.

Fanhan nịt dây lưng, lượm sách và tiến về phía quầy hàng; toán tuần cảnh kẹp sát anh hai bên nách. Mặt chủ quán thu tiền; tới gần cửa, viên hạ sĩ tiến

lên trước mở cửa. Fanhan bước ra ngoài; anh biết họ không làm dữ với anh, đáng lý anh phải sợ sệt, nhưng thực tình anh lại chẳng sợ sệt chút nào. Đêm hè ngoài phố có vẻ vui với những hàng quán đèn đuốc sáng choang. Một chiếc xe hơi chờ hàng cỡ lớn, sơn màu đỏ, đang đậu trước quán cà phê. Cánh cửa sau xe được mở rộng, một cánh cửa nhỏ khác được hạ xuống sát ngay lề đường lát gạch xấu tạo thành một bậc thang. Bốn người hiếu kỳ bu lại, sự lo lắng hiện trên nét mặt của họ khi trông thấy một quân nhân đứng gác cửa xe, khẩu tiểu liên lăm lăm trong tay.

- Trèo lên! Viên sĩ quan ra lệnh cho Fanhan.

Anh bước lên bậc thang, trong lòng xe tối om, anh thấy lộ nhố nhiều đầu người và vũ khí. Không ai nói với ai câu nào, khi anh vào được hẳn bên trong lòng xe, anh thấy đầy nhóc.

VI

CHIẾC xe chở đồ sơn đỏ từ từ chạy ngang qua thành phố. Với những khóa to tướng, với các cửa nhồi bông và cài then chặt chẽ, xe mang mỗi bên hông cùng một hàng chữ đen: Gô-rôt huynh đệ, Budapét, chuyên chở mọi loại. Xe không ngừng lại nữa. Từ một khuôn tròn khoét trên cao sát mái, thò ra một đầu người lão liên ngó thật kỹ lưỡng tứ phía rồi, chốc chốc, lại cúi xuống chắc để báo hiệu điều gì. Cái đầu ấy thấy nào quán cà phê ánh đèn rực rỡ, nào cửa hàng kem, nào người y phục mùa hè. Đột nhiên nó đặc biệt chú ý đến một chiếc xe chở đồ sơn xanh đang như muốn lợi dụng chiều rộng của đại lộ để qua mặt xe đỏ mà chưa nổi. Tài xế xe cam nhông xanh này mặc quân phục xám. Một người khác ngồi cạnh cũng mặc quân phục xám và gác một khẩu tiểu liên trên đùi nhưng khuôn cửa thượng của xe xanh này được đan dây thép gai chằng chịt. Tài xế bóp còi inh ỏi sau xe cam nhông đỏ đang cà tịch cà tang tiến qua thành phố. Và mãi đến một ngã tư rộng ở đó mặt đường loe hẳn ra, xe cam nhông xanh mới vọt được qua mặt xe đỏ. Người nhòm qua cửa thượng xe đỏ để ý thấy xe xanh đang tiến vào một đại lộ đưa lên phía Bắc trong khi xe hẳn đi về hướng Nam, hay cũng na ná hướng ấy. Vẻ mặt hẳn mỗi lúc một trở nên nghiêm trọng. Người hẳn thấp bé, mảnh dẻ. Nét mặt hẳn khá già dặn. Và khi xe cam nhông đỏ đi thêm được một quãng, hẳn cúi xuống bên dưới: “Hình như mình đang rời thành phố, nhà cửa thưa dần rồi”. Một tiếng ù ù từ dưới đưa lên làm câu trả lời, nửa nghe như tiếng làu nhàu, nửa nghe như tiếng la hét. Và chiếc xe cam nhông đỏ vọt lên nhanh hơn nữa, nhanh hơn người ta có thể tưởng nó chạy nổi. Đường vắng teo và tối sẫm, không khí phẳng phất quanh các cành cây rậm lá ẩm ướt và nặng nề, dịu êm một cách nhạt nhẽo. Hẳn cúi xuống kêu lên: “Không còn thấy nóc nhà nào, đường lớn, hướng nam”. Tiếng gào bên dưới lại dữ dội thêm, chiếc xe vọt nhanh hơn nữa. Người đứng gác ở cửa thượng đã mệt rồi! Xe chạy đã từ lâu, anh thì đứng trên hai vai hai chú bộ binh cao thấp không đều khiến anh càng mệt thêm. Tư thế đứng này không còn làm anh khoái tí nữa. Nhưng vì anh nhỏ nhắn, gầy còm nhất đám nên anh em đã chỉ định anh lên bên trên quan sát. Một lúc lâu, anh chẳng thấy có gì lạ, một lúc có vẻ thực lâu và khi những người đứng dưới kéo chân anh hỏi xem có gì khác thì anh đáp chẳng có khi khô gì, rằng anh chỉ thấy hai bên đường có cây và những cánh ruộng tối sẫm. Rồi anh thấy hai anh binh sĩ đứng cạnh một xe máy dầu với chiếc đèn bầm loang loáng chạy trên mặt một tờ bản đồ, khi thấy chiếc cam nhông lớn tới gần thì ngừng đầu lên. Rồi lại một lúc chẳng có gì cho đến khi xe cam nhông vượt qua một đoàn xe thiết giáp đang đậu. Một trong những xe

này chắc bị trục trặc vì như có ai đang nằm dài bên dưới sườn xe và một ai khác đang loay hoay quanh xe với một ngọn đèn khí đá. Nhà cửa nông dân diễu qua thật nhanh, đen xì và bên hông trái xe, bây giờ, có một đoàn cam nhông chạy thật lẹ, qua mặt xe này. Rồi đến một viên nữa, xe nhỏ xám có cắm một lá cờ thiếu tá. Xe của thiếu tá phóng lại còn dữ hơn các cam nhông kia. Gần một trang trại, lính ngồi lê la, toàn lính bộ binh. Họ đều có vẻ mệt mỏi. Nhiều người trong bọn nằm dài ra đất, hút thuốc lá. Rồi xe đi qua một làng và, chỉ ít phút sau, người đứng canh bên trên nghe tiếng pháo đầu tiên. Tiếng nổ phát xuất từ một dàn đại pháo đặt bên phải con đường. Những chiếc ống lớn giương lên, cứng nhắc và đen xì trên một nền trời xanh thẫm và miệng súng đỏ ngầu màu máu phun ra những tia lửa hắt những tia phản chiếu hồng nhạt lên mặt tường một trang trại gần kề. Người canh chừng đâm run: anh chưa từng nghe súng nổ, anh sợ quá. Vốn mắc bệnh đau dạ dày, một chứng đau dạ dày nặng, trung sĩ Fan, quản lý câu lạc bộ một quân y viện lớn trên sông Danúp, đã lập tức cảm thấy áy náy khi vị y sĩ trưởng phái anh sang Hung gia lợi với nhiệm vụ là mang rượu Tôkai chính hiệu về rượu mùi, rượu sâm banh nhưng phải là Tôkai và càng nhiều càng tốt! Nhiệm vụ chỉ có thể nhưng phải là ở tận Hung gia lợi mới được! Khổ một nỗi là trong khắp quân y viện chỉ có độc một người được coi như đầy đủ khả năng phân biệt nổi rượu Tôkai giả với rượu Tôkai thật và người đó chính là anh, trung sĩ Fan. Thêm nữa phải đến chính đất Tôkai mới có hi vọng kiếm được rượu Tôkai chính hiệu. Thượng cấp anh, đại tá Ginslo, y sĩ trưởng vốn ham rượu. Tôkai thứ thật nhưng kẻ lưu tâm nhất đến chuyện này đâu phải là bạn nhậu và đối thủ chơi sì cát với ông, đại tá mệnh danh là Brétsen mà ai không biết cũng buột miệng gọi là Fôn Brétsen vì lão có bộ vó thật sang trọng với khuôn mặt dài và trang nghiêm, với tám huy chương thật hiếm lão đeo ở cổ. Riêng phần Fan, ở dân sự làm nghề bán rượu, đã thâm hiểu tâm lý bợm nhậu, anh hiểu rằng nếu sếp phái anh đi mua năm mươi chai Tôkai chính hiệu, chắc chắn đó là do ý kiến lão đại tá kia kết quả của một cuộc đánh cá hay của một chuyện gì mà lão đại tá quái quỷ kia đã dàn ông sếp vào.

Vậy thì Fan đã đi Hung gia lợi, đã mua ở đó năm mươi chai Tôkai chính hiệu và đừng ai hòng qua mặt anh vì xưa anh từng làm nghề bán quán và vì chính anh cũng có ruộng nho và hiểu rõ vấn đề lắm. Anh nghi ngờ rượu Tôkai ngay mua ở chính đất Tôkai với lời bảo đảm là chính cống. Anh đã mua đầy một va li và đầy một rương đan bằng mây. Va li anh đã công theo được, hiện để dưới đáy cam nhông. Nhưng chiếc rương mây thì anh không sao tha theo nổi. Tại Sengiócgi anh không làm sao có thì giờ xoay trở. Vừa xuống tàu hỏa, anh đã bị dẫn lên xe chở đồ này. Tha hồ anh hết phản kháng

rồi khai bệnh cũng chẳng ăn thua gì. Bến tàu bị bao vây, chẳng làm gì khác được, đành là phải đi đến chiếc cam nhông đỏ đậu sẵn trước ga. Một số tỏ vẻ hung hãn như để lọt lời nguyên rủa vào tai cũng chẳng chịu hé răng.

Fan đâm lo cho mớ rượu Tôkai của anh. Tính sếp vốn đã soi móc tỉ mỉ về chuyện rượu lại càng soi móc tỉ hơn về cái điều ông kêu là danh dự của ông. Có thể không sợ thua cá rằng ông đã hứa với lão đại tá, ông đã cam kết bằng mọi cách sẽ có rượu Tôkai uống với bạn nhậu của mình vào ngày chủ nhật tới. Không chừng ông lại còn hẹn cả giờ trước với lão nữa. Nhưng hôm nay đã là thứ năm, nếu chưa phải là sáng thứ sáu đâu sao không còn bao lâu nữa là đã nửa đêm rồi mà xe thì đang chạy khá nhanh về phía nam. Như thế, Fan không còn chút hi vọng gì sẽ được trả về kịp nơi phải có mặt sáng chủ nhật. Fan kinh sợ. Anh kinh sợ sếp và luôn cả lão đại tá. Lão đại tá ấy, anh chẳng ưa chút nào. Anh biết về lão một chuyện anh chưa hề ngỏ với ai và có lẽ anh sẽ cũng không bao giờ ngỏ với bất cứ ai bởi một lẽ rất giản dị là chắc chắn không ai chịu tin anh, một chuyện thô bỉ mà chính anh cũng không bao giờ ngờ là có thể có nổi. Ấc một nỗi là chính mắt anh đã thấy chuyện đó, không tài nào làm lẫn được. Và anh cũng ý thức được rằng điều hệ trọng cho anh là làm thế nào lão đại tá không hay biết rằng anh đã mắt thấy tai nghe chuyện ấy. Thực vậy, mỗi ngày nhiều lần, anh vào phòng mang cho lão đồ ăn, thuốc uống hay báo chí sách vở vì ở đây người ta e dè lão lắm. Một lần, đang đêm, anh bước vào mà không gõ cửa và đã thấy cảnh tượng, trong một ánh sáng mờ mờ, chao ôi, đáng vẻ gớm ghiếc của lão già mặt tái ấy. Đêm ấy, Fan không thấy đói nữa. Ở quê anh, đứa con trai mới lớn nào bị bắt gặp đang làm trò đó, lập tức người ta lấy nước lạnh xối vào người nó. Phương thuốc này rất hiệu nghiệm...

Ở bên dưới có người lại kéo chân anh. Anh bèn kêu to cho họ biết anh thấy nhiều đại pháo, nhiều đại pháo đang bắn và tiếng rủa sả bên dưới lại gia tăng.

Ánh lửa của những cỗ đại pháo này mỗi lúc một yếu dần. Tiếng nổ lúc đạn đi, ban đầu, nghe gằn gớm ghiếc, nay lại có vẻ xa vời như tiếng nổ của đạn khi tới đích mà xe đang đi gần tới. Xe cam nhông lại vượt qua những xe thiết giáp, những đoàn xe đậu nữa. Rồi đến lượt những cỗ đại pháo trông nhỏ hơn. Các đại pháo này đặt cạnh một giếng nước có vòi cao trên không. Dưới ánh lửa lòe từ các họng súng bóng cái vòi nổi bật trên nền trời như một giáo đài khủng khiếp. Rồi một lúc lâu không có gì nữa, rồi lại đại pháo, rồi lại không có gì nữa cả. Rồi đột nhiên, Fan nghe một tràng đại liên. Xe chạy thẳng đến chỗ có tiếng đại liên ấy.

Đột nhiên, xe dừng. Trong một ngôi làng. Fan tụt xuống rồi xuống xe cùng với những người khác. Xe bọ đầu đầu đây, gần khắp mọi nơi, tiếng la hét lệnh inh ỏi, lính bộ binh chồm chồm chạy qua đường cộng vào với tiếng đại liên bắn liên hồi mỗi lúc một thêm dữ dội khiến ngôi làng nhốn nháo lạ thường.

Fanhan khập khễnh bước theo viên trung sĩ loắt choắt lúc này vắt vẻo trên khuôn cửa thượng xe, nay thì đang khệ nệ khuôn chiếc va li. Hấn nhỏ thó và bước đi, lưng còng đến nỗi báng súng kéo lê trên mặt đất. Fanhan buộc chiếc túi của anh vào dây da rồi bước dài một bước lên ngang viên trung sĩ.

- Đưa đây, anh bảo, nhét gì trong đó thế?

- Rượu vang, viên trung sĩ tí hon hỏn hển đáp, rượu vang cho sếp tôi.

- Vứt mẹ nó đi, ngốc thật. Fanhan bảo, đừng tính chuyện tha một va li rượu vang ở tuyến đầu.

Viên trung sĩ ngoan cố lắc đầu. Fanhan đành giúp hắn một tay. Tên chim chích này gần như đi không nổi vì mệt đừ. Hấn bước chân nam đá chân chiêu. Đầu hấn gật gù, thăm nảo và hấn lắc mạnh nó tỏ vẻ cảm ơn lúc Fanhan nắm lấy quai xách. Fanhan cũng phải thấy là va li nặng, nặng không thể tưởng.

Về phía tay phải họ, khẩu đại liên đã thôi bắn. Bây giờ đến lượt các xe thiết giáp thi nhau dội đạn vào làng. Những xà nhà gãy kêu rảng rặc sau lưng họ và một ánh sáng lờ mờ chiếu xuống con đường lầy lội và nứt nẻ.

- Vứt cha nó đi thôi, Fanhan bảo, cậu điên rồi.

Viên trung sĩ không đáp nhưng ra vẻ muốn nắm thêm chặt quai xách. Sau lưng họ, một căn nhà khác bắt đầu cháy.

Đột nhiên, viên thiếu úy đang đi trước họ dừng lại, kêu:

- Chờ tôi cạnh ngôi nhà này.

Họ đi đến nhà đó, dừng lại. Tên chim chích loạng choạng va vào tường rồi ngã dài trên chiếc va li. Bây giờ khẩu đại liên bên phải cũng ngưng luôn. Viên thiếu úy bước vào nhà để rồi lại liền trở ra có một viên trung úy đi cùng. Fanhan nhận ra ông ta liền. Mọi người bèn đứng nghiêm và Fanhan thừa hiểu viên trung úy đang tìm cách nhìn cho tỏ tường huy chương của họ trong ánh đỏ hoàng hôn này. Chính ông, ông cũng có hơn người một huy chương, lần này thứ thật. Ít ra nữa ông cũng đeo dây băng huy chương ấy

trên ngực, một màu chữ nhật màu đen, trắng, đỏ. Tạ ơn Trời Đất! Fanhan tự nhủ, ít ra ông ta cũng có được huy chương này. Viên trung úy môi nở một nụ cười, ngắm nghía mọi người một lát, bảo: Tốt lắm. Rồi lại mỉm cười nhắc lại: Tốt lắm, phải không? Vừa nói vừa ngoảnh lại với viên thiếu úy đang đứng sau lưng. Nhưng viên thiếu úy vẫn ngậm tăm. Bây giờ thì mấy binh sĩ nhìn thấy thật rõ viên thiếu úy nhỏ bé, xanh xao, không còn trẻ mấy nữa. Mặt ông ta thì bản thủ mà vẻ mặt thì nghiêm trang. Trên ngực ông chẳng có một huy chương nào.

- Bréch ạ, viên trung úy bảo ông ta, đem hai người đi tiếp viện và mấy ông diệt chiến xa. Tôi sẽ gửi cho Undon bốn người. Còn những người khác giữ lại đây.

- Hai người, Bréch nói, vâng hai người và mấy ống diệt chiến xa.

- Tốt, viên trung úy bảo, anh biết các súng đó để đâu không?

- Dạ biết, thưa trung úy.

- Tôi chờ báo cáo của anh trong nửa giờ nữa.

- Vâng, thưa trung úy.

Fanhan và Fan đứng kế cận viên thiếu úy nhất. Thế là họ được ông ta chỉ định bằng cách ấn ngón tay trở vào ngực họ bảo: Đi. Rồi vừa quay ra, ông bước đi liền. Hai người phải rảo bước cố theo cho kịp ông. Tên chim chích vỗ lấy va li. Fanhan giúp anh ta một tay và cả hai mở hết tốc lực có thể được. Đến đằng sau căn nhà, họ quẹo xiên sang phải và lần theo một con đường hẹp, hai bờ có hàng rào và đồng cỏ. Đường này hẳn sẽ dẫn ra đồng không. Nơi họ đang tới không có tiếng động nào nhưng, ở sau lưng họ, chiến xa đang tiếp tục nện ngôi làng và dàn đại pháo nhỏ họ đã gặp khi tới cũng đang tiếp tục bắn bên phía tay phải họ, gần theo hướng họ đang men theo bây giờ.

Fanhan đột nhiên nằm lăn xuống đất, kêu mọi người: Coi chừng! Có tiếng thủy tinh lạo xạo khi cả hai buông va li. Và viên thiếu úy đang tiến đằng trước cũng ngã nằm sấp xuống. Bách kích pháo vừa bắn từ nơi họ đang tiến tới. Chúng bắn vào ngôi làng và càng ngày càng bắn rát. Số bách kích pháo chắc phải nhiều lắm. Mảnh đạn bay veo véo, văng đến, đập lộp bộp vào các tường. Những mảnh khác lớn hơn, xẹt quanh chỗ nổ, kêu véo véo.

- Đứng dậy! Viên thiếu úy quát: Tiến!

- Hãy chờ một chút đã! Fanhan bảo.

Chàng lại vừa nghe có một tiếng xì xì dịu dàng, nhỏ nhẹ, gần như vui mừng và chàng đâm hoảng. Tiếng nổ thực long trời lở đất khi viên đạn súng cối rớt trúng va li của Fan. Mặt trên va li bay đi, phát ra như một tiếng khạc của hùm beo rồi tung đến quật vào một thân cây cách đó chừng hai chục thước. Mảnh thủy tinh bay loang loáng thành vệt trên không như một bầy chim bị xua vừa loạn xạ bay lên. Và Fanhan cảm thấy có rượu vang tóe lên cổ, càn nằm bẹp dí dưới đất. Chàng hét hồn nghĩ rằng mình đã không nghe thấy tiếng đạn bắn đi. Và bây giờ những tiếng nổ làm rung rinh cánh đồng cỏ trải ra bên trên họ, bên kia một triền dốc nhỏ. Bóng một thớt cỏ khô đen xì nổi bật trên một nền đỏ đỏ, rã rã, bắt đầu nghi ngút khói rồi vuron lên trời những tua lửa trước khi bốc cháy hẳn hoi.

Vừa bò, viên thiếu úy vừa lần tới chỗ anh nằm ở con đường trũng.

- Cút khô!" ông làu nhàu bên tai Fanhan "chuyện gì xảy ra thế!"

- Anh ta có rượu vang trong va li" Fanhan giải thích "này!" Anh khẽ lên tiếng gọi Fan, một khối đen co quắp cạnh chiếc va li.

Chẳng có gì mảy may động đậy.

- Trời đất!" viên thiếu úy khẽ kêu "Chẳng lẽ hẳn đã..."

Fanhan ở cách Fan chừng hai thước. Chàng bò đến chỗ hẳn, dùng đầu hích vào chân hẳn rồi, bằng khuỷu tay lết người lên gần ngang hẳn. Ánh sáng của đồng cỏ cháy đùng đùng không chiếu được tới chỗ trũng này nó như một cái khe, thành hơi thoai thoai, ở đó, chẳng ai thấy được gì trong khi cả cánh đồng cỏ khởi từ đỉnh khe đang tắm trong một ánh đỏ rực rỡ. "Này!" Fanhan lại khẽ gọi. Mùi rượu vang hắc và ngòn ngọt từ vùng đống xộc lên mũi chàng. Bàn tay chàng quơ phải vô số mảnh thủy tinh và chàng phải rút tay rồi bắt đầu từ đôi giày nấn bóp dần lên dọc theo thân viên trung sĩ. Thân hình bé nhỏ của hẳn làm chàng kinh ngạc. Sau đôi cẳng chân ngắn là một thân hình còm nhom. "Này" chàng gọi khẽ "này anh bạn!" Nhưng Fan không đáp. Viên thiếu úy cũng đã bò đến cạnh cả hai, hỏi:

- Có chuyện gì thế vậy?

Fanhan tiếp tục mò mẫm cho đến khi ngón tay chàng dung vào máu. Cái này không phải rượu vang rồi. Rút tay lại, chàng thăm thì:

- Tôi sợ anh ta chết rồi. Một vết thương lớn ở lưng, máu chan hòa. Thiếu úy có đèn bấm không?

- Có chứ. Nhưng, theo anh, có nên...

- Trừ phi lôi anh ta lên đến cánh đồng cỏ...

- Rượu vang” viên thiếu úy nói “một va li rượu vang; tôi đang tự hỏi tại sao...”

- Hình như rượu cho một câu lạc bộ thì phải”

Fan không nặng máy. Người cúi gập, cả hai chuyển anh ta sang phía bên kia con đường, lăn anh lên đỉnh một đồng nhỏ, đẹp và sẫm, nhất là đẹp lép. Lưng đọng máu đem sẫm. Fanhan lật tử thi một cách thận trọng. Lần đầu tiên, chàng nhìn rõ mặt anh ta. Khuôn mặt này thật sắc sảo, sắc sảo, mảnh mai hãy còn hơi âm ỉm. Và nhiều lọn tóc từ một mớ tóc dày dán chặt trên trán anh ta.

- Trời ơi! Fanhan kêu.

- Gì vậy?

- Anh ta bị mảnh đạn vào giữa ngực. Một mảnh lớn bằng nắm tay.

- Vào ngực à?

- Chứ sao! Chắc anh ta lúc đó đang quỳ bên trên chiếc va li.

- Không đúng huấn lệnh quân sự! Viên thiếu úy nói nhưng ông không tỏ vẻ hài lòng về chính câu bông lơn của ông ta. Lấy sổ tùy thân và tấm lắc căn cước của hắn.

Fanhan thận trọng cởi chiếc bờ lu đông dẫm máu, lần mò nơi cần cổ tử thi cho đến lúc nắm được vào bìa tay một mảnh tôn dẫm máu. Anh cũng không mất nhiều thì giờ gì để kiểm mấy cuốn sổ tùy thân nhét trong túi bên trái và hình như không hề hắn.

- Trời cao đất dày ơi! Viên thiếu úy thốt lên sau lưng anh, sao mà đến bây giờ cái va li cũng vẫn còn nặng khiếp thế.

Ông đã lôi chiếc va li ngang qua con đường đất đồng thời cũng kéo theo khẩu súng của Fan bằng dây quai.

- Thấy chưa!

- Thừa đã. Fanhan đáp.

- Mình tiến lên chút nữa.

Viên thiếu úy túm một góc va li, lôi nó đi và khi đã lên tới đỉnh khe ngó ra bình nguyên, ông ta thì thầm bảo Fanhan: “Sang trái, đằng sau bức tường” rồi ông bỏ đi trước nhờ đẩy chiếc va li nhé. Fanhan vừa đẩy chiếc vali ở

trước mặt vừa chậm chạp bò lên đỉnh khe. Được mảng tường lập thành một góc với con đường che kín, họ đứng dậy, nhìn thẳng vào mặt nhau. Ánh lửa rực rỡ của đồng rơm đủ cho người này nhận rõ sắc diện người kia và họ đứng ngấm nghĩa nhau như vậy một lát.

- Anh tên gì? Viên thiếu úy hỏi.

- Thừa Fanhan.

- Tôi tên Bréch. Viên thiếu úy vừa nói vừa vụng về nở một nụ cười. “Thú thực là tôi khát không chê được”.

Ông ta cúi xuống chiếc vali, đẩy nó lên một cụm cỏ, từ tốn lật nó lại. Có tiếng thủy tinh leng keng và tiếng óc ách khẽ nữa.

- Không ai ngờ nổi viên thiếu úy vừa nói vừa cầm lấy một chai nhỏ còn nguyên vẹn. Rượu Tôkai kia đây!

Tờ nhãn hiệu loang lổ vì máu và rượu. Fanhan thấy viên thiếu úy cẩn trọng gạt các mảnh thủy tinh. Tất cả còn được năm, sáu chai nguyên vẹn. Bréch rút con dao nhỏ, cạy nút một chai. Ông uống.

- Tuyệt thật. Vừa nói ông vừa đặt chai rượu xuống. Làm một hợp không?

- Cảm ơn thiếu úy, Fanhan nói.

Anh cầm lấy chai rượu, làm một tợp: rượu quá ngọt. Và anh để trả lại chai, miệng cảm ơn lần nữa.

Súng cối lại rót vào làng, lần này xa hơn về phía đằng sau họ. Bỗng không cách xa họ mấy, một khẩu đại liên bắt đầu lắc các bản trở lại.

- Cảm ơn Trời Đất! Bréch nói. Tôi tưởng mấy khẩu súng đại liên này cũng tiêu tùm như các khẩu khác rồi.

Ông dốc cạn chai rượu, buông tay cho vỏ chai lăn xuống đáy khe.

- Chúng mình hãy men theo bức tường này ở bên phía trái.

Đồng rơm vẫn còn cháy hừng hực nhưng lửa ở phần dưới đã không còn cháy thành ngọn nữa. Có những tia than bắn tứ tung.

- Trông anh có vẻ thực khôn ngoan. Bréch nói.

Fanhan không đáp.

- Tôi muốn nói, viên thiếu úy bảo tiếp đồng thời cạy nút chai rượu thứ

nhì, anh đủ khôn ngoan để hiểu rằng cuộc chiến tranh này rầy rà lắm.

Fanhan vẫn lặng im.

- Khi tôi bảo rầy rà, Bréch vẫn nói, tôi muốn nói cuộc chiến tranh mà mình thắng thì không rầy rà gì hết và theo tôi cuộc chiến tranh này đang xoay thành rất, rất bất lợi.

- Phải, Fanhan đáp, nó đang xoay thành rất, rất bất lợi.

Tiếng đại liên bắn xối xả và quá gần khiến anh bần chôn.

- Khẩu đại liên đặt ở chỗ nào vậy?

- Kia kìa! Ở chỗ cuối tường ấy. Đây là một cái trại. Chúng ta đang đứng ở trước trại, khẩu đại liên thì đặt ở sau trại.

Có thêm dăm tiếng nổ lác cắc, gọn ghẽ và khô khan nữa rồi khẩu đại liên im bặt. Sau đó, có tiếng đại liên Nga bắn. Rồi họ nghe có cả tiếng súng trường. Và sau một hồi nghe hai đại liên địch cũng bắn, đột nhiên, không còn có tiếng gì nữa hết.

- Cút khô! Bréch làu nhàu.

Đồng rơm tốp lại. Các ngọn lửa hạ thấp dần, tiếp tục êm đềm reo. Và đêm xuống, đen tối hơn trước. Bréch đề nghị Fanhan giữ lấy một chai nhưng chàng lắc đầu.

- Cảm ơn thiếu úy, chàng bảo, rượu quá ngọt.

- Anh ở bộ binh lâu rồi chứ? Bréch hỏi.

- Vâng, Fanhan đáp. Bốn năm.

- Chà chà! Bréch nói. Nói ra thì có vẻ ngốc đần nhưng thực ra tôi vẫn chưa ý niệm được cho mình bạch thế nào là bộ binh. Mà, theo tôi, hiểu biết hơn về điều đó lại càng ngu xuẩn. Tôi đã được huấn luyện trong hai năm liền để làm phi công bay đêm. Khóa huấn luyện vừa mãn. Công trình huấn luyện này đã hao phí của quốc gia ngang với tiền tạo tác khá nhiều đơn vị gia cư xinh xắn. Tất cả sự tốn phí ấy để bây giờ tôi cong lưng cuộc bộ với tư cách là lính bộ và khi ngum cù đèo, vong hồn tôi sẽ di cư đến Valhala. Thật là chuyện thối tả, phải không?

Ông ta lại tợp một ngụm rượu nữa.

Fanhan lại lặng im.

- “Trong thực tế, khi địch quân mạnh hơn, anh phải làm gì?” viên thiếu

úy ngoan cố tiếp tục. “Hai ngày trước chúng ta còn ở cách đây 20 cây số. Dĩ nhiên quân ta không chịu lùi. Ấy thế mà rõ ràng là chúng ta đã phải lùi. Tôi thuộc điệu hát quá mà: người lính lục quân Đức thà chết đứng tại chỗ chứ không bao giờ chịu lùi hay câu gì na ná thế. Nhưng tôi không mù không điếc. Này,” ông hỏi thật, “nói cho thật nghiêm chỉnh, chúng ta hiện đang làm gì?”

- Chúng ta đang chạy có cờ. Fanhan bảo

- Rất đúng. Bréch nói, với một nụ thoáng cười, “chúng ta đang chạy có cờ, đó là điều chúng ta đang làm. Huấn lệnh quân sự Phổ lỗi sĩ tuyệt diệu của chúng ta có một điều khiếm khuyết: sự rút lui không được dự liệu trong chương trình huấn luyện. Và chính là để huấn luyện ta điều này mà, hiện nay, hết ngày này sang ngày khác, chúng ta đang áp dụng nó. Theo tôi, huấn lệnh quân sự của ta là huấn lệnh quân sự độc nhất không đề cập đến kế hoạch lui binh. Dĩ nhiên huấn lệnh có đề cập đến kế hoạch cầm chân địch. Nhưng những thằng cha kia không có ý để cho mình cầm chân chúng nó. Nào đi.” Vừa nói ông ta vừa ấn hai chai vang vào túi áo. “Chúng ta hãy quay về cuộc chiến tranh tốt đẹp của chúng ta. Trời Đất ạ, hấn đã khuân rượ vang của hấn ra tận mãi đây, tội nghiệp thằng cha...”

Fanhan chậm chạp theo chân viên thiếu úy. Vừa qua khỏi góc tường, họ lắng nghe có tiếng chân người đang chạy về phía họ. Tiếng chân chạy nghe thật rõ. Nhảy phóc một phát, Bréch, thiếu úy Bréch, lui lại sau góc tường, kẹp khẩu tiểu liên vào nách và xì xào bên tai Fanhan:

- Không chừng mình có dịp kiếm được mười tám su sắt tây gắn lên ngực kia đây.

Nhưng Fanhan trông thấy rõ ông ta đang run.

- Trời cao Đất dày ơi! Bréch lâu nhàu. Phen này thì nghiêm trọng thực rồi, lần này thì chiến tranh thực sự rồi.

Tiếng bước chân gần lại. Bọn người đó không chạy nữa.

- Ông nói toàn chuyện vớ vẩn. Fanhan dịu dàng bảo. Đó chẳng phải là lính Nga đâu.

Viên thiếu úy lặng thinh.

- Nếu đó là lính Nga, thử hỏi tại sao chúng lại phải chạy. Và làm ồn ào dữ thế!

Viên thiếu úy vẫn không một lời.

- Bằng lính của ông đấy. Fanhan nói thêm.

Bấy giờ tiếng chân bước ở quanh quần đầu đây.

Chỉ cứ trông thấy bóng dáng họ và nhất là trông mũ sắt của họ, cũng nhận được ra ngay rằng những người đang đi vòng góc tường kia là lính Đức, Bréch giật giọng quát:

- Đứng lại! Khẩu hiệu!

Bọn người kia ra vẻ hoảng hốt. Fanhan thấy họ đứng chôn chân tại chỗ và giật nảy mình.

- Cút khô! Một người trong bọn đáp. Khẩu hiệu: Cút khô.

- Tan nen be, một giọng khác kêu lên.

- Trời đất! Bréch bảo. Các anh đứng làm gì đó. Mau mau nấp ra phía sau tường. Cắt một người đứng gác ở góc tường nghe ngóng thôi.

Fanhan kinh ngạc thấy họ đông đảo đẽ. Trong bóng tối, chàng tìm cách đếm họ. Bọn họ phải có đến sáu bảy người. Họ đánh đít xuống một dải cỏ.

- Có rượu đây. Viên thiếu úy vừa nói vừa lần lấy rượu chuyền cho họ. Chia nhau mà uống nhé!

- Prinsơ ơi! Ông ta bảo tiếp. Có chuyện gì vậy?

Prinsơ là người đang đứng ở góc tường. Khi anh ta quay mặt lại, Fanhan thấy huy chương của anh ta lấp lánh trong bóng đêm.

- Thiếu úy ạ, Prinsơ nói. Ở lại đây thực là làm chuyện vô nghĩa. Ở hai bên phải, trái, địch đã vượt quá xa chúng ta và thiếu úy hẳn không định thuyết phục tôi rằng trận tuyến sẽ cố định tại đây, cạnh cái trại bản thủ này bởi lẽ chúng ta đặt ở đây một khẩu đại liên. Thiếu úy ơi, trận tuyến kéo dài trên hàng trăm cây số và, từ ít lâu nay, đã đang di chuyển rồi. Và tôi không tin rằng một trăm năm mươi thước chúng ta đang giữ này là cốt để dành cho chúng ta một anh dũng bội tinh với nhành dương liễu. Đã đến lúc mình nên chuồn nếu không muốn bị mắc kẹt. Và khi ấy, chẳng chớ nào đến đánh tháo cho chúng mình đâu...

- Được, nhưng rồi cũng sẽ có lúc trận tuyến phải dừng lại vững bền ở một nơi nào chứ. Các anh còn đủ cả đấy không?

- Còn. Prinsơ đáp. Tất cả còn đủ đấy. Tôi nghi ngờ chúng ta có thể đương đầu với một cuộc tiến quân của địch chỉ bằng những người đi phép

với người đi dưỡng bệnh. Suýt nữa tôi quên, thằng nhỏ Genski bị thương vì một viên đạn xuyên qua. Genski... Anh ta khẽ gọi. Chú mày ở đâu?

Một vóc người nhỏ xíu rời bức tường.

- Thôi được. Viên thiếu úy nói. Cho anh trở ra. Fanhan, hãy đi theo anh này. Đồn cứu cấp ở chỗ xe các anh đậu lại ấy. Báo cáo với xếp rằng tôi lui khẩu đại liên lại ba mươi thước mà mang đến cho tôi những ống diệt chiến xa nhé. Prinsơ, hãy chỉ định thêm một người nữa.

- Véccơ đâu? Prinsơ gọi. Đi với họ đi. Anh cũng đến đây bằng xe chở đồ đấy ư? Hấn hỏi Fanhan thế.

- Phải!

- Chúng tớ cũng vậy.

- Thôi đi đi. Viên thiếu úy giục. Giao quyền sở tùy thân cho xếp...

- Một tử trận à? Prinsơ hỏi.

- Ừ, viên thiếu úy sáng giọng đáp. Đi đi thôi.

Với hai người theo chân, Fanhan chậm chạp trở về ngôi làng mà nhiều xe thiết giáp bây giờ nhằm làm đích đang từ các hướng Đông và Nam bắn vào tới tấp. Ở bên tay trái họ, ở phía con đường lớn đưa tới làng, họ nghe đạn nổ liên hồi với cả tiếng kêu nữa. Họ đứng ngậm tằm một lát, nhìn nhau.

- Huy hoàng thật. Tên bộ binh nhỏ thó bị thương nơi cánh tay lên tiếng.

Họ rảo bước, nhưng mà đến đầu khe thì nghe có ai quát hỏi họ:

- Khẩu hiệu?

- Tan nen be, họ làu nhàu đáp.

- Bréch, phải trung đội chiến đấu Bréch không?

- Phải, Fanhan kêu lớn.

- Đẳng sau quay! Tất cả mọi người phải trở về làng, tập hợp trên con đường lớn...

Và mọi người thơ thần quay trở về ngôi làng. Một lần nữa, chiếc xe chở đồ sơn đỏ lại chật ních người. Fanhan chậm chậm leo thang xe, ngồi ngoài mép, tựa lưng vào thành, cố ngủ. Những tiếng nổ cuồn cuộn chàng nghe thấy, từ những xe thiết giáp Đức đang cố gắng giữ cho con đường còn lưu thông được, đối với chàng, sao hơi có vẻ lố bịch. Các xe ấy bắn quá nhiều.

Vả chẳng, trong cuộc chiến này, bao giờ ai cũng bắn nhiều hơn mức cần thiết, tiếng súng nổ như đã thành một thứ tiếng động bắt buộc rồi. Bây giờ thì mọi người đều đã lên xe trừ một vị thiếu tá đang gắn huy chương với những người được gắn huy chương, trong trường hợp này là một thượng sĩ, một trung sĩ và ba binh nhì. Cả năm người này đều đứng nghiêm trước mặt vị thiếu tá tạc người nhỏ bé, tóc hoa râm, đầu không mũ, đang vội vã giao các bệ tinh và tương lục. Chốc chốc, vị thiếu tá lại dừng tay lên tiếng hỏi:

- Bác sĩ Gréch, trung úy Gréch đâu?

Rồi ông ta gọi lớn:

- Bréch, thiếu úy Bréch đâu?

Từ tí bên trong cam nhông, Bréch đáp:

- Dạ, thưa thiếu tá gọi. Rồi lách mình đến lối ra, ông đứng trên đỉnh thang lên xuống, trình diện, tay đưa chạm mũ lưỡi chai.

- Thiếu úy Bréch, thưa Thiếu tá.

- Đại đội trưởng của thiếu úy đâu? Vị Thiếu tá hỏi.

Ông không tỏ vẻ giận dữ mà lại ra điều hờn dỗi.

Các quân nhân được gắn huy chương đã bình thản trèo ngược thang lên xe cam nhông. Họ né người để khỏi cuốn Bréch theo, rồi lách vào bên trong. Chỉ còn một mình vị Thiếu tá đứng trên đường, giữa một ngã tư của làng, tay vung vẩy một huy chương anh dũng đệ nhất đẳng bằng sắt, trong khi Bréch, mặt thộn ra, đáp:

- Tôi không được rõ, thưa Thiếu tá. Mới lúc nãy, bác sĩ Gréch còn cho tôi lệnh dẫn đại đội đến địa điểm tập hợp. Chắc ông ta...

Bréch ngưng lời, ngượng ngập.

- Bác Sĩ Gréch đang bị một cơn kịch bệnh kiệt li hành hạ...

- Gréch! Viên Thiếu tá hét sang hai bên. Rồi ông lắc đầu nói thêm với Bréch.

- Đại đội của anh đã anh dũng chiến đấu trong trận đánh này, nhưng chúng ta cần phải rời khỏi nơi này đã...

Một chiến xa Đức thứ nhì đậu trên đường, trước mặt họ, đang từ làng bắn sang phía tay mặt họ. Và sau lưng họ, ổ đại pháo nhỏ hình như cũng đã đổi mục tiêu vì cũng cùng bắn về một hướng với các chiến xa. Rất nhiều nhà

bốc lửa, kể cả ngôi nhà thờ cao ngất ngự ở giữa làng, vượt hẳn lên bên trên tất cả các ngôi nhà khác. Nhà thờ hóa thành tro trong và sáng chói một màu đỏ. Máy xe cam nhông bắt đầu nổ vo vo. Viên Thiếu tá đứng trên đường, cuối cùng quyết định quát tài xế:

- Đi thôi!

Fanhan giở quyển sổ tùy thân người ta giao cho và đọc: “Fincơ Gustavo trung sĩ, nghề nghiệp dân sự: chủ quán, cư sở: Vaidosai...”

- Vaidosai à, Fanhan ngạc nhiên nghĩ ngợi. Vaidosai chỉ cách nơi chôn rau cắt rốn của chàng có vài ba cây số. Chàng biết rõ chiếc quán trên có một tấm biển nâu “Quán Fan, cha truyền con nối từ 1710” ấy. Chàng đã từng nhiều lần đi qua cửa quán nhưng chưa bước vào trong quán bao giờ... Có người đóng mạnh cửa xe và chiếc cam nhông lặn bánh.

Riêng phần Grêch, ông đang tận lực cố gắng đứng dậy và chạy đến đầu kia của làng, nơi người ta đang chờ đợi ông. Hiềm vì ông không còn sức nữa. Mỗi lần ông nhồm dậy, những cơn đau quặn ruột gan lại buộc ông co quắp người lại. Và ông cảm thấy một nhu cầu thực cấp thiết phải làm sao cho bụng vơi đi. Ông ngồi xồm, lưng dựa vào một bức tường thấp bao quanh một hố phân. Phân thì bài tiết từng giọt nhỏ, chỉ gần bằng một hạt dẻ trong khi sức đẩy trong ruột đau như vò của ông lại vô cùng mãnh liệt. Ông không ngồi được theo tư thế thông thường. Tư thế độc nhất còn chịu đựng được là ngồi xồm, người gập đôi, cứ thế chờ một cơn dụi đầu Chốc lát khi phân, từng giọt một, rời ruột già. Phân tổng xuất được mang lại cho ông đôi chút hi vọng, hi vọng là những cơn đau độc địa ấy có thể sẽ qua đi. Nhưng chúng chỉ qua đi trong chốc lát. Những cơn nhức nhối ấy làm tê liệt ông đến mức ông không sao tiến lên nổi, dẫu là bằng cách bò. Có thể cứ lăn bừa sấp xuống rồi dùng đầu ngón tay mà lết tới trước mặt thì may ra cũng được đẩy nhưng như vậy dẫu cho có tới được chỗ tập hợp thì cũng đã là quá muộn mất rồi. Từ chỗ ông đang ngồi đến chỗ xe khởi hành chỉ có ba trăm thước và ông nghe rõ tiếng Thiếu tá Krenơ gọi, giữa hai tiếng súng. Nhưng tâm trạng ông đã tới mức hầu như tất cả đối với ông đều đã trở thành vô nghĩa: ông đang cơn đau bụng, những cơn đau vô cùng dữ dội. Ông bấu chặt lấy bức tường trong khi đôi mông trần của ông chịu lạnh và trong ruột gan ông, cảm giác đau đớn khác nào có một mũi khoan xuyên qua cứ đều đặn tái hiện. Tình cảnh khác nào có sự chậm chạp tích lũy thuốc nổ mà tiếng nổ đợi chờ đáng lẽ long trời lở đất thì lại chỉ xì xì vô nghĩa. Sự tích lũy cảm giác đau đớn cũng thế, tích lũy không ngừng, luôn luôn gọi lên hi vọng một sự giải thoát tối hậu nhưng mỗi lần lại chỉ đưa được tới sự tổng xuất một mẫu phân li ti.

Nước mắt chảy dài trên má ông. Không một ý nghĩ nào của ông liên quan đến chiến cuộc mặc dầu ông thấy rõ đạn đại pháo rơi tứ phía quanh mình và nghe thấy rõ mồn một tiếng từng xe cam nhông bỏ đi. Rồi đến lượt các chiến xa lần lần rút lui trên con đường lớn và từ đó, về phía thành phố mà vẫn không ngưng bắn. Ông nghe thấy hết thảy các tiếng động thực nhiều ý nghĩa ấy. Chuyện làng này bị địch bao vây đã trở thành một thực tại cụ thể rồi nhưng cơn đau đớn trong bụng ông còn cực liệt hơn, gằn cặn hơn, cấp bách hơn. Cơn đau ấy vượt quá mức tưởng tượng và ông chỉ còn kịp nghĩ đến một mình nó, đến cơn đau không dứt này nó khiến ông toàn thân bất động. Như trong một vòng đèn cù những mặt nạ nhẵn nhúm, ông thấy giễu ở trước mắt tất cả các đốc tờ ông từng có dịp đến nhờ khám, khởi đầu là ông bố trông thật ác cảm của ông. Họ họp thành một vòng tròn chung quanh ông, một vòng những bù nhìn thảm bại đã không bao giờ dám bày tỏ với ông bằng lời lẽ minh bạch, để nói cho ông rõ rằng căn bệnh của ông chỉ giản dị bắt nguồn từ việc ông đã bị thiếu chất dinh dưỡng trong suốt thời niên thiếu mà thôi.

Một viên đạn đại pháo rớt vào hồ phân hắt lên, tưới vào người ông chất lỏng kinh tởm ấy. Ông cảm thấy phân cả trên môi ông và càng khóc dữ hơn cho đến lúc ông nhận ra rằng cái trại này đang bị chiến xa trực xạ. Từ mọi phía, đạn bay qua sát người ông ve ve, mút khí trời với một mãnh lực kinh hồn, như những trái cầu cực rắn. Sau lưng ông, giữa tiếng loảng xoảng của cửa kính và của tường đất ép bị nghiền tan thành bụi, một tiếng đàn bà hét lên từ một ngôi nhà, trong khi những mẩu đất vách và xà nhà bay tơi tả quanh đây. Ông lăn ra, nấp đằng sau bức tường bao quanh hồ phân và thận trọng cài cúc quần. Mặc dầu cơ quan tiêu hóa vẫn tiếp tục tổng xuất những số lượng phân li ti với những cơn đớn đau vĩ đại. Ông cố chậm chạp bò dọc theo mép khe sỏi đá nó dẫn dần xuống khe ngõ hầu rời khu căn trại. Quần ông đã cài khuy rồi. Nhưng ông vẫn chẳng tiến lên nổi. Cơn đau làm tê liệt các bắp thịt của ông và ông nằm co quắp, bất động. Trong khoảnh khắc, tất cả kiếp sống của ông quay cuồng trước mắt ông, một chuỗi kinh hồn những thống khổ và nhục nhã, lúc nào cũng vẫn thế. Và điều còn quan yếu đối với ông, điều chân thực độc nhất, đó là những dòng nước mắt đã đổ, những dòng lệ hiện đang chan hòa trên mặt ông để sắp rơi vào cái nơ bản, cái nơ bản mà mùi vị đang đọng trên môi ông, nó gằn một mớ hỗn độn nào rơm rạ, nào phân tro, nào rác rến, nào cỏ lá. Ông còn khóc ngay cả vào lúc một viên đạn xuyên ngang qua một rằm trần nó chống đỡ cả một mái kho, một bộ xương gổ lớn bao phủ lên những khối rạ ép, khiến bộ xương gổ này đổ ụp xuống, vùi lấp ông đi.

VII

CHIẾC xe chở đồ màu xanh có một đầu máy thật tốt. Hai người đàn ông ngồi trong Cabin thay phiên nhau cầm tay lái, họ không nói chuyện nhưng nếu có nói gì là chỉ nói độc nhất về cái mô-tơ. “Đồ tốt chi lạ” thỉnh thoảng họ vừa lắc đầu vừa nói, lắng tai nghe tiếng máy nổ ròn tan, trầm trầm, rất đều đặn, không có một nghịch âm nào làm xáo trộn. Đêm nóng bức và tối om, con đường đưa họ về hướng Bắc đôi khi bị trở ngại vì những chiếc xe nhà binh, xe ba gác; nhiều lần họ đã phải hãm phanh một cách đột ngột vì không kịp nhận thấy một đoàn công voa đang đi tới làm cho họ một chút nữa thì lọt, thì đâm sầm vào cái khối những bóng đen ngòm dị hình dị dạng trên đầu có đèn rọi sáng. Đường sá quá chật hẹp, xe chở đồ, xe thiết giáp, xe công voa không thể đi ngang nhau, nhưng xe càng tiến về hướng Bắc thì đường càng rộng chỗ và người ta có thể cho xe chạy thả ga một lúc lâu mà không bị phiền nhiễu: khối hình nón ánh sáng do đèn pha chiếu ra hắt lên cây cối, nhà cửa, đôi khi ở một chỗ ngoẹo nào đó, ánh sáng quét lên một cánh đồng làm cho cây cỏ nổi bật lên với những đường nét rõ ràng, toàn là bắp um tùm hay cà chua. Lâu rồi đường sá cũng trở thành vắng tanh, người tài xế bắt đầu ngáp và cho xe đi vào một con phố nhỏ của một ngôi làng nào đó để nghỉ. Tháo túi dết ra, họ cầm chiếc bầu lên, hít nhẹ nhẹ mùi cà phê nóng và nồng, mở những chiếc hộp sắt mỏng và tròn đựng sô cô la, lạng lẽ sữa soạn bánh mì, mở hộp bơ ra gửi gửi vào bên trong và phết một lớp bơ dày lên trên mặt bánh trước khi đặt vào đáy những khoanh xúc xích lớn màu đỏ, ri mỡ, lăm tám hạt tiêu. Họ ăn uống thông thả. Nét mặt rầu rĩ và mệt mỏi của họ đã khởi sắc và một người trong bọn, người ở bên tay trái và đã ăn xong, châm một điếu thuốc lá và rút từ trong túi ra một lá thư; hắn mở thư, từ chỗ gấp của tờ giấy lộ ra một tấm ảnh: tấm ảnh chụp một cô bé xinh xắn đang chơi trong bồn cỏ với một chú thỏ con. Chia tấm ảnh cho người bên cạnh, hắn nói.

- Nhìn này, con gái của tôi đây, dễ thương chứ? Hắn cười, một đứa con sinh ra nhờ giờ nghỉ phép của bố đó.

Mắt dán vào tấm ảnh, người kia vừa nhai vừa trả lời:

- Dễ thương... một lần nghỉ phép? Mà nó đã lên mấy tuổi rồi?

- Lên ba.

- Anh không có ảnh của vợ à?

- Có chứ.

Người đàn ông ngồi ở bên tay trái móc ví ra, nhưng đột nhiên rút tay lại và nói:

- Anh có nghe thấy không? Chúng điên à?

Từ bên trong chiếc cam nhông nổi lên những tiếng ồn ào khàn đục và thô bạo rồi có tiếng một người đàn bà hét lên rất to.

- Câm mồm đi một chút nào, người đàn ông ngồi ở tay lái quát lên.

Người kia mở cửa xe và nhìn chăm chăm vào con đường trong làng. Bên ngoài trời nóng và tối đen, nhà cửa không có một ánh đèn le lói; mùi cứt bò xông lên, một mùi cứt bò nồng nặc và trong một ngôi nhà nào đó có tiếng chó sủa. Người đàn ông nhảy xuống, miệng lảm bảm nguyên rửa những đồng phân dày và lầy nhầy trên mặt đường nhưng hắn vẫn phải đi vòng quanh chiếc xe cam nhông. Từ bên ngoài, người ta nghe thấy tiếng lục đục rất khẽ; chỉ như tiếng khò khè trong một chiếc hộp, nhưng trong làng lại có tiếng sủa của một con chó thứ hai, rồi một con thứ ba; một cánh cửa sổ đột nhiên bật sáng làm cho người ta thoáng thấy bóng của một người đàn ông. Bác tài xế tên là Srođơ không muốn mở những cánh cửa nhồi bông nặng nề, không cần thiết lắm, bác nghĩ. Bác vớ lấy cây súng tiểu liên, dùng báng bằng thép giáng vài cú thật mạnh xuống thành xe; trong xe liền im lặng tức khắc. Srođơ sau đó trèo lên bánh xe để xem sợi kẽm gai ràng lỗ chiếu thiên trên mũi xe có còn ở đó không. Nó còn ở đó. Bác trở vào cabin: Plôrin đã ăn xong, hắn vừa uống cà phê vừa hút thuốc, và vẫn còn giữ ở đằng trước tấm ảnh đưa con gái lên ba đang chơi với con thỏ.

- Con bé này dễ thương thật. Hắn vừa nói vừa ngẩng đầu lên một lúc. Chúng câm mồm cả rồi, anh có ảnh của vợ anh đấy không?

- Có đây.

Srođơ lại móc ví, mở ra, rồi rút một tấm ảnh đã nhàu nát, ảnh của một người đàn bà khoác áo choàng lông cừu, người nhỏ nhắn, đã luống tuổi. Người đàn bà mỉm cười một cách đàn độn, nét mặt không còn trẻ trung lắm, tỏ ra mệt mỏi, có thể nói rằng đôi giày đen gót quá cao đã làm cho bà đau đốn. Mái tóc dày và nặng nề, màu vàng sậm, gọn sóng một cách giả tạo.

- Xinh đấy, Plôrin nói. Thôi ta lên đường.

- Ủ, Srođơ đáp, đi thôi.

Hắn ném một cái nhìn cuối cùng ra bên ngoài: bây giờ có nhiều tiếng chó sủa trong làng, nhiều cửa sổ bật sáng, và trong bóng tối dân làng gọi nhau có chuyện.

- Đi thôi, hắn vừa nói vừa đóng sập cửa. Nổ máy đi.

Plôrin kéo đề ma rơ, động cơ nổ ngay, Plôrin để cho máy chạy một vài giây, nhấn ga và chiếc xe chở đồ màu xanh lướt nhẹ ra đường cái.

- Máy tốt thật, Plôrin khen, cái máy này tốt một cách lạ.

Tiếng động cơ bao trùm cả ca bin, tai của họ đầy những tiếng động vù vù, nhưng chỉ vừa mới đi được một chút, họ đã nghe thấy tiếng âm âm lục đục trong xe.

- Hát lên một cái gì đi. Plôrin bảo Srođơ.

Srođơ cất tiếng hát. Hắn hát mạnh mẽ, giọng ca đầy nghị lực, không hay lắm, cũng không đúng lắm, nhưng hắn để cả tâm hồn vào lời ca, nhất là trong những đoạn tình tứ, và có nhiều chỗ người ta có cảm tưởng như sắp trông thấy hắn khóc vì hắn hát một cách quá say mê, nhưng hắn đã khóc. Một bài ca làm cho hắn thích thú đặc biệt là bài *Đức mẹ đồng quê*, đó có thể là bài tử của hắn. Hắn hát gần trọn một giờ, hát rất mạnh; khoảng một giờ sau, chúng đổi chỗ và bây giờ đến lượt Plôrin ca.

- Rất may là lão già không nghe thấy tiếng chúng ta, Plôrin vừa nói vừa cười.

Srođơ cũng cười và Plôrin trở lại bài ca. Hắn hát gần hết những bài mà Srođơ vừa hát nhưng hiển nhiên là hắn thích bản *Đoàn công voa xám* hơn cả bởi vì bản này được hát đi hát lại nhiều lần hơn, lúc thì hắn hát chậm rãi, lúc thì hắn hát mau, và những đoạn nào đặc biệt hay, đoạn mà sự tuyệt vọng và sự cao cả của một cuộc sống anh hùng nổi bật lên một cách mãnh liệt, những đoạn ấy, hắn hát bằng một tiết điệu hết sức thông thả, cảm động, và hắn hát đi hát lại nhiều lần như vậy. Srođơ lúc ấy đang ngồi cầm lái nhìn chăm chú trên đường, cho động cơ chạy thả ga, và huyết sáo phụ họa theo tiếng hát. Họ không nghe thấy một tiếng động nào nữa trong chiếc xe chở đồ màu xanh.

Ngồi trong ca bin, cảm thấy khí trời bắt đầu lạnh, họ lấy mền quấn chung quanh ống chân, thỉnh thoảng hớp một ngụm cà phê. Họ đã thôi không hát nữa, và trong xe mọi người đều im lặng. Thật ra, tất cả đều yên tĩnh: đồng quê yên ngủ, đường cái vắng vẻ và ẩm ướt. Chắc là trời đã mưa ở đây, làng xóm họ đi qua đều như đã chết bỗng có khi lại sáng lên trong bóng đêm: nhà cửa, hay một ngôi nhà thờ bên đường nhô ra một lúc từ bóng tối rồi lại rơi vào sự hoang vắng đàng sau họ.

Vào khoảng bốn giờ sáng, họ dừng lại một lần thứ hai. Cả hai người đều đã mệt mỏi; mặt họ buồn bã và bần thiêu, và họ không nói gì với nhau nữa, hình như là đoạn đường mà họ còn phải đi trong một giờ đồng hồ nữa, kéo dài ra như không bao giờ hết. Họ chỉ dừng lại một chốc lát, dừng ngay ở đường cái, ăn bánh mì một cách không ngon lành mấy, nốc cạn cốc cà phê còn lại, nhai hết mấy miếng sô cô la giữ lạnh trong hộp sắt mỏng, rồi châm một điếu thuốc lá. Họ cảm thấy dễ chịu hơn khi bắt đầu cho xe chạy lại và Srođơ đến lượt cầm lái chúm môi huýt lên một điệu sáo miệng trong khi Plôrin quán mình trong mền nằm ngủ. Bên trong chiếc xe chở đồ màu xanh là cả một sự im lặng tuyệt đối.

Trời bắt đầu lát phát mưa và chạng vạng sáng khi họ bỏ đường cái, lái ngoằn ngoèo trong những phố nhỏ của một ngôi làng rồi vượt qua nhiều đồng ruộng, đến một cánh rừng. Sương mù nghi ngút tỏa. Sau rừng là một cánh đồng cỏ với một trại lính, rồi lại đến một ngôi rừng nhỏ, một cánh đồng cỏ nữa rồi trước một chiếc cổng lớn dựng bằng cột gỗ và dây thép gai, chiếc xe cam nhông dừng lại và bóp còi inh ỏi. Sát lối vào là một bót gác sơn màu đen trắng đỏ và một chòi canh, trên có một người đội mũ đứng gác bên cạnh một khẩu súng cối. Lính trực mở hàng rào, sáp cái mặt nhăn nhó vào gần ca bin rồi chiếc xe chở đồ đi vào bên trong.

Người lái xe huých người bên cạnh một cái, nói:

- Chúng mình tới rồi.

Họ mở ca bin ra, nhảy xuống với dụng cụ của họ.

Chim líu lo trong rừng, mặt trời rạng đông chiếu sáng những lùm cây xanh, báo trước một ngày đẹp trời. Một làn sương mỏng bao trùm tất cả.

Một nhồi, Plôrin và Srođơ đi về phía lều trại đàng sau chòi canh. Bước chân lên một vài bậc thềm, họ thấy lối đi trong trại đã bị choáng bởi một đoàn xe sẵn sàng khởi hành.

Trại im phăng phắc, không có gì cử động, chỉ có những ống khói của lò hỏa táng đang nhả một cột khói đen ngòm.

Ủ rũ trước một chiếc bàn, viên tiểu đội trưởng đang ngủ. Khi ông ta giật mình thức dậy, hai người đang quan sát ông cười khẩy với một vẻ chán nản rồi nói:

- Chúng tôi đây.

Viên tiểu đội trưởng đứng dậy, vươn vai vừa ngáp vừa nói: “Tốt”, rồi châm một điếu thuốc lá bằng dáng điệu uể oải, đưa tay lên vuốt lại tóc, đội mũ vào, sắp lại dây lưng, liếc mắt trong gương một cái, giụi mắt để cạy gỉ.

- Chúng nó bao nhiêu? ông hỏi.

- 67, Srođơ vừa trả lời vừa ném gói hồ sơ lên mặt bàn.

- Những người cuối cùng hả?

- Vâng, cuối cùng, Srođơ đáp. Có gì mới không?

- Chúng ta nhỏ trại... chiều nay.

- Chắc không?

- Ủ, không khí bắt đầu nóng bức.

- Về hướng nào?

- Hướng Đại Đức. Tỉnh Biên trấn Đông.

Viên tiểu đội trưởng bật cười.

- Đi ngủ đi, viên ấy nói, các anh sẽ còn một đêm mệt nhọc nữa, khởi hành đêm nay từ bảy giờ đúng.

- Còn trại thì sao? Plôrin hỏi.

Viên tiểu đội trưởng bỏ mũ ra, chải lại đầu một cách kỹ lưỡng, tay phải cầm lấy bờm nhấc lên. Hắn là một gã đẹp trai, thân hình mảnh dẻ, tóc tai màu nâu. Hắn thở dài.

- Trại à, hắn nói, không còn trại nữa; từ bây giờ đến đêm sẽ không còn

trại nữa, trại trông trơn rồi.

- Trông trơn? Plôrin hỏi.

Hắn đang ngồi và đang chậm chạp di tay áo trên khẩu súng liên thanh còn ướt hơi sương.

- Trông trơn, viên tiểu đội trưởng nhắc lại với một tiếng cười khẩy nhẹ và một cái nhún vai, tôi đã nói với anh là trại này trông trơn, như thế chưa đủ sao?

- Đòi đi chỗ khác? Srođơ còn gạn hỏi nữa, mặc dầu đã đi ra đến cửa.

- Đồ ngây thơ, viên tiểu đội trưởng nói, thôi cút hẳn đi cho tôi nhờ, tôi đã nói trông trơn chứ không phải là đòi đi chỗ khác, trừ ban đồng ca.

Hắn cười ngạo.

- Ông ấy mê mẩn vì ban đồng ca, lão già. Anh sẽ thấy ông ta sẽ còn mang ban ấy đi nữa.

- Càng tốt! Hai người cùng nói một lúc, càng tốt!

Và Srođơ nói thêm:

- Ông ấy mê mẩn thực sự, đó là bệnh si nhạc mà!

Cả ba đều cười ngất.

- Thôi ta chuẩn đi, Plôrin nói tôi để chiếc xe lại, không thể lái được nữa.

- Để đó, viên tiểu đội trưởng đáp, Vili sẽ lái vào ga ra.

- Vậy thì chúng ta không có đó...

Hai người tài xế đi ra. Viên tiểu đội trưởng gật đầu đồng ý, đi đến phía cửa sổ và ngắm chiếc xe chở đồ màu xanh đang đậu bên lối đi vào trại, ngay trước đoàn xe sẵn sàng khởi hành. Trại hoàn toàn yên lặng.

Người ta chỉ mở chiếc xe ra một giờ sau, khi viên đội trưởng Filcai đến trại. Filcai có mái tóc màu đen, kích thước trung bình và khuôn mặt xanh xao, thông minh, thờ ra sự tinh khiết. Ông rất nghiêm ngặt, chú trọng đến trật tự, không tha thứ một hành động phạm lỗi nào. Lúc ông thi hành thì đó là chiếu theo quy luật. Ông nghiêng đầu chào lại bọn lính trực, nhìn qua chiếc

xe chở đồ màu xanh rồi đi vào bót gác. Viên tiểu đội trưởng chào rồi tường trình.

- Họ mấy người? Filcai hỏi.

- Sáu mươi bảy, thưa ông Đội trưởng.

- Tốt, Filcai nói, tôi chờ một giờ nữa để nghe họ hát.

Ông ngoắc đầu một cái, vể mặt hồ hững, bỏ điếm canh đi ra và băng ngang qua sân trại. Đây là một cái trại hình chữ nhật, một hình vuông có bốn lần bốn dãy lều với một khoảng trống nhỏ ở về phía nam lối đi vào. Các góc trại đều có chòi canh. Ở giữa là dãy lều dùng làm nhà bếp và nhà cầu; trong một góc trại, sát chòi canh phía đông nam là những phòng tắm hơi ngạt và bên cạnh phòng tắm là lò hỏa táng. Trại hoàn toàn yên lặng nếu không phải là có một người trong bọn lính gác, người ở chòi canh phía đông nam, đang ngâm nga: ngoài điều này ra, sự yên lặng thật là hoàn toàn. Một làn khói xanh nhẹ tỏa lên từ nhà bếp trong khi từ cửa lò tuôn ra một thứ khói đen dày, cũng may ngọn khói này lại ngả về hướng nam: đã từ khá lâu miệng lò đã khạc ra dữ dội những luồng hơi ngạt dày đặc. Filcai thả mắt nhìn bao quát tất cả, gật gật cái đầu và đi vào căn phòng đặt ở bên cạnh nhà bếp. Ông ném chiếc cát két lên bàn và gật gật cái đầu một lần nữa: ông bằng lòng, tất cả đều ngăn nắp. Ý tưởng này đáng lẽ đã có thể khêu dậy một nụ cười trên môi ông, nhưng Filcai không mỉm cười bao giờ. Ông nhận thấy cuộc đời là một cái gì nghiêm trang, công việc là một cái gì nghiêm trang hơn, nhưng cái nghiêm trang hơn hết cả là nghệ thuật.

Viên đội trưởng Filcai yêu nghệ thuật, đặc biệt là âm nhạc. Ông có một tầm vóc trung bình, tóc đen và nhiều người đã cho là ông đẹp trai với nét mặt xanh xao và thông minh, nhưng chiếc cằm xương xẩu và quá lớn kéo hẳn về phía sau phần còn lại của bộ mặt thực ra rất thanh, thêm vào cho vẻ thông minh của ông một nét tàn bạo vừa kinh khủng vừa bất ngờ.

Đã có một dạo Filcai học âm nhạc, nhưng ông đã quá yêu âm nhạc để biểu thị một sự khách quan tối thiểu là điều mà một con người nhà nghề không bao giờ thiếu: ông xin làm nhân viên ngân hàng và vẫn tỏ ra say mê âm nhạc. Sở thích của ông là hợp ca. Là một người chịu làm việc và có nhiều tham vọng, một cách rất chắc chắn, ông đã mau chóng được thăng chức chánh sự vụ. Nhưng đối tượng chính của lòng ông vẫn là âm nhạc, và đặc biệt là hợp ca. Lúc đầu ông chỉ chú tâm đến ban hợp ca giọng nam.

Vào thời kỳ này, bây giờ cũng đã khá lâu rồi, bởi vì tính ra đến nay thâm thoát đã mười lăm năm, ông điều khiển ban hợp ca Đồng tâm gồm toàn giọng nam; ông hai mươi tám tuổi và người ta xưng tụng ông là giám đốc mặc dầu ông chỉ là một tay tài tử; thực ra người ta không bao giờ tìm đâu được một nhạc sĩ nhà nghề có thể đeo đuổi những mục đích của Hội một cách tỉ mỉ và hăng hái hơn ông. Thật là say mê khi nhìn ông điều khiển ban hợp ca, nét mặt nhợt nhạt được khởi sắc bằng những rung động nhẹ, đôi bàn tay thanh tú. Các bạn đồng nghiệp ca sĩ rất ngán ông vì ông quá câu nệ về tiểu tiết; không một nốt sai nào mà ông không biết đến, hơi sơ suất một chút đã làm cho ông điên lên vì tức giận, đến nỗi có một dạo vì chán ghét cái tính chặt chẽ và nhiệt thành không biết mỏi của ông mà các ca sĩ đáng thương này đã đi chọn một ông giám đốc khác. Cũng vào thời gian này ông còn điều khiển ban hợp ca nhà xứ mặc dầu ông chẳng thích thú gì các lễ nghi tôn giáo; đó là thời kỳ ông muốn lấy mọi cơ hội để sử dụng một ban đồng ca. Cha sở mà các con chiên gọi là ông Thánh là một người hiền lành, hơi lập dị một chút, đôi khi cũng biết giữ một vẻ rất nghiêm nghị; đầu bạc và cao tuổi, cha không biết gì về âm nhạc nhưng đã không bỏ sót một cuộc tổng duyệt nào và thỉnh thoảng có một lối cười mỉm mà Filcai ghét, nụ cười của tình thương, thứ tình thương hại và thương xót. Ngoài ra, nét mặt của cha sở thỉnh thoảng có vẻ nghiêm nghị và Filcai cảm thấy càng ngày càng thù hận các lễ nghi tôn giáo thêm đồng thời cũng ghét cái lối cười mỉm kia hơn. Lối cười này như muôn nói: vô ích, thật vô ích... nhưng cha thương con... Filcai không muốn cho ai thương và càng lúc càng phát ghét cả các bài ca trong nhà thờ và cả nụ cười của cha sở. Khi bị ban Đồng tâm giải nhiệm, ông đã thừa dịp bỏ luôn ban đồng ca nhà xứ. Nhưng nhiều lúc nụ cười này vẫn còn đi qua trí não ông, cái vẻ nghiêm nghị vẫn lơ đi theo một cái nhìn đầy tình thương, “một cái nhìn Do thái” như ông nói, và sự pha trộn giữa thực tế và lòng bác ái này hành hạ tâm hồn ông, nhồi đầy thù hận trong tim ông.

Người kế thừa ông là một giáo sư thích xì gà ngon, rượu bia và truyện tiếu lâm, nghĩa là tất cả những cái mà Filcai ghê tởm: ông không hút thuốc, không uống rượu, không hướng chiều về đàn bà.

Triết lý tôn chúng đáp ứng lí tưởng thâm sâu của ông lôi cuốn ông, thế là ngay sau đó ông gia nhập đoàn thanh niên Hítle, được mau chóng cất nhắc làm trưởng ban đồng ca quận, tổ chức các ban hợp ca, sáng tác các bản hợp xướng đồng thoại và khám phá ra sở thích của ông: lối hợp ca giọng nam pha giọng nữ. Ở ngoại ô Duyseldoóc ông có một căn phòng bày biện một cách sơ sài như buồng lính; ông nằm nhà đọc sách, tất cả những sách mà ông

có thể tìm được về âm nhạc hợp xướng và triết lí tôn chủng. Kết quả của cuộc nghiên cứu lâu dài và sâu xa này là một tác phẩm do chính tay ông viết ra và được ông nhan đề là, *Về sự tương quan giữa âm nhạc hợp xướng và chủng tộc*. Ông mang tác phẩm đến đệ trình một viện âm nhạc quốc gia nhưng bị viện này trả lui với những lời phê chú mỉa mai ở ngoài lề. Sau đấy, Filcai được biết rằng viên giám đốc của viện âm nhạc này tên Neumann là một người Do thái.

Năm 1933 ông bỏ hẳn ngân hàng để hoàn toàn hiến thân cho những dịch vụ âm nhạc của đảng. Tác phẩm của ông đã được một viện âm nhạc chấp thuận và được đăng tải trong một hình thức ngắn hơn trên một tờ chuyên san và từ đấy Filcai bắt đầu tự mình soạn nhạc lấy. Ông đã lên đến cấp bậc chủ tịch đoàn thanh niên Hítler nhưng cũng phụ trách những đoàn S.A và SS nhờ ở khả năng đặc biệt của ông về đồng thoại, đồng thoại giọng nam cũng như đồng thoại giọng nam pha giọng nữ. Những đức tính điều khiển của ông không cần phải biện luận. Khi chiến tranh bùng nổ, ông ba chân bốn cẳng chạy cho bằng được để khỏi bị động viên tại chỗ, và đã nhiều lần đệ đơn xin tình nguyện gia nhập đoàn Đâu lâu. Đã hai lần ông bị từ chối vì bộ tóc màu đen, dáng người thấp nhỏ và sự liên hệ hiển nhiên của ông vào loại “mật chủng”. Người ta không thể ngờ rằng ở nhà ông đã đứng hàng giờ trước gương để ngắm mình một cách tuyệt vọng với một mục đích duy nhất là kiểm chứng một sự kiện quả tang, để tìm hiểu tại sao ông không thuộc vào một chủng tộc mà ông sùng bái một cách nhiệt thành, một chủng tộc đã từng là chủng tộc của Lohengrin. Nhưng khi ông đệ đơn lần thứ ba, đoàn Đâu lâu hoan nghênh ông, căn cứ trên những lời chứng nhận tối hảo mà tất cả các tổ chức của Đảng đã cấp phát cho ông.

Trong những năm đầu của chiến tranh, ông là nạn nhân của thanh danh nhạc sĩ: đáng lẽ gửi ông ra mặt trận, người ta đã gửi ông đi dạy nhạc, rồi điều khiển các khóa trình huấn nhạc, rồi lại điều khiển một khóa trình cho các giám đốc khóa trình; chính ông đã đôn đốc chương trình huấn luyện âm nhạc cho toàn thể các binh chủng SS; một trong những thành tích lớn của ông là đã thiết lập một ca đoàn gồm những lính lê dương thuộc mười ba quốc tịch và nói mười lăm thứ tiếng khác nhau, một ban đồng ca đặc sắc có thể hát một bản hợp xướng trong nhạc kịch Tanhoidơ. Sau này ông được lãnh danh dự bội tinh quân vụ đệ nhất hạng, một vinh dự hiếm có trong quân đội, nhưng mãi cho đến lần đăng quân thứ hai mươi ông mới được phép theo học một khóa huấn luyện để đủ khả năng phục vụ ngoài tiền tuyến. Đó là năm 1943, trại tập trung nhỏ bé mà người ta giao cho ông được thiết lập tại Đức

quốc và chỉ vào năm sau người ta mới bổ nhiệm ông làm quản đốc một xóm Do thái ở Hung gia lợi; khi người Nga tới, xóm Do thái này phải triệt thoái, người ta cho ông cai quản cái trại mà ông đang ở ngày nay, về phía Bắc.

Ông để tất cả danh dự vào việc thi hành đúng đắn những mệnh lệnh đã nhận được. Ông sớm khám phá ra những năng khiếu âm nhạc vô biên tiềm tàng nơi tù nhân, nơi những người Do thái nữa, điều làm cho ông rất ngạc nhiên. Ông áp dụng thuyết đào thải tự nhiên bằng cách triệu tập các người mới tới trại, cho họ hát và ghi trên điểm phiếu kết quả của cuộc thi này. Thang điểm của ông đi từ 0 đến 10. Với điểm số không, điểm ít có, người hát được gởi ngay vào ban đồng ca, và với điểm số mười, người hát ít được may mắn sống thêm hai ngày nữa. Khi nào phải di chuyển tù nhân, ông lựa chọn một cách thế nào để giữ lại một số ca sĩ căn bản gồm những nam nữ ca sĩ tốt giọng, cốt để duy trì toàn bộ ban đồng ca. Ban đồng ca này, được điều khiển với một kỉ luật nghiêm minh của thời kì có ban Đồng tâm, là sự hãnh diện của ông. Ông đã có thể loại trừ mọi sự cạnh tranh nếu các thính giả duy nhất của ông, hỡi ôi, không là những tù nhân đang hấp hối và những lính gác.

Tuy nhiên một mệnh lệnh đối với ông còn thiêng liêng hơn cả âm nhạc, và có nhiều mệnh lệnh đã được truyền đạt xuống ông mấy ngày nay, làm suy yếu hẳn ban đồng ca. Bởi vì người ta triệt thoái các trại và các xóm Do thái ở Hung gia lợi; những trại lớn mà trước kia ông đã cho giải người Do thái tới đã bị bãi bỏ, cái trại nhỏ của ông lại không được nối liền với đường rày, do đấy ông đã bị bắt buộc phải hạ sát họ tại chỗ; nhưng, dù sao, cũng còn nhiều cỏ vè, bép nước, lò, phòng tắm hơi ngạt, để sắp đặt công việc ít nhất là cho những ca sĩ đặc sắc.

Filcai không thích giết người. Riêng ông, ông chưa bao giờ giết ai và một trong những sự thất vọng của ông chính là đã cảm thấy bất lực trong hành động ấy. Dù vậy, ông vẫn hiểu sự cần thiết phải làm, tôn trọng mệnh lệnh và thực thi những mệnh lệnh ấy một cách chặt chẽ; vả lại, điều thiết yếu không phải là lấy làm thú vị khi được thi hành mệnh lệnh, mà chính là phải tìm hiểu sự lợi ích của những mệnh lệnh ấy, tôn trọng chúng và bảo đảm sự thi hành.

Filcai đi ra phía cửa sổ và nhìn ra ngoài: từ phía sau chiếc xe chở đồ màu xanh, hai chiếc cam nhông đi gần tới; xuống xe, các bác tài lết những bước mệt mỏi lên những bậc đưa tới điểm canh. Sau đó, người ta có thể nhìn thấy viên tiểu đội trưởng Blase với năm người tùy tùng, bước qua lối đi vào

rồi mở những cánh cửa to lớn và nặng nề của chiếc xe chở đồ. Những người ở bên trong hét lên, ánh sáng làm cho họ chói mắt, họ la lên, gào lên và những người đi ra vừa chập chững vừa hướng đến chỗ mà Baoơ đã chỉ.

Đầu tiên là một người đàn bà trẻ mặc áo choàng xanh, mái tóc màu đen sậm; nàng ta nhợt nhúa, áo của nàng đã bị rách bởi vì nàng phải giữ chặt lấy áo choàng một cách lo sợ; tay nàng dắt một con bé gái khoảng mười hai tuổi. Không một ai trong hai người có hành lí.

Đàn ông vừa chui ra vừa chập choạng đi đến chỗ đang điếm danh; Filcai lăm bắm đếm từng người; sáu mươi một người, đàn ông, đàn bà và trẻ con, rất khác nhau về cách ăn mặc, đi đứng và tuổi tác. Chiếc xe màu xanh không còn thối ra gì nữa. Như vậy là phải có sáu người chết. Chiếc xe xanh từ từ tiến đến và dừng lại ở đầu trại, trước lò. Filcai gật đầu, thỏa mãn: đó chính là sáu tử thi mà người ta hạ xuống để kéo về trại lều.

Hành lí được chất đống trước bót canh. Người ta cũng dỡ hành lí ở hai chiếc cam nhông xuống; Filcai đếm những đường hàng năm được sắp xếp dần dần, có tất cả là hai mươi chín hàng như thế. Qua ống khuếch thanh, tiểu đội trưởng Baoơ lên tiếng:

- Tất cả chú ý. Các anh đang ở trong một trại tiếp liên. Các anh sẽ không ở đây lâu. Từng người một các anh đến phòng phiếu lí lịch rồi từ đây các anh đến nhà Ông Quản đốc trại, ông sẽ cho các anh qua một kì thi đặc biệt, sau đó, mọi người qua phòng tắm, phòng bắt chấy rồi các anh sẽ có cà phê nóng. Người nào hơi tỏ vẻ chống đối sẽ bị hạ sát tại chỗ. Baoơ chỉ cho họ thấy những chòi canh có súng cối đã sẵn sàng chĩa về chỗ họ, và năm người đang đứng ở sau lưng hẳn, tay lăm le khẩu súng liên thanh.

Sau cửa sỏ, Filcai đi đi lại lại một cách nôn nóng. Ông đã tìm ra nhiều người Do thái vàng. Có nhiều người Do thái vàng ở Hung gia lợi, Filcai không thích họ bằng những người Do thái đen, mặc dầu trong bọn họ cũng có những mẫu người đáng được có mặt trong một tập ảnh về chủng tộc bắc phương.

Ông thấy người đàn bà đầu tiên, người đàn bà có chiếc áo choàng xanh và chiếc áo rách nát, đi vào lều hồ sơ; ông ngồi xuống, đặt khẩu súng lục đã nạp đạn lên mặt bàn trong tâm tay. Vài phút nữa nàng sẽ ở đó để hát thử.

Đã từ mười giờ qua Ilôna mong mỏi để được sợ. Nhưng sự sợ hãi đã không đến. Nàng đã phải chịu đựng và đã nhận thấy nhiều chuyện trong suốt

mười giờ này: ghê tởm và kinh ngạc, đói và khát, áp bức và thất vọng lúc ánh sáng đọi đến người nàng, cùng với một thứ hạnh phúc cụ thể một cách lạ lùng khi nàng được ở một mình trong nhiều phút hay nhiều khắc đồng hồ nhưng sự sợ hãi, nàng đã đợi chờ nó một cách vô vọng. Sự sợ hãi đã không đến. Cái thế giới mà nàng đã sống suốt mười giờ thật là hư ảo, cũng hư ảo như thế giới thực, cũng hư ảo như những điều mà nàng đã nghe nói về nàng, nhưng nghe nói về những điều ấy làm nàng dễ sợ hơn là sống ở trong đó. Vào lúc này, nàng không ao ước gì nhiều nữa, nhưng một trong những điều ước nguyện của nàng là được ở một mình để có thể đọc một kinh thực sự.

Nàng đã tưởng tượng cuộc sống của nàng khác hẳn. Cho đến lúc ấy, dòng đời đã trôi qua trong veo và đẹp đẽ, phù hợp với những dự tính của nàng, cũng được gần như là nàng đã hình dung dù đôi khi những toan tính của nàng đã bị phát hiện là sai lầm nhưng tất cả những gì đã xảy ra cho nàng bây giờ, nàng đã không mong đợi, nàng còn hi vọng là sẽ tránh khỏi.

Nếu tất cả đều tiến hành tốt đẹp; nội trong nửa giờ nữa nàng sẽ chết. Nàng đã gặp may, nàng là người đầu tiên. Nàng biết rõ thế nào là tấm như người đàn ông đã nói, nàng chờ có thể có được mười phút để hấp hối, nhưng cả những sự đau đớn này cũng không làm cho nàng khiếp sợ, vì nó có vẻ còn xa xôi quá. Trong cam nhông nàng đã phải chịu đựng nhiều cái đã đọi đến nàng gần gũi thực, nhưng nó chưa thấu nhập vào nàng. Có người đã thử cưỡng hiếp nàng, một đứa mà nàng đã nghĩ thấy sự dâm dăng từ trong bóng tối, bấy giờ nàng gắng nhận diện nó nhưng không được. Một người khác đã bảo vệ cho nàng chống lại thằng kia, một người đã có tuổi nào đó, người ấy đã nói nhỏ ngay sau đó vào tai nàng là ông đã bị bắt giam vì một cái quần, độc nhất chỉ vì một cái quần mà một sĩ quan đã bán cho ông ta: cả cái ông này nữa, nàng cũng chưa nhận diện được. Thằng kia đã lần mò sờ vào vú nàng, đã xé toang cái áo của nàng ra, đã hôn lên gáy nàng nhưng may mắn là ông kia đã chặn ngang được. Người ta cũng hát rơi chiếc ga tô nàng đang cầm trong tay, đó là một cái gói nhỏ, một vật duy nhất nàng đã mang được theo; gói ấy rơi xuống đất, nàng đã sờ soạn mãi trong bóng tối mới vớt vát được một vài mẩu bột lẫn lộn với những chất bẩn và kem bơ. Nàng đã ăn những mẩu bột ấy cùng với Maria; một mảnh bánh ngọt này còn sót lại trong túi áo choàng và đã bị bẹp gí, nhưng rồi khi giờ này giờ kia qua, nàng nhận thấy miếng bánh ấy tuyệt diệu, nàng ngắt dần những hòn bột nhỏ, trao cho con bé và chính nàng cũng ăn và công nhận là tuyệt diệu, chiếc bánh bột sữa pha trộn với đủ thứ như nhóp mà nàng moi dần đến mẩu cuối cùng bằng cách cài vào đáy túi áo choàng. Một vài người đã tự tử, họ để cho máu chảy

không một tiếng động, nép trong một góc xe, họ có một cách thở hỗn hển và rên rỉ kì dị, như thế mãi cho đến khi những người bên cạnh bị trượt chân trên vũng máu cất tiếng hét lên như những người điên dại. Nhưng họ đã thôi không hét nữa khi có người đập vào thành xe. Những tiếng đập này có vẻ dọa nạt và dữ dội, người nào đã đập như thế không thể là một con người được, đã từ lâu rồi họ không còn ở giữa loài người nữa.

Cũng là vô vọng nữa khi nàng mong mỏi được hồi hận. Thật chẳng có ý nghĩa gì cả khi nàng rời bỏ người lính mà nàng yêu thiết tha, không biết tên anh ta là gì, vô nghĩa thực. Ngôi nhà của cha mẹ nàng đã trống trơn, nàng chỉ còn thấy đứa con của bà chị, khiếp đảm và hoảng hốt, chính cô bé Maria này, khi ở nhà trường về, cũng đã thấy nhà cửa trống không. Bố mẹ và ông bà đã ra đi, người hàng xóm kể lại là người ta đến tìm các cụ từ trưa. À mà cả hai dì cháu đã chạy đến xóm Do thái để tìm các cụ thì có ích lợi gì về sau không? Cũng như thường lệ, họ vào đó bằng cách đi qua phía sau một hiệu cắt tóc, và sau khi đã chạy qua những khi phố vắng, hai dì cháu đã đến hơi sớm để rồi bị dính vào chiếc xe chở đồ đang sắp rồ máy này vì hi vọng là sẽ tìm lại được gia đình. Họ đã không tìm được cha mẹ cũng không tìm được ông bà, các cụ không có ở trên chiếc cam nhông ấy. Ilona lấy làm ngạc nhiên tại sao không có một người láng giềng nào đã chạy đến trường báo cho nàng biết, ngay cả Mari cũng không có một ý kiến gì về vụ này. Nhưng có lẽ có được báo trước thì cũng chẳng ăn thua gì nào...

Giữa đường có người giúi vào miệng nàng một miếng thuốc lá đã châm, sau này nàng mới biết người ấy chính là người đàn ông đã bị dẫn đi vì chiếc quần. Đây là miếng thuốc lá đầu tiên nàng đã hút từ đó, nó làm cho nàng có can đảm hơn. Nàng không biết ai đã cho nàng, không một ai ra mặt cả, kể cả gã thanh niên dâm dăng có hơi thở phì phò và cái ông đã muốn điều tốt cho nàng, và khi một que diêm bùng sáng, tất cả các bộ mặt đều giống nhau, trông dễ sợ, đầy lo ngại và căm thù.

Nhưng nàng cũng có thì giờ đọc kinh lâu; ở nhà dòng nàng đã học thuộc lòng tất cả các kinh; các bài kinh cầu, một phần lớn các nghi thức riêng cho ngày lễ và trên cam nhông, nàng bằng lòng vì đã thuộc nhiều kinh. Cầu nguyện làm cho nàng tràn ngập một sự bình thản sáng suốt. Nàng không cầu nguyện để mong nhận được cái gì hay để được tránh khỏi tai nạn, cũng không phải là để được chết mau chóng và không đau đớn, càng không phải là để được sống: nàng cầu nguyện để cầu nguyện, và bằng lòng được dựa lưng vào cánh cửa nhồi bông, tự cảm thấy được biệt lập ít nhất là về phía bên này. Đầu tiên nàng ngồi quay lại, lưng kê vào gối người kia, và khi nàng ngã

nhào vì quá mệt, thân xác của nàng chắc đã khô cứng trong lòng anh chàng mà nàng đã ngã lên trên một ham muốn điên rồ, một dự vọng với hơi thở hồng hển đã làm cho nàng sợ hãi thực nhưng đã không làm cho nàng mất lòng, có thể ngược lại là khác, nàng có cảm tưởng như là đã tham dự vào tội lỗi ấy, nàng đã là một phần của anh chàng vô danh kia...

Một khi đã được đỡ lên, nàng rất vừa ý vì ít nhất chiếc lưng của nàng cũng được thoải mái, dựa vào chỗ nệm được nhồi bông cốt để bảo vệ cho các đồ đạc đắt tiền. Nàng ôm sát Mari vào ngực, mãi nguyện nhìn con bé ngủ. Nàng đọc kinh, gắng đọc kinh một cách sốt sắng như ngày xưa mà không thể nào đạt tới được, nó cứ như là một chuỗi tư tưởng tiếp theo nhau một cách lạnh lùng mà thôi. Cuộc sống đã bị xoay chiều một cách khác hẳn với điều nàng tưởng tượng: năm hai mươi ba tuổi nàng đã thi đỗ vào ngành giáo sư rồi sau đó vào nhà dòng. Tuy rằng thất vọng, gia đình đã không phản đối nàng. Nàng đã trải qua một năm tròn ở nhà dòng, một năm tuyệt hảo; nếu sau đây nàng muốn làm một nữ tu khấn trọn đời thì bây giờ nàng đã là một dì phước ngoan ngoãn ở Á căn đình, đã dạy học trong một tu viện đẹp, chắc hẳn rồi. Nàng đã không làm vì cái ham muốn lấy chồng và có nhiều con đã nổi dậy mạnh mẽ đến nỗi, dù đã trải qua một năm, nàng đã không thể nào chế ngự được; và như vậy nàng đã hoàn tục. Nàng rất thành công trong ngành dạy học, nàng hành nghề một cách hứng thú, rất thích hai môn mà nàng đã chọn là Đức ngữ và âm nhạc; nàng cũng yêu trẻ em và không tưởng tượng được rằng còn có một cái gì đẹp hơn một ban hợp xướng nhi đồng, chính nàng đã sáng lập ra ban hợp ca nhi đồng này, cái ban hợp ca đã thành công một cách rực rỡ này. Những bài thánh ca do chúng hát, những bài thánh ca bằng tiếng la tinh tập dượt vào những ngày lễ trọng, thực sự đã thấm nhuần trung tính thuần khiết của thiên thần: chúng hát như bị dao động bởi một niềm vui sâu xa và hồn nhiên, cho dù không hiểu nổi nghĩa cảm động của lời ca đi nữa như vậy trong một thời gian dài, cuộc sống đối với nàng rất đẹp, gần như là không bó buộc. Nỗi phiền độc nhất của nàng là nhu cầu được yêu thương và có con; nàng đã không tìm được ai, đó là điều làm cho nàng phiền lòng: nhiều người đàn ông đã để ý đến nàng, nhiều người đã tỏ tình với nàng và nàng đã để cho một vài người hôn, nhưng nàng chờ đợi để cảm thấy một cái gì không thể mô tả được mà nàng không gọi là ái tình, có nhiều hình thức ái tình, đúng ra đó là một thứ ngạc nhiên mà nàng mong đợi và hình như là nàng đã cảm thấy điều ấy khi người lính mà nàng không biết tên đứng ở bên cạnh nàng; trước bản địa đồ và cắm vào đấy những lá cờ nhỏ. Nàng biết hẳn đã phải lòng nàng, đã từ hai ngày hẳn đến nhà nàng ở li đây hàng giờ tán dóc và nàng nhận thấy hẳn rất dễ thương mặc dầu bộ quân

phục của hắn làm cho nàng e ngại và sợ hãi đôi chút. Nhưng bỗng nhiên, trong những phút đứng ở bên hắn và đang lúc hắn có vẻ đã quên nàng, bỗng nhiên cái vẻ trang trọng và đau khổ của hắn và bàn tay của hắn dò dẫm trên bản dự đồ châu Âu đã làm cho nàng ngạc nhiên, nàng đã cảm thấy vui vui và muốn cất tiếng hát. Đó là người đàn ông đầu tiên đã được nàng hôn lại...

Nàng từ từ đi lên những cấp bậc dẫn đến lầu, tay kéo Mari đi theo; nàng ngược mắt lên nhìn một cái ngạc nhiên khi người tùy phái lấy nòng súng liên thanh đập vào hông nàng quát: “Nhanh lên, nhanh lên”. Nàng đi nhanh hơn. Ở bên trong, ba người thư kí đã ngồi sẵn ở bàn, trước những gói hồ sơ dày cộm lớn bằng những cái nắp hộp xì gà. Người ta đẩy nàng đến chiếc bàn thứ nhất, Maria đến bàn thứ hai, và chiếc bàn thứ ba để cho lão già rách rưới chưa cạo râu đang mỉm cười với nàng một cách thoáng qua: nàng mỉm cười trả lại hắn, có lẽ đó là người ân nhân của nàng. Nàng khai danh tính, nghề nghiệp, ngày sinh, tôn giáo và tỏ vẻ lạ lùng về việc người thư kí còn hỏi cả tuổi nàng.

- Ba mươi ba tuổi, nàng đáp.

“Còn được nửa giờ nữa”, nàng nghĩ. Có lẽ rằng dù sao nàng cũng còn có cơ hội được ở một mình một lúc. Điều mà nàng thấy khác thường là sự vô tình ngự trị trong văn phòng này, nơi mà người ta chỉ huy sự chết. Tất cả được thi hành một cách máy móc với một chút khó chịu và nôn nóng, với một vẻ cau có như khi phải làm bất cứ một công việc gì ở bàn giấy: nhưng đó là những người của nhiệm vụ, họ phải thanh toán dù công việc tỏ ra khó chịu đến đâu.

Người ta không xô đẩy nàng, nàng vẫn chờ đợi sự kinh hãi mà nàng đã lo ngại. Nàng đã sợ hãi kinh khủng ngày nàng rời bỏ nhà dòng trên đường đi đến xe điện, với chiếc va li, những ngón tay ướt át, co rúm trên số tiền cần thiết cho cuộc hành trình. Đời đã xuất hiện trước mắt nàng như một cái gì xa lạ và xấu xí, cái cuộc đời mà nàng đã ao ước trở về để có được một người chồng và có con; một số thỏa mãn mà nàng đã thiếu ở tu viện, đến bây giờ, trong lúc đang đi về phía xe điện, nàng không hi vọng tìm lại được nữa. Ngày ấy nàng đã tự trách nặng lời là đã sợ.

Đến trước cái lầu thứ hai, nàng tìm một bộ mặt quen giữa những người đang đợi nhưng không tìm ra được ai; nàng bước lên bậc, điệu bộ bồn chồn, người tùy phái ra hiệu cho nàng đi vào khi hắn thấy nàng do dự; nàng bước vào, kéo Mari theo sau. Đó không phải là thói quen và hành động độc ác thứ

hai mà nàng nhận thấy là hành động của người tùy phái đã giật đưa bé ra khỏi tay nàng và đã lôi tóc nó khi con bé chống cự. Nàng nghe thấy tiếng kêu của Mari và đi vào trong phòng, phiếu lí lịch ở trên tay. Căn này đã bị một ông mặc sắc phục sĩ quan chiếm: trên ngực ông đeo một huy chương hình thập giá nam bạc, tinh xảo, rất hấp dẫn; nét mặt xanh xao có vẻ ốm yếu và khi ông ta ngừng đầu lên để nhìn nàng, nàng cảm thấy ghê ghê vì cái cằm to lớn đã làm cho khuôn mặt của ông ta méo mó. Ông ta giơ tay ra không nói một lời, nàng trao tờ phiếu cho ông và chờ đợi: sự sợ hãi vẫn chưa thấy tới. Sau khi đọc suốt tờ phiếu; người đàn ông nhìn nàng và nói một cách điềm nhiên:

- Hát một cái gì đi.

Nàng kinh ngạc.

- Kia, ông ta giục một cách nôn nóng, hát một cái gì đi, gì cũng được.

Nàng nhìn ông ta, hé môi. Kinh cầu các thánh, như nàng đang hát, là một bản kinh mà nàng vừa mới khám phá ra và đã để dành để tập cho học trò. Vừa hát, nàng vừa quan sát người kia và lúc ấy, khi ông ta ngẩng lên để chăm chú nhìn nàng, thốt nhiên nàng hiểu thế nào là sợ hãi.

Nàng tiếp tục hát trong khi khuôn mặt mà nàng thấy trước mặt co dúm lại, giống như một cái cây ghê sợ đang lên kinh. Nàng hát hay và mỉm cười mà không biết trong khi sự sợ hãi đưa lên dần dần trong người nàng, làm nghẹn họng nàng bằng một vật gì mà nàng muốn khạc ra không được.

Khi nàng vừa cất tiếng hát, tất cả đều trở thành yên lặng, cả ở bên ngoài nữa cũng vậy và Filcai nhìn chăm chăm vào nàng: nàng đẹp. Đó là một người đàn bà và Filcai chưa bao giờ biết đàn bà; cuộc đời ông trôi qua trong một sự chay tịnh đến hết được. Khi ông ta ở một mình, khung cảnh của đời ông thường là một tấm gương, trong đó ông đã hoài công khám phá ra nhan sắc, uy quyền, sự toàn mỹ chủng tộc, nay bỗng nhiên ông có trước mặt nào là nhan sắc, nào là uy quyền, sự toàn mỹ chủng tộc, thêm vào đó một cái gì nó đặt ông vào một tình trạng tê liệt hoàn toàn: đức tin. Ông không hiểu tại sao ông lại để cho nàng hát, hát ngay sau cả phần nhập ca, có lẽ ông đang mơ mộng, và trong ánh mắt của nàng, mặc dầu ông thấy nàng run, trong ánh mắt của nàng, ông tin rằng đã đọc được một cái gì như là tình yêu, ít ra đó cũng không phải là sự khinh thị. *Chúa Giêsu chuộc tội cứu thế*, nàng hát như ông ta chưa bao giờ từng được nghe một người đàn bà hát bao giờ.

Hồi linh hồn Chúa, giọng nàng mạnh mẽ, âm áp rõ ràng một cách không ngờ. Ông mơ mộng thực nhưng những lời mà nàng ta sắp hát lại trở về với ông. *Ba ngôi cũng là một đức Chúa Trời*. Và nàng hát: Ba ngôi cũng là một đức Chúa Trời, những thằng Do thái công giáo, ông ta nghĩ, thật là điên cái đầu. Ông ta chồm đến phía cửa sổ; mở mạnh cánh cửa: chúng nó ở đó và đang yên lặng đứng nghe. Filcai cảm thấy ông đang run, ông thử kêu lên nhưng từ cổ họng của ông chỉ xô ra một tiếng chửi câm lặng và khô khan và từ ngoài tỏa ra một sự yên lặng cố nín, mở về phía giọng hát của người đàn bà.

Mẹ là mẹ thánh của đức Chúa Trời... Ngón tay run rẩy của ông vớ lấy chiếc súng lục, quay lại và bắn mù quáng vào người đàn bà; nàng gục xuống và kêu lên. Rồi khi tiếng hát kia đã im, ông mới tìm lại được giọng nói của mình:

- Bắt chúng nó xuống đi, ông hét lên, bắt chúng nó xuống hết, tiên sư chúng nó, kể cả ban hát nữa, cho nó đi luôn.

Và ông bắn cả loạt đạn lên người đàn bà, nàng nằm lăn trên mặt sàn, nôn tháo sợ hãi của nàng ra cùng với những nỗi đau đớn khóc liệt.

Ở ngoài sự tàn sát bắt đầu.

VIII

THẾ là mộ Sudan đã chứng kiến chiến tranh được 3 năm liền.

Thoạt tiên binh lính Đức ồ ạt kéo tới; người ngựa và quân xa, rầm rập; họ qua cầu vào đúng mùa Thu bụi bám, rồi nương theo các đường đèo để tiến vào lãnh thổ Ba lan. Muốn biết thế nào là chiến tranh chỉ cần nhìn đám binh lính mình mẩy đầy bùn, số sĩ quan dáng điệu mệt mỏi trên lưng ngựa, và đoàn xe mô tô bện rộn tới tấp. Trọn một buổi chiều hành quân cảnh tượng cũng khá vui nếu không có những lúc ngừng nghỉ; quân xa dẫn đầu đoàn quân, lại thêm một đoàn mô tô hộ tống phía trước và phía sau. Cũng kể từ ngày ấy, mộ Sudan không nhìn thấy họ trở lại.

Sự thanh bình trở lại một thời gian; thỉnh thoảng chỉ còn vài chiếc xe cam nhông Đức vượt qua cầu rồi mất dạng trong rừng sâu, nhờ tư bề im lặng, mộ nghe rõ mồn một tiếng động cơ vang từ xa, khá lâu rồi mới tắt, nhất là lúc xe leo đèo gầm gừ hỏn hển, tiếng vọng chỉ tắt khi đoàn xe khuất sau đỉnh đồi. Mộ Sudan nghĩ, từ trên cao đoàn xe đã nhìn rõ nơi chôn nhau cắt rún của mộ, mà hồi thơ ấu vào mùa hè, mộ thường rong chơi ngoài cánh đồng, hoặc mùa Đông tới mộ chỉ quanh quẩn bên guồng tơ; đoàn xe đang bò vào những khoảng trống lởm chởm đá, cây cỏ thưa thớt, mà ở đó, trước đây, mộ thường thơ thẩn một mình với bao niềm quạnh hiu. Mộ đã từng bỏ ra hàng giờ, tựa vào vách đá để phóng mắt nhìn xem trên triền dốc có vật gì động đậy. Vào thời xa xưa ấy, làm gì có xe hơi; xe bò hoặc xe ngựa cũng còn hiếm nữa; có chăng chỉ toàn dân Thổ hoặc Do thái, tùm ba tùm bảy vượt đèo qua Ba lan. Mãi sau này, khi mộ rời khỏi làng, mới có đường xe lửa chạy qua cầu Sácni, tiến vào thung lũng, vẫn khoảng đất xa xưa mà mộ đứng từ ngọn đồi cỏ nhìn xuống dưới. Kể đã có nhiều năm, mộ xa cách nơi này; mười năm trời chứ ít sao, vậy mà mộ vẫn nghe văng vẳng bên tai tiếng động cơ xe hơi vượt đèo, lâu thiệt lâu, ngay cả khi chúng đã khuất dạng sau mòm núi bon bon trên con đường dốc phía bên kia, có thể, lúc đó đám con cái thằng cháu của mộ; đang đứng trên đường nhìn đoàn quân xa Đức hỏn hển, thằng cháu Cự vẫn sống trong làng. Đoàn xe Đức mỗi ngày mỗi thưa thớt. Cứ cách hai tháng chỉ có một xe cam nhông và vài chiếc xe nhỏ chạy qua vùng đó; thẳng hoặc, họ cũng đậu lại; binh lính ủa xuống quán của cụ Bà để vội vã uống li bia trước khi tiếp tục hành trình. Chiều lại cũng vẫn chiếc xe đó trở về và, tạm ngừng trước quán mộ để cho binh lính vội vã giải khát, rồi vội vã ra đi. Mỗi ngày chiếc cam nhông chỉ qua lại có ba lần. Sáu tháng khi

chiến tranh bùng nổ phía bên kia núi, chiếc cầu ngay sau lưng nhà mù đã bị giật sập. Sự việc đó xảy ra vào một đêm: mù không sao quên được những tiếng ồn ào gây nên bởi tiếng kêu của chính mù, tiếng gọi của đông lân hàng xóm, tiếng gào thét của Maria con gái mù, đã hăm tám tuổi đời, mỗi ngày mỗi thêm giao động vì những ý nghĩ kỳ quặc. Cửa kính vỡ tan hoang; đàn bò rống lên trong chuồng; chó tru suốt thâu đêm; sáng ngày ra, mọi người mới biết: nguyên cây cầu đã bay gọn. Chỉ còn trơ trụi những cột bê tông; lề đường, mặt lộ, thành cầu đều bị nứt nẻ và cắt gọn, sắt vụn bay tuốt xuống sông, nhiều nơi còn nhú lên những thanh sắt dài. Mới sớm tinh sương, một sĩ quan Đức với năm binh sĩ, tới nơi lục soát cùng khắp trong vùng Bécsaba; họ bắt đầu khám xét kỹ lưỡng nhà mù Sudan không bỏ sót nơi nào từ chuồng bò đến phòng căn phòng riêng của Maria; Maria đã trở thành cuồng loạn sau vụ nổ. Sau đó, họ qua nhà Têman bới tìm từ đồng rơm, từ góc phòng; căn nhà của Braki, bỏ hoang đổ nát từ ba năm nay, cũng được họ chiếu cố. Gia đình Braki dọn đi Présobuóc kiếm ăn từ lâu; chả ai muốn mua lại căn nhà đó và vườn tược phụ thuộc.

Bọn lính Đức tỏ ra căm giận khi họ không kiếm tìm ra bọn phá hoại. Họ còn dùng xuống bơi qua sông để lục soát khu vực Tsencôích, một xóm hẻo lánh kế bên sông, mà từ bờ bên này đứng trên vừa thóc mù Sudan có thể nhìn rõ tháp chuông nhà thờ lấp ló sau rừng cây. Bọn lính Đức không thấy gì khác lạ ngoài đó, ngay tại Têxadi cũng vậy; họ hoàn toàn thất vọng. Có lẽ họ không biết ngay sau vụ nổ sập cầu, hai thằng con trai lão Sôchích đã biến dạng.

Mù Sudan lúc đầu không thể hiểu nổi tại sao họ lại đánh sập cầu; cứ cách hai tháng mới có một chuyến xe cam nhông, binh lính thừa thớt lèo tèo. Việc sử dụng cây cầu hoàn toàn do dân địa phương, ra đồng làm ruộng hoặc vô rừng làm rẫy. Cây cầu có còn hay không, chả gây phiền phức cho quân Đức bao nhiêu, bất quá họ chỉ cần đánh một đường vòng qua Sácni, mất khoảng chừng nửa tiếng đồng hồ cho quãng đường dài năm cây số để tới một cây cầu khác dùng chung với đường xe lửa.

Vài ngày sau mù Sudan mới hiểu dụng ý việc phá hủy cây cầu, nhờ sự ba hoa của mấy tụi tới quán mù nhậu rượu. Tất cả mọi chi tiết đều được họ kể lại rành rẽ. Sau vụ đó, vùng Bécsaba trở lại yên tĩnh, quá yên tĩnh là đằng khác, dân quê và thợ thuyền đi làm bên kia dãy núi không thấy trở lại. Tsencôích, trái với thường lệ, vào ngày chủ nhật vẫn đông đảo khách thừa lương hoặc những cặp tình nhân hò hẹn trong rừng, nay trở thành vắng hoe, ngay cả đám binh lính cũng không có nữa. Mới cách đó mười lăm ngày, mù

Sudan lại bán được cho Têman một chai bia, lão già keo kiệt vẫn có thói quen cất lấy rượu bia để uống. Thật là nỡ nề cho mẹ Sudan phải đợi tới mười lăm ngày mới bán nổi cho lão già coi đồng xu to bằng cái đĩnh và chẳng dám tiêu. Ai cũng đều biết lão già keo kiệt tới mức nào rồi.

Tình trạng yên tĩnh chỉ được ba tuần lễ. Rồi bỗng một hôm một quân xa Đức sơn màu xám, xinh xắn chở ba sĩ quan Đức tới để kiểm kê lại sự hư hại. Họ đi đi lại lại trên bờ sông, bắt ống nhòm quan sát hết bên trái rồi tới bên phải cả nửa tiếng đồng hồ. Họ lại còn trèo lên cả mái nhà tay vẫn cầm ống nhòm quan sát thật kỹ trong khoảng từ nhà lão Têman, đến nhà mẹ Sudan. Sau đó họ ra đi chẳng uống gì hết, rượu mạnh cũng không nót.

Ngày mốt, mọi người thấy bụi bay mù mịt trên quãng đường từ Têcsani đến Bécsaba tám quân nhân gồm một Thượng sĩ và bảy binh sĩ, đáng điệu mệt mỏi, xuất hiện trước quán mẹ Sudan. Họ phải khó khăn lắm mới làm cho mẹ hiểu họ sẽ ở trong nhà mẹ và dùng cơm luôn ở đó. Mẹ cảm thấy chới với, và biết ngay thế nào là dịp may của mẹ rồi; mẹ vội vã chạy lên phòng Maria lúc đó vẫn còn nằm liệt trên giường.

Bọn lính không tỏ vẻ gì vội vã, họ đều lớn tuổi, tối ngày ngậm ống vố và uống bia. Họ gỡ túi đeo lưng xuống để được thoải mái hơn, và chờ mẹ chủ quán dọn dẹp xong ba căn phòng trên lầu nhất: một căn phòng dành riêng cho người giúp việc vẫn bỏ trống từ ba năm nay vì mẹ Sudan không đủ tiền mướn người giúp việc, phòng thứ nhì chồng mẹ trước đây căn dặn mẹ dành cho bạn bè và khách trọ; từ hồi nào tới giờ bạn bè cũng như khách trọ chả có một ai, và căn phòng thứ ba dành riêng cho vợ chồng mẹ. Mẹ đang vội vã thu dọn đồ đạc riêng sang phòng con gái.

Khi mẹ xuống dưới nhà viên thượng sĩ lại giảng giải cho mẹ biết, Hội đồng xã sẽ thanh toán mọi sở phí cho mẹ bằng tiền Đức. Mẹ cứ việc thẳng tay tính toán.

Từ trước tới giờ mẹ chưa bao giờ được tiếp hạng khách sộp đến thế, mẹ tính nhẩm với tám vị khách quý này và chỉ trong một tháng, mẹ có thể thu nhập gấp bội số khách lẻ tẻ qua cầu ghé quán của mẹ. Ngoài ra họ còn đem cho mẹ nhiều nguồn lợi khác nữa. Công việc của đám quân nhân này chả có bao nhiêu; chỉ nghĩ tới ai cũng phải tức cười: hàng ngày họ chia thành toán hai người một, ruổi rong trên bờ bên này sông, có khi dùng thuyền qua bên kia sông và cứ hai tiếng đồng hồ họ lại đổi phiên. Trên mái nhà có một người khác dùng ống nhòm quan sát từ ba tiếng đồng hồ lại đổi cho người khác. Người gác trên mái nhà không mệt nhọc chút nào, họ ngồi trong ghế bành có

nệm bông đặt trên một chiếc bàn; người này chỉ việc thò đầu qua mái nhà, ngói được gỡ để lại một lỗ hồng, đêm tối dùng tấm tôn đây lại sơ sịa, anh ta chỉ việc hướng ống nhòm về phía rặng núi, khu rừng, bờ sông, thỉnh thoảng hướng về phía sau: khu vực Têdácxi. Những người còn lại, không phận sự chả biết làm gì cho hết thời giờ nên thả bộ khắp đó đây. Mụ Sudan ngạc nhiên vì công việc của họ quá nhẹ nhàng mà vẫn kiếm được khá tiền, cho cả vợ con nữa. Một trong đám người này, nguyên là một giáo viên, đã cho mụ ta biết số tiền vợ anh ta lãnh; số tiền to quá khiến mụ phải nghi ngờ. Quá nhiều tiền để trả cho vợ một giáo viên nhờ ông chồng được thuyền chuyển qua đây để tới ngày lễ trên từ chiếc ghé dựa này qua chiếc ghé dựa khác, tọng đây họng nào thịt bò gu lát nào rau khoai, nhâm nhi cà phê, lúng búng bánh mứt. Thuốc lá bào họ cũng chả mất tiền mua, cứ việc hút thả dàn. Khi ăn đã đời rồi, họ kéo nhau sang phòng khách, vừa uống bia vừa đọc sách, họ đọc lia lịa, sách đem theo hàng đống. Ăn chán, đọc sách chán, họ lại leo lên mái nhà để chiếu ống nhòm mà nhìn, chẳng ai hiểu để làm gì, nào rừng nào ruộng và cả những bác nông phu đang làm việc. Trong đám quân nhân này có một chú tên Béchơ, khá dễ chịu, nhưng mụ Sudan lại không có chút cảm tình nào vì hắn chỉ đọc sách và uống rượu bia, nhưng lại làm biếng quá cỡ.

Những điều đó, nay đã quá xa. Toán quân nhân đầu tiên không lưu lại quán mụ quá bốn tháng, toán thứ nhì sáu tháng, toán thứ ba một năm. Rồi đều đặn cứ sáu tháng lại đổi toán khác. Có nhiều người đã đi, lại trở lại. Chương trình hoạt động của các toán không hề thay đổi suốt ba năm ròng rã; rong chơi, rượu chè, bài bạc, ngựa trị trong ngai vàng thiết lập trên mái nhà; lúc ra ngoài đồng ruộng không có lý do thì anh nào anh nấy lúng lẳng trên vai cây súng dài thườn thượt. Riêng mụ Sudan thì luôn luôn nặng túi, toàn là tiền. Com nước? Tiền. Quét dọn trong phòng? Tiền. Mướn phòng? Cố nhiên tiền. Quán của mụ chả còn người khách nào ngoài mấy ông lính đó. Phòng ăn của quán trọ vô hình trung trở thành nơi hội họp của họ.

Cái ông thượng sĩ trong toán đầu tiên đến quán mụ mang tên Be, chả biết họ gì? Ông ta to lớn đáng đi nặng nề như bác nông phu, lại thêm bộ ria mép. Nhìn ông ta, mụ liên tưởng tới chồng mụ: Vensêla, đã ra đi từ hồi chiến tranh trước mà không hề trở về. Hồi đó binh lính vượt sông lên đường ra tuyến, mình mảy bùn sinh, kẻ lộ bộ, người trên lưng ngựa, có đi mà chẳng có về. Chắc có mấy người trở lại nhưng cũng lâu lắm kìa, họ thay đổi đến đổi mụ cũng không nhận được ra họ nữa. Hồi đó mụ mới hăm sáu tuổi đầu mà còn là một cô gái đẹp. Khi Vensêla vào trong dãy núi để hỏi mụ làm vợ, mụ nghĩ sau này mụ sẽ giàu sang sung sướng: Vensêla Sudan chả gì cũng là chủ quán, có người giúp việc đồng áng, lại có cả ngựa cưỡi nữa. Mụ thương

hắn vì dáng đi cục mịch của bác nông phu, vì hàng râu mép và vì hắn cũng đồng lứa tuổi với mẹ. Sau đó chồng mẹ thi hành quân dịch tại Présobuóc ngành Bộ binh và được mang lon hạ sĩ. Mẹ nhận được của chồng gửi làm ba lần ba tám bưu thiếp, nói vẫn tất anh ta vẫn mạnh khỏe; tám cuối cùng báo tin anh đã được vinh thăng trung sĩ. Bốn tuần sau khi nhận tám bưu thiếp cuối cùng, mẹ nhận được một tư văn từ thành Viên gửi về báo tin chồng mẹ đã anh dũng hi sinh vì Tổ Quốc.

Ít lâu sau, mẹ hạ sinh được một bé gái, con Maria, bảy giờ bụng đã chình ình chỉ vì ông thượng sĩ mang tên Be và hao hao giống bố nó. Mẹ nhớ chồng mẹ hồi hai mươi sáu tuổi, chứ cái ông thượng sĩ kia, lúc đó đã bốn mươi lăm, kém mẹ những bảy tuổi, nhưng mà già ơi là già!

Nhiều đêm mẹ thao thức, nằm chờ con Maria chân không rón rén trở lại phòng ngủ. Đôi lúc mẹ chỉ chợp mắt khi gà vừa gáy sáng. Mẹ vẫn thường thao thức để chờ đợi con gái, và cầu xin trước ảnh tượng Trinh nữ treo dưới nhà có chung bông. Thế mà con nhỏ bụng vẫn cứ thè lè ra, còn cái ông thượng sĩ kia, ngưng ngưng và đui mắt, nói với mẹ, ngay sau khi chiến tranh rút thế nào i cũng cưới Maria.

Mẹ chẳng biết làm gì hơn là đặt thật nhiều bông trước tượng Trinh nữ treo ngay trước cửa ra vào. Bécsaba trở lại thanh bình, có lẽ sự thanh bình chỉ có ý nghĩa với riêng mẹ, một ý nghĩa giả tạo, vì ở đó chả có gì thay đổi: binh lính vẫn nhàn cư trong khung cảnh để viết thư, đánh bài, uống rượu mạnh hoặc bia lại còn thêm chúng buôn lậu đồ vật khan hiếm như dao nhíp, dao cạo râu, kéo, những chiếc kéo thật đẹp, và vớ. Họ đem chúng đi bán hoặc đổi lấy bơ, lấy trứng vì họ quá dư thời giờ nhưng lại thiếu tiền bạc để tiêu xài. À, có một sự mới lạ! Trong đám quân nhân có một anh chàng tối ngày chỉ đọc sách mà không biết chán. Anh ta đã nhờ gửi tới một thùng đầy ắp sách báo, bằng đường xe lửa tới Têdácxi rồi từ đó tới đây bằng xe hơi. Anh ta tuy xuất thân là một giáo sư, nhưng vẫn phải làm công việc như những người khác: ngồi trên mái nhà bắt ống nhòm quan sát dãy núi, cánh rừng bờ sông; thỉnh thoảng lại chiếu về phía Têdácxi để nhìn đám nông phu đang cặm cụi làm đồng. Hắn cũng kể cho mẹ nghe số tiền vợ hắn đang lãnh, hàng chục ngàn tiền Đức mỗi tháng. Nhiều tiền đến thế thì chẳng ai có thể tin vì nó quá phi lí gần như nói dóc, một khi so sánh với công việc làm của đức phu quân suốt ngày ngồi dãi thể đọc sách bỏ cả nửa ngày hoặc hàng đêm viết thư và công việc chính lại chỉ thu gọn trong việc giương ống nhòm quanh tứ phía. Lại có một anh khác biết vẽ; trời nắng ráo anh ta vác giá ra bên bờ sông để vẽ núi non tuyệt vời, từ bên này sông nhìn qua, hoặc vẽ dòng

nước với cây cầu bị hủy; anh ta còn cất công vẽ hình cho mục, kẻ cũng khá giống; mục treo tấm hình đó trong phòng khách.

Bọn lính đó, từng tốp tám nhiều thay phiên nhau đã sống trong quán mục liên tiếp trong ba năm. Họ cứ việc rong chơi, ăn cho mập ú, ngủ li bì rồi lãnh những món tiền kén sù khiến mục liên tưởng trước đây Vensêla Sudan cũng được cho đi nước ngoài để phè phỡn chẳng kém gì bọn này, riêng mục, mục thấy cần anh chồng đó vì hẳn biết làm và ham làm đáo đẽ. Phải, chắc cũng vì những công việc na ná mà chồng mục được phái ra nước ngoài để trở thành đại lãnh rồi chờ lãnh một viên kẹo đồng. Nhưng đám quân nhân sống trong nhà mục chưa ai lãnh viên đạn nào vào người; từ ngày họ tới đây thỉnh thoảng dân làng mới nghe vài tiếng súng nổ khiến họ xôn xang, nhưng khi hỏi lại thì mới biết các quan quá buồn xách súng đi săn; chả có qua lấy một con thú nào bị các quan hạ cả. Được cái may sự kiện này xảy ra rất ít trong vòng ba năm. Có một lần một mục đàn bà hốt hoảng chạy bộ trong rừng từ Tsencôsích tới kiếm bác sĩ cho con mục. Mấy quan giương súng bắn mục, nhưng phúc đức làm sao, mục vẫn không hề hấn gì. Các quan còn chờ giùm mục qua sông bằng xuồng; còn cái ông giáo sư ham đọc, ham viết lại cất công đưa mục tới Têdácxi nữa. Suốt ba năm, họ chả bắt gặp qua lấy một nghĩa quân nào cả; họ còn được một đứa nhỏ cho biết kể từ ngày mấy đứa con trai lão Svoócsích đi rồi thì chả còn ai làm nghĩa quân nữa; ngay cả ở Sácni, mặc dầu có cây cầu quan trọng với đường xe lửa ở trên, mà đám nghĩa quân cũng không hề lộ dạng...

Chiến tranh đem lại cho mục Sudan quá nhiều tiền; mục chỉ ân hận, chồng mục Vensêla Sudan trước đây khi ở Lỗ mã ni, lại chẳng có cơ hội để làm việc không theo kiểu mấy ông quân nhân đang ở trong nhà của mục. Chiến tranh đã bắt con người phải lười biếng và dưng họ cho quỹ dữ mà không ai hay biết. Riêng mục Sudan, mục thấy nao lòng và lố bịch khi bọn đàn ông đó đã lãng phí thời giờ suốt ba năm trường để khoản lương tiền kén sù cho việc bắn bừa bãi vào gia súc và người đàn bà đang lo kiếm thầy chữa bệnh cho con. Quả là nao lòng và lố bịch; đám quân nhân cứ việc lười chây thây còn mục thì tối tăm mặt mũi nào lo cơm nước cho người nào chăm sóc, đàn bò heo, gà vịt; nhưng đám người ăn hại lại là nguồn lợi cho nhà đổi chác bằng công việc đánh giày, mang vớ, giặt giũ áo quần. Mục đã mượn được một người đàn ông từ Têdácxi tới phụ giúp kể từ ngày Maria mang bầu. Lão thượng sĩ và Maria, lúc đó ngang nhiên sống như vợ chồng; họ ở phòng riêng với nhau; sáng sáng Maria lo điếm tâm, chải quần áo cho lão; đôi lúc ả còn phải rình rập lão nữa chứ.

Ngày này qua ngày khác mãi mãi trong suốt ba năm ròng, mới có một sĩ quan cao cấp tới thị sát vùng đó; vị sĩ quan này bận quần có sọc đỏ và cổ áo thêu chỉ vàng chói; mãi sau này người ta mới cho mục biết ông ta là một vị tướng lãnh. Ông đi chiếc xe hơi chạy thật mau, có nhiều Sĩ quan khác tháp tùng. Sắc mặt của ông giận dữ; ông nạt lão thượng sĩ sát ván vì hấn dám trình diện ông với quân phục bê bối; không mang dây nịt và súng lục. Ông run lên vì giận, mặt mỗi lúc một vàng thêm và co rúm lại vì nhỡ một sĩ quan khác giơ tay chào ông run run làm tăng thêm sự nóng giận của ông. Thật tội nghiệp cho vị sĩ quan già nua này tóc điểm hoa râm, dáng điệu mệt mỏi với lứa tuổi quá lục tuần. Mục Sudan biết nhiều về vị sĩ quan này, một người rất tốt và nhân ái. Ông có ghé quán mục đôi lần bằng xe đạp nói dăm ba câu chuyện vui vẻ với mọi người. Mỗi lần anh lính giáo sư ra tiễn ông, ông đẩy chiếc xe đạp, cùng đi bộ với hấn một quãng đường dài. Khi thượng sĩ Be đã nai nịt gọn ghẽ nào súng sáu, nào dây lưng, đoàn sĩ quan cao cấp được hướng dẫn qua sông, vào rừng trở lại bờ bên này, ngừng lại trước cây cầu sập, leo lên mái nhà. Đoàn sĩ quan sửa soạn lên xe. Hai quân nhân do thượng sĩ Be chỉ huy chào, đứng nghiêm cứng nhắc, giơ tay chào. Khi chiếc xe hơi đã vọt đi một quãng xa có thể gần tới Têdácxi, họ mới dám buông tay nghỉ. Thượng sĩ Be trở vào trong quán, dáng điệu bức tức, liệng chiếc nón kết lên bàn và nói với Maria: “Hình như họ tính chuyện cất lại cây cầu!”

Hai ngày sau, một chiếc xe hơi khác từ Têdácxi lao tới; một sĩ quan và bảy quân nhân nhảy vọt từ xe xuống đất, đám người này đều trẻ và khỏe mạnh. Viên sĩ quan vội vã tới gặp thượng sĩ Be và nói chuyện khá lâu trong phòng riêng. Maria kiếm cớ vào trong phòng để nghe lóm nhưng vị sĩ quan đã thẳng tay đuổi ả ra ngoài. ả khóc thút thít dưới chân cầu thang khi mọi người sửa soạn hành trang vì họ đã bị Con người mới tới thay thế. ả khóc lớn tiếng hơn và bực mình khi lão giáo sư vỗ nhẹ lên vai ả; còn thượng sĩ Be, mặt đỏ như gấc cố gắng vỗ về, thuyết phục ả. Maria đeo cứng theo lão khi mọi người ra tới chiếc xe cam nhông vẫn còn chờ ở đó. Chiếc xe vọt chạy thật mau cũng như đi đến; bọn người cũ trở lại Têdácxi, Maria nghẹn ngào trên bậc thềm, ả biết rõ thượng sĩ Be có hứa gì chẳng nữa cũng chẳng bao giờ hấn trở lại...

Fanhan đặt chân xuống Bécsaba hai ngày rồi mà chiếc cầu vẫn chưa được sửa. Bécsaba quá hẻo lánh, nhà cửa chỉ lều tều có một quán rượu và hai căn nhà mà một đã đổ nát. Lúc Fanhan tới xã này, một làn khói dày đặc bốc lên từ những đồng lá khoai khô đang được đốt cháy ngoài đồng. Ở đây hoàn toàn yên tĩnh đến nỗi không ai nghĩ rằng đâu đó đang có chiến tranh.

Khi xe hồng thập tự đưa anh từ tuyến đầu trở về không ai để ý tới vết thương của anh. Lúc anh được đưa lên bàn mổ người ta mới biết vết thương của anh do miếng chai, một miếng chai rượu Tôkai thật nhỏ, viên y sĩ trưởng đã phải viện dẫn nhiều lí do để khước từ việc đề nghị chiến thương bội tinh cho anh thiệt là khôi hài nếu anh được chiến thương bội tinh do miếng chai; ngoài ra người ta còn nghi ngờ anh đã tìm cách tự hủy hoại thân thể. Thiếu úy Grésor, một nhân chứng, phải làm tờ tường trình ủy khúc nên việc của anh Fanhan được bỏ qua; vết thương của anh được lành lặn ít lâu sau. Anh cứ tiếp tục uống rượu mạnh đều đều đến nỗi người ta phải di tản anh qua một trung tâm khác rồi từ đó tới Bécsaba.

Anh ngồi trong phòng khách của quán rượu chờ Grésor nhận xong phòng trống trên lầu. Anh vừa uống rượu chat vừa hướng tâm tư về Ilôna; ngay cả lúc xe lắc lư chuyển động để đưa anh đi, anh cũng nhớ rõ, hình ảnh bọn lính đang lục lọi khắp xó xỉnh sợ bỏ sót lại một vài đồ vật giá trị, mục chủ quán, tuy trọng tuổi nhưng vẫn còn đẹp và một người đàn bà khác đang nức nở ngoài cửa; tất cả đang làm anh nghĩ ngợi mông lung.

Tiếng khóc than càng lớn khi chiếc xe cam nhông rồ máy để tiến về khu vực anh và các bạn vừa rời bỏ. Grésor xuống kêu anh lên lầu. Căn phòng dành cho anh và Grésor tường vôi nứt nẻ từng khoảng râm mái nhà đen kịt; không khí trong phòng ngột ngạt, mặc dù cánh cửa sổ ngó xuống vườn có cây trái, có cỏ non, có cả hàng rào hoa, có chuồng bò; cuối sông một kho lúa cất gần triền sông; ngoài phía cửa kho một chiếc xuống sơn đã rộp được cột cẩn thận vào cọc sắt, gió bên ngoài cũng đứng im, thành thử không khí bên trong phòng không thay đổi được cảnh vật bên ngoài thật yên tĩnh. Bên tay trái sau hàng giậu, tàn tích của chiếc cầu, những thanh sắt rỉ vẫn nhô lên khỏi mặt nước. Chiều ngang mặt sông, ở quãng đó rộng khoảng chừng năm chục thước, Fanhan ở chung phòng với Grésor. Họ chỉ vừa mới quen biết nhau ngày hôm trước ở trạm phân loại. Anh nhất định chỉ nói với hắn những điều cần thiết. Quả vậy, Grésor, mang rành rành trên ngực bốn chiếc huy chương, vừa gặp anh là toàn nói chuyện về phụ nữ hết Ba lan, Lỗ mã ni rồi tới Pháp, tới Nga. Theo lời hắn nói, cô nào cô nấy mê hắn như điên đảo; khi họ nghe tin hắn phải ra đi đều buồn đến héo hon cả ruột gan. Fanhan chả thiết nghe những điều hắn nói vừa chướng vừa buồn làm sao đâu; có thể nói toàn những chuyện buồn tê tái và nã nê. Grésor thuộc hạng người tự nghĩ rằng hễ họ đã nói thì người khác phải nghe nhờ những tấm huy chương vàng vàng nơi ngực áo, và nhiều hơn mức độ thường.

Vả lại Fanhan, anh chỉ vồn vện có mỗi tám huy chương, bắt buộc phải

giống tai nghe mà không được nói cũng như không được hỏi điều gì. Cũng may cho anh được cắt cử phụ trách đài quan sát cùng với Grésor; hai người sẽ luân phiên nhau, và như vậy lánh mặt hẳn ít ra cũng vào ban ngày.

Khi Grésor vừa nói ý định hẳn muốn chinh phục một nàng con gái Tiệp Khắc, Fanhan vội vã lên giường ngủ. Mặc hẳn chứ; quyền của hẳn chứ; hẳn muốn làm gì thì làm!

Tối đến Fanhan đã thấy một nhòai, bất luận anh nằm đâu cũng hi vọng được mơ thấy Ilôna nhưng chuyện đó lại chẳng bao giờ xảy ra. Anh tập trung tư tưởng để nhắc lại những lời Ilôna đã nói với anh; đến khi anh ngủ thiếp đi, anh chẳng còn mơ tưởng gì cả. Lắm lúc anh mừng tưng, chỉ khẽ quay mình lại là nghe rõ hơi thở của nàng; nhưng hỡi ơi, thật sự nàng đâu có nằm bên cạnh anh và thật sự, lúc đó nàng ở xa, thật là xa. Vậy thì anh có mơ ước cũng chẳng ích gì. Chắc chắn không có Ilôna nào ở đó cả!

Buổi tối, ngồi trên giường, trước khi ngủ, anh sốt sắng đọc kinh; anh nhớ lời Ilôna dặn dò trước đây, khi họ chia tay; Ilôna tỏ vẻ thận trọng khi đề cập đến chuyện ấy, trong căn phòng nhỏ bé, ngổn ngang loài thú nhồi bông, các loại khoáng chất, bản đồ và sơ đồ về phương pháp vệ sinh. Mỗi lần nhắc tới vấn đề tôn giáo, Ilôna lại thấy khó khăn, mặt nóng bừng bừng, đối với nàng nghề truyền giáo, giảng dạy tình thương và lòng nhân đạo là một điều quá khó; nàng bất mãn khi thấy Fanhan không chịu tới nhà thờ xem lễ, viện dẫn lí do anh không có cảm tình với phần đông linh mục và các bài giảng của các đấng; Ilôna bất mãn với Fanhan rất nhiều; nàng đã khẩn khoản khuyên dụ anh nên sớm tối đọc kinh: “Luôn luôn anh phải đọc kinh để khỏi phiền lòng Chúa!”

Anh không thể nào tin nàng chịu để ai hôn vậy mà Fanhan đã hôn nàng; nàng lại còn tự động hôn lại anh ta nữa. Anh mừng tưng nàng theo anh vào căn phòng đó: một căn phòng chẳng lấy gì làm sạch sẽ, có chiếc chậu màu xanh còn cấu lại chút nước dưới đáy, có chiếc giường lớn bằng gỗ nâu, có chiếc cửa sổ trông ra mảnh vườn bỏ thí, trái thối rụng đầy chung quanh các gốc cây. Anh muốn mơ thấy nàng nằm bên anh, để anh thủ thỉ bên tai nàng. Nhưng chuyện ấy, kể cả ngoài thực tế lẫn trong mơ đều chưa hề xảy ra.

Sáng ngày hôm sau Fanhan bắt tay vào công việc. Ngồi trong chiếc ghế bành vắt vẻo trên chiếc bàn khập khiễng, anh thò cổ ra ngoài lỗ mái nhà chiếu ống nhóm quan sát dãy núi từ ngọn xuống tới chân. Khu rừng bờ sông và khu vực bộn anh vừa rời bỏ để tới đây, nhất nhất không bị anh bỏ sót, anh

chả thấy bóng dáng một tên nghĩa quân nào ngoại trừ đám nông phu đang cặm cùi trong đồng; biết đâu trong đám người này lại chả có vài tên du kích; khôn nổi chiếc ống nhòm anh đang cầm trong tay lại không thể phân biệt người ngay kẻ gian. Bầu không khí của căn gác xếp thật ngọt ngào. bốn chung quanh quá yên lặng khiến anh thấy khổ sở tự coi anh như đã làm cái công việc này đằng đằng mấy năm trời. Tuy vậy anh không quên bốn phận điều chỉnh ống kính để ngắm dãy núi vươn lên sau đám rừng già, và sau góc nhọn của chiếc gác chuông sơn vàng. Bên ngoài, trời trong vắt khiến anh nhìn rõ, phân biệt được cả đoàn dê đang cựa quậy giữa hai mỏm núi. Qua ống kính những con vật nhỏ bé, trắng lớp giống như những đám mây lất phất trên nền xám hoặc xanh đục của bầu trời. Sự yên tĩnh và cô quạnh xâm nhập anh. Anh chỉ nhìn thấy đàn dê còn kẻ mục đồng lẫn quất nơi nào? Anh ngạc nhiên, thấy chúng hoàn toàn biến dạng khi anh vừa hạ ống kính khỏi tầm mắt. Anh hướng mắt nhìn về dãy núi khoảng cách khá xa nên anh không nhận thấy gì khác, đến một chút màu trắng anh cũng không phân biệt nổi. Nóc gác chuông nhà thờ tương đối gần nên anh nhìn thấy rõ hơn. Cảnh tượng ban nãy lại hiện ra khi anh đưa ống nhòm lên ngang tầm mắt: đàn dê trắng vẫn còn đó. Tiếng động dưới sân làm anh chú ý, anh thò đầu nhìn xuống anh không dùng ống nhòm lúc đó. Thiếu úy Muých đích thân chỉ huy cuộc tập cơ bản thao diễn, Fanhan mang ống nhòm để nhìn ông cho rõ hơn. Anh chỉ mới biết viên sĩ quan này cách đó hai ngày tuy vậy anh nhận thấy ông ta không muốn bỡn cợt, với khuôn mặt quất tối tăm, hắc ám ông ta luôn tỏ ra nghiêm nghị, hai tay chắp sau lưng bất động, những đường gân trên chiếc cổ gầy guộc của ông rung lên từng hồi. Muých có nước da xám màu đất, đôi môi xám xịt, vành môi động đập mỗi khi ông ta hô: Bên phải! Bên trái! Đằng sau!... quay Fanhan chỉ có thể nhìn nghiêng ông ta ở một phía, với chiếc đầu cứng nhắc và có vẻ nghiêm nghị của người chết, đôi môi gằn như không mấp má, con mắt trái không thèm để ý đến đám binh sĩ mà hướng về chốn xa xăm. Anh rời thiếu úy Muých khỏi tầm ống nhòm và hướng về Grésơ. Nét mặt phì nộn của gã cũng nghiêm nghị nhưng đượm thêm vẻ mệt mỏi.

Fanhan buông ống nhòm xuống nhìn đám binh lính đang thao diễn trong mảnh vườn hết quay trái, quay phải rồi lại đổi hướng đằng sau trên tấm thảm cỏ xanh mướt. Gần đó một người đàn bà đang máng đồ lên dây phơi căng giữa hai chuồng bò. Có lẽ chị ta là con gái mục chủ quán, mới ngày qua còn khóc than rầu rĩ dưới thềm cửa. Vẻ mặt rầu rầu dữ tợn của chị ta đã không làm chị xấu đi mà còn đẹp gấp bội: một khuôn mặt thanh tú với riềm môi khép chặt. Chị ả không buồn ngoảnh lại ngó nhìn viên thiếu úy và bốn người

binh sĩ.

Sáng hôm sau vào hồi gần tám giờ, Fanhan lại trèo lên mái tiếp tục phận sự. Anh có cảm tưởng đã ngồi đó hết năm này tới tháng khác. Đối với anh lúc này, đương nhiên anh phải sống trong bầu không khí yên lặng và cô quạnh để nghe tiếng bò rống lên trong chuồng ngửi mùi khét lẹt của lá khoai khô đốt cháy, đó đây còn nhiều đám bốc lửa. Anh chỉ việc nhắm ống nhòm vào chôn xa xăm trước mặt, lấy nóc gác chuông làm chuẩn là anh có ngay cảm giác quanh hiu, hoàn toàn quanh hiu. Trên trời thật hoang vắng, một vòm rộng pha trộm màu xám và xanh nhạt điểm tuyết thêm mòm núi lởm chởm... Thiếu úy Muých đưa bốn thuộc viên ra bờ sông để tập ngắm súng, khẩu lệnh của ông luôn luôn ngân trầm buồn nhưng lại vang xa lọt tới chỗ Fanhan ngồi thật yếu ớt, quá yếu ớt đến nỗi không phá tan nổi bầu tĩnh mịch của khung cảnh từ phía nhà bếp, dưới đất, vang lên giọng hát của con gái mù chủ quán; bài ca Tiệp khắc não ruột; buồn lê thê. Mụ chủ quán đã ra đồng với bác tá điền nhặt khoai. Fanhan tiếp tục thám sát rặng núi trước mặt bằng ống nhòm, không có gì khác ngoài những mòm đá lởm chởm xen kẽ với khoảng trống; bỗng nhiên anh nhận thấy một cột khói trắng bốc lên từ đám rừng già phía tay mặt cái cột khói của đoàn tàu bốc lên mau và tan cũng mau vươn khỏi ngọn cây. Anh chẳng nghe thấy tiếng động nào khác ngoài những khẩu lệnh của viên Thiếu úy bên bờ sông và giọng hát não ruột của người đàn bà bên dưới.

Đám quân nhân rời thao trường về quán; tiếng đồng ca của họ vang lên tới chỗ Fanhan đang ngồi. Giọng ca của họ thật thảm bại, bốn người bốn giọng chọi nhau, lúng búng trong miệng; họ ca bài “Đoàn xe xám”. Thiếu úy Muých không ngớt đếm nhịp: “một, hai; một, hai”, dường như muốn phá tan một cách tuyệt vọng bầu không khí quanh hiu; tiếng hô của Muých, cả giọng ca của bốn quân nhân, không đủ sức trấn áp nổi sự im lặng.

Khi con người ngừng lại trước quán, Fanhan nghe thấy tiếng chiếc xe hơi đầu tiên, kể từ lúc họ tới đây vào sáng hôm trước. Anh ngạc nhiên, vội vã đưa ống nhòm lên mắt nhìn về phía đường cái; một đám bụi mù mịt chạy theo sau xe; anh nhìn thấy một vật gì khá to lớn, nặng nề nhô lên sau buồng lái...

- Cái gì thế? bọn người đứng dưới đường hỏi vọng lên.
- Một chiếc xe cam nhông! Anh đáp vọng xuống.

Fanhan tiếp tục theo dõi chiếc xe đang mỗi lúc một tiến gần; con gái mù chủ quán lúc đó cũng chạy ra khỏi nhà, nói với bọn lính rồi nói lớn với anh,

những gì anh không hiểu, tuy nhiên anh vẫn đáp:

- Tài xế không phải là quân nhân bên cạnh hẳn có một người bạn đồ nâu, chắc là người của Đảng. trong xe có một máy làm bê tông.

- Một máy làm bê tông?, tiếng nói dưới đất lại vang lên.

- Đúng như vậy!

Một người nhận thấy đúng như lời Fanhan vừa báo. Đám bụi mù sau xe đầu tiên nhỏ dần khiến cho mọi người nhận rõ còn ba chiếc khác đang nối đuôi. Đoàn xe chằng về phía chiếc cầu hư hại, ngừng trên đầu dốc cầu. Fanhan nhìn rõ đồ đoàn chất lên xe thứ hai, đủ số để cất một căn nhà bằng cây. Mọi người ủa tới chiếc xe cam nhông đầu; trong số đó có cả Maria. Viên Thiếu úy không theo mọi người. Cánh cửa xe bật mở; người đàn ông bạn đồ nâu bước xuống. Hẳn không đội kết, nét mặt dễ thương với màu da nâu. Hẳn có vẻ cởi mở:

- Hoan hô Hítle! Đây có phải Bécsaba không mấy người anh em?

- Phải! mấy chú lính ngập ngừng đáp, tay vẫn thọc trong túi quần.

Gã đàn ông mang cấp bậc chỉ huy trên cầu vai áo sơ mi màu nâu. Bọn lính không biết phải xưng hô với hẳn ra sao? Gã đàn ông nói lớn về phía phòng lái xe cam nhông:

- Đúng rồi các bạn, tắt máy xe hết đi.

Sau câu nói, hẳn rời mắt khỏi đám binh sĩ để hướng về phía viên thiếu úy, hẳn hơi lưỡng lự rồi tiến vài bước. Viên Thiếu úy cũng làm như vậy. Gã đàn ông bạn đồ nâu đứng lại; lúc đó Muých vừa kịp nhận ra đó là một nhân vật, nên rảo bước. Muých giơ tay chào trước và tự giới thiệu: “Thiếu úy Muých”. Người đàn ông chào đáp lễ rồi chìa tay cho Muých:

- Đôisen! Thầu khoán! Chúng tôi tới đây để sửa lại chiếc cầu.

Thiếu úy Muých đảo mắt nhìn đám binh sĩ họ đảo mắt nhìn Maria; nàng con gái vội vã chạy về quán. Đôisen lạnh lẽo chỉ chỗ đậu cho từng chiếc xe.

Đôisen ra lệnh đầu vào đó, tuy gầy gọn nhưng không kém phần lịch sự. Ông ta vào thăm bếp của mụ Sudan, mỉm cười, mỉm môi chẳng nói gì rồi bước qua căn nhà nhỏ bỏ hoang để xem xét khắp nơi khắp chốn. Khi trở ra, Đôisen nở nụ cười. Một chập sau, hai chiếc cam nhông chở đầy vật liệu cất nhà, rồ máy quay về Têdácxi. Đôisen quyết định tạm trú trong nhà lão Têman; tì tay trên khung cửa sổ miệng phì phèo điều thuốc Đôisen chứng kiến việc rời hàng từ trên xe xuống. một người đàn ông khác cũng còn trẻ

tuổi cũng bận quân phục màu nâu như Đôisen, trên cầu vai, hấn mang cấp bậc thượng sĩ thỉnh thoảng Đôisen lại nói lớn với hấn từ khung cửa sổ.

Trong khi đó, đoàn cam nhông cứ tuôn đến thêm nữa cả thầy mười chiếc, xe nào xe nấy đầy nhóc công nhân, cột kèo bằng sắt và xi măng. Một giờ sau, một chiếc xuống máy cập bến từ dưới xuống bước lên một người đàn ông bận quân phục màu nâu vai mang lon thiếu úy. Sau gã còn có thêm hai cô gái Tiệp khắc trẻ đẹp. Đám công nhân đón nhận hai người đẹp bằng những tiếng cười.

Fanhan tiếp tục theo dõi việc bốc dỡ hàng. Trước tiên một bếp lò to lớn được hạ xuống rồi chuyển vào trong căn nhà đổ nát; sau đó tới lượt thành cầu, con tán, bù long, cột sơn hắc ín, dụng cụ đo lường và đồ dùng làm bếp. Tới mười một giờ hai cô gái Tiệp khắc bắt đầu gọt vỏ khoai. Đúng mười hai giờ vật liệu được chuyển hết từ trên xe xuống đất; xi măng được xếp vào một căn lều vừa mới dựng tạm; đá sạn được ba xe cam nhông khác tới sau, cũng từ Têdácxi, trút thành đống ở dốc cầu.

Fanhan bước xuống viễn vọng đài khi Gréso lên thế; anh bước vào phòng ăn trong quán và nhìn thấy bên ngoài có treo một tấm bảng nhỏ ghi chữ: “Quán ăn”.

Những ngày kế tiếp Fanhan lại được dịp theo dõi tiến triển việc cất cầu; anh ngạc nhiên người ta không quên những chi tiết nhỏ; chẳng có công việc nào thừa; vật liệu xây dựng cất được xếp ở nơi cần thiết. Fanhan đã có dịp thăm viếng nhiều công trường và, chính anh, đã đích thân chỉ huy một vai, thế nên anh rất đỗi ngạc nhiên nhận thấy công việc ở đây tiến triển rất mau chóng và chính xác.

Mới tới ngày thứ ba các cột cầu đã được đúc bê tông tươm tất; cây cột chót vừa hoàn tất thì đầu này đã được lát sàn sắt. Tới ngày thứ hai đầu cầu đã thông nhau ở đoạn chót bằng những tấm ván nhỏ; cuối tuần xe cam nhông chở tới đầu cầu bên này những phụ tùng và bộ phận chót. Khi tấm ván cuối cùng nối liền hai đầu cầu, công tác tiến triển mau lẹ hơn nữa, Fanhan không còn chú trọng vào dãy núi và đám rừng già; mục tiêu của anh lúc đó là công trình đang xây cất, đáng lí anh phải được tham dự; anh thích công việc xây cất.

Khi bóng đêm vừa sập xuống, Fanhan hết nhiệm vụ quan sát; anh ngồi ngoài vườn và thưởng thức ngón đàn Balalaika của một chàng thanh niên Nga. Stalin Gátlencô. Trong quán mọi người ca hát, uống rượu và khiêu vũ; tuy khiêu vũ bị cấm đoán nhưng Đôisen ngó mắt làm ngo. Tinh thần của

Đôisen quá cao; ông ta được lệnh nội trong hai tuần lễ phải hoàn tất việc xây cất lại cây cầu; nhưng theo đà diễn tiến hiện thời Đôisen chỉ cần có mười ngày là đâu đó xong xuôi. Đôisen tiết kiệm xăng nhớt bằng cách dự trữ sẵn trong nhà mụ Sudan hoặc lão Têman, nên khỏi cần phải đi xa hơn để lo việc tiếp tế. Vấn đề vật chất và sức khỏe của mọi người được Đôisen lo lắng chu đáo: cơm ngon, thuốc hút đầy đủ. Ông ta nghĩ chẳng thiệt thòi gì một khi đem uy tín cá nhân ra áp dụng; dĩ nhiên là đám người thuộc quyền phải sợ hãi và sự kiện đó có thể trở ngại nhiều cho công vụ. Đôisen đã xây lại rất nhiều cầu, đa số bị giạt mìn nhưng vẫn còn dùng được; chưa lần nào Đôisen bị trễ hạn.

Mụ Sudan là người mừng nhất: cây cầu được sửa lại, và đứng vững cho tới khi hết chiến tranh, binh lính và dân chúng vùng kế cận sẽ qua lại tấp nập. Đám công nhân cũng tỏ vẻ hân hoan. Cứ cách ba ngày lại thấy xuất hiện một chiếc xe hơi nhỏ, chạy rất nhanh thẳng gấp trước quán mụ Sudan chiếc xe được sơn màu nâu nhạt nó chạy từ hướng Têdácxi tới, một người đàn ông dáng điệu mệt mỏi già nua, bận quân phục màu nâu mang cấp bậc Đại úy bước xuống xe. Đám công nhân được tập hợp để lãnh lương; họ lãnh rất nhiều tiền để có thể mua nào vớ, nào sơ mi do bọn lính bán lại chiều tối họ khiêu vũ với hai cô con gái Tiệp khắc phụ trách việc bếp nước.

Đến ngày thứ mười, Fanhan nhận thấy cây cầu đã hoàn tất; lan can và ván cầu đã được ráp kỹ càng, cột sắt và xi măng dư thừa được chất lên xe; căn lều chứa xi măng cũng được tháo gỡ và cho lên xe luôn. Nửa số công nhân và một trong hai cô gái Tiệp khắc rời công trường đi nơi khác. Khu vực Bécsaba trở lại yên tĩnh. Mười lăm người thợ, Đôisen và chàng thanh niên bận quân phục màu nâu mang lon thượng sĩ vẫn còn ở lại, dưới bếp chỉ còn một cô Tiệp khắc; Fanhan luôn dòm ngó cô ta vào lúc buổi sáng khi cô ta ngồi bên cửa sổ gọt vỏ khoai, nhặt rau hoặc dùng chày dần thịt. Trông cô gái thật đẹp, nhất là lúc cười với chiếc miệng xinh tươi, hàm răng trắng muốt, đôi chân mày thanh tú, muôn ngắm nhìn cô gái vào giờ khắc đó anh chỉ cần chiếc ống nhòm về phía bên kia đường là thấy ngay cô gái ca hát tối ngày. Tối hôm đó anh xuống quán khiêu vũ với cô gái. Cũng kể từ sau buổi gặp gỡ đó, anh thường khiêu vũ với cô ta để có dịp nhìn ngắm đôi mắt huyền, rung cảm trong vòng tay trắng muốt và chắc nịch của cô gái, mùi hôi khét lẹt từ căn nhà bếp đưa ra làm anh hơi thất vọng. Trong phòng chỉ còn mỗi mình cô ta là đàn bà nếu không kể Maria đang ngồi ở quầy hàng và chẳng hề khiêu vũ với người nào. Đêm tối anh mơ tưởng tới cô gái Tiệp mà anh không hề biết tên, anh mơ tới cô ả quá kỹ đến nỗi vừa nằm xuống hình ảnh Ilôna lại xuất hiện trong đầu anh thật lâu và thật đậm.

Ngày hôm sau anh không chiếu ống nhòm, về phía cô gái nữa mặt dù anh nghe văng vẳng giọng hát êm dịu của cô ta, anh hướng ống kính về dãy núi; anh vui thích khi nhìn thấy đàn dê và chéch về phải tháp chuông nhà thờ, từng đám mây trắng di chuyển, từng đợt trên nền xám hoặc xanh nhạt.

Fanhan vừa hạ ống nhòm xuống thì kịp nghe một tiếng nổ lớn xa xăm, có lẽ là tiếng súng, vang dội tới chân núi. Đám công nhân đang làm việc trên cầu ngưng tay; cô gái Tiệp khắc ngưng hát; thiếu úy Muých vội vã chạy lên gác xép giật chiếc ống nhòm từ tay Fanhan, chiếu về dãy núi Muých quan sát thật lâu; không có tiếng nổ nào kế tiếp. Ông ta trao lại ống nhòm cho Fanhan, lấp bấp trong miệng: “Cẩn thận nghe!” rồi chạy và xuống sân kiểm soát việc lau chùi vũ khí.

Chiều hôm ấy có vẻ yên tĩnh hơn bao giờ hết mặc dù vẫn có những tiếng động cố hữu: thợ thuyền của cột sơn hắc ín trước khi ráp và bắt bù long; giọng nói của cụ già giảng luân lí cho con gái, cô thuyết phục nhưng cô con gái vẫn câm như hến, và tiếng hát nho nhỏ của cô gái Tiệp khắc kể bên cửa sổ mở rộng đang lo cơm nước cho thợ thuyền. Những củ khoai to lớn vàng ngáy sôi lên trong chảo; trong cảnh tranh tối tranh sáng, chiếc tô sứ đựng sa lát đầy nhóc cà chua ánh lên. Fanhan quan sát dãy núi, khu rừng già và bên kia bờ sông, tất cả đều yên tĩnh và bất động. Hai người lính gác đã biến dạng trong đám rừng chồi. Fanhan hướng ống kính về đám thợ trên cầu: lối đi lát cột đã xong được nửa, quay về phía đường cái anh thấy một chiếc xe cam nhông chất đầy vật liệu dư thừa và dụng cụ; có cả giường, cả ghế và nồi niêu soong chảo. Một chập sau, chiếc xe chở thêm tám công nhân rô máy trực chỉ hướng Têdácxi. Cô gái Tiệp khắc tì tay lên khung cửa sổ ra dấu từ biệt họ. Sau giây phút đó, khung cảnh đã yên tĩnh lại càng yên tĩnh hơn. Sầm sầm chiều chiếc xuống máy ngược dòng nước lướt tới. Trên cầu chỉ còn thêm một vài chiếc cột cuối cùng để lấp nốt khoảng trống chừng hai thước chiều dài. Đám công nhân ngưng việc để nguyên đồ dụng tại chỗ; chiếc xe cam nhông ban này, đã trở lại đem theo một giỏ trái cây, một chai rượu. Fanhan đang chờ đợi được thay phiên bỗng vang lên tiếng nổ tương tự như tiếng sấm sét giả tạo trong rạp hát; mỗi tiếng nổ vang dội thành nhiều tiếng khác lẫn từ hốc đá này tới hốc đá khác rồi lần lượt tắt tiếng. Sau chừng ba hoặc bốn tiếng nổ chính, sự im lặng trở lại. Thiếu úy Muých chạy ào lên đài quan sát, đôi mắt căng thẳng, ông ta đưa ống nhòm từ trái qua phải không bỏ sót quãng nào trên đỉnh núi; khi không thấy gì khác lạ, ông lắc đầu hạ ống kính xuống, rồi điền mấy hàng chữ trong mẫu báo cáo. Sau đó Grésơ được phái về Têdácxi bằng xe máy, chiếc xe dành riêng cho Đôisen. Khi Grésơ đi rồi,

Fanhan nghe thấy từng tràng đại liên trao đổi nhau trong dãy núi; tiếng đại liên do Nga chế tạo đùng đục, chắc, nghe như tiếng cưa cây để phân biệt với tiếng loại súng máy do Đức chế tạo vừa sắc vừa rền chả khác gì tiếng thắng xe đã mòn bố; đạn súng bén nhậy đến nỗi anh có cảm tưởng tất cả được đề tuột ra khỏi nòng súng. Tiếng súng hai loại đại liên chỉ trao đổi nhau trong khoảnh khắc kể đó có vài tiếng lựu đạn, chừng ba bốn trái; tiếng lựu đạn cũng vang dội mạnh mẽ, va chạm quanh queo vào sườn núi rồi hướng về phía đồng bằng, mỗi lúc một yếu ớt dần. Fanhan nhận ra khía cạnh khôi hài của sự kiện: chiến tranh mỗi khi xuất hiện, bắt buộc phải tạo nên sự ồn ào vô ích. Thiếu úy Muých chẳng buồn leo lên đài quan sát nữa, ông chạy ra đầu cầu ngó mông vào trong núi; lúc đó người ta chỉ nghe thấy có mỗi một tiếng súng, loại súng tay vì tiếng vang dội chỉ nhỏ bằng tiếng đá lăn trên triền núi. Kể từ lúc đó đến chiều tối không có gì xảy ra; Fanhan kéo tấm tôn che kín lỗ hồng rồi từ từ bước xuống dưới nhà.

Grésơ chưa trở lại. Thiếu úy Muých tập hợp mọi người trong phòng ăn dưới nhà tuyên bố tình trạng khẩn trương kể từ đêm hôm đó; nét mặt ông pha trộn nỗi lo âu, nghiêm nghị; ông đứng mà nói với mọi người; sẵn sàng như lúc ra trận; khẩu tiêu liên đã lên đạn sẵn, treo lưng lẳng trên cổ nón sắt mắc trên dây lưng; ông vừa nói vừa lấy tay vỗ nhẹ lên hàng huy chương đeo trước ngực.

Khi Grésơ chưa về kịp, một chiếc xe hơi màu xám đã ào tới. Hai vị sĩ quan, một đại úy mập mạp, mặt đỏ như gấc và một thiếu úy mảnh khảnh, vẻ mặt quăm quặt bước xuống xe. Thiếu úy Muých ra đón hai người và cả ba cùng lội bộ qua cầu. Fanhan đứng ngoài cửa quán nhìn theo họ. Trông ba bốn người, tưởng chừng họ quả quyết lắm nhưng chỉ được một đổi, lại thấy họ trở lại. Còn chiếc xe hơi cũng vội vã trở đầu. Phía bên kia đường Đôisen đứng trong khung cửa sổ nhìn xuống; đám công nhân ở phòng dưới ngòai bu quanh một chiếc bàn thô kệch còn la liệt những đĩa cà chua và khoai chiên, ánh sáng trong căn phòng rất yếu ớt nên có nhiều khoảng tối. Cô gái Tiệp khắc đứng trong góc, một tay chống nạnh, tay kia cầm điều thuốc vắt vẻo khoa lên rất kiểu cách để đặt điều thuốc vào vành môi. Kiểu cách đó đối với anh hơi lồi. Cô ả tiến về phía cửa sổ khi chiếc xe hơi bắt đầu chuyển bánh, ném cho Fanhan một nụ cười Fanhan mê mẩn tâm thần quên cả chào hai vị sĩ quan vừa bước qua mặt anh; chiếc áo lót của cô ả màu đậm, khoảng trống hình quả tim để lộ lộ làm da trắng mịn, tương phản làn da màu nâu trên mặt. Thiếu úy Muých bước vào trong quán và ra lệnh cho Fanhan: “Anh hãy qua bên kia lấy khẩu súng máy.” Lúc đó anh mới nhận thấy trên đường cái, ngay chỗ chiếc xe hơi vừa đậu ban nãy, một khẩu đại liên đen xì, dài thòng và

những hộp đạn.

Anh bước sang đường không vội vã, khiêng khẩu đại liên, trở qua lần thứ hai lấy các hộp đạn. Cô gái Tiệp khắc vẫn còn đứng trong khung cửa, dùng ngón tay búng đầu điều thuốc đang cháy cho văng ra xa, rồi bỏ mẩu thuốc đã tắt ngấm vào túi của chiếc “tạp dề” cô ả không rời Fanhan khỏi tầm mắt; nàng không cười nữa, mà còn tỏ vẻ buồn, vành môi cô ả tô quá đỏ thật khó coi. Sau đó cô ả dẫu mở, quay vào trong để dọn dẹp. Đám thợ thuyền đứng dậy sửa soạn ra công trường.

Bọn công nhân đang làm việc trên cầu và mãi nửa tiếng đồng hồ sau Fanhan mới bước qua cầu, khệ nệ trên vai khẩu đại liên. Bọn công nhân dờ dẫm trong cảnh chạng vạng đặt chiếc cột chốt vào cầu. Chính Đôisen ra công siết dây bù long cuối cùng. Đôisen được soi sáng bằng một cây đèn gió đá; hắn dùng chìa khóa để siết bù long nhanh nhẹn, chính xác, khiến Fanhan có cảm tưởng hắn đang quay tay quay của chiếc đàn ống Bác Ba Ri. Thoạt nhìn hắn, người ta liên tưởng hắn đang cố gắng làm phát động những âm thanh từ một chiếc trống đặc to lớn. Fanhan đặt cây đại liên xuống sang nói với Grésor

- Hãy chờ tôi một chút!

Sau câu nói Fanhan trở lui lại phía sau. Anh nghe tiếng động cơ chiếc xe cam nhông đậu trước căn nhà dành riêng cho đám công nhân, anh tiến về phía dốc cầu bên này sông: người ta đang chất nốt đồ đoàn còn bỏ lại gồm một chiếc lò đun, vài chiếc ghế, một rổ khoai, chén đĩa và đồ dùng riêng của bọn thợ. Đám thợ đã leo hết lên xe, mở nút chai rượu mạnh và tu từng hơi. Cô gái Tiệp khắc lên sau chốt, đầu quấn chiếc khăn quàng màu đỏ, hành lí của cô ta không có gì kèn càng chỉ vồn vẹn có chiếc túi ba lô màu xanh. Fanhan lưỡng lự một chút khi cô gái trèo vào trong xe anh vội vã bước đi thật nhanh Đôisen, người cuối cùng rời khỏi cây cầu, trong tay vẫn cầm chiếc khóa siết bù long, hắn từ từ tiến về phía nhà lão Têman.

Fanhan và Grésor đều thức gần suốt đêm bên khẩu đại liên mới tinh đặt khuất bên bờ tường trên đầu dốc cầu; họ dỏng tai để nghe tiếng vọng của đêm trường. Chẳng có gì khác thường! Khi toán tuần tiễu từ đám rừng già trở về qua cây cầu, bọn lính gác và tuần tiễu trao đổi với nhau vài câu. Sau đó mọi người lại lầm lũi, miệng câm như hén, lính gác tiếp tục phận sự, ngó mông trên đường cái chạy tới bìa rừng. Không có gì xảy ra vào lúc đó. Nửa đêm đôi phiên gác, Fanhan và Grésor vừa nằm xuống là ngủ như chết.

Sáng ngày ra, thì Fanhan và Grésor vừa nghe tiếng động đã tỉnh giấc. Grésor lúng túng xỏ chân vào đôi ủng. Fanhan để chân không chạy ra phía

cửa sổ nhìn xuống. Một nhóm người đứng bên kia cầu đang giải thích với thiếu úy Muých lúc đó tỏ ý định không cho họ qua. Có thể họ từ trong núi và trong làng có nóc tháp chuông cao vút sau đám rừng già. Họ nối đuôi nhau thành dọc dài, xe cộ đầy nhóc đồ đạc, giọng nói liếng thoắng the thé của họ, tỏ rõ họ quá sợ sệt. Fanhan trông thấy mục Sudan chân đi giày vải, chiếc áo choàng khoác vội trên vai đang tiến vào cầu. Mục ngưng lại gần viên thiếu úy, nói với dân làng thật lâu; mục quay sang nói với viên Thiếu úy ý chừng muốn ông ta thay đổi ý định. Đôisen cũng đến với mọi người, đáng điệu thật ung dung, miệng phì phào điếu thuốc. Đôisen nói chuyện với thiếu úy Muých một lát rồi quay sang mục Sudan. Grésơ nói với Muých giúp mọi người tản cư. Cuối cùng đoàn người cũng vẫn được tự do đi nhưng theo hướng Sácni, bên kia bờ sông. Xe nào xe nấy đầy ắp nào trẻ nít, nào rương, nào bu gà vịt, Đoàn người và xe tiếp tục hành trình. Đôisen quay về chỗ tạm trú với mục Sudan, vừa đi vừa giải thích cho mục hiểu rõ tình hình, hẩn lắc đầu lia lịa.

Fanhan từ từ mặc quần áo rồi leo lên giường nằm lại. Anh định bụng ngủ thêm một giấc ngắn nhưng Grésơ bắt đầu cạo râu cứ đi qua đi lại tạo nhiều luồng gió trong phòng, hẩn lại còn hút gió nữa. Vài phút sau, hai chiếc xe hơi chạy. Thoạt tiên người ta nghĩ rằng cả hai chiếc xe chạy song song, nhưng có thể gần tới mức đến chiếc xe sau đã vượt chiếc xe trước rồi cả hai cùng ngừng máy một lượt, mọi người không thể phân biệt tiếng của hai xe mà chỉ nghe thấy tiếng động cơ của một chiếc. Fanhan đứng dậy và xuống lầu. Cũng lại chiếc xe sơn màu nâu đã chở viên phát ngân tới đây đã nhiều lần để trả lương thợ. Đôisen đã xuống dưới đường và đang đi bên cạnh một người bạn quân phục màu nâu, cũng mang lon chỉ huy. Hai người đi bộ tới cây cầu mới cất lại. Chiếc xe thứ hai sơn màu xám, bản thiêu, lốm đốm nhiều vết bùn hình sao; chiếc xe hạch đui đậu trước cửa quán. Một viên thiếu úy lanh lẹ bước xuống xe; vừa trông thấy Fanhan ông ta liền nói lớn:

- Các anh sửa soạn đi là vừa. Ở đây chẳng yên chút nào! Xếp của các anh là ai đó?

Fanhan nhìn tấm phù hiệu công binh trên vai viên thiếu úy. Chỉ về phía cầu, anh đáp:

- Ông ta đang đứng ở đó!

- Cảm ơn! Viên thiếu úy đáp.

Viên sĩ quan nói vọng với tên lính còn ngồi trong xe: “Mày sửa soạn đi nhé!” Vừa

Nói ông ta vừa chạy lại phía cầu.

Fanhan theo sau viên thiếu úy. Người đàn ông bận quân phục màu nâu vừa mới tới, đang bận quan sát cây cầu, ông ta tỏ ý hài lòng, đầu gật lia lịa; ông ta cùng Đôisen từ từ trở lại quán của mẹ Sudan. Đôisen vội vã lấy hành lí, chiếc chìa khóa siết bù long vẫn còn nằm gọn trong tay. Chiếc xe màu nâu vút đi thật mau.

Thiếu úy Muých cũng trở lại kèm theo hai xạ thủ đại liên, thiếu úy Công binh và một Trung sĩ Pháo binh; người này không mang vũ khí, mình mẩy hần lấm đầy bùn và chả khác nào con thú bị săn đuổi; hần không mang đồ hành trang, nón kết không có trên đầu; tay hần luôn luôn chỉ về phía núi rừng với vẻ đầy sợ sệt. Fanhan vừa được biết, qua câu chuyện họ trao đổi với nhau, một đoàn quân xa đang từ từ tiến trên đường cái. Viên thiếu úy công binh vội chạy về phía xe hơi giục dã “Mau! Mau lên!” Tên lính bước xuống xe tay ôm nhiều hộp bằng tôn sơn màu xám và những miếng các tông màu nâu lại còn thêm một cuộn dây. Viên thiếu úy liếc nhìn đồng hồ và nói:

- Bây giờ là bảy giờ, chúng ta chỉ còn mười phút (quay sang thiếu úy Muých). Đúng mười giờ chiếc cầu này sẽ nổ tung. Mình chả cần phản công.

Fanhan chậm rãi bước lên chân thang, thu dọn đồ riêng, rồi đặt trước cửa ra vào cùng với cây súng cá nhân. Anh trở lại trong phòng lần nữa. Hai người đàn bà chưa kịp mặc quần áo thơm tất họ còn cuống quýt chạy từ buồng này sang buồng khác, gập cái gì quơ cái đó. Cả hai còn gây lộn với nhau, trách chã. Fanhan nhìn bức tượng Đức mẹ hoa đã héo tàn; anh đưa tay nhẹ bức những cành lá úa, sắp xếp thơm tất những cành còn lại rồi liếc nhìn đồng hồ. Bảy giờ tám phút; tiếng xe nổ nghe rõ mồm một, có thể đoàn xe đã vượt qua làng và đang tiến vào trong rừng ở đây mọi người đã sẵn sàng. Thiếu úy Muých cầm cuốn sổ tay để ghi lí lịch của anh trung sĩ Pháo binh lúc đó đầu tóc bơ phờ và đang ngồi trên chiếc ghế băng với dáng điệu mệt mỏi.

Snivin, hần khai, Áctuya Snivin tiểu đoàn 912.

Thiếu úy Muých gật đầu rồi luồn cuốn sổ vào túi xách tay. Đúng vào lúc đó thiếu úy Công binh và người lính chạy tới. Viên sĩ quan hô lớn: “Mọi người hãy nằm xuống.” Tất cả mọi người vội nằm xuống, thật sát chân tường; chiếc tường xây thành góc độ tiếp giáp dốc cầu. Viên thiếu úy liếc nhìn đồng hồ: cây cầu sắp nổ tung. Tiếng nổ không lớn lắm, không có miếng văng lên; chỉ nghe thấy có tiếng gió rít lên rồi có tiếng lựu đạn nổ tiếp theo, khung cầu rạn nứt và toàn thân chìm xuống dưới nước. Mọi người chờ lệnh của viên thiếu úy; ông ta nói: “Xong rồi” mọi người đứng dậy và nhìn xem

sự gì xảy ra: các cột bê tông vẫn đứng nguyên như trời trồng, phần còn lại lè đường và lối đi được cắt gọn, đầu cầu bên kia còn dính lủng liềng một quãng ngắn.

Tiếng đoàn xe bên kia sông mỗi lúc một rõ hơn. Bỗng nhiên người ta không nghe thấy gì hết; có lẽ đoàn xe ngưng ở bìa rừng.

Viên thiếu úy Công binh trèo lên xe, cho máy chạy và nói vọng về phía thiếu úy Muých:

- Kia, anh còn chờ gì nữa? Anh đâu có được lệnh ở lại đây?

Sau đó ông ta giơ tay chào mọi người và cho xe vọt.

Muých kêu thật to cho mọi người nghe thấy:

- Tập hợp!

Binh sĩ chạy ủa ra xếp hàng ngay trên đường cái. Muých liếc nhìn hai căn nhà đối diện hai bên đường, y chờ đợi sự động tĩnh bên trong, tất cả đều bất động. Người ta nghe tiếng khóc đàn bà: có lẽ là mẹ Sudan.

- Đứng trước... bước! Muých ra lệnh, Thường... bước!

Thiếu úy Muých đi đầu, nét mặt nghiêm nghị, và buồn bã. Hướng mắt của ông ta xa xăm thật xa xăm nếu ông ta không muốn nhìn lại phía sau, hoặc trở lại với nội tâm.

IX

FANHAN ngạc nhiên khi thấy cơ nghiệp họ Fincơ quá đồ sộ. Đứng ngoài đường phố người ta chỉ thấy mặt tiền cũ kỹ nhỏ hẹp treo bảng hiệu có hàng chữ “Quán ăn và khách sạn Fincơ, cha truyền con nối từ 1710.” Hàng ăn bên ngoài đồ nát ăn thông ngay với phòng ăn có trở cửa sổ: bên tay trái một chiếc, bên tay phải hai chiếc. Kế bên cánh cửa sổ thứ hai, tay mặt có cánh cửa rộng lớn thường thấy trong các trang trại dân trồng nho, cánh cửa này sơn màu ve, mỏng manh đủ lọt một chiếc xe bò.

Vừa đẩy cánh cửa, Fanhan ngạc nhiên vì cảnh tượng bên trong với một chiếc sân, lát gạch phẳng lì bốn chung quanh với những dãy nhà đất tiền. Trên lầu nhất dãy lan can bằng gỗ chạy bốn chung quanh một hàng hiên, một cánh cửa lớn khác ăn thông sang chiếc sân thứ hai, hai phía có nhà kho, phía bên phải có một căn nhà trệt rộng lớn, có lẽ dùng làm phòng hội. Fanhan đưa mắt quan sát kỹ khắp nơi, tai lắng nghe mọi động tĩnh anh đứng khựng khi trông thấy hai người Hoa kì, họ đang phiêu gác trước cánh cửa thứ hai, họ luôn luôn đi tới đi lui, đụng nhau chả khác loài thú bị nhốt trong chiếc chuồng quá chật hẹp mỗi khi xô dịch thường va chạm nhau. Một trong hai người mang kính, môi động đập không ngừng, người thứ hai hút thuốc lá. Chiếc nón kết trên đầu họ kéo ngược về phía sau gáy. Trông họ có vẻ mệt mỏi.

Quay về bên trái Fanhan lắc nùm cánh cửa bên ngoài có đề chữ “phòng riêng”. Anh liền vội quay sang cánh cửa bên phải có đề chữ “phòng ăn”. Cả hai cánh cửa đều được khóa kỹ. Anh đành đứng khựng để nhìn hai người lính gác di chuyển qua lại không ngừng. Bầu yên tĩnh thỉnh thoảng bị phá tan bằng vài phát súng, binh đội hai bên chỉ đứng từ xa để trao đổi tạc đạn như kiểu chơi banh; nghiệm ra cả đôi bên đối thủ đều coi nhẹ vấn đề; họ chỉ cần tỏ cho mọi người biết chiến tranh vẫn còn đó, những trái đạn xé gió bay trên không trung, nổ tung bất kì chỗ nào gây náo động để báo cho mọi người. “Chúng ta đang thời kì chiến tranh, hãy coi chừng, chiến tranh là thế đó!” tiếng vang của đạn trái phá thật yếu ớt, Fanhan phải lắng tai mới nhận rõ làn đạn chỉ tự phần đất quân Hoa kì bay sang phía địch: quân Đức không hề bắn trả lại. Cuộc pháo kích đó không song phương; thật là một trò chơi không đối thủ: một bên dành ưu tiên đưa từng loạt đạn đều đặn sang phần đất còn lại bên kia sông, một vùng rừng núi.

Fanhan dè dặt từng bước; trước mặt anh, hơi tối ăn thông sang hai lối bên trái vào hầm rượu, bên mặt có một cánh cửa nhỏ ngoài có ghi hàng chữ “Nhà bếp.” anh gõ nhẹ lên cánh cửa có tiếng đáp từ bên trong “Xin mời vào!” Fanhan đặt tay lên nùm cửa. Bốn khuôn mặt quay lại nhìn anh, anh ngạc nhiên nhận ra trong đó có hai người có khuôn mặt giống một người mà anh đã được dịp tiếp xúc ở một nơi thật xa, hẳn mệt mỏi đến gần ngất xỉu, giữa một cánh đồng Hưng gia lợi dưới ánh sáng hoe đỏ, yếu ớt. hai khuôn mặt đó, một của ông già ngồi kế bên cửa sổ hút ống vố, dáng người gầy gầy mắt sáng lên vẻ nhần nhục khuôn mặt ông lão thì giống với con người anh đã gặp; khuôn mặt thứ hai của một đứa trẻ, lối sáu tuổi đang lê la dưới đất đùa nghịch với chiếc xe kéo bằng gỗ; đứa trẻ ngừng đầu lên, nó cũng gầy guộc mệt mỏi, già dặn và ngoan ngoãn; nó giương đôi mắt buồn nhìn Fanhan rồi thản nhiên đẩy chiếc xe với vẻ nặng nhọc.

Hai khuôn mặt khác, hai người đàn bà đang ngồi gọt khoai trước bàn bao gồm một bà lão còn khỏe mạnh nước da ngăm ngăm, vành mặt to với nhiều nét thanh tú của thời thanh xuân; người đàn bà ngồi kế bên, tuy còn thật trẻ, nhưng có vẻ héo hon, hốc hác, mệt mỏi; cô ả cử động các ngón tay như người mất hồn. Vài món tóc hung rũ xuống trán, xuống mặt cô ả; vành trán và da mặt xanh xao, tóc của bà cụ trái lại được vén gọn và kẹp chặt phía sau ót.

- Chào quý vị! Fanhan cất tiếng chào

- Chào ông! Mọi người cùng đáp lại.

Fanhan đóng cửa lại khi lọt qua khung cửa. Anh cảm thấy ngưng ngưng, cất tiếng ho khan; mồ hôi xâm xấp lưng áo và hai bên nách. Người đàn bà trẻ tuổi nhìn anh, cô ả có đôi bàn tay thon nhỏ và trắng muốt. Còn thằng nhỏ loay hoay không làm sao đưa bánh xe ra khỏi chỗ nứt của sàn lát gạch nên đành đẩy chiếc xe dọc theo đường thẳng. Không khí trong căn phòng không mát mẻ chút lại lại còn bốc lên mùi thum thum của thức ăn thừa. Bốn chung quanh tường la liệt nào xoong, nào chảo.

Hai người đàn bà liếc nhìn ông lão kế bên khung cửa, mắt đang hướng về phía sân. Ông lão chỉ chiếc ghế, nói với Fanhan:

- Xin mời ông ngồi...

Fanhan ngồi gần bà lão già, anh nói.

- Thưa bác, tên cháu là Fanhan, từ Uây dết xem tới cháu muốn về nhà.

Hai người đàn bà nhướng mắt lên khi ông cũ bật nói như tỉnh cơn ngủ

- Fanhan, ở Uây dết xem? Có phải con trai lão Dắc Fanhan đó không?

- Dạ phải! Chắc Uây Dết Xem vẫn bình yên?

Ông già nhún vai, nhả một làn khói rồi nói tiếp:

- Không chộn nhộn gì lắm đâu, họ mong muốn quân Mĩ chiếm đóng thị trấn đó, nhưng quân Mĩ không tiến chiếm. quân Mĩ ở đây đã ba tuần rồi mà chẳng tiến xa hơn hai cây số; bên kia quân Đức cũng án binh bất động; vùng này chưa thuộc về bên nào, hình như đôi bên đều chê có thể vì vị trí địa dư không thuận tiện...

- Thỉnh thoảng quân Đức có bắn qua mà? Người đàn bà cắt ngang lời nói của ông cụ.

- Phải, mọi người đều nghe thấy hết đó!” Ông cụ đáp lại rồi ngoảnh nhìn Fanhan từ đầu tới chân; ông tiếp “Ông từ đâu tới?

- Thưa bác, phía đối diện. cháu chờ bên đó đã ba tuần nay mà chưa thấy quân Mĩ qua.

- Phía bên kia hả?

- Dạ không! Tuy ở bên đó thật nhưng chệch về hướng Nam gần Grinsohem.

- Chà! ở Grinsohem? Thế ra ông đã qua khu vực đối diện?

- Thưa bác vâng; nhờ đêm tối, mới hồi hôm!

- Thế ra ông đã thay đồ rồi!

Fanhan lắc đầu.

- Thưa bác không, anh đáp. Cháu đã trở về đời sống dân sự từ bên kia; họ đã cho cháu giải ngũ, cùng với nhiều người khác.

Ông lão mỉm cười nhìn người đàn bà trẻ tuổi

- Gétrúcđơ, nghe thấy không con? Họ cho xuất ngũ rất nhiều người. Ồ! Rồi tha hồ mà vui cười.

Hai người đàn bà ngưng gọt vỏ khoai; người đàn bà nhỏ tuổi cầm chiếc xoong tiến về phía vòi nước trong góc, đổ những củ khoai vào vỉ lược, rồi mở vòi nước để rửa; cô ả vẫn chậm chạp. Người đàn bà lớn tuổi nắm cánh tay Fanhan. Anh quay lại.

- Có phải họ cho nhiều người xuất ngũ? Bà hỏi lại anh.

- Nhiều lắm, Bác ơi, Fanhan đáp, có nhiều đơn vị đã cho toàn thể quân nhân xuất ngũ. Những người này đã đồng thanh tập hợp lại tại miền Rua. Riêng cháu, cháu chả muốn đi nữa.

Người đàn bà đứng kế vò nước đang khóc thút thít, cố giữ không gây tiếng động, chỉ thấy hai vai nàng rung động.

- ... hoặc khóc, ông già bỗng nhiên nói, cười hoặc khóc.

Ông lão nhìn Fanhan:

- Chồng con nhỏ chết rồi; chồng nó là con trai của lão.

Ông lão cầm ống vó chỉ người đàn bà đang đứng rửa khoai thật chậm chạp và kĩ càng kế bên vò nước; nàng vẫn chưa ngưng khóc.

- Tại Hung gia lợi, ông lão nói tiếp, vào mùa thu năm ngoái.

- Phải cho nó còn sống thì hè này nó đã được xuất ngũ rồi, bà cụ ngồi kế bên Fanhan lên tiếng, nhiều lần người ta tưởng nó được giải ngũ vì bệnh hoạn; nó bệnh quá trời. Nhưng rốt cuộc cũng chẳng ai lo cho nó cả! Nó còn một chiếc rương.

Bà cụ lắc đầu liếc nhìn nàng dâu, lúc đó vẫn còn đang loay hoay bên vò nước. Nàng gượng nhẹ đổ khoai vào chiếc nồi sạch bóng, rồi chế thêm chút nước. Vừa làm nàng vừa khóc thút thít, thật nhỏ, khó ai có thể nghe rõ. Sau khi đặt nồi khoai lên trên lò, nàng lại góc phòng rút mảnh khăn tay bỏ trong túi chiếc “tạp dè”.

Fanhan nhận thấy nét mặt người góa phụ sa xuống. Anh không mấy khi nghĩ tới Fincơ; thỉnh thoảng cũng có đấy nhưng cũng chỉ thoáng qua rồi lại thôi. Lúc đó Fanhan lại nghĩ đến hẳn quá nhiều, khiến những gì xảy ra với hẳn trước đây, hiện rõ trong kí ức của anh: Chiếc va li nặng quá sức tưởng tượng bị trúng một trái tạc đạn; chiếc nắp xé gió bay đi đâu mất, trong đêm tối tiếng chai lọ va vào nhau vỡ loảng xoảng, rượu bên trong nhiều xuống đầu cổ hẳn... Fanhan sống lại giờ khắc đó với tất cả sự kinh ngạc trước cái hình hài nhỏ thó, gầy guộc của Fincơ, anh lần nắm khắp châu thân hẳn cho tới khi tay anh va chạm vào giữa vết thương toang hoác, máu me bê bết...

Anh ngấm nhìn đứa nhỏ đang lê la dưới đất. Những ngón tay thon dài và trắng của đứa trẻ thơ đang lôi kéo chiếc xe gập ghềnh giữa những tấm đan hư vỡ, đứa nhỏ chất que củi lên xe rồi lại gỡ xuống, gỡ xuống rồi lại bỏ lên... Đứa nhỏ yếu ớt quá, cũng có những cử chỉ chậm chạp chả kém gì mẹ nó, lúc đó ngồi ở bàn, chiếc khăn tay úp trên mặt. Fanhan cảm thấy phiền

muộn, chỉ biết ngó quanh và không biết có nên kể lại cho mọi người nghe những gì đã xảy ra. Fanhan cuối gục đầu xuống; chuyện đó chẳng nên nói trong lúc này; thôi đành để dịp khác. Anh sẽ chỉ nói riêng với ông cụ. Hôm ấy, anh đành im lặng; mà chắc họ cũng chẳng quan tâm tới điều tại sao Finco đã xuất viện để mắc cạn tại Hung gia lợi. Bà cụ lại nắm lấy cánh tay Fanhan.

- Có gì không ông? Bà cụ nhẹ nhàng hỏi anh, ông có đói không? Ông có đau ở đâu không?

- Thưa bác không, anh đáp, cảm ơn lòng tốt của bác.

Khi nhận thấy tia mắt soi mói của bà cụ, anh phải nói rõ thêm.

- Thật tình cháu không đói, mà cũng không sao cả. cảm ơn Bác!

- Vậy ông làm một li rượu nhé, ông cụ nói vọng từ phía cửa sổ, loại rượu mạnh?

- Dạ, cháu xin bác một li rượu mạnh, Fanhan đáp.

- Géctrúơ con ,ông cụ gọi nàng dâu, rót cho ông bạn đây một li rượu mạnh.

Người quá phụ đứng dậy, bước sang phòng kế bên.

- Chúng tôi ở đây chật chội quá, bà cụ nói với Fanhan, chỉ còn căn bếp này và phòng ăn mà thôi. Tôi nghe nói binh lính sắp sửa tiến quân; họ có nhiều thiết giáp xa quá; ngoài ra còn phải di tản tù binh nữa.

- Trong nhà này có tù binh hả bác?

- Có chứ, ông cụ đáp, họ bị nhốt ở các phòng kế bên đó; toàn là sĩ quan cao cấp, đang bị lấy cung. Sau đó họ sẽ được chuyển đi chỗ khác. Lão thấy có cả một tướng lĩnh nữa kia! Cháu nhìn xem!

Fanhan tiến gần về phía ông cụ, ông giơ tay chỉ những khung cửa sổ của những căn phòng trông xuống cánh sân thứ hai; tất cả các khung cửa sổ đều có song sắt đan thêm nhiều dây kẽm gai.

- Kia! Ông cụ làm anh chú í. Người ta lại dẫn một người khác đi lấy cung.

Lần này đúng là viên tướng mà Fanhan nhận ra ngay: ông ta có nét mặt căng thẳng, trên cổ vẫn còn đeo chiếc huy chương hình chữ thập; ông mỉm cười, thản nhiên bước giữa hai tên lính trong tay lăm lăm khẩu tiểu liên. Trông ông ta không có vẻ gì là mệt mỏi tuy nước da hơi vàng, với vẻ bình tĩnh, quả quyết và hiền từ chẳng khác gì một nhà mô phạm, viên tướng không

ngót mỉm cười. Từ cửa lớn đi vào, bọn người chậm rãi bước ra sân rồi bước lên bậc cửa; hai tên lính áp tải vẫn theo sát.

- Đó ông tướng đó, ông cụ thân sinh ra Fincơ xác nhận. Lại còn nhiều vị đại tá, thiếu tá nữa, tất cả đều thuộc bộ tham mưu; tất cả gần ba chục người.

Người quá phụ trở lại căn bếp mang theo vài chiếc li và một chai rượu mạnh. Nàng đặt chiếc li trên bậu cửa trước mặt bố chồng, một chiếc khác trên bàn, trước mặt chiếc ghế Fanhan vừa ngồi; Fanhan vẫn còn đứng gần cửa sổ, từ đó anh có thể nhìn tới cánh sân thứ hai có con đường phố chạy ngang phía sau. Ở đó cũng có hai tên lính gác trang bị tiểu liên. Fanhan nhận ra tiệm bán hòm trước mặt; anh nhớ trên con đường này có trường Trung học. Một chiếc hòm sơn đen kịt có nẹp bạc trên tấm nỉ đen viền tua bạc, được trưng bày làm mẫu trước cửa tiệm. Có lẽ chiếc hòm đã có từ hồi anh còn cắp sách tới trường hồi ba mươi năm trước đây.

- Mời ông dùng rượu! Ông cụ vừa nói vừa nâng li.

Fanhan vội vã nâng li và không quên cảm ơn người quá phụ.

- Không dám! Xin mời bác, anh ta nói với ông cụ rồi nhấp môi và li rượu.

Rượu mạnh ngon tuyệt.

- Theo ý ông, lúc nào thuận tiện để ông lần về nhà?

- Dù gì ông cũng phải tìm qua những nơi không có lính Mĩ canh phòng; tốt hơn nên theo ngã Kopel. Ông biết Kopel chứ?

- Thưa bác vâng, Fanhan đáp. Ở đó không có lính Mĩ hả bác?

- Không. Đêm đêm tôi thường thấy nhiều người tới đây kiếm bánh mì, họ đều mượn đường Kopel.

- Ban ngày bọn Mĩ cũng thường xạ kích vào nơi đó, người quá phụ xen vào giữa câu chuyện.

- Đúng vậy, ông cụ xác nhận, nhưng thỉnh thoảng thôi.

- Cảm ơn bác, Fanhan đáp. Cảm ơn bác nhiều lắm.

Sau câu nói đó, anh nốc cạn li rượu. Ông lão đứng dậy và nói.

- Tôi đi lên vườn nho bây giờ đây; tốt hơn ông nên theo tôi cùng đi. Ở đó ông sẽ nhìn thấy rõ hết, ngay nhà của cụ thân sinh của ông nữa...

- Vâng, Fanhan đáp. Cháu xin theo bác.

Anh nhìn hai người đàn bà bắt đầu lột lá cải; họ làm công việc đó thật nhẹ nhàng; mỗi lần lột được một chiếc lá; họ đều xem xét thật kĩ rồi mới xắt thành những nhánh nhỏ và bỏ vào vỉ lưới. Thằng nhỏ chán chiếc xe, ngừng đầu hỏi:

- Cho cháu đi với!

- Ừ! Đi theo ông! Ông cụ đồng ý với nó.

Ông cụ thân sinh ra Fincơ để chiếc ống vô trên bậu cửa, ông nói lớn:

- Trông kìa ông, lại có một người nữa sắp đi qua.

Fanhan vội chạy ra cửa sổ; anh nhìn thấy một vị Đại tá có dáng đi yếu đuối, có chiếc mặt lưới cày; trông ông ta quá bệnh hoạn đến nỗi chiếc cổ gầy guộc trở thành quá nhỏ so với chiếc cổ áo huy chương vẫn còn lủng liểng trên cổ áo; ông nhấc cao đầu gối mỗi khi cất bước với hai cánh tay lòng thòng.

- Thật xấu hổ, ông cụ lắm bầm, thật là xấu hổ!

Fanhan với tay lên mắc hạ chiếc nón và đội lên đầu

- Xin kiếu cụ và bà, Fanhan chào hai người đàn bà.

- Chào ông, họ đồng thanh đáp lời chào của anh.

Ông cụ ngoái cổ lại:

- Chúng tôi sẽ trở lại ăn cơm trưa đấy nhé.

*

Binh Béc-kem không ưa chiến tranh chút nào. Nghề cũ của anh là bồi bàn trong một hộp đêm. Anh đã nhiều lần thoát khỏi lệnh nhập ngũ cho tới năm 1944. Trong nghề bồi bàn tại hộp đêm đó, anh đã học được rất nhiều điều mà anh không thấy mới mẻ bằng một ngàn năm trăm ngày trong quân ngũ giữa thời chinh chiến. Kinh nghiệm trong nghề cho anh thấy đa số đàn ông không chịu được rượu; nhưng họ lại không tin điều đó, trái lại họ còn tự hào là tư lượng rất cao và còn can đảm cho mình uống rượu rất giỏi, họ thường khoe với đám người đi cùng với họ như vậy. Nhưng thực ra, người biết uống rượu lại chẳng có bao nhiêu, còn người ngồi nhìn kẻ khác uống lại càng hiếm hơn. Chiến tranh cũng chẳng thay đổi được bao nhiêu.

Đa số đàn ông đã mắc lỗi lầm công nhận chút kim khí bóng loáng ghim nơi ngực hoặc tòng teng trên cổ có mãnh lực thay đổi giá trị của con người mang nó. Có nó thì kẻ dần dộn cũng trở thành tinh khôn, kẻ yếu như sên cũng trở thành mạnh như hổ. Trái lại Bécckem nhận thấy sai, sai ở chỗ nếu có sự gì thay đổi, thì chỉ toàn ở chiều hướng đi xuống mà thôi. Riêng anh, anh không hề biết trước những ai sẽ tới quán rượu, còn những người đã tới anh không hi vọng thấy họ vào những đêm khác. Điều anh biết chắc, mặc dù họ muốn tưởng tượng hoặc tán dóc họ nốc bao nhiêu rượu, ực từng hơi ngày này hay ngày khác, nơi này hay nơi khác, tất cả những người đó không ai là không bị rượu đánh ngã. Nhìn kẻ say chẳng có gì là đẹp mắt; ấy vậy mà trong một ngàn năm trăm đêm sống trong quán rượu đó, anh chưa thấy ai chịu bỏ thời gian để kiểm soát việc buôn bán chợ đen; có lẽ người ta cho rằng phải có một nơi nào đó để cho các người hùng nơi chiến tuyến có dịp uống, hút và ăn. Tên chủ quán mới hai mươi tám tuổi đầu, khỏe như vâm mà phải tới tháng chạp năm 1944 chả ai thềm lôi hấn vào quân ngũ. Hấn chả cần lưu tâm đến những trái bom đang tàn phá lần lần thành phố; hấn có một chiếc vi la xây cất trong rừng với một hầm trú ẩn kiên cố. Hấn còn chơi chua bằng cách mời những người hùng chiến tuyến mà hấn ưa thích về tận nhà riêng để nhậu. Hấn có xe riêng để đưa rước họ, khi tới cũng như lúc về.

Từ đầu hôm sớm mai Bécckem quan sát kỹ lưỡng đám thực khách, lắng tai nghe những điều họ nói, vì lương tâm chức nghiệp mặc dù anh nhận thấy những mẩu chuyện giữa họ với họ chán phè. Họ đã kể cho nhau nghe toàn chuyện chiến tranh nào bao vây, nào tấn công; anh có ý định ghi tất cả vào trong sổ tay nhưng khôn nổi nó lại quá nhiều; mấy người hùng nhắc đến chuyện binh biến, thật ra chỉ để giải thích tại sao họ không được ban thưởng huy chương mặc dù họ cảm thấy rất xứng đáng, ít ra cũng được một chiếc, nhưng xét vì... xét vì... đầu óc Bécckem quay cuồng vì vấn đề “xét vì... xét vì...” đến nỗi anh chán ngấy chiến tranh. À, mà còn nữa chứ; đến lúc các quan say sưa, các quan chả cần giữ lời lẽ, có gì đều tuôn ra hết, với nhau là lẽ đương nhiên và còn ngay cả với mấy cô nàng, có thể là địch vận đã lặn lội tới đó từ Pháp, Ba lan, Hung gia lợi và Lỗ ma ni. Mấy ả này, phần đông lại chịu được rượu. Bécckem chịu mấy cô ả đó lắm, nhất là khi họ có thể thù tạc với anh.

Vào giờ khắc đó Bécckem đang nằm chúi trong một vựa thóc tại một nơi mang tên Aobuốc, trong mình hấn có ống nhòm, có tập học trò có viết chì và chiếc đồng hồ đeo tay. Hấn được lệnh theo dõi tình hình quân sự tại Haidohem cách hấn khoảng hai trăm năm chục thước, bên kia bờ một con sông nhỏ. Ở đó chả có gì đáng quan sát; tầm mắt của anh một nửa bị hạn chế

bởi bức tường gạch của lò bánh kẹo, đã đóng cửa nghỉ việc, phần còn lại là một khoảng đường phố thừa thớt vài khách bộ hành tiến về phía tây Vaidohem, rồi vội vã biến dạng trong những ngõ hẻm. Những người đó, thuần là nông dân làm trong vườn nho hoặc vườn cây; BécKem nhìn thấy họ trên đồi cao phía sau Haidohem không thuộc phạm vi trách nhiệm của anh. Khẩu đại bác anh làm tiền sát viên chỉ được quyền nã bảy trái đạn trong một ngày và phải tiêu thụ hết trong ngày mới được lãnh thêm. Bảy trái đạn trong một ngày có thấm tháp gì với binh đội Hoa kì đang chiếm đóng Haidohem, một trái bắn sang bên đó, sẽ được đại pháo Hoa kì đáp lễ hàng loạt cả trăm trái liên tiếp; như vậy có bắn đi cũng bằng vô ích; ngoài ra cũng cần thiết cấm chỉ vì đạn bay đi không gây tổn thất cho địch mà khi đạn bay về nội nhật quá. Anh còn cảm thấy ghi chép vào sổ cũng bằng thừa, dù vậy anh vẫn làm công việc đó đều đều: “10g30 chiến xa Hoa kì từ Haidohem tiến tới căn nhà kế cận lò bánh kẹo; đầu trước lò bánh kẹo; rút lui hồi 11g15”. Chiếc chiến xa đó hằng ngày vẫn tới đậu ở đó một tiếng đồng hồ và chỉ cách nơi anh khoảng một trăm năm chục thước, ngày nào anh cũng ghi mà bên anh chẳng bao giờ có phản ứng. Anh lính Thiết giáp binh Hoa kì còn xuống đất vào trong ngôi nhà đó cả tiếng đồng hồ rồi mới ra đi.

Trưởng khẩu đại bác của BécKem là một viên Thiếu úy mang tên Grách, trước đó là một mục sư. BécKem chưa hề có dịp quen các mục sư; anh nhận thấy viên thiếu úy đó rất dễ thương; ông ta cho lệnh tổng bảy viên đạn trái phá vào phần đất lầy lội, lau sậy mọc đầy gần ngã ba sông, bên trái Haidohem. Dân chúng trong vùng mệnh danh Kopel, lưu vực con sông đó; đạn trái phá rớt xuống đây chẳng gây thiệt hại gì cho ai, BécKem vì lương tâm chức nghiệp, ghi vào trong tập: “Có sự khuấy động bất thường trong vùng ngã ba sông”. Viên thiếu úy không tỏ ý phản đối những điều anh ghi, vì hàng ngày anh cứ thấy ông cho tổng đạn vào vũng lầy.

Nhưng, cách đó hai ngày, trưởng khẩu đại bác được thay thế: người mới tới trung sĩ nhất Sinivin, anh chàng này có vẻ muốn làm một điều ngoạn mục bằng cách gióng hướng súng vào những chỗ nào đã kéo cờ trắng; ờ! Nếu muốn mời quân Hoa kì chiếm đóng thì biết tay anh; khổ nỗi quân Hoa kì không nhúc nhích. Phần đất của xã ở vào một vị trí không thuận tiện, chung quanh bao bọc ba phần nước, để trở thành mục tiêu cho các cuộc pháo kích, trái lại Haidohem có một vị trí thuận lợi cho hành quân hơn; có lẽ vì vậy mà quân đội Hoa kì không dự tính chiếm thêm các vị trí khác. Ngoài ra quân đội Hoa kì đã tiến thêm nhiều mũi dùi vào Đức quốc và chiếm gần trọn miền trung bộ; nhưng ở đây Haidohem, họ lại không nhúc nhích, chần chừ cả ba tuần lễ. Cứ mỗi lần Haidohem lãnh một trái đạn, quân Hoa kì đáp lễ cả trăm

trái. Trung sĩ nhất Sinivin dành bảy trái đạn cho Vaidohem và các vị trí chung quanh anh ta nhất thiết phải phạt đám dân chúng, thiếu tinh thần ái quốc; anh rất khó chịu khi nhìn thấy những ngọn cờ trắng bay phất phới trước mặt.

Ngày đó Beckem lại chịu khó ghi thêm vào tập: “9g00 khuấy động bất thường trong vùng ngã ba sông”. Hồi 10g15 anh vẫn ghi như vậy, đến 11g45 anh ghi thêm: “chiến xa Hoa kì di chuyển từ Haidohem đến Vaidohem; lò bánh kẹo”. Đúng ngọ anh rời đài quan sát để đi ăn cơm. Anh sắp sửa xuống thang, trung sĩ Sinivin từ dưới đất nói vọng lên:

- Dừng xuống vội! Chờ một lát!

Beckem trở vào đứng bên khung cửa sổ trên mái vựa thóc, bắc ống nhòm về phía trước mặt. Sinivin giật chiếc ống nhòm trên tay Beckem rồi nằm sấp xuống sàn nghênh đầu qua bậu cửa sổ, làm như hấn đang ở chiến trường. Beckem liếc nhìn hấn; hấn thuộc dạng người thực tế thiếu chịu đựng, nhưng lại có ảo tưởng rằng họ giỏi chịu đựng và còn thuyết phục người khác phải tin như vậy. Sự nhiệt thành của hấn mất vẻ tự nhiên khi hấn nằm bẹp trên ván sàn để nhìn khu vực Vaidohem bất động. Beckem nhìn thấy ngôi sao đính trên cầu vai hấn còn mới, mới tinh như cuộn dây thao uốn theo hình móng ngựa chung quanh cầu vai. Sinivin trả lại chiếc ống nhòm cho Beckem lầu bầu trong miệng:

- Đồ khốn nạn! Thật khốn nạn chưa chi đã vội kéo cờ trắng; đưa tôi cuộn tập!

Beckem đưa tập cho hấn, hấn đọc những dòng chữ ghi trong đó:

- Toàn chuyện phịa không à! Hấn nói, tôi không hiểu tại sao anh lại ghi bậy bạ như vậy: lưu vực ngã ba sông bùn sinh đó chỉ lúc nhúc cóc nhái mà thôi; có gì khác đâu. Nào, để coi lại xem!

Hấn lại giật chiếc ống nhòm từ tay Beckem để quan sát lại khoảng ngã ba sông; anh nhận thấy trên môi hấn còn rùng rùng vệt nước miếng, nhều xuống thành dây lòng thòng.

- Nào có gì đâu!, hấn lầu bầu, chả có ma dại nào ở đó cả; anh toàn báo cáo láo không à!

Hấn xé một tờ giấy trong cuộn tập, móc trong cùng túi áo lôi ra một mẫu bút chì, mắt không ngớt nhìn ra ngoài khung cửa, tay hí hoáy viết

- Quân khốn nạn! Thật khốn nạn, hấn vẫn tiếp tục nguyên rủa.

Hắn xuống thang không thèm chào lại Béckem. Một phút sau Béckem cũng xuống thang kiểm cơm ăn.

*

Từ trên đồi nho chế ngự toàn vùng, Fanhan mới hiểu tại sao Vaidohem không thể là mục tiêu quý giá cho cả hai phe đối nghịch quân Hoa kì cũng như quân Đức; có chiếm đóng vùng này cũng chỉ ồng công vô ích: lèo tèo mười lăm căn nhà cùng một xưởng làm kẹo mút đã ngưng hoạt động. Ở Haidohem có một nhà ga xe lửa xép; còn một chiếc nữa thì ở bên kia sông trong vùng Aobuốc thuộc phạm vi kiểm soát của quân Đức. Vaidohem lúc đó được xem như cánh tay đã bị liệt. Haidohem trái lại, với địa thế ẩn tàng trong hốc đá tuy nhỏ hẹp nhưng lại đủ khả năng chứa đầy chiến xa và quân xe nằm chình ình chẳng ai thèm ngự trang. Ngoài thung lũng, đồng cỏ và đồi núi đầy tạo thành những đóm trắng, hồng hoặc xanh. Lúc đó đang giữa mùa xuân nên trời mát dịu. Từ trên cao nhìn xuống, cơ ngơi của gia đình Fincơ hiện ra rõ rệt như một mô hình, hai cánh sân vuông vức tiếp giáp những con phố nhỏ hẹp. Anh nhìn rõ bốn người lính gác; trong cánh sân dành cho xưởng mộc một người đàn ông bận rộn bên cạnh một chiếc thùng lớn, hình thù hơi khác biệt, màu vàng lợt; có lẽ đó là chiếc quan tài, nhiều chỗ vừa mới bào nhẵn còn để lộ vân gỗ màu đào. Bà vợ chủ nhân ngồi kế bên chồng và đang nhặt rau.

Ngoài đường phố khá náo nhiệt mấy bà nội trợ đi tới đi lui, mua bán; vài ba chú lính thả rong; cuối xã, vào giờ tan học, học trò tuôn ra đông nghẹt. Ngược lại phía Vaidohem hoàn toàn buồn vắng. Mấy căn nhà gần như ẩn kín dưới tàn cây, nhưng Fanhan đã thuộc sẵn từ lâu, nhà nào của Béc, nhà nào của Hópponrát; chúng bị hư hại ra sao, và nhà của cha mẹ anh vẫn được nguyên vẹn. Nhà của cha mẹ anh ở ngay mặt tiền sơn màu vàng cũ kĩ; trên lầu nhất căn nhà, ngay trước cửa sổ phòng ngủ của cha mẹ anh, phát phối ngọn cờ trắng cỡ đại lớn hơn cả nhiều ngọn cờ khác tại các nhà kế cận. Cây ti ơn đã trở lại tốt tươi.

Vậy mà chả có bóng dáng người nào ngoài đường cái; những lá cờ trắng dũ xuống, bất động vì thiếu gió. Cánh sân rộng trong lò bánh kẹo cũng vắng tanh, vắng ngắt; cửa kho đóng kín nhưng ngoài sân chát đông hoặc ngổn ngang, chỗ này chỗ kia thật nhiều thùng.

Fanhan bỗng thấy xuất hiện một chiếc xe hơi Hoa kì từ nhà ga xe lửa Haidohem xả hết tốc lực qua đồng nội, vườn cây trái hướng về phía

Vaidohem. Chiếc xe thỉnh thoảng khuất dưới màu hoa trắng ở khắp chòm cây rồi lại lộ dạng để tiến vào đường phố chính ở Vaidohem. Chiếc xe ngừng trước lò đường.

- Trời! "Fanhan nói nhỏ với ông thân sinh ra Fincơ, tay chỉ chiếc xe hơi", thế nghĩa là gì?

Ông cụ ngồi bên cạnh anh trên chiếc ghế băng đặt trước căn lều chứa dụng cụ, thản nhiên lắc đầu.

- Có gì đâu! ông nói chẳng có gì là quan trọng! Người ngồi trong xe là tình nhân của cô Mécbách. Hàng ngày hẳn thường lui tới đó.

- Một người Hoa kì mà?

- Dĩ nhiên rồi, ông cụ đáp, cô ả không dám đến với người Hoa kì đó vì quân Đức thỉnh thoảng lại pháo kích vào vị trí quân Hoa kì. Vì vậy anh chàng đành phải dẫn thân đến tìm nàng.

Fanhan mỉm cười. Chính anh cũng biết rõ cô nàng Mécbách cô nàng nhỏ tuổi hơn anh; anh nhớ lại khi anh rời nhà ra đi, thì cô ả chỉ mới mười bốn tuổi, gầy đét, chân tay lòng không; cô ả luôn luôn tỏ vẻ bồn chồn. Cô ả chơi dương cầm, siêng năng lắm nhưng vẫn quá dở. Anh nhớ lại một chiều chủ nhật trước đây, cô ả đàn ở tầng dưới nhà, trong phòng khách của xưởng bánh; lúc đó anh đang ở ngoài vườn và đang đọc sách. sau khi thôi không dạo đàn nữa, cô ả bước tới gần khung cửa sổ, nhìn xuống vườn, mặt mày xanh lét; anh mắt buồn và không tỏ vẻ hài lòng. Nghỉ chừng vài phút cô ả lại tiếp tục đàn. Vào hồi này, cô ả phải hai mươi bảy tuổi rồi. Anh thấy vui hộ cô ta khi tìm được người yêu.

Fanhan tự nhủ chả còn bao lâu nữa anh sẽ qua bên kia để về nhà, ngay sát vách gia đình họ Mécbách. Rồi ngày hôm sau cũng vào giờ đó, anh sẽ được rõ mặt anh chàng Hoa kì đó. Có thể anh sẽ có dịp trao đổi với hắn dăm ba câu chuyện rồi nhờ hắn về việc giấy tờ. Chắc chắn hắn phải là một sĩ quan; Cô Mécbách chẳng bao giờ lại yêu một anh chàng binh nhì.

Fanhan nghĩ tới căn nhà nho nhỏ của anh tại thành phố mà anh biết lúc này không còn nữa. Đông lân hàng xóm trước đây đã biên thư báo cho anh biết căn nhà ấy nay chẳng còn, anh cố gắng hình dung căn nhà của anh ra sao mà không được. Mặc dù chính mắt anh đã chứng kiến biết bao nhiêu căn nhà khác đã sụp đổ. Căn nhà của anh ở trong tình trạng bi đát đó, thế làm anh không sao mừng tượng được. Khi được tin căn nhà anh bị sập, anh lại không về mặc dù thượng cấp của anh cho phép; anh không hiểu tại sao anh

lại không chịu về để xác nhận căn nhà của anh chỉ còn là đồng gạch vụn. Lần cuối cùng, năm 1943, anh về thăm nhà thì căn phố vẫn còn nguyên vẹn; anh đã lấy giấy bìa cứng để thay thế những khung kính cửa sổ bị bể rồi ra quán rượu gần đó ngồi chờ xe lửa tới. Anh đã ngồi trong quán tới ba tiếng đồng hồ, nói chuyện với gã bồi bàn dễ mến, chững chạc và nhất là biết lẽ phải; hẳn còn trẻ, hẳn thường bán thuốc lá với giá bốn chục "fenních" và rượu cô nhắc Pháp với giá sáu mươi lăm đồng "Mác" giá đó chẳng đắt chút nào. Hẳn cũng nói cho anh biết tên hẳn nhưng anh lại không nhớ hẳn giới thiệu cho anh một người đàn bà thật đẹp chất phác, sự thật thà chất phác cố hữu của người Đức. Người đàn bà đó mang tên Crét và mọi người đều kêu bằng "mẹ Crét". Anh tin lời anh bồi bàn nên đã nói chuyện với người đàn bà khá lâu và uống vài li rượu ngon. Suốt ba tiếng đồng hồ Fanhan nhận thấy Crét quả tình rất giản dị, tự nhiên; cô ả đã đem chuyện nhà ở Slovích Hôlsten kể lại cho anh nghe và còn an ủi anh về những tai họa của chiến tranh. Trong quán rượu đó, Fanhan đã tìm được niềm thơ thới mặc dù đêm đã tàn, số sĩ quan và binh sĩ đưa nhau ra ngoài tập cơ bản thao diễn.

Lúc ấy anh cảm thấy hài lòng trở về mái nhà xưa để sống ở đó. Anh sẽ sống ở đó thật lâu, chẳng muốn bốn ba nữa và quyết định chờ đợi mọi biến cố. sau chiến tranh, thiếu gì việc phải làm, nhưng chính anh, anh lại không muốn tự hủy hoại bằng công việc. Anh có thể giúp người này, người khác trong việc gặt hái; kể như thế chẳng hại chút nào vì anh không tình nguyện như những người khác về quê nghỉ hè phải nắm tay vào chĩa nhọn. Nếu ai nhờ, anh sẽ xây vài căn nhà trong vùng. Anh liếc mắt nhìn Haidohem: sao nhiều nhà sập đến thế, suốt một dọc kế cận nhà ga xe lửa và ngay cả nhà ga. Một chuyến tàu vét còn đó; chiếc đầu tàu lỗ chỗ nhiều vết đạn, đổ nghiêng bên cạnh đường rầy; một chiếc cam nhông Hoa kì đậu sát toa goòng chở đầy gỗ; người ta đang chuyển gỗ cây từ toa goòng sang xe cam nhông; những tấm ván vừa được xẻ ra từ các khúc cây làm mọi người chú ý như khi người ta chú ý tới chiếc quan tài trong vườn nhà bác thợ mộc, sáng chói hơn cả nụ bông trên cây.

Fanhan nghĩ tới con đường anh sẽ nương theo. Theo ông cụ thân sinh ra Fincơ, dọc theo con đường đó, có nhiều toán lính gác Hoa kì; họ còn đặt nhiều đồn bót, nhưng không hề gây khó dễ cho những người nghỉ việc lẻ tẻ ra đồng. Muốn được an toàn hơn anh có thể theo đường nương dẫn nước dài chừng vài trăm thước từ con sông đầy cát. Lúc men theo đường nương đầu nên cúi xuống thật thấp. Nhiều người đã theo lối đi đó bằng cách chui qua bụi rậm vùng Kopel len lỏi dưới nương dẫn vào khu vườn ở Vaidohem. Khi đã lọt vào những khu vườn thì chẳng ai thấy nữa. Fanhan lại rất thuộc đường

trong khu vực đó. Anh có thể nguy trang bằng cách vác trên vai cuốc hoặc mai. Cụ thân sinh ra Fincơ đoán quyết hằng ngày nhiều người từ Vaidohem đã sang bên này để thăm vườn nho hoặc vườn cây trái của họ.

Fanhana chẳng mong muốn gì hơn là được về nhà, nằm dài trên giường nghỉ ngơi mà không bị ai phiền nhiễu. Anh tha hồ nghĩ tới Ilôna, và mơ đến nàng. Sau đó anh sẽ làm việc. Anh lại tha hồ được ngủ, để cho mẹ anh nuôi chiều chăm sóc. Chắc mẹ anh sung sướng khi biết anh sẽ mãi mãi ở lại nhà. Anh sẽ tìm lại cái thú được đọc sách và hút thuốc. Cô ả Mécbách chắc vẫn còn chơi dương cầm có thể bây giờ khá hơn trước nhiều. Anh biết chắc trước đây anh không hề để ý tới tài nghệ của cô ả mà chỉ cảm thấy sung sướng khi được đọc sách ngoài đường và nghe cô ả nện xuống phím đàn. Tới lúc đó anh mới cảm thấy giá trị của cái diễm phúc xa xưa ấy. Anh mơ ước tự tay cất lên căn nhà mà chưa ai cất được và căn nhà đó cũng chẳng khác những căn nhà người khác cất lên bao nhiêu. Anh chỉ là một kiến trúc sư bậc trung; anh biết rõ điều đó lắm, nhưng anh tự mãn vì đã chọn được một cái nghề khả dĩ tạo được những công trình kiến trúc nho nhỏ, bền vững ưa nhìn qua phóng đồ và đôi lúc vẫn còn ưa nhìn ngay cả khi công trình đó được hoàn tất. Điều cần nhất là chẳng nên quan trọng hóa vấn đề; chỉ có vậy thôi.

Con đường anh sắp phải đi có vẻ quá dài, mặc dù chỉ mất khoảng chừng nửa tiếng đồng hồ là cùng, bắt đầu từ khởi điểm. Anh cảm thấy mệt nên đâm lười; phải chi anh có xe đưa qua quãng trống đó, vừa nhanh lại vừa đỡ mệt cho anh; anh chỉ việc nằm duỗi dài rồi lăn ra ngủ. Qua phòng tuyến Hoa kỳ đối với anh không phải là chuyện dễ, có khi còn nguy hiểm tới tính mạng. Anh sẽ phải vượt nhiều chướng ngại vật; lúc này anh ngại khó; tất cả đều làm anh chán ngán.

Khi chuông nguyện nhà thờ vừa vang lên, anh vội vã lật chiếc nón kết trên đầu xuống, rồi chấp hai tay vào với nhau. Ông cụ thân sinh ra Fincơ và thằng nhỏ cũng làm như anh, bác thợ mộc đang bận bào chiếc quan tài buồng vội chiếc bào, mẹ vợ lão đẩy xa rổ rau rồi đứng dậy. Cả hai vợ chồng lão cùng chấp tay trước ngực. Chẳng có người nào thấy ngượng ngùng phải cầu nguyện giữa nơi công chúng; nhưng riêng anh, anh thấy chướng chướng mặt dù trước đây việc nguyện kinh đối với anh không có gì xa lạ. Từ ngày anh được mục kích Ilôna cầu nguyện, nàng tỏ ra quá sốt sắng, ít thấy ở một người đàn bà đẹp, đến đôi giáo hội cũng phải tin tưởng, anh cũng phải tự động cầu xin; trong thâm tâm anh chẳng có gì ước muốn nữa: Ilôna nay đã chẳng còn thì cầu nguyện để làm gì. Nhưng anh vẫn cầu nguyện để nàng trở lại, vì chỉ có Chúa mới biết nàng đang ở nơi nào, sẽ giúp anh đến được với

nàng. mục tiêu của anh gần kề rồi mà. Những người chung quanh anh, tất cả đều cầu xin để nhìn thấy điều ước muốn của họ được thể hiện. Trái lại, Ilôna đã khuyên anh: "chúng ta phải cầu nguyện để an ủi Chúa!" Câu đó Ilôna đọc cho anh nghe, nàng thấy nó hơi lạ và với anh, khi chấp tay anh, lòng nhủ lòng, không hề cầu xin gì hết; như vậy với anh đó cũng là một cách nguyện cầu. Anh nhủ lòng phải năng viếng nhà thờ; anh khổ tâm lắm vì phải nghe bài giảng, vì phải gặp nhiều người anh không ưa; anh quyết tâm luôn luôn viếng nhà thờ, xem lễ chỉ cốt an ủi Chúa, an ủi NGƯỜI, vì những tội tở của NGƯỜI. Ý nghĩ đó làm anh mỉm cười, buông thõng tay xuống lượm chiếc nón kết đội lên đầu.

- Trông kìa, ông thân sinh ra Fincơ gọi anh, người ta bắt đầu di tản tù binh.

Ông cụ giơ tay chỉ về phía Haidohem. Fanhan nhìn thấy chiếc xe cam nhông đậu trước cửa trại hòm; số sĩ quan từ trong căn phòng hẹp tại căn nhà cụ Fincơ bước lên xe, ngồi chật ních. Tất cả mọi người đều mang huy chương đầy ngực, sáng chói, từ xa ai cũng nhận thấy rõ. Chiếc xe cam nhông chạy thật mau trên con đường lớn rợp bóng cây; chiếc xe nhắm về hướng Tây trực chỉ; ở đó chưa có chiến tranh...

- Dường như, ông cụ nói, họ chưa tiến quân. Ông có nhìn thấy những chiếc chiến xa kia không?

- Cháu mong họ tiến chiếm Vaidohem càng sớm càng tốt, Fanhan đáp lại.

Ông cụ gật đầu đồng ý:

- Chắc cũng chả còn bao lâu nữa. Sau này ông nhớ sang thăm chúng tôi.

- Thế nào cháu cũng sang thăm hai bác.

- Chúng tôi mong gặp lại ông, cụ đáp, ông hút thuốc không?

- Cám ơn bác, anh đáp lời mời của ông cụ rồi nhồi thuốc vào ống vó.

Ông cụ đốt thuốc cho anh; cả hai người đứng ngắm cánh đồng đầy hoa một lúc lâu; cánh đồng chạy thoải ra mãi tận xa; ông cụ đặt bàn tay lên đầu thẳng cháu nội.

- Bây giờ cháu phải đi, Fanhan bỗng nhiên nói lên ý định, xin kiếu bác; cháu nóng lòng về nhà quá...

- Ồ! ông về đi, đừng lo sợ gì hết; chả có gì là hiểm nguy đâu, ông cụ an

úi vồ về Fanhan.

Anh chìa tay cho ông cụ.

- Cháu cảm ơn bác thật nhiều, anh vừa nói vừa nhìn thẳng vào mặt ông cụ, cảm ơn bác; cháu ước mong được gặp lại bác thật sớm.

Anh không quên bắt tay thằng nhỏ đang hướng đôi mắt đen và rộng về anh, nó nhìn anh có vẻ nghi ngại nhưng không hề nghi ngại.

- Ông nên cầm lấy một cán cuốc, ông cụ khuyên anh, như thế tốt hơn.

- Cảm ơn bác, Fanhan đưa tay đón cán cuốc từ tay ông cụ.

Anh có cảm nghĩ anh đang tiến thẳng tới chiếc quan tài bác thợ mộc đang đóng trong sân; chiếc hòm thật lớn, thật bóng vẫn nằm đó, mỗi lúc một lớn hơn khi anh tiến thẳng lại gần; cảm tưởng đó giống như lúc anh đang ngắm nhìn qua ống nhòm. Anh rẽ về tay mặt dọc theo hương lộ; anh nhập đám đông học trò vừa tan trường, cùng đi với chúng tới đầu tỉnh; anh vẫn tiếp tục đi nhưng lúc đó chỉ còn mỗi mình anh trên con đường dẫn tới đường nương thoát nước. anh thấy khó chịu nếu cứ phải khom lưng mà đi dưới nương vì vậy anh bắt cần, thẳng người đi đại. Anh không khoái lội nước bìm bồm trong vùng Kopel ngoài ra anh thấy kì kì: tiến về làng bằng hướng bên phải đề tới nơi bằng hướng bên trái. Anh men theo con đường tắt, băng qua đồng, băng qua vườn cây trái cho tới lúc anh đụng đầu với một người khác đi ngược chiều, cách anh vài trăm thước, trên vai cũng có một cán cuốc.

Quân Hoa kì đặt hai người gác ở đường nương. Họ để đầu trần, đứng hút thuốc, nhìn vườn cây trở bông với ánh mắt chán chường; vườn cây ngăn cách hai vùng Haidơhem và Vaidơhem. Họ không để ý tới Fanhan; họ đã gác ở đó được ba tuần lễ và trong hai tuần đầu Haidơhem chưa bị pháo kích lần nào; Fanhan bước qua mặt họ, rất bình tĩnh; anh còn chào họ nữa chứ; họ cũng chào lại anh và không nghi ngờ gì.

Chỉ còn mười phút nữa thì anh tới đích; anh băng thẳng qua vườn cây rồi quẹo về bên trái giữa trang trại của gia đình Hôidơ và Hópônrát; chỉ còn qua quãng đường lớn là anh tới nhà. May ra anh gặp được người quen.

Nhưng anh chả gặp được ai, không nghe thấy gì ngoài tiếng động cơ xe vang lại từ xa, Vào giờ đó, chẳng bên nào khai hỏa; mặc dù việc khai hỏa vào giờ khắc nhất định giữa đôi bên vẫn có nhưng lại nhưng vào lúc đó; anh có cảm tưởng cả đôi bên biết sự hiện diện của anh vào giờ khắc đó nên đã ra lệnh tạm ngưng tiếng súng.

Anh chua chát nghĩ tới Ilôna: anh có linh cảm nàng muốn trốn tránh anh, có thể nàng đã chết, có thể nàng không muốn bện vào thân; nếu không lúc đó nàng đã phải ở kế bên anh; nàng phải ở kế bên anh, anh có cảm tưởng như vậy. Chính Ilôna đâu có muốn sống kiếp gái già nhưng gắn cuộc sống nàng vào một mối tình mới chớm nở, phù du trong khi trên đời còn có một mối tình khác, một mối tình trường cửu, là một việc chẳng nên làm. Ilôna có thể biết rất nhiều, thật nhiều, nhiều hơn cả anh nữa. Anh có cảm tưởng đã bị chiếm đoạt mất một cái gì vì giờ đây anh sắp trở về mái nhà xưa; anh sẽ tiếp tục cuộc sống riêng biệt, đọc thật nhiều và làm chả bao nhiêu; anh sẽ nguyện cầu để an ủi Chúa. Và chẳng hề xin Chúa ban ơn; tình thương của Chúa có bao giờ thể hiện được bằng sự sang giàu, sự thành công hoặc một phương tiện sống bằng cách làm ăn dối trá; trên đời đã nhiều người sống thực mà làm dối; chính anh cũng vậy, anh ăn thực mà làm dối, một kiến trúc sư không thể tạo ra được những căn nhà cho người khác; kiến trúc sư, loại hạng bét còn làm được hơn anh nhiều.

Anh mỉm cười khi bước qua nhà Hópponrát cây cối vẫn chưa hề được phun chất lỏng trắng trắng mà cha anh bảo là cần thiết. Cha anh đã thảo luận thật sôi nổi với Hópponrát về vấn đề này nhưng hẳn đâu có thêm nghe ông... Chỉ còn vài bước nữa là anh về tới nhà. Bên tay trái anh là trang trại của Hôidơ, bên tay mặt của Hópponrát; con đường ngăn đôi hai cơ sở đó quá nhỏ hẹp. Anh theo con đường lớn bên trái một thôi ngắn. Cây cối trong vườn Hôidơ đều được phun nước vôi trắng xóa. Anh mỉm cười.

Trái đạn bay trước mặt anh; anh vừa kịp nhận ra đã vội nằm xấp xuống đất, nụ cười chưa tắt; quả đạn rớt ngay trong vườn cây Hópponrát rồi nổ tung, cành, lá bay mù đất; hoa trắng rụng đầy vườn, trắng xóa một màn trên nền cỏ. Viên đạn thứ hai trúng gần nhà Bômơ, gần kề cửa nhà cha mẹ anh; trái thứ ba và thứ tư không trúng mục tiêu vì hơi chệch về bên trái; hai trái đạn sau nhỏ hơn. Anh sắp sửa từ từ đứng dậy thì trái thứ năm rớt xuống nữa trúng ngay chỗ các trái trước đã nổ. Cuộc pháo kích ngừng ở trái thứ năm. Anh nằm yên nghe ngóng thêm một lúc; không còn tiếng đạn bay nữa. Anh vọt đứng dậy chạy thật mau. Trong làng chó đua nhau sủa vang; gà vịt trong nhà Hôidơ bay tứ, bò trong chuồng rống lên từng hồi. Anh lầm bầm: "Đề làm gì nhỉ! Đề làm gì nhỉ!" Có lẽ họ ngắm bắn chiếc chiến xa Hoa kì, vì nó vẫn còn đậu ở đó. Khi anh tới khúc quanh con đường, mới nhận ra chiếc chiến xa đã đi rồi. Đường phố vắng ngắt, chỉ có tiếng chó sủa và bò rống. Chỉ còn vài thước là anh tới nhà cha mẹ. Trong làng chỉ còn mỗi nhà anh treo cờ trắng, lá cờ sao mà to thế; có thể người trong nhà đã dùng chiếc khăn

trái bàn để làm cờ, chiếc khăn đỏ mẹ anh chỉ dùng khi trong nhà có đãi đằng lớn. Anh vừa mỉm cười thì lại phải nằm xuống mặc dù anh biết đã quá chậm. Anh nghĩ "Bắn như vậy thật vô ích chả ăn thua đâu vào đâu!" Trái đạn thứ sáu trúng ngưỡng cửa nhà anh; cột đá sập, vôi cát bay tứ tung; mẹ anh kêu cứu dưới hầm rượu. Anh trườn bò thật mau vào trong nhà. Trái đạn thứ bảy bay tới anh vừa kịp thốt lên tiếng kêu thì nó đã nổ rồi: Cái chết với anh lúc đó thật không đơn giản chút nào. Người anh bị hất vào trong nhà, cán cờ gãy đôi; tấm khăn trải bàn rớt xuống phủ kín người anh.